

MAN BOOKER INTERNATIONAL 2005

**ISMAIL KADARE**



IXMAIN KADARÉ

N(516)3=1  
V 3056  
H 100Đ.

**VIÊN TƯỚNG  
CỦA ĐẠO QUÂN CHẾT**

HƯỚNG MINH — NGUYỄN VĂN SỸ  
TRINH NHƯ LƯƠNG dịch

THƯ VIỆN  
H. U. S.

Thư viện tỉnh Lâm Đồng  
**VN. 1903**  


Thư-Viện Đà-Lạt  
**PHÒNG ĐỌC**

VN 6468

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC**  
Hà-nội — 1972

## GIỚI THIỆU

ISMAIL KADARE là một nhà văn còn trẻ (ông sinh năm 1936) nhưng đã có một vị trí hàng đầu trong văn học Albania hiện đại. Ông nổi tiếng ngay từ tập thơ đầu tay «Mùa xuân tương lai» sáng tác năm ông mới mười tám tuổi rồi năm 1957, ông đoạt giải thưởng văn học quốc gia với trường ca «Những niềm mơ ước». Một trường ca khác của ông - «Công chúa Argjiro» - được độc giả Albania rất ưa thích. Ông còn có một tập truyện ngắn «Đám cưới». Tuy nhiên tên tuổi ông chỉ thực sự được biết đến ở nước ngoài với cuốn tiểu thuyết «Viên tướng của đạo quân chết».

Nội dung cuốn sách này thật ra rất đơn giản. Hai mươi năm sau khi chiến tranh kết thúc, một viên tướng (tác giả cố ý không nói rõ họ tên, tuổi tác, quốc tịch của hắn; người đọc chỉ «ngẫu nhiên» biết hắn cao một thước tám mươi hai và đoán chừng hắn là người Ý) cùng với một linh mục, hàm đại tá, làm thông ngôn, sang Albania để tìm kiếm thi hài các binh sĩ của đạo quân phát xít nước hắn đã tử trận ở Albania. Theo những bản danh sách và bản đồ được lập sẵn một cách công phu, tỉ mỉ, hắn và ông linh mục, có một cán bộ chuyên môn Albania và một kíp công nhân đi cùng, đã lặn lội khắp đất nước Albania, đào bới, thu nhặt những năm xương tàn của đạo quân phát xít hai mươi năm trước đây đã bại trận. Cuộc tìm kiếm kéo dài hai năm ròng rã; các bộ hài cốt tìm thấy được bỏ vào các túi nylon đặc biệt màu xanh, sọc trắng, viền đen và gửi về cho các gia đình đã bao năm nay chờ đợi chồng con họ. Cuối cùng, viên tướng hoàn thành công việc, tổ chức lễ cầu hồn, mở một tiệc chiêu đãi nhỏ rồi lên đường về nước.

Câu chuyện chỉ có vậy, bình thường và có thể nói là khô khan nữa, đến cái mức tưởng đâu như không có gì để viết được thành một cuốn tiểu thuyết.

Nhưng Ismail Kadare đã biết chọn một góc nhìn độc đáo. Ông không kể lại câu chuyện theo chủ quan của ông, một người Albania, mà là thông qua con mắt của viên tướng, quân nhân một nước trước đây đã tiến hành một cuộc xâm lăng tàn bạo và đẫm máu trên đất nước Albania và giờ đây nhận nhiệm vụ đi sang Albania với rất nhiều định kiến. Ismail Kadare chỉ để cho nhân vật chính của ông nhìn thấy và kể lại những gì phù hợp với tính cách của hắn. Có thể nói đất nước Albania được miêu tả ở đây không phải là đất nước Albania của bản thân tác giả mà là một đất nước xa lạ nhìn qua con mắt của viên tướng: toàn núi non ghê rợn, với bùn lầy, mưa tuyết, gió lạnh... Ngay câu mở đầu cuốn sách đã xác định rõ cách nhìn ấy: «Mưa pha tuyết rơi trên đất khách...»; đó cũng là câu bắt đầu chương chót và cuốn sách chấm dứt với câu: «gió vẫn thổi không ngừng». Trong hai năm trời lang thang đây đó để khai quật mồ mả, viên tướng chỉ nhìn thấy có bùn lầy mùa thu và mưa tuyết mùa đông. Qua câu chuyện kể lại theo một trình tự thời gian chặt chẽ, Ismail Kadare đã không để cho viên tướng được thấy cảnh mùa xuân, cũng như không để cho ông ta có được một nụ cười. Câu chuyện bắt đầu với mưa, tuyết và kết thúc với gió thổi.

Như vậy, câu chuyện không phải đơn thuần chỉ kể lại sự việc mà thực ra chính là quá trình diễn biến trong tâm tư viên tướng từ khi đặt chân lên Albania cho đến lúc ra sân bay trở về nước. Chính vì thế mà, nếu như độc giả không biết gì về tên tuổi, dung mạo, bề ngoài của viên tướng - trừ chiều cao một thước tám mươi hai, - thì trái lại, qua đoạn này, đoạn khác, đây một nét, kia một chi tiết, người ta biết rất rõ tâm trạng của hắn từng lúc một. Hắn lên đường sang Albania với quan niệm đây là một sứ mệnh cao cả, thiêng liêng; hắn rất thích thú câu nói của một mục quý tộc nước hắn ca tụng hắn trước ngày khởi hành: «Như một con chim oai hùng và đơn độc, ngài sẽ bay lượn trên những ngọn núi lạng lẽ và bi thảm ấy để lôi kéo con em khốn khổ của chúng ta ra khỏi nanh vuốt chúng». Hắn luôn luôn muốn người Albania hiểu là hắn cầm đầu cái phái đoàn hai người, hắn là nhân vật quan trọng nhất. Hắn ngẫm chê bọn tướng lĩnh ngu dốt xưa kia đã đưa quân đội nước hắn «những con em của chúng ta, oai hùng và dũng cảm», đến chỗ thất bại và bị tiêu diệt, còn hắn, hắn đến Albania để đưa các tử sĩ đó ra khỏi quê



lãng. Hẳn tự cho mình là đại diện của một cường quốc văn minh đi đến một nước dã man, lạc hậu, nhỏ xíu chỉ bằng một cái chấm trên bản đồ. Hẳn đặc biệt chú ý tìm kiếm di hài viên đại tá Z, con trai độc nhất của mục quý tộc giàu có, quyền thế nọ, «con cưng» của Bộ Chiến tranh, «có bản lĩnh của một thiên tài quân sự» đã «mất tích» ở Albania. Gia đình viên đại tá đã xây sẵn một ngôi mộ nguy nga bằng cẩm thạch, có dựng tượng, trồng hoa hồng để chờ đón hài cốt của «người anh hùng» đó và đặt hết hy vọng vào viên tướng... Trong một lúc rượu say chuẩn choáng, tâm sự với người bạn đồng hành, viên tướng đã thổ lộ ý muốn của hẳn là «sẽ hiên ngang đi giữa những người Albania, nhìn họ một cách căm hờn và khinh bỉ»; hẳn đã «hình dung trước buổi lễ bàn giao hài cốt, long trọng và nghiêm trang,» và sẽ «cho điều các quan tài binh sĩ nước hẳn giữa đám dân chúng Albania để cho họ thấy là cái chết của chúng ta còn đẹp hơn cả cuộc sống của họ»...

Nhưng rồi sự việc đã diễn ra khác hẳn, như hẳn về sau đã đau khổ thú nhận: «Thái độ kiêu hãnh của chúng ta biến mất trước tiên, rồi tất cả những công việc này chẳng còn gì là long trọng nữa và cuối cùng những ảo tưởng của tôi cũng tan biến và bây giờ chúng ta đi dạo trong sự hờ hững chung của mọi người, dưới những con mắt bí hiểm và giễu cợt, như những thằng hề thảm hại của chiến tranh, còn đáng thương hơn cả những kẻ đã chiến đấu và chiến bại trên đất nước này».

Thật vậy, hai năm trời trèo đèo, lội suối, xuôi ngược trên khắp các nẻo đường đất nước Albania, viên tướng đã đi từ phát hiện này đến phát hiện khác, từ thất vọng này đến thất vọng khác, những định kiến của hẳn sụp đổ dần. Cái bi kịch của hẳn là ở chỗ chính hẳn đã từng sống những ngày đầu của chiến tranh vào mùa xuân 1939, khi quân phát xít đổ bộ lên Albania: đài phát thanh nước hẳn báo tin «chiến thắng» dồn dập, dân chúng Albania đem hoa ra đón tiếp những đạo quân «sẽ dẫn văn minh và hạnh phúc đến cho họ». Rồi báo chí đăng bài, tranh ảnh, ca ngợi mùa xuân rực rỡ, bầu trời, mặt biển Albania chan hòa ánh nắng, các cô gái Albania duyên dáng, những y phục và những điệu múa đầy màu sắc. Binh lính nước hẳn và cả bản thân hẳn nữa - lúc đó hẳn đang ở châu Phi - đều náo nức mơ ước được điều sang cái nơi thanh bình, tươi đẹp ấy, dưới bóng những cây ô liu cổ thụ... Và giờ

đây, chính hẳn lại tới đó để thu nhặt tàn tích của chính những đạo quân ấy và đồng thời cũng là thu nhặt những bằng chứng tuyệt đối về sự thất bại thảm hại của chúng. Có những đơn vị đã bị tiêu diệt hoàn toàn, xương người lẫn lộn với xương lừa ngựa, có những tên, kể cả sĩ quan, đã đào ngũ, đi ở cho nông dân Albania để mưu cầu cái sống thừa trong ô nhục, rồi cuối cùng chết vì tay những đơn vị trừng phạt của chính quân đội phát xít. Viên đại tá Z, «người anh hùng» của hẳn, thực ra chỉ là một tên sát nhân hung ác, chỉ huy «Tiểu đoàn xanh» khét tiếng tàn bạo, đã cưỡng dâm một cô bé Albania 14 tuổi khiến cô bé tủi nhục nhảy xuống giếng tự tử; y đã bị giết chết không biết chôn ở đâu. Cho đến một tối nọ, công việc sắp hoàn thành, viên tướng cao hứng tự động đến dự một bữa tiệc cưới của một gia đình nông dân Albania, một bà cụ đã ném cái túi đựng hài cốt tên đại tá Z xuống trước mặt hẳn, «như nhổ vào mặt hẳn», với những lời nguyền rủa thậm tệ vì bà cụ chính là mẹ cô bé Albania nọ, chồng bà cụ đã bị «Tiểu đoàn xanh» treo cổ, chính bà cụ đã giết tên đại tá Z khi tên này - không biết cô gái đã tự tử - hôm sau lại mò đến nhà cô ta. «Và trong sự im lặng chung, viên tướng từ từ cúi xuống, run rẩy nắm lấy cái túi bê bết bùn,... hất lên vai, khom khom đi ra, như mang trên vai tất cả nỗi sỉ nhục và sức nặng của trái đất.»

Bên cạnh những mẫu chuyện biết được về từng trường hợp binh sĩ nước hẳn, viên tướng cũng được biết nhiều chuyện về người Albania, về truyền thống và phong tục tập quán Albania, về cuộc chiến đấu của nhân dân Albania... Sự hy sinh của Nik Martini, một người dân miền núi, đã để lại trong lòng hẳn một ấn tượng sâu sắc: Nik Martini đã một mình vác súng đi xuống bờ biển, một mình đương đầu với cả đạo quân đổ bộ, đông như kiến cỏ. Tất nhiên, như viên tướng xác nhận, anh đã chiếm được một vị trí chiến đấu lợi hại, chỉ có trọng pháo mới đánh bật được anh ra khỏi đó, nhưng dù sao thì Nik Martini, cũng như biết bao người Albania khác, từng nhóm năm ba người một, hoặc đơn độc một mình, từ khắp nơi đổ đến bờ biển để cản đường quân xâm lược rồi hy sinh, không để lại dấu vết, trừ những bài hát của nhân dân sáng tác để ca ngợi và tưởng nhớ họ, - dù sao đi nữa, viên tướng cũng cảm thấy kinh ngạc, xấu hổ: Ních Martini, cũng như các chiến sĩ Albania khác, là những hình ảnh hoàn toàn khác hẳn binh sĩ nước hẳn, khác

hắn tên đại tá Z. Một bên là những con người chân chính, biết mình chiến đấu cho cái gì và bất chấp những cuộc giao phong chênh lệch, đã dũng cảm lao vào quân thù, làm trọn nhiệm vụ con người của họ; một bên là sức mạnh mù quáng, ngu ngốc, hung ác và xét cho cùng, hèn nhát.

Rút cuộc, chuyến đi hai năm trời của viên tướng là một nỗi ê chề, nhục nhã kéo dài, một cơn ác mộng, lắm lúc khiến hắn gần như sa vào tình trạng thác loạn tinh thần. Cuối cùng, đêm hôm trước ngày hắn lên đường trở về hươc, hắn đã nghĩ đến cách đánh tráo hài cốt, lấy một bộ xương cũng cao một thước tám mươi hai để thế vào di hài viên đại tá Z mà, trong một lúc hoang mang thảng thốt, hắn đã hất xuống suối. Đang lúc say rượu, hắn loạng choạng đến cửa buồng ông linh mục đã khóa chặt, lom khom nói qua lỗ khóa để bày tỏ ý đồ gian lận của hắn. Bất đồ, hắn nhâm buồng, cửa buồng sịch mở, một bà to béo hiện ra, si vả hắn tàn tệ đã nhòm vào buồng bà ta giữa lúc đêm hôm khuya khoắt. Cái cảnh vừa kịch côm, vừa thảm hại ấy, đánh dấu sự rã rời, suy sụp hoàn toàn trong con người hắn: còn đâu «con chim oai hùng, đơn độc bay lượn...», còn đâu sứ mệnh thiêng liêng, cao cả?

Rõ ràng qua diễn biến tâm tư của viên tướng, có tính chất một biểu tượng, Ismail Kadare đã giễu cợt và lên án quân đội phát xít và nói chung, tất cả các đạo quân xâm lược. Nhưng vượt lên trên cả nhân vật trung tâm ấy, choán hết cả cuốn sách chính là hình ảnh đất nước và nhân dân Albania. Mặc dù câu chuyện được kể lại qua con mắt viên tướng nước ngoài, người ta vẫn thấy Ismail Kadare yêu tha thiết đất nước ông với những núi non hiểm trở, hùng vĩ, với những truyền thống đẹp đẽ, lâu đời, với những con người ngoan cường dũng cảm, từ bao đời nay vẫn trọng danh dự và nhân phẩm và hiện đang xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Ông ca ngợi cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân nước ông và nói chung, của tất cả các dân tộc đứng lên chống ngoại xâm để bảo vệ độc lập, tự do của mình. Qua cái chết của bác thợ đầu già Gjoleka - bị nhiễm trùng vì chiếc khay gỗ trên quân phục một tên lính phát xít chết đã 20 năm nay - ông còn ngụ ý rằng chiến tranh chưa thật sự kết thúc hay nói cho đúng hơn, hòa bình chưa phải đã vững chắc: như những con vi trùng, tuy bị vùi sâu dưới đất cùng với xác tên lính hàng mấy chục năm trời, khi gặp khí trời, ánh sáng, lại phục hồi tất cả cái

tính độc hại ác liệt của nó, chiến tranh vẫn còn ngấm ngấm âm ỉ, chờ lúc chúng ta lơ là để nổ ra, tàn phá.

Tất cả những ý đó, Ismail Kadare đã thể hiện với một nghệ thuật già dặn, vững vàng. Những hình ảnh tương phản, những so sánh về hai mẫu người, hai hệ tư tưởng, hai thế giới khác nhau, ông để người đọc tự rút ra, tự suy nghĩ lấy. Ông chỉ trình bày những sự việc rất thực và chọn lọc, theo lối nhìn và cảm nghĩ của viên tướng nước ngoài, và kể lại câu chuyện một cách rất tự nhiên, thoải mái, gọn gàng, giản dị, khiến người đọc có cảm giác như ông rất «khách quan», hầu như thản nhiên với nhân vật của ông, với những sự việc ông kể, và do đó, từ một đề tài rất bình thường, đơn giản, nếu không phải khô khan, ông đã viết nên một cuốn sách thật hấp dẫn, có sức mạnh thuyết phục và tác động sâu sắc, xứng đáng là một tác phẩm ưu tú của Albania, một tác phẩm chúng ta có thể học tập được nhiều chẳng những về nội dung mà cả về nghệ thuật thể hiện.

NGUYỄN VĨNH



*Đây, tôi đã đưa họ về trả lại cho các người.*

*Nơi ấy, địa thế hiểm trở và chúng tôi luôn luôn gặp thời tiết xấu.*

# PHẦN MỘT

# CHƯƠNG I

MƯA pha tuyết rơi trên đất khách. Đường băng bê tông, các tòa nhà và những người lính gác sân bay đều ướt sũng. Tuyết tan ướt đẫm cả cánh đồng cùng những quả đồi xung quanh và làm mặt đường nhựa đen bóng loáng. Vào bất kỳ một mùa nào khác, ai cũng có thể coi trận mưa tẻ ngắt này như một sự ngẫu nhiên trùng hợp đáng buồn. Nhưng viên tướng nước ngoài kia vừa ở trên máy bay bước xuống không hề ngạc nhiên. Ông đến Albania để làm cái việc hồi hương hài cốt những đồng bào của ông đã ngã xuống khắp nơi trên đất nước này, trong trận đại chiến thế giới vừa qua. Việc đàm phán giữa hai chính phủ bắt đầu từ mùa xuân nhưng mãi đến cuối tháng tám mới ký kết được những bản hiệp định dứt khoát, vừa lúc những ngày xát dầu tiên lại xuất hiện. Giờ đây, đang giữa tiết thu và là mùa mưa. Viên tướng nọ không lạ gì điều đó. Trước khi ra đi, ông đã nghiên cứu, tìm hiểu, nhất là về khí hậu xứ này. Ông đã biết rằng hàng năm vào thời kỳ này, ở đây khí hậu ẩm ướt và mưa nhiều. Nhưng giả thử cuốn sách viết về Albania ông đã đọc có nói rằng mùa thu ở đây khô hanh và rải nắng thì ông cũng không vì thế mà coi trận mưa này là lạ lùng. Trái lại. Thực thế, ông vẫn định ninh nhiệm vụ của ông chỉ có thể hoàn thành tốt đẹp vào thời tiết xấu mà thôi. Có lẽ những trang sách đã đọc và những cuốn phim đã xem mà ông nhớ lại, có dính dáng đến nỗi buồn vợ vắng của ông, nhưng dù sao, chuyến đi máy bay và cái ngày u ám này cũng đã làm tăng thêm tâm trạng đó.

Qua cửa sổ máy bay, ông đã quan sát rất lâu hình dáng dữ tợn của những ngọn núi ở đây. Đỉnh núi nhọn hoắt như chỉ chực đâm thủng bụng máy bay. Địa thế chỗ nào cũng lởm chởm, viên tướng nghĩ bụng. Tưởng chừng như trên đất này không có một chỗ nào có thể đặt chân lên được. Những binh sĩ mà giờ đây ông đến tìm chính là nằm trong những vực sâu thăm thẳm, những sườn núi cheo leo kia đang lúc ẩn lúc hiện sau đám sương mù và trời mưa tầm tã. Đã có lúc ông cảm thấy mình không thể nào làm tròn được nhiệm vụ, nhưng rồi ông cố gắng tự trấn tĩnh lại, lấy niềm tự hào về nhiệm vụ của mình để đối chọi lại cái vẻ hăm dọa cừ địch của những ngọn

núi kia. Hàng vạn bà mẹ đang chờ đợi hài cốt của con cái họ mà chính ông là người sẽ mang về. Ông sẽ làm hết sức mình để hoàn thành vẻ vang cái nhiệm vụ thiêng liêng đó. Ông sẽ không quên một đồng bào nào của ông, không để sót lại một ai ở nơi đất khách quê người này. Ô! Đây là một nhiệm vụ cao quý! Trên đường đi, đã nhiều lần ông bất giác tự nhắc thầm những lời của một bà lớn rất có danh vọng đã nói với ông trước khi ông lên đường: «Nhu như một con chim oai hùng và đơn độc, ngài sẽ bay trên những ngọn núi lạng lẽ và bi thảm đó để giành lại trong họng chúng, trong nanh vuốt chúng, những đứa con trai xấu số của chúng tôi.»

Và giờ đây, cuộc hành trình sắp tới đích. Từ lúc núi non đã lùi lại đằng sau và máy bay chở ông bay trên vùng thung lũng và đồng bằng, viên tướng thấy nhẹ người được đôi chút.

Máy bay hạ cánh trên đường băng ướt sũng. Đèn hiệu đỏ, rồi xanh, rồi lại đỏ, lại xanh. Một người lính mặc áo ca pô. Một người nữa. Từ tòa nhà của sân bay, mấy người mặc áo đi mưa ra đón chiếc máy bay vừa dừng lại.

Viên tướng bước xuống đầu tiên. Ông linh mục cùng đi xuống theo. Một cơn gió ẩm ướt quất mạnh vào mặt hai người, họ bẻ cao cổ áo khoác ngoài lên.

Mười lăm phút sau, mấy chiếc ô tô lao vun vút về phía Tirana.

Viên tướng quay sang nhìn ông linh mục ngồi bên cạnh, vẻ mặt thản nhiên đang lạng lẽ nhìn qua cửa kính xe. Ông có cảm giác không có điều gì để nói với người bạn đồng hành, và châm thuốc lá hút, rồi lại đưa mắt nhìn ra ngoài. Hình thể đất nước xa lạ này bị khúc xạ vắn vẹo qua nước mưa, đang chảy ròn ròn, ngoằn ngoèo trên mặt kính xe.

Có tiếng còi xe lửa rúc đằng xa. Con đường sắt lấp sau một bờ dốc, viên tướng tự hỏi không hiểu đoàn tàu sẽ chạy qua phía nào. Ông thấy đoàn tàu nhô ra rồi dần dần vượt qua xe mình, ông đưa mắt nhìn theo cho đến khi toa cuối cùng mất hút trong sương mù. Ông lại quay sang nhìn người bạn đồng hành, nhưng vẻ mặt ông này vẫn thản thờ như nãy. Ông vẫn cảm thấy chẳng có gì để nói với ông ta hết. Mặt khác, ông nhận thấy mình cũng chẳng còn vấn đề gì để suy nghĩ nữa. Dọc đường, ông đã nghĩ hết rồi. Thực ra, tốt

hơn hết là không nghĩ gì thêm nữa. Ông thấy mệt mỏi. Nghĩ thế là đủ lắm rồi. Thà ngấm trong gương xem bộ quân phục của mình có chững chạc không.

Khi đoàn xe tới Tirana thì trời đổ tối. Một lớp sương mù dày đặc như treo lơ lửng trên mái nhà, trên cột đèn và đám cây bụi lá tại công viên. Viên tướng lúc này đã phần nào tự trấn tĩnh lại. Qua cửa kính, ông để ý thấy nhiều người qua lại đang vội vã dưới trời mưa. Ông nhận xét: «Ở cái xứ này lắm ô thực!» Ông những muốn trao đổi vài cảm tưởng vì bắt đầu thấy khó chịu với cái không khí trầm lặng này, nhưng vẫn không biết làm thế nào cho ông bạn đồng hành hé miệng nói lấy một câu. Dọc hè phố, về phía ông ngồi, ông trông thấy một ngôi nhà thờ, rồi một giáo đường Hồi giáo. Phía bên kia là những tòa nhà đang xây, còn cả giàn giáo vây quanh. Những chiếc đèn treo với đèn hiệu thấp sáng, nom như những con quái vật mắt đỏ rực đang cử động trong sương mù. Viên tướng chỉ cho ông linh mục chú ý đến ngôi nhà thờ và tòa giáo đường Hồi giáo, nhưng ông này dừng dừng, không hề tỏ ra quan tâm. Viên tướng kết luận là giờ phút này không gì có thể lôi kéo ông ta ra khỏi cái thái độ thờ ơ ấy được. Còn ông, giờ đây ông cũng thấy vui hơn, nhưng biết nói chuyện với ai? Người công chức Albania đi theo họ thì ngồi ở ghế trên, ngay trước mắt ông linh mục. Còn vị nghị sĩ và hai đại diện của bộ lúc này tiếp đón họ ở sân bay thì ngồi một chiếc xe khác đi theo sau.

Đến khách sạn «Dajti», viên tướng thấy khoan khoái hơn. Ông lên thẳng phòng đã dành riêng cho ông, cạo mặt cạo râu và thay bộ quân phục. Đoạn, ông lại xuống dưới nhà, vào phòng lớn công cộng, đề nghị tổng đài điện thoại cho ông nói chuyện với gia đình mình.

Sau đó, ông đến chỗ ông linh mục và ba người Albania đang ngồi quanh một cái bàn trong phòng lớn. Câu chuyện xoay quanh nhiều đầu đề khác nhau nhưng phù phiếm. Người nào cũng tránh đề cập đến những vấn đề chính trị, xã hội. Viên tướng tỏ ra nhã nhặn và nghiêm trang. Ông linh mục ít nói. Viên tướng ngụ ý cho mọi người biết mình là người quan trọng nhất trong phái đoàn gồm có hai người, mặc dầu vẻ dè dặt của ông linh mục khiến người ta có phần nghi ngờ về điểm này. Ông nhắc tới những truyền thống đẹp đẽ mà nhân loại xưa nay vẫn tự hào đối với hài cốt các chiến sĩ.



Ông kể chuyện người Hy Lạp và dân thành Troa ngày xưa đã từng đồng ý hưu chiến để chôn cất long trọng tử sĩ của hai bên. Viên tướng tỏ ra rất phấn khởi về nhiệm vụ của mình. Đó là một nhiệm vụ thiêng liêng và nặng nề mà ông sẽ làm tròn một cách tốt đẹp. Hàng vạn bà mẹ đang chờ đón con cái họ. Hơn hai mươi năm nay, họ đã đợi hoài. Thật tình thì tính chất chờ đợi của họ cũng có thay đổi chút ít. Giờ đây, họ không còn chờ đợi con trai họ sống sót trở về nữa. Nhưng người ta vẫn có thể chờ đợi người đã chết được chứ! Chính ông sẽ mang về cho các bà mẹ đau khổ đó nắm xương tàn của con cái họ mà những viên tướng ngu ngốc đã không biết khéo léo chỉ huy trong chiến đấu. Ông lấy làm kiêu hãnh về điều đó, và ông sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để khỏi phụ lòng mong đợi của các bà mẹ ấy.

- Thưa ngài, mời ngài nói chuyện điện thoại... Ông nhanh nhẹn đứng dậy.

- Xin lỗi các vị, ông nói và đi ra phòng giấy của khách sạn, bước những bước dài và đường bệ.

Ông trở lại, cũng vẫn với cái dáng điệu oai vệ như vậy.

Ông hớn hờ ra mặt. Mấy người cùng bàn đã gọi rượu cognac và cà phê. Câu chuyện trở nên sôi nổi. Một lần nữa, viên tướng lại ngầm gợi ý cho mọi người biết chính ông mới là người cầm đầu phái đoàn, vì ông linh mục tuy hàm đại tá thật, nhưng giờ đây, trong đoàn, ông ta chỉ là một đại diện tinh thần thôi. Chính ông mới là trưởng đoàn và, với tư cách ấy, ông có đặc quyền hưởng câu chuyện về những vấn đề do ông chọn lựa, như các nhãn hiệu cognac, thủ đô các nước, các loại thuốc lá. Ông cảm thấy mình thật sự khoan khoái trong phòng khách của khách sạn, sau những tấm rèm nặng trĩu, trong tiếng nhạc lạ nước ngoài, thậm chí có lẽ còn quá xa lạ nữa là khác. Ông vẫn chuộng tiện nghi và các thứ thuận lợi vật chất do kỹ thuật tân tiến đem lại cho cuộc sống; ông cũng rất thích những chuyến đi ra nước ngoài, những chuyến đi, do tác động tương phản, gợi cho ông nhớ lại tất cả cái yên tĩnh êm đềm của cuộc sống gia đình. Có một cái gì say sưa ngây ngất trong cảnh bày trí sang trọng của những khách sạn quốc tế lớn, trên các đường hàng không dài bay tới những nơi xa xôi, tại các sân bay treo cờ hàng mấy chục nước, trong tiếng nói của nước khác.

Viên tướng coi bộ hớn hờ. Chính ông cũng không hiểu lý do vì đâu mà có cái niềm khoan khoái dễ chịu bất chợt bùng lên như thế này. Đây là niềm vui của một lữ khách tìm được chỗ trú chân sau một chặng đường đầy nguy hiểm lúc xấu trời. Ly cognac màu hổ phách đã dần dần xua khỏi đầu óc ông cái vẻ khủng khiếp của những ngọn núi, mà đến tận bây giờ, đã ngồi vào cái bàn này, thỉnh thoảng nhớ tới, ông vẫn còn thấy bồn chồn. «Như một con chim oai hùng và đơn độc!». Thốt nhiên, ông cảm thấy mình có quyền lực rất lớn. Xác hàng mấy vạn binh sĩ vùi sâu dưới đất vẫn đợi ông đến từ bao năm nay và, cuối cùng, giờ đây, ông đã đến như một vị chúa Cứu Thế mới, với vô số bản đồ, danh sách và những chỉ dẫn chắc chắn để lôi họ ra khỏi đồng bùn, trả về cho gia đình họ. Những viên tướng khác đã dẫn những đoàn binh lính dài vô tận đến thất bại và tiêu diệt, còn ông, ông đến giành lại của thần chết, của lãng quên, cái phần ít ỏi còn lại của họ. Ông sẽ đi từ nghĩa địa này tới nghĩa địa khác, tìm kiếm trên khắp các chiến trường để tìm lại tất cả những người đã mất tích. Trong cuộc vật lộn sắp tới với đất bùn, ông sẽ không gặp thất bại, ông đã có phép thần của những bản thống kê chính xác giúp đỡ.

Ông đại diện cho một cường quốc văn minh và sự nghiệp của ông phải là hiển hách. Trong nhiệm vụ ông sắp hoàn thành có một cái gì uy nghi như người Hy Lạp và người thành Troa thời xưa, có một cái gì trang nghiêm như những tang lễ trong sách của Homer miêu tả. «A! Những con người Albania, người nào cũng ô cầm tay kia, rồi các người sẽ phải trở mắt ngạc nhiên cho mà xem».

Viên tướng tợp một ngụm rượu nữa. Thế là kể từ đêm hôm đó, ở cách đây rất xa, tận bên nước ông, mỗi ngày, mỗi tối, tất cả những người đang chờ đợi, khi nghĩ đến ông, sẽ nói: «Trong lúc này ông ấy đang tìm kiếm đây. Chúng ta thì đi dạo chơi, xem chiếu bóng, vào tiệm ăn, trong khi ông ấy đi ngang dọc khắp nơi trên đất nước xa lạ nọ, để tìm lại những đứa con xấu số của chúng ta. Ôi! Nhiệm vụ của ông thực là nặng! Nhưng ông sẽ hoàn thành tốt đẹp. Người ta cử ông đi sẽ không phải là uổng công! Lạy Chúa phù hộ cho ông ấy!»

## CHƯƠNG II

TIẾNG cuốc chim bổ vào đất nghe huých một cái. Ông linh mục làm dấu thánh giá. Viên tướng giơ tay chào theo kiểu quân sự. Ông thợ đấu già của Sở thị chính lại giơ cuốc lên bổ mạnh một nhát nữa.

«Đây, thế là công việc đã bắt đầu!» Viên tướng cảm động nghĩ thầm, mắt nhìn những tảng đá ẩm ướt đầu tiên lăn vào chân họ. Đây là ngôi mộ khai quật đầu tiên, nên ai nấy đứng vây xung quanh, coi bộ đều có vẻ sững sờ. Người cán bộ chuyên môn Albania, một thanh niên ăn mặc lịch sự, mái tóc vàng hoe, gương mặt gầy, đang ghi chép vào sổ tay. Hai công nhân khác hút thuốc lá, người thứ ba hút tẩu, còn anh cuối cùng, ít tuổi nhất, đứng chống cán cuốc nhìn cảnh tượng trước mặt có vẻ đắm chiêu suy nghĩ. Họ phải học cách khai quật mộ nên tất cả chăm chú theo dõi cách làm với ngôi mộ đầu tiên này.

Viên tướng đắm chiêu nhìn đồng đất tảng đang mỗi lúc một to dần dưới chân người thợ đấu già, những tảng đất đen, xộp, bốc lên một làn hơi nhẹ.

«Đây, đất khách là thế đấy, ông nghĩ bụng. Cũng cái thứ bùn đen như ở mọi nơi, cũng những hòn đá như vậy, những rễ cây và hơi nước y hệt. Một thứ đất cũng như trăm nghìn thứ đất khác. Thế nhưng lại là đất khách.»

Phía sau họ, trên mặt đường, xe ô tô phóng vùn vụt. Chốc chốc lại nghe thấy tiếng còi inh ỏi. Cũng như phần lớn các nghĩa địa quân nhân khác, nghĩa địa này nằm bên cạnh đường cái. Bên kia đường, mấy con bò cái gặm cỏ, họa hoãn mới cất tiếng rống, nghe thanh bình, vang vọng khắp thung lũng.

Viên tướng cảm thấy bối rối. Đồng đất đào không ngừng to mãi lên, và được độ nửa giờ thì ông thợ đấu già đã đứng trong hố sâu đến đầu gối. Ông lão bước lên bờ để nghỉ một lát, vừa đủ thì giờ cho một người bạn đồng nghiệp lấy xẻng xúc hết chỗ đất ông lão vừa cuốc lên, sau đó, ông lão lại bước xuống hố.

Trên cao, một đàn ngỗng trời bay ngang qua trên đầu mọi người.

Một bác nông dân, tay cầm cương dắt ngựa, lưng thừng đi một mình trên đường cái. Hần bác không rõ công việc người ta đang làm nên bác cất to tiếng chào:

- Chào các bác làm việc vui vẻ nhé!

Nhóm người đang vây quanh cái hố không ai trả lời, bác nông dân đi thẳng.

Viên tướng lúc ngẩng nhìn đồng đất vừa đào lên, lúc nhìn kỹ gương mặt những người công nhân Albania, những gương mặt bình thản, nghiêm nghị. «Họ có thể nghĩ gì về việc này nhỉ? Ông nghĩ bụng. Họ có năm người, họ sẽ khai quật cả một đạo quân đấy. Không biết họ có thích công việc này không?»

Nhưng nhìn gương mặt họ không thể biết được gì hết. Hai người thợ chằm điếu thuốc lá khác, người thứ ba vẫn rít tẩu, còn người cuối cùng, anh chàng trẻ nhất, vẫn đứng chống cán cuốc, cặp mắt vẫn lơ đãng, thờ thẩn.

Ông thợ đấu già đứng dưới hố lúc này đã sâu đến ngang thắt lưng, đang lắng nghe anh cán bộ chuyên môn chỉ bảo cách làm. Bàn cãi một lúc xong, ông già lại bắt tay vào việc.

- Lão ta nói gì vậy? Viên tướng hỏi.

- Tôi nghe không được rõ lắm, ông linh mục trả lời.

Trong đám người đứng xung quanh, ai nấy đều im lặng như đưa đám.

- Cũng may mà trời không mưa! Ông linh mục nói.

Viên tướng ngược mắt nhìn lên. Bồn bề, sương mù che lấp chân trời, những hình thù tối tối đằng xa kia, rất xa, không hiểu là do sương mù vẽ lên hay là đường nét của những ngọn núi khổng lồ.

Ông thợ đấu già mỗi lúc một thụt sâu xuống lòng đất. Viên tướng nhìn cái đầu bạc phơ của ông lão lắc lư theo nhịp cuốc bộ, thấy ông lão giống Jean Gabin<sup>1</sup> quá thế.

Cứ nhìn cũng thấy ông già thạo việc thực. Tất nhiên, nếu không, người ta đã chẳng giao cho lão đứng đầu nhóm thợ đấu đi làm công việc khai quật này. Viên tướng những muốn ông già đào nhanh hơn nữa, các ngôi

mộ được bốc hết sức sớm, và tìm thấy đủ tất cả những người chết. Ông nôn nóng muốn mấy người thợ kia cũng bắt tay vào đào ngay đi. Lúc đó, ông sẽ giở các bản danh sách ra, bản nào cũng sẽ chi chít những dấu chữ thập đỏ, mỗi dấu là một quân nhân đã tìm thấy.

Cái cuộc chim giờ đây bổ xuống đất nghe âm vang như từ lòng trái đất văng lên. Thốt nhiên, viên tướng thấy lo sợ rụng rời cả người.

«Giả thử ở dưới kia không thấy gì cả thì sao? Giả sử bản đồ ghi không chính xác, bắt buộc phải đào hai ba chỗ, mười chỗ khác nhau mới tìm được một người lính thì sao?»

- Thế nhờ không thấy gì cả thì sao? Ông bảo ông linh mục.

- Thì ta cho đào chỗ khác. Nếu cần, ta sẽ trả tiền gấp đôi cũng được.

- Không phải vấn đề tiền. Điều cốt yếu là tìm cho ra tất cả những người mà chúng ta cần tìm.

- Chúng ta sẽ tìm thấy. Không thể nào không tìm thấy được.

Viên tướng phân vân nói:

- Người ta có cảm giác như ở đây không xảy ra đánh nhau bao giờ, và giẫm lên mảnh đất này chỉ có những con bò cái nâu hiền lành đang gặm cỏ đặng kia.

- Khi sự việc đã qua thì bao giờ người ta cũng có cái cảm giác ấy, ông ạ, ông linh mục nói. Từ ngày ấy đến nay đã hơn hai mươi năm rồi còn gì.

- Kể cũng đã lâu thật và cũng chính vì thế mà tôi thấy lo ngại.

- Tại sao vậy? Ông linh mục hỏi lại. Đất ở đây rắn, cái gì đã được chôn ở đây thì sau bao lâu năm cũng không chuyển dịch đi đâu được hết.

- Vâng, đúng, nhưng không hiểu tại sao tôi vẫn không thể hình dung được là họ ở sát ngay gần chúng ta, chỉ cách mặt đất có hai thước.

- Vì ông chưa hề ở Albania trong lúc đang có chiến tranh đấy thôi, ông linh mục nói.

- Hồi ấy kinh khủng lắm à?

- Vâng, hết sức kinh khủng!



Ông thợ đầu già đứng trong hố đất lúc này đã lút gần hết người. Vòng người đã thu lại nhỏ hơn nữa chung quanh. Anh cán bộ chuyên môn Albania, người cúi gập trên miệng hố, không ngừng chỉ dẫn ông già cách đào.

Tiếng xẻng va vào sỏi nghe xào xạo. Viên tướng như lại nghe thấy những mẩu chuyện của mấy cựu chiến binh vẫn thường đến thăm ông trước khi ông đi, đã kể cho ông nghe. Họ rất quan tâm đến việc đi tìm kiếm hài cốt các bạn đồng ngũ của họ đã ngã xuống trên đất nước Albania.

*«Con dao găm của tôi mỗi lần chạm vào sỏi lại làm tôi rùng mình. Tôi đã gắng hết sức đào mà vẫn vô hiệu. Cái dụng cụ dùng tạm bợ lúc túng bí quả là bất lực trong cuộc vật lộn chên lệch này với đất. Khó nhọc lắm tôi mới moi ra được một nắm bùn, tôi hối tiếc, tự nhủ: «Chà! Giá mà trước được phiên chế vào công binh thì có phải mình đã có một cái xẻng rồi không, và như vậy sẽ đào được nhanh, nhanh hơn!» - vì cách tôi vài bước, người bạn chí thân của tôi còn đang nằm úp sấp, hai chân thông xuống một cái hố ngập nước đến một nửa. Tôi tháo con dao găm của bạn tôi đeo ở thắt lưng và bắt đầu đào với cả hai tay. Tôi muốn đào một cái hố thật sâu, vì đây là ý muốn của bạn tôi. Trước kia, anh ấy thường bảo tôi: «Nếu tao chẳng may bị hy sinh bên cạnh mày, thì mày gắng chôn tao hết sức sâu vào nhé. Tao rất sợ để chó, lang bới xác tao lên như cái lần ở Tepelene ấy. Mày còn nhớ những con chó ở đấy không?» «Có, tao có nhớ», tôi vừa hút thuốc vừa trả lời. Giờ đây, anh ta đã chết, tôi vừa đào vừa nghĩ: «Cậu đừng lo, tớ sẽ đào cho cậu một cái hố thật sâu, rất sâu.» Công việc xong xuôi, tôi xoa phẳng mặt đất thật kỹ, không để một tí dấu vết gì, sợ có người phát hiện ra sẽ đào xác anh bạn tôi lên. Sau đó, quay lưng lại phía tiếng súng liên thanh đang lẹt đẹt nổ, tôi đi sâu vào trong đêm tối, vừa đi tôi còn ngoảnh lại một lần nữa về phía tối om, nơi tôi vừa bỏ lại người bạn thân và tôi nói thầm với anh ấy: «Mày đừng sợ gì hết, không ai tìm thấy được mày đâu.»*

- Hình như vẫn chẳng thấy gì cả, viên tướng không nén nổi nôn nóng, nói.

- Cũng chưa biết thế nào, ông linh mục đáp lại, nhưng không nên vội nản lòng.

- Dù sao thì trong lúc đang chiến tranh, người ta cũng không có thói quen chôn sâu đến thế.

- Biết đâu đấy chẳng phải là cái mộ chôn lần thứ hai. Đôi khi người ta đào họ lên rồi chôn lại lần thứ hai, thậm chí có khi đến lần thứ ba nữa ấy chứ.

- Cũng có thể, nhưng mộ nào cũng sâu thế này thì công việc của chúng ta biết bao giờ mới xong.

- Có khi chúng ta phải thuê thêm nhân công làm phụ, dù chỉ là tạm thời, ông linh mục nói. Có những trường hợp phải thuê đến hai chục người một lúc.

- Thậm chí có khi còn hơn thế nữa!

- Có thể có những ngày thậm chí chúng ta sẽ bắt buộc phải thuê đến hàng trăm người.

- Biết đâu đấy!

- Nhưng năm người kia họ làm việc cho ta liên tục đấy chứ?

- Phải, cái đó có ghi trong giao kèo.

- Nhưng họ đang làm gì vậy? Viên tướng hỏi. Họ chưa tìm thấy gì à?

- Đã tới độ sâu tối đa rồi, ông linh mục nói. Nếu có thấy gì thì chính là lúc này đây.

- Tôi sợ ta mở đầu đã không may rồi.

- Có thể một lớp đất dưới đã trượt đi chẳng, ông linh mục nói.

Anh cán bộ chuyên môn càng cúi sâu xuống bên trong hố. Những người khác xúm lại gần.

- Đây rồi! Thấy rồi! Ông thợ đầu già kêu to, tiếng kêu từ đáy hố vọng lên nghe như bị nghẹn, ồm ồm, vì ông lão cuối đầu xuống.

- Lão ta đã tìm thấy rồi, ông linh mục nhắc lại.

Viên tướng thở dài đánh phào một cái. Mấy người công nhân kia cũng không còn lơ đãng nữa. Anh ít tuổi nhất từ nãy vẫn có vẻ tự lự đứng chống cán cuốc, lúc này hỏi xin bạn một điếu thuốc và châm lửa hút.

Ông thợ già bắt đầu đưa xương lên bờ hố, từng xẻng một. Nhìn những đồng hài cốt đó không có gì gây xúc động. Những khúc xương lẫn

vào đất xốp trông như những mẩu gỗ mục. Bốn xung quanh, mùi đất mới đào bốc lên.

- Thuốc tẩy uế đâu! Anh cán bộ chuyên môn gào to. Dem thuốc tẩy uế lại đây!

Hai anh công nhân chạy vội lại phía chiếc xe vận tải đậu ở đằng sau chiếc xe con, bên cạnh đường cái.

Anh cán bộ chuyên môn thấy một vật gì nho nhỏ trong đám xương, liền dùng kim cặp lấy đưa cho viên tướng và nói:

- Đây là một hình trái tim, xin ngài chớ có sờ vào.

Viên tướng ghé sát mặt lại và gắng lắm mới lờ mờ nhìn thấy hình Đức Mẹ. Ông khẽ nói:

- Hình trái tim bình sĩ chúng tôi vẫn đeo!

*«Bạn có biết tại sao chúng ta đeo hình trái tim này không?, một hôm anh ta hỏi tôi. Để sau này người ta có thể nhận ra được hài cốt của chúng ta, nếu vạn nhất chúng ta bị hy sinh. Rồi anh mỉm cười với một vẻ giấu cợt. Cậu tưởng sau này người ta sẽ đi tìm hài cốt chúng mình thật ư? Được, cứ cho là một ngày kia người ta đi tìm thực đi nữa. Cậu tưởng cái đó sẽ an ủi tớ đấy hẳn: «Không có thứ giả nhân giả nghĩa nào lớn hơn là cái trò đi tìm những năm xương tàn khi chiến tranh đã kết thúc. Về phần tớ, tớ không thèm cái ân huệ đó. Tớ ngã xuống đâu, tớ yêu cầu cứ để mặc tớ ở đấy. Cái trái tim khốn nạn này, có ngày tớ sẽ quẳng nó đi.» Mà quả thật, một hôm anh ta đã quẳng nó đi, không đeo nữa».*

Tẩy uế xong, anh cán bộ chuyên môn đo từng khúc xương, tính toán một lúc trên sổ tay, chiếc bút máy kẹp nghiêng giữa mấy ngón tay dài, mảnh dẻ.

«Chiều cao một mét bảy mươi ba!»

- Đúng, viên tướng nói, sau khi đã kiểm tra thấy phù hợp với con số chỉ dẫn trong bản danh sách.

- Các bác làm ơn gói những khúc xương này lại, anh cán bộ chuyên môn nói với mấy người công nhân.

Viên tướng đưa mắt nhìn ông thợ đấu già, lúc này có vẻ mệt mỏi đang ngồi trên một tảng đá ở vệ đường; ông lão rút hộp thuốc ở trong túi ra, bắt đầu cuốn một điếu.

«Tại sao lão này lại nhìn mình như vậy?» viên tướng nghĩ bụng.

Mấy phút sau, người ta bắt đầu đào năm địa điểm cùng một lúc.

## CHƯƠNG KHÔNG ĐÁNH SỐ

- CHÚNG ta chẳng biết hướng nào mà lần nữa, viên tướng nói, tôi cảm tưởng chúng ta đang chui vào một ngõ cụt.

- Ta thử coi lại các bản đồ xem sao.

- Chẳng hiểu sao hết. Con số ghi các độ cao lẫn lộn lung tung cả.

- Các ngôi mộ có vẻ đã được phác họa lại vội vàng trong lúc rút lui.

- Có thể lắm.

- Hay ta thử lần về phía tay phải xem. Con đường đồng bằng này đi đâu nhỉ?

- Đến địa phận hợp tác xã bên cạnh.

- Ta thử tìm về phía đó xem sao.

- Uống công thôi.

- Lại thêm cái bùn khốn nạn này nữa chứ!

- Dù sao cũng cứ phải tìm về phía tay phải một lần xem.

- Con đường này chẳng dẫn đến đâu hết.

- Thế này chẳng phải là chuyện tìm kiếm thông thường nữa, mà là chuyện đáy bể mò kim.

- Sao mà lắm bùn thế!

- Mà chúng ta thì chỉ dẫm chân tại chỗ.

- Những tiếng nói đầy lo âu, cùng với tiếng chân, xa dần trên cánh đồng.



## CHƯƠNG III

HAI mươi ngày sau, họ trở về Tirana.

Trời đã sẫm tối. Chiếc xe màu xanh lá cây đỗ trước cửa khách sạn «Dajti», dưới chân dãy những cây thông cao to sừng sững trước mặt tòa nhà. Viên tướng xuống xe đầu tiên. Nom ông có vẻ mệt mỏi, ủ rũ, nét mặt bơ phờ. Ít ra thì hình dáng ông cũng có vẻ như vậy dưới ánh đèn neon của chiếc biển mang tên khách sạn. Ông dừng lại một lát nhìn chiếc xe chăm chặp. «Ít ra thì cũng phải lau chỗ bùn kia đi chứ», ông cúi kính nghĩ bụng. Nhưng họ vừa về tới đây, ông không thể trách người lái xe về chuyện xe bẩn. Viên tướng biết rõ thế lắm, nhưng vẫn cứ gạt những lý lẽ ấy đi.

Ông bước nhanh trên bậc tam cấp lớn trước cửa, vào phòng giấy của khách sạn lấy thư từ sách báo, xin nói chuyện điện thoại với gia đình, sau đó, thông thả trở về buồng. Ông linh mục thì lên thẳng buồng của mình.

Một giờ sau. Sau khi đã tắm rửa và thay quần áo, cả hai xuống ngồi trước một cái bàn trong phòng khách ở tầng dưới.

Viên tướng gọi lấy cognac, ông linh mục gọi sôcôla. Hôm ấy là ngày thứ bảy. Từ quán rượu ở tầng dưới hầm vang lên tiếng nhạc khiêu vũ. Chốc chốc, lại thấy ở cuối phòng khách thấp thoáng từng cặp thanh niên nam nữ đi xuống quán rượu hoặc đi lên. Cả trong phòng công cộng cũng có nhiều người đi lại. Với những tấm rèm sẫm màu và những chiếc ghế bành to, phòng khách ở đây có vẻ khắc khổ.

- Thế là cuối cùng, chuyến đi đầu tiên của chúng ta đã kết thúc, viên tướng nói.

- Vâng, thế là kết thúc.

- Ông nghĩ thế nào, liệu chúng ta có thể hoàn thành được công việc này trong vòng một năm như đã sự kiến không?

- Tôi cũng chẳng biết nữa, ông linh mục trả lời, vẻ dửng dưng. Cái đó cũng còn tùy ở những khó khăn mà sau này chúng ta gặp phải, tùy ở thời tiết nữa. Nhưng, dù sao, tôi cũng hy vọng là vào khoảng này sang năm, chúng ta sẽ xong công việc.

- Tôi cũng nghĩ như vậy, viên tướng nói. Buổi đầu, chúng ta còn tìm kiếm ở những vùng phụ cận thành phố, nhưng về sau, khi đi về các vùng thôn quê ở sâu trong đất nước của họ, khó khăn sẽ ngày càng nhiều, nhất là khi về những vùng miền núi hẻo lánh.

- Về phương diện này thì ông biết rõ hơn tôi, ông linh mục nói.

- Lên miền núi thì sẽ gay đấ.

- Chính tôi cũng lo như thế.

- Nhưng công việc của bọn họ đến đây cũng không dễ dàng gì.

- Vâng, đúng thế.

- Ngày mai tôi sẽ nghiên cứu lại một lần nữa các bản đồ để ấn định chương trình cho chuyến đi thứ hai của chúng ta.

- Miễn là thời tiết đừng có xấu.

- Làm thế nào được. Mùa này bao giờ cũng thế.

Ông linh mục lặng lẽ uống sôcôla, cầm cái tách bằng ngón tay cái với ngón trỏ; ngón tay ông thon, dài.

«Một con người điển trai thực», viên tướng nghĩ thầm, vừa ngăm nhìn gương mặt trông nghiêm nghiêm trang và lạnh lùng của ông linh mục. Rồi đột nhiên, ông tự nhủ thầm: «Hắn có quan hệ gì với người vợ góa của viên đại tá? Nhất định phải có chuyện gì giữa hai người. Mụ ta đẹp, đẹp quyến rũ là đẳng khác, nhất là lúc mặc áo tắm.» Ông nhớ lại cái lần ông nói bóng gió về ông linh mục, mụ ta đã không giữ được đở mặt lên và cúi nhìn xuống. «Quan hệ giữa hai người có thể là thế nào nhỉ?» Viên tướng lại tự hỏi thầm, mắt không rời gương mặt người bạn đồng hành. Rồi ông nói to, giọng ra vẻ thản nhiên.

- Chúng ta đã gắng hết sức mà vẫn chưa tìm thấy hài cốt ông đại tá Z.

- Nhưng chưa phải là chúng ta đã hết hi vọng, ông linh mục nghiêng đầu đáp lại. Tôi vẫn tin ta sẽ tìm được.

- Cái đó cũng khó đấy, vì chúng ta không biết rõ trường hợp ông ta chết ra sao.

- Quả thế, không phải dễ dàng gì, ông linh mục sáng giọng trả lời, nhưng chúng ta chỉ mới bắt đầu công việc tìm kiếm, còn nhiều thời gian.

«Quan hệ giữa hãn với người vợ góa của viên đại tá đã đi xa đến đâu rồi nhỉ? Viên tướng lại tự hỏi thầm. Mình rất muốn biết tay cố đạo này dám đi xa đến đâu với một người đàn bà đẹp». Rồi ông nói to:

- Với bất kỳ giá nào chúng ta cũng phải tìm cho bằng được hài cốt của ông đại tá. Hài cốt của các sĩ quan cao cấp đều đã được đưa về nước từ lâu rồi. Duy chỉ còn mỗi ông này là chưa được đưa về. Mà gia đình ông ta thì đang lo lắng, ngóng đợi kết quả công việc tìm kiếm của chúng ta, nhất là bà vợ ông ta.

- Vâng, ông linh mục nói, bà ấy rất quan tâm đến việc này.

- Ông đã đến xem phần mộ của ông đại tá chưa, gia đình ông ta đã xây một phần mộ bằng đá cẩm thạch rất lộng lẫy.

- Có, tôi có đến xem trước khi đi.

- Một công trình thực nguy nga, viên tướng nói tiếp, với một pho tượng và những luống hoa hồng, hồng đỏ hồng trắng ở bốn xung quanh. Vâng, chỉ phải cái bên trong còn rộng.

Ông linh mục nín thinh.

Cả hai người im lặng một hồi lâu. Viên tướng nhấp nháp cốc cognac, và thong thả đưa mắt nhìn xung quanh; càng nhìn ông càng thấy không khí xung quanh xa lạ với ông biết chừng nào. Ông bỗng cảm thấy mình cô độc quá. Cô độc giữa đám mồ mả những người đồng hương của ông đã chết. Trời ơi! Ông muốn xua đuổi khỏi đầu óc hình ảnh những ngôi mộ ấy, hài cốt của những người «anh em» của ông, kiên quyết không nghĩ đến những cái ấy nữa. Mười lăm ngày vừa qua cùng với ông linh mục, ông sống giữa đám mồ mả hài cốt ấy đã đủ lắm rồi. Giờ đây, ông muốn thoát ra ngoài những cái đó, thậm chí, không muốn nhớ đến nó nữa. Đây là chiều thứ bảy, ông muốn làm một cái gì để giải trí, để tiêu khiển một chút. Nhưng, một thân một mình với tay linh mục cầm như hến và đen như quạ ngồi trước mặt kia, ông biết làm gì được! Ông những muốn đi khiêu vũ một cái, ừ, sao lại không được nhỉ? Nhưng, là một viên tướng nước ngoài, lại thêm đang lãnh nhiệm vụ công tác của chính phủ giao cho, thì như vậy liệu có phải là không đúng lúc

không? Mà nhiệm vụ đó lại có tính chất tang tóc nữa. Ông thấy bức bối. Hoặc giả, có thể là do mệt mỏi chẳng. Dầu sao, ông cũng thấy mình không thể nào lại đi khiêu vũ được. Nhất là ông lại đang sống giữa những người trước đây đã đánh nhau kịch liệt với binh sĩ nước ông. Hai bên đã từng bắn giết nhau dữ dội. Phải, ông rất mệt. Nào là những con đường lầy lội, những ngôi mộ quán bún, chỗ thì chồng chất lên nhau, chỗ thì tản mát lung tung, cái thứ bún muôn thuở hết sức ngán ấy, những lô cốt phá dỡ dang (cũng như những người lính chỉ còn lại bộ xương). Rồi lại những chuyện nhảm lẫn, vì có những ngôi mộ của quân nhân nước khác nằm chen vào mộ binh sĩ nước ông, nào là những biên bản phải lập, những hóa đơn phải thanh toán với đại diện các tòa thị chính, những thủ tục về trả ngoại tệ cho ngân hàng, biết bao nhiêu là chuyện phiền nhiễu dồn đến cùng một lúc! Cái phức tạp nhất là hài cốt của quân đội nhiều nước khác nhau. Nhiều khi giữa các nhân chứng cũng có những ý kiến mâu thuẫn. Các cụ già thường lẫn lộn các sự kiện, các trận đánh của cuộc chiến tranh này với cuộc chiến tranh khác. Không có gì là chắc cả. Năm vừng đúng sai, họa chẳng chỉ có đám bún nhào kia mà thôi.

Viên tướng lại uống một hớp rượu.

- Với tất cả các thứ quân đội thế này thì đến rồi mù mịt, ông nói khẽ như nói riêng một mình.

Ông đưa mắt nhìn quanh. Phòng khách vẫn yên tĩnh như mọi khi. Chỉ có một tốp thanh niên ngồi đằng xa, về một phía gian phòng, họ đang kể cho nhau nghe một câu chuyện gì đó, chốc chốc lại phá ra cười. Ông chỉ nhìn thấy lưng họ. Tít đằng cuối phòng, một cặp thanh niên, một nam một nữ, ý hẳn vợ chồng sắp cưới, đang ngồi sát bên nhau. Họ chỉ nhìn nhau, họa hoãn mới trao đổi với nhau vài lời. Anh chàng thanh niên có cái đầu hình dáng đều đặn, trán cao và bẹt, hàm dưới hơi bạnh! «Kiểu dân miền Alps», viên tướng nghĩ thầm.

Người bán rượu đứng sau quầy. Đầu hẳn tròn xoe, vẻ mặt bình thản, in hình nổi bật giữa hai cái đĩa to chất đầy táo và cam.

Một người mảnh dẻ tay xách cặp bước vào, đến ngồi bên một cái bàn gần đài thu thanh.

- Cũng cho như mọi khi nhé, người ấy bảo người bán rượu.

Trong lúc người bán hàng pha cà phê, người khách rút trong cặp ra một cuốn vở lớn và bắt đầu viết. Quai hàm ông ta hẹp, đôi má phẳng. Lúc ông ta rít thuốc lá, hai má hóp lại, làm nổi rõ đường nét quai hàm.

- Ra người Albania là như thế đấy, viên tướng nói, như thế tiếp tục một cuộc bàn cãi vừa bị ngắt quãng. Những con người y hệt như những con người khác. Trông họ, không ai ngờ được trong chiến đấu họ lại hung tợn như thú dữ vậy.

- Ồ, trong chiến đấu họ thay đổi khác hẳn!

- Mà dân số của họ cũng chẳng nhiều nhận gì.

- Chẳng phải ít ỏi lắm như ông tưởng đâu, ông linh mục nói.

- Một người nữa, trán cũng bẹt, bước vào phòng khách.

- Công việc chúng ta đang phải làm thực ma quái quá! Viên tướng nói. Bây giờ, ra đường phố hoặc vào tiệm cà phê, gặp ai tôi cũng không thể không tự hỏi ngay sợ người ấy hình thù ra sao. Ông hiểu rõ tôi chứ! Mấy ngày hôm nay, tôi không còn trông thấy những đầu người nữa, mà toàn là những cái sọ đặt trên vai người mà thôi. Ông tính thế có kỳ quặc không?

- Xin ông thứ lỗi, cho phép tôi nhận xét rằng có lẽ ông uống rượu hơi quá nhiều đấy, ông linh mục nhã nhặn nói, đôi mắt xám nhìn viên tướng chăm chú. Lúc đó, viên tướng có cảm giác màu cặp mắt đó hòa lẫn với màu màn ảnh chiếc máy vô tuyến truyền hình đặt ở tít cuối phòng khách. «Của một chiếc máy vô tuyến truyền hình không hoạt động bao giờ hết!» Viên tướng nghĩ thầm. «Hoặc, của một màn ảnh, trên đó lúc nào cũng chỉ chiếu đi chiếu lại có mỗi một chương trình hoàn toàn không thể hiểu nổi».

Ông nhìn cái cốc trong suốt một lát, vừa quay quay nó trong tay.

- Thế theo ý ông thì tôi phải làm gì bây giờ? Ông nói, giọng có phần cáu kỉnh. Ông định khuyên tôi làm gì nào? Hay là đi chụp ảnh để lúc về đưa cho vợ xem, hay viết nhật ký ghi lại những cái lạ ở xứ này? Hở ông? Ông bảo thế nào?

- Tôi không nói như vậy. Tôi chỉ xin lưu ý ông là có lẽ ông uống rượu hơi quá nhiều đấy thôi.

- Còn tôi, tôi lấy làm lạ là ông không uống, rất lạ!

- Tôi không hề uống rượu bao giờ, ông linh mục nói.

- Đấy không phải là một lý do để bây giờ không uống.

Ông hãy làm như tôi đây, chiều chiều, cứ uống rượu để quên đi những cái mình đã trông thấy ban ngày.

- Tại sao tôi lại phải quên đi những cái tôi trông thấy ban ngày?

- Vì chúng ta cùng một tổ quốc với những người xấu số kia, viên tướng nói, đập đập ngón tay xuống chiếc cặp. Ông không thương xót họ sao?

- Xin ông đừng sỉ nhục tôi, ông linh mục nói. Tôi thiết tha gắn bó với tổ quốc cũng không kém gì ông.

Viên tướng mỉm cười.

- Ông có biết không? Tôi thấy những lời lẽ chúng ta trao đổi với nhau ba ngày hôm nay giống y hệt những mẫu đối thoại trong những vở kịch hiện đại, tuy những vở đó thật ra rất tẻ.

Ông linh mục cũng mỉm cười.

- Sự đời nó vẫn thế đấy. Lời lẽ của bất kỳ ai, về một khía cạnh nào đó, bao giờ cũng giống đối thoại trong những vở bi hoặc hài kịch.

- Ông có thích sân khấu ngày nay không?

- Có, trong một chừng mực nào đó.

Viên tướng nhìn chăm chăm vào cặp mắt ông linh mục hồi lâu rồi mới nhìn đi chỗ khác.

- Tội nghiệp những người lính xấu số của tôi, thốt nhiên ông nói như vừa tỉnh một giấc mơ. Nghĩ đến họ mà lòng tôi đau xót. Tôi có cảm giác, lúc này tôi như một ông bố nuôi chăm sóc lũ con của những người khác đã vứt bỏ lại. Đôi khi, người ta thương những đứa con này hơn cả con đẻ. Nhưng tôi làm gì được cho họ bây giờ? Làm thế nào để trả thù được cho họ?

- Tôi cũng rất đau lòng, ông linh mục nói. Nhưng, nếu trái tim tôi có chảy máu, thì nó cũng sôi lên vì căm hờn.

- Vén vén mấy bản danh sách và mấy tờ biên bản này trong tay, chúng ta hoàn toàn bất lực. Chúng ta phải đi tìm kiếm từng người một. Đến nông nỗi này thực buồn quá!

- Số mệnh là thế.

Viên tướng lắc đầu.

«Lại y như trên sân khấu», ông tự nhủ. «Tay linh mục này cứ như là gỗ đá ấy», ông nghĩ bụng. «Nhưng, dẫu sao mình vẫn muốn biết lão ta có gỗ đá như thế với người vợ góa đẹp của đại tá Z không?» Ông cố hình dung xem ông linh mục xử sự ra sao khi còn có một mình với một người đàn bà đẹp như vậy, y sẽ vén cái áo thầy tu như thế nào để quỳ xuống trước người đẹp. «Chỉ do mục ấy thích hăn hay là mục hám lợi? Có thực có chuyện gì giữa hai người không?... Mà nghĩ cho cùng, cái đó có quan hệ quái gì đến mình!...» ông nghĩ bụng.

Có tiếng nói ở chỗ đài thu thanh của phòng khách khiến ông chú ý. Ông lắng tai nghe. Ông thấy tiếng Albania cộc cằn thế nào ấy. Ông đã nhiều lần nghe thấy những người nông dân Albania đến giúp việc bốc mộ nói với nhau tại các nghĩa địa. «Và những người đã chết kia, chắc hẳn cũng đã từng nghe thấy cái thứ tiếng nói oan nghiệt ấy... Có lẽ đây là buổi phát thanh tin tức», ông thầm nghĩ. Thực vậy ông nghe được mấy tiếng quen quen như: «Tel Aviv, Bonn, Lào...»

«Biết bao nhiêu là thành phố rải rác trên khắp trái đất!» ông nghĩ bụng, và đầu óc ông lại nghĩ đến tất cả những người lính từ biết bao xứ sở khác nhau kéo đến đất Albania này, nghĩ đến những tấm bảng bằng tôn gỉ, những cây thánh giá, những dấu vết trên mặt đất, những tên người viết nguệch ngoạc. Nhưng, phần lớn các ngôi mộ không có một dấu vết gì để phân biệt. Tệ hơn nữa, đa số những người chết mà họ tìm kiếm lại không có phần mộ riêng. Người ta chôn họ trong những hố chung, chất đống ngay trong bùn. Thậm chí, có những người đến nằm trong bùn cũng không, mà chỉ có tên trên danh sách.

Họ đã tìm thấy hài cốt một người trong nhà bảo tàng của một thành phố nhỏ xíu ở miền Nam. Nhà bảo tàng này do mấy thị dân thiết tha với quá khứ của thành phố quê hương đã dựng lên. Trong một gian phòng nhỏ sâu thẳm của tòa thành cổ, họ đã tìm thấy một xác người trong số các di chỉ khác. Suốt mấy tuần, ở tiệm cà phê, các nhà khảo cổ nghiệp dư đã đưa ra đủ thứ giả định về nguồn gốc đám xương đó. Thậm chí, có hai người đang viết



một bài báo đưa ra những thuyết táo bạo và uyên bác, định cho đăng trên một tờ tạp chí. Vừa khi đó thì nhóm mấy người đi tìm hài cốt này đến. Anh cán bộ chuyên môn tình cờ đến thăm nhà bảo tàng, và lập tức nhận ngay ra bộ xương có đeo hình trái tim. (Trong bài báo của họ, hai nhà khảo cổ nghiệp dư nọ đưa ra hai giả thuyết về nguồn gốc của hình trái tim đó: theo họ, thì đây là một vật trang sức hoặc là một thứ tiền thời La Mã). Nhưng chuyến đi thăm nhà bảo tàng của anh cán bộ chuyên môn đã chấm dứt mọi ước đoán. Chỉ còn lại một điểm cần xác định là làm thế nào mà tên lính đó lại lọt vào được trong khu thành cổ đường lối ngoắt ngoéo này, và tại sao y lại đã vào đó.

- Tôi cứ ngẫm nghĩ không biết tên lính này là ai, viên tướng nói.

- Tên lính nào? Ông linh mục nói lại.

- Thì chúng ta chẳng đã tìm ra tên đó rồi đấy sao?

- Đúng thế, viên tướng nói, nhưng tôi muốn biết xem nó có phải là một trong những người có cha mẹ đến tận nhà gặp chúng ta không.

- Có biết bao nhiêu người đến khẩn khoản chúng ta chú ý đến người thân của họ! Ông linh mục nói. Làm thế nào mà nhớ hết tất cả những tên ấy được?

- Quả có thể, nhớ sao cho xuể. Vả lại, có nhiều tên trùng nhau quá. Các bản danh sách thì dài dằng dặc, mà về phần tôi, tôi không sao nhớ nổi một lời căn dặn nhờ vả nào của họ nữa.

- Cũng là một tên lính như trăm nghìn tên lính khác, ông linh mục nói.

- Cần gì đến tất cả những tên họ và những thẻ nhận dạng hết sức chi tiết này, viên tướng nói. Mà xét cho cùng, một đồng xương tàn thì còn có thể mang được một cái tên gì nữa?

Ông linh mục lắc đầu như muốn nói: «Chúng ta đành phải chịu vậy, biết làm thế nào khác được!»

- Đáng lẽ tất cả bọn này phải mang cùng một tên, cũng như chúng đeo những hình trái tim giống hệt nhau, viên tướng lại nói.

- Ông linh mục nín lặng không trả lời.

Từ quán rượu bên dưới, tiếng nhạc vẫn vọng lên đến tai họ. Viên tướng hút thuốc lá liên miên.

- Họ giết chết người của mình nhiều quá, thật kinh khủng, ông nói như trong giấc mơ.

- Vâng, có thể.

- Cả chúng ta nữa, chúng ta cũng đã giết chết rất nhiều người của họ, viên tướng nhắc lại. Mồ mả người của họ rải rác khắp đất nước. Ví thử ở đâu cũng chỉ thấy những bãi tha ma tro bụi của binh sĩ ta thôi, thì kể cũng đáng buồn tội thật!

Ông linh mục lắc đầu, nhưng không để lộ ra là mình tán thành hay không tán thành ý kiến của viên tướng.

- Cũng chẳng tự an ủi được bao nhiêu, viên tướng nói.

Ông linh mục lại lắc đầu như để nói: «Đành chịu vậy, làm gì được».

- Tôi không hiểu ông nghĩ sao, viên tướng nói, ông có thấy đây là một niềm an ủi cho chúng ta hay không?

Ông linh mục dang hai tay mở xò cả năm ngón, nói:

- Tôi là người tu hành, tôi không thể tán thành việc giết người được.

- À, viên tướng nói.

Cặp vợ chồng sắp cưới đứng dậy đi ra khỏi phòng khách.

- Hai bên đã tàn sát nhau dữ dội, viên tướng nói. Bọn quý ấy, lúc đánh nhau chúng thực hăng.

- Cái đó cũng dễ hiểu thôi, ông linh mục nói. Ở họ, không có lòng can đảm của ý thức. Cái đó chỉ là do bản chất tâm lý của họ mà thôi.

- Tôi không hiểu ý ông muốn nói gì, viên tướng nói.

- Có gì đâu, ông linh mục nói tiếp. Trong chiến tranh, có những người hành động theo lý trí, dù lý trí đó vững vàng hay bấp bênh; một số khác hành động theo bản năng.

- Đúng!

- Dân Albania là một dân tộc thô bạo và lạc hậu. Đứa trẻ vừa lọt lòng ra là người ta đã đặt một khẩu súng vào nôi của nó rồi, vũ khí đó trở nên một bộ phận cấu thành của đời họ.

- Có thể, viên tướng nói, ngay đến cái ô, họ cũng cầm như thể cầm súng vậy.

- Ngay từ khi họ còn thơ ấu, ông linh mục nói tiếp - khẩu súng đã trở thành một bộ phận hợp thành của con người họ, một yếu tố cấu tạo nên cuộc sống của họ, nên nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành bản chất tâm lý của người dân Albania.

- Lạ nhỉ!

- Nhưng, khi người ta đã nuôi dưỡng một thứ sùng bái một vật gì đó thì tất nhiên người ta thường hay ngứa tay muốn sử dụng nó. Và, với một khẩu súng, thì cách sử dụng nào là tốt nhất?

- Để giết, hẳn thế, viên tướng nói.

- Đúng rồi. Người Albania luôn luôn có cái thích thú giết người, hoặc để người khác giết mình. Không tìm được kẻ thù nào thì họ giết lẫn nhau. Ông đã nghe nói về những chuyện phục thù của họ chưa?

- Đã.

- Chính là một thứ bản năng truyền kiếp đã đẩy họ đến chiến tranh. Bản chất con người họ yêu cầu như vậy, đòi hỏi như vậy. Thời bình, người dân Albania lờ đờ, ngủ gà ngủ gật như rắn mùa đông. Chỉ trong chiến đấu cái khí lực của họ mới bộc lộ ra hết được.

Viên tướng gật đầu.

- Chiến tranh là điều kiện bình thường của đất nước này. Chính vì vậy mà người dân ở đây mới hung dữ đến thế, đáng sợ đến thế, và khi họ đã đánh thì không còn có giới hạn nào nữa.

- Nói cách khác nghĩa là dân tộc đó, với lòng thèm khát tiêu diệt kẻ khác hoặc tự tiêu diệt mình hằng nung nấu họ, tương lai sẽ bị diệt vong, viên tướng nói.

- Tất nhiên.

Viên tướng tiếp tục nốc rượu. Lúc này, lưỡi ông ta đã tít lại rồi.

- Ông căm ghét người Albania phải không? Ông bỗng hỏi.

Ông linh mục nhăn mặt mỉm cười.

- Không, tại sao?

Viên tướng cúi xuống nói thầm vào tai ông linh mục. Ông này có một cử chỉ nhỏ tỏ ra kính trọng khi ngửi thấy hơi thở nồng nặc mùi rượu.

- Ông còn phải hỏi tại sao ư? Viên tướng hạ thấp giọng xuống. Tôi biết rất rõ là ông cũng như tôi, tôi thù ghét người Albania, nhưng lúc này chúng ta nói ra không lợi.

## CHƯƠNG IV

HAI người chúc nhau ngủ ngon và viên tướng, sau khi đóng cửa phòng, ngồi vào cái bàn nhỏ trên có một ngọn đèn có chao úp chiếu sáng. Tuy đêm đã khuya mà ông vẫn chưa thấy buồn ngủ. Chiếc cặp để trên bàn; ông quen tay, bất giác cầm lấy, rồi rút ra những bản danh sách rất dày và cứ bốn, năm hoặc mười tờ lại kẹp lại làm một. Ông đọc lướt qua và lần này không biết là lần thứ bao nhiêu rồi, ông đọc lại những tiêu đề viết hoa trên mỗi bản danh sách. «Trung đoàn Vinh quang», «Sư đoàn 2», «Tập đoàn quân số 2», «Sư đoàn thép», «Tiểu đoàn sơn chiến số 3», «Đơn vị đặc biệt số 3», «Trung đoàn vệ binh số 5», «Sư đoàn Chiến Thắng», «Sư đoàn 7 bộ binh», «Tiểu đoàn xanh» (đơn vị trừng phạt)... Ông dừng lại bản danh sách cuối cùng một lát. Tên viên đại tá Z ghi trên đầu, rồi theo thứ tự vần chữ cái, đến tên những người tử trận khác, sĩ quan, hạ sĩ quan và lính, xếp theo từng tiểu đội, từng đại đội. «Tiểu đoàn xanh, cái tên nghe hay đấy», viên tướng nghĩ bụng.

Ông để sang một bên những bản danh sách gốc, kê tên từng người và lấy ra những bản danh sách khác chỉ chít những câu ghi chú và những dấu chữ thập đỏ nhỏ ở bên lề. Đây là những bản ghi, những chỉ dẫn cụ thể để giúp cho việc tìm kiếm được dễ dàng. Tên các quân nhân trong các bản này không xếp theo đơn vị của họ mà theo địa điểm nơi họ đã hy sinh, bên cạnh mỗi tên có ghi độ cao chiếu theo bản đồ trắc địa, cùng tầm vóc cao thấp và những đặc điểm của hàm răng họ. Bên cạnh tên những người đã tìm thấy hài cốt có đánh dấu một chữ thập đỏ, nhưng con số này còn ít lắm.

«Đáng lẽ phải sao những kết quả này ghi sang các bản danh sách gốc và tổng kê kết quả chuyển đi đầu tiên mới phải, viên tướng nghĩ bụng, nhưng đêm đã khuya quá rồi.»

Không biết nên làm gì, bất giác ông lại đọc lại. Trên các bản danh sách có ghi những chỉ dẫn chi tiết, các tiêu đề được dịch ra ghi giữa hai ngoặc đơn, và tất cả tên các thung lũng, đèo, cao nguyên, sông ngòi và thành

phố đó, đã chia nhau những người chết kia, mà giờ đây ông đến để giành giật lại.

Một lần nữa, mắt ông dừng lại trên một bản danh sách. Đây là «danh sách những người mất tích», và tên viên đại tá Z lại thấy ghi ngay trên đầu. «Một mét tám mươi hai, răng cửa số một bên phải bằng vàng», viên tướng đọc rồi xem kỹ cho đến hết cả bản danh sách. «Một mét bảy mươi tư, khuyết hai răng trước răng hàm trên; một mét chín mươi, răng cửa cầu nổi bằng kim loại; một mét bảy mốt, hai hàm răng đủ; hai mét mười; thẳng cha này hẳn phải cao nhất trong bản danh sách. Không biết đứa cao nhất tất cả thì cao bao nhiêu nhỉ? Còn đứa thấp nhất thì mình biết rõ, nó cao một mét năm mốt, điều lệnh quy định là như vậy. Những đứa cao lớn nhất nói chung là thuộc trung đoàn vệ binh số 4, những đứa thấp nhất thuộc các đơn vị sơn chiến. Ở hay, mình nghĩ đến những cái vợ vẫn gì vậy!»

Ông ta tắt đèn đi nằm. Ông không sao ngủ được. Ông thầy hỏi: «Lẽ ra lúc tối mình đừng uống cốc cà phê chó chết ấy thì phải.»

Ông nhìn đăm đăm lên trần nhà quét vôi trắng, trên trần chốc chốc lại có ánh đèn pha ô tô qua lại trên đại lộ, quét lên. Ánh sáng xuyên qua những tấm màn màn buông nửa chừng, hắt lên trần nhà thành từng sọc và ông có cảm giác đang nhìn tấm màn của chiếc máy X quang, có những người lạ mặt lần lượt đứng vào để khám.

«Danh sách để kia, bữa bãi trên mặt bàn», ông nghĩ bụng và bỗng thấy rùng mình. «Giá mình đem cả vợ cùng đi mà lại hóa hay. Như thế có phải giờ đây hai vợ chồng đã đang nằm bên cạnh nhau, trong bóng tối, nói chuyện khẽ với nhau và mình sẽ nói cho bà ta biết mọi nỗi lo âu của mình. Duy có điều bà ấy thế nào cũng sẽ đâm lo như mấy ngày trước khi mình đi Albania vậy!»

Mấy ngày cuối cùng hồi đó thực khác hẳn mọi ngày trong cuộc sống bình thường của ông, những ngày ấy mang lại một nhân tố mới lạ, lần đầu tiên xen vào cuộc sống của ông. Thời tiết xấu đã trở lại, ông vừa ở bờ biển về thì có người khách đầu tiên đến nhà. Ông đang đọc sách trong phòng làm việc, người hầu gái vào báo là có một người muốn gặp ông ở ngoài phòng khách.

Người khách lạ đứng gần cửa sổ. Bên ngoài, trời đã xế chiều, trong vườn, cây cối nom như những đồng rơm lù lù trong bóng tối. Nghe cánh cửa kẹt mở, người khách quay lại và chào chủ nhà.

- Xin ngài thứ lỗi cho tôi đã đến quấy rầy ngài, người khách nói, giọng khàn khàn và trầm trầm, tôi được biết ngài sắp sang Albania để hồi hương hài cốt các tử sĩ của ta đã hy sinh ở bên ấy.

- Vâng, đúng thế, viên tướng nói. Tôi định nửa tháng nữa sẽ đi.

- Tôi có một việc muốn nhờ ngài giúp đỡ, người khách lạ nói và móc túi lấy ra một bản đồ nước Albania đã nhàu nát. Trước tôi có đi lính sang đánh nhau bên ấy hai năm.

- Ở đơn vị nào? Viên tướng hỏi.

- «Sư đoàn Sắt», tiểu đoàn 5, tiểu đội súng máy.

Ông cứ nói.

Người khách lạ cúi xuống tấm bản đồ cũ kỹ đã mở ra và sau một lúc tìm kiếm, lấy ngón tay trỏ đặt vào một điểm.

- Chính ở chỗ này, trong một chiến dịch quy mô lớn, vào giữa mùa đông, tiểu đoàn của tôi đã bị du kích Albania tiêu diệt. Những người sống sót, đêm hôm đó, chạy tan tác đi tứ phía. Tôi đi với một người bạn bị thương. Gần sáng thì anh ấy tắt thở, lúc tôi đang kéo anh ấy đến cổng một làng bỏ hoang. Một mình tôi chôn anh ta. Tôi đã gắng hết sức chôn kỹ ở sau ngôi nhà thờ làng, rồi tôi đi. Có thể thôi. Không ai có thể ngờ có ngôi mộ ở đó. Vì thế, hôm nay tôi đến đây gặp ngài. Tôi tha thiết yêu cầu ngài, khi qua vùng đó, đến tìm hài cốt anh bạn tôi để hồi hương cùng với những người khác.

- Tên anh ta chắc chắn có ghi trong «danh sách những người mất tích», viên tướng nói. Các bản danh sách đều rất chính xác, nhưng dẫu sao, ông đến tìm tôi thế này cũng là rất tốt, vì bao giờ cũng vậy, ít có hy vọng tìm thấy những người «mất tích.» Trường hợp tìm ra được, thường chỉ là ngẫu nhiên gặp may thôi.

- Tôi cũng đã cố gắng vẽ một bản sơ đồ nhỏ, người lạ mặt vừa nói vừa lấy ở trong túi ra một mẫu giấy, trên đó có vẽ nguệch ngoạc bằng bút chì



bi một cái hình giống na ná một ngôi nhà thờ và ngay đằng sau là hai mũi tên, dưới có viết chữ «Mộ» bằng mực đỏ. Cách đây một quãng đường ngắn, người ấy nói tiếp, có một bể nước, và xa hơn nữa, về phía tay phải, có hai cây trắc ở chỗ này này, và người ấy lại đánh một cái dấu mới lên bản đồ, chỗ gần ngôi nhà thờ.

Tốt lắm, viên tướng nói. Tôi xin cảm ơn ông.

- Chính tôi phải cảm ơn ngài mới đúng, người khách nói. Anh ta là bạn chí thân của tôi. Người khách định nói thêm gì nữa, có lẽ là một chi tiết cụ thể, hoặc một mẩu chuyện nhỏ, nhưng nhìn vẻ nghiêm khắc trang trọng của viên tướng, người khách không dám nói thêm. Rồi người ấy xin cáo biệt, mà viên tướng cũng không hỏi xem tên tuổi, địa chỉ cùng nghề nghiệp của người khách là gì. Đây chỉ là buổi đầu.

Từ đó, cứ chiều chiều, ông lại nghe thấy chuông réo liên tiếp và có những người lạ mặt khác đến ngồi đầy phòng khách. Họ thuộc đủ mọi tầng lớp, làm đủ mọi nghề, phụ nữ có, bố mẹ già của các người lính có, cựu chiến binh có, và tất cả, người nào cũng rụt rè, người nào cũng có vẻ mặt giống nhau khi họ ngồi trên chiếc tràng kỷ to đợi đến lượt mình được tiếp. Rồi lại có những người khác từ các thành phố, từ nhiều tỉnh khác nhau đến. Những người này ngồi đợi ở phòng khách, vẻ mặt còn ngượng ngùng hơn nữa, họ lúng túng, không nói rõ được ý mình; những tài liệu họ có thể cho biết về người thân của họ bị chết ở Albania, đều rất sơ sài và không có gì là chắc chắn.

Viên tướng ghi vào một cuốn sổ tay tất cả những gì người ta nói với ông, miệng luôn luôn nhắc lại:

- Các vị đừng lo. Các bản danh sách do Bộ chiến tranh lập ra đều rất chính xác, và dựa vào những chỉ dẫn chi tiết của các bản đồ, thế nào chúng tôi cũng sẽ tìm thấy được hết tất cả. Nhưng dù sao, tôi cũng cứ ghi lại tất cả những điều các vị cho biết thêm. Sau này, những cái đó rất có thể sẽ giúp ích cho chúng tôi.

Khách lục tục ra về, sau khi đã cảm ơn ông, và hôm sau, cảnh đó lại tiếp diễn, có những người đến, áo mưa ướt sũng. Tuy lúc đi trên tấm thảm dày, họ đã cố gắng hết sức thận trọng, nhưng vẫn in dấu giày của họ lên đó.

Có những người sợ không có tên người thân của mình trong danh sách, có những người đưa ra những bức điện nhận được của bộ chỉ huy trong thời gian chiến tranh cho biết ngày tháng và địa điểm người lính đã «hy sinh trên trường danh dự», lại có một số khác, nhất là các ông bố bà mẹ già, họ không tin là chỉ bằng vào những chỉ dẫn ghi trên các bản danh sách mà có thể tìm thấy được con trai họ, nên sau khi đã năn nỉ một lần nữa, khẩn khoản xin viên tướng hết sức cố gắng trong việc tìm kiếm, họ ra về, vẫn cảm thấy tuyệt vọng.

Tất cả, người nào cũng có một mẩu chuyện nhỏ để kể và viên tướng đã nhẫn nại lần lượt lắng nghe hết, từ những chị phụ nữ giờ đây đã đi lấy chồng khác, lúc này, giấu chồng mới, đến đây lo lắng cho số phận người chồng đầu tiên của họ, đến những cậu con trai hai mươi tuổi, mặc «săng đay» và áo khoác, chưa hề bao giờ biết mặt người cha đã tử trận của họ.

Tuần cuối cùng trước ngày đi, số khách đến lại càng đông. Ở Bộ tham mưu về, viên tướng thấy phòng khách nhà mình chật ních những người. Gian phòng nom như hành lang một bệnh viện đầy con bệnh ngồi chờ được khám, nhưng ở đây thật là im phăng phắc. Khách đều nín lặng hàng giờ không nói, mắt nhìn xuống những hình vẽ trên tấm thảm; họ chỉ ngẩng đầu lên khi có người bước vào, cũng lẳng lặng đến ngồi vào một xó.

Có những người khác khoác tay nải từ những làng xa đến: họ ngồi vào, đặt tay nải xuống chân. Còn ở trước cổng, cái làm viên tướng chú ý ngay từ lúc xuống xe là những chiếc xe đạp để dựa vào hàng rào và đôi khi là một chiếc ô tô đỗ bên vỉa hè. Sau đó, ông đi thẳng vào phòng khách. Ở đây, mùi quần áo bằng len thô ẩm ướt của mấy bác nhà quê bốc lên nồng nặc, lẫn vào mùi nước hoa thơm của một bà sang trọng nào đó xộc vào mũi ông. Lúc ông bước vào, mọi người đều kính cẩn đứng dậy, vẫn lặng lẽ như trước, không ai nói một câu, biết rằng chưa phải lúc trình bày câu chuyện.

- Ba ơi ba, mấy đứa con ông quây lại hỏi, khi ông đã cởi áo khoác ngoài, ngồi vào bàn trong buồng ăn, những người này là những người nào thế hở ba?

Viên tướng vừa cười vừa nói đùa mấy câu để lảng tránh sự tò mò của lũ trẻ. Nhưng chúng vẫn cứ nằng nặc hỏi mãi.

- Họ đi ra trận đấy ư, hờ ba? Đứa con trai hỏi.
- Không, họ đã ở mặt trận về rồi.
- Thế họ đến đây để làm gì?
- Họ có người nhà đang tại ngũ nên muốn nhờ ba chuyển hộ thư và quà.

Ăn xong, ông ra phòng khách, khách bấy giờ mới lần lượt trình bày trường hợp của mình. Những lời họ nói mới giống nhau làm sao! Những điều ông nghe họ kể trở thành quen thuộc quá khiến ngày nào ông cũng có cảm tưởng đang sống lại ngày hôm trước. Nhiều khi, các bà, các chị đến hỏi về số phận con trai hoặc chồng mình, đã không nén được òa lên nước nở khóc khiến viên tướng càng thấy bồn chồn sốt ruột.

- Thôi đủ rồi, một hôm ông đã phải kêu lên với một bà cứ khóc hoài, đây không phải chỗ các bà đến than khóc. Con trai bà đã hy sinh trên trường danh dự, nơi tổ quốc cử anh đến. Anh ấy đã hy sinh anh dũng.

- Thứ anh dũng mới oan nghiệt làm sao! Người đàn bà lẩm bẩm.

Một hôm khác, một người cao lớn vừa mới bước vào đã kêu lên từ ngưỡng cửa:

- Chuyển đi này của các ông chỉ là một chuyển lừa bịp. Viên tướng giận tái người đi.

- Đây là giọng lưỡi quân phản bội. Cút ra ngay?

Vào khoảng giữa tuần, trong số những người chờ đợi, ông chú ý đến một bà cụ già lụ khụ có một em gái nhỏ đi theo. Bà cụ coi có vẻ yếu lắm, ông liền đi thẳng đến gặp.

- Con trai tôi nó vẫn ở bên ấy, bà cụ nói, tiếng rất khẽ, đứa con trai độc nhất của tôi; rồi bà cụ rút ở trong túi áo ra một cái túi nhỏ, hay tay run run mở túi, lấy ra một bức điện, lâu ngày đã vàng ố, đưa cho ông. Ông đọc cái công thức thường lệ của ban chỉ huy quân sự vẫn gửi báo cho cha mẹ biết tin con họ đã hy sinh, và ông chú ý đến đoạn cuối cùng «Hy sinh trên trường danh dự Stalingrad».

Ông định giải thích cho bà cụ.

- Thưa cụ, tôi rất tiếc, nhưng tôi sang Albania chứ không sang Nga.

Bà cụ đưa đôi mắt mờ đục nhìn ông một lát, chắc không hiểu ý nghĩa câu ông nói.

- Tôi đến yêu cầu ông một việc, bà cụ nói lại, liệu ông có thể tìm hỏi để biết được con tôi chết ở đâu và chết thế nào không, lúc nó sắp chết có ai ở bên cạnh nó, đã cho nó uống nước và nó trần trối những gì.

Viên tướng cố gắng nói để bà cụ rõ là ông không sang Nga, nhưng bà cụ vẫn không hiểu nên cứ nhắc lại lời năn nỉ của mình, trong lúc đó mọi người trong phòng khách ai nấy đều lặng lẽ nhìn nhau.

- Cụ ơi, cụ cứ yên tâm, cuối cùng, một người nhẹ nhàng bảo bà cụ, ông ấy sẽ hết sức cố gắng để cụ được hài lòng.

Nghe thế, bà cụ cảm ơn rồi đi ra, cái lưng còng rạp xuống, một tay chống gậy, một tay vịn vào vai em gái nhỏ đi theo. Ngày hôm sau, một người khác đến đưa ra một bức điện báo tin con trai ông ta đã chết ở Châu Phi; sau biết mình lầm, người ấy xin lỗi, ra về.

Hai ngày sau, một buổi chiều, một người vẻ mặt hết sức ủ rũ, ngồi đợi cho mọi người về hết, mới nói với viên tướng:

- Trước kia tôi cũng đã làm tướng, cầm quân đánh nhau ở Albania, giọng nói có vẻ bức tức.

Cả hai khinh bỉ nhìn nhau một lát, người này khinh người kia là một tên tướng bại trận, người kia khinh lại người này là một viên tướng thời bình.

- Ông muốn gì? - Viên tướng đang tại chức lạnh lùng hỏi.

- Đúng ra tôi không muốn gì hết. Thật tình, tôi không chờ đợi chuyện gì nghiêm chỉnh ở các ông. Nói trắng ra là tôi không hoàn toàn tin các ông, và xét cho cùng, tôi thấy tất cả chuyện này là lỗ bịch. Nhưng vì ông đã lãnh nhiệm vụ rồi thì nhất định ông phải đi cho đến cùng thôi!

- Ông có thể nói rõ hơn được không?

- Tôi chẳng có gì để nói thêm cả. Tôi chỉ muốn nói cho ông biết trước thôi. Ông phải luôn luôn đề phòng, lúc nào cũng phải ngẩng cao đầu, đừng có bao giờ cúi đầu trước mặt chúng. Rồi đây, chúng sẽ khiêu khích ông, có thể là chế giễu ông nữa, nhưng ông phải biết đối đáp lại. Các ông

phải cảnh giác. Chúng sẽ mưu đồ làm nhục hài cốt binh sĩ chúng ta. Tôi biết rõ chúng lắm. Trước kia, chúng vẫn thường nhạo báng chúng tôi. Ngay hồi đó, chúng cũng còn coi chúng tôi chẳng ra gì thì bây giờ chúng sẽ có thể làm những chuyện gì nữa!

- Tôi sẽ nhất thiết không dung thứ những thái độ như vậy.

Người khách nhìn ông ra vẻ thương hại, như thể sắp sửa báo: «Khốn nạn anh chàng!», rồi lẳng lặng đi ra, không thềm chào lấy một câu.

Ba ngày sau, ba ngày cuối cùng trước khi ông đi, phòng khách lúc nào cũng chật ních những người. Ngán những công việc ấy, giờ đi ông muốn đi thực sớm. Vợ ông trở nên hết sức bứt rứt, nóng nảy.

Một buổi tối, hai vợ chồng nằm sóng đôi nói chuyện, vợ ông nói ra cái điều bà vẫn đang băn khoăn:

- Hay ông từ chối không đi nữa! Tôi có cảm tưởng thần chết đã bước chân vào nhà này!

Ông hết sức dỗ dành cho vợ an tâm, nhưng chính bản thân ông đêm đó cũng chỉ chợp mắt được gọi là một chút. Ông có cảm tưởng như ngày hôm sau phải đi ra mặt trận.

Ngay buổi sáng hôm ra đi ông vẫn còn phải tiếp một người khách cuối cùng. Trời mới tinh mơ, vì phải ra sân bay rất sớm, ông ra vườn mở cửa nhà để xe, thì đã thấy hai người ngồi chồm hồm, trùm một chiếc chăn to tướng, dựa vào hàng rào sắt ngủ: một ông cụ già và một chú thanh niên, cháu trai ông cụ. Hai ông cháu từ một miền biên giới xa xôi tới. Họ đã đi mấy ngày đường, tới đây ban đêm bằng chuyến tàu cuối cùng. Không dám bấm chuông gọi lúc đêm hôm khuya khoắt, họ lăn ra ngủ trên vỉa hè, đợi trời sáng.

Viên tướng nhắc lại lần cuối cùng những câu mà ông đã nói đi nói lại không biết bao nhiêu lần: «Các bản danh sách đã được kê rất tỉ mỉ, cụ đừng lo, chúng tôi sẽ tìm thấy». Ông cụ nhà quê gật gật đầu cảm ơn, vừa nhặt cái chăn mà hai ông cháu lúc nghe tiếng công mở két, đã giật mình thức giấc, đánh rớt xuống đất.

Tất cả chỉ có thế. Hai tuần lễ cuối cùng từ lúc viên tướng rời bãi biển về sống ở nhà, đã qua đi như vậy.

## CHƯƠNG V

HAI người lại lên đường. Trời mưa phùn. Từ mấy tuần nay họ đã đi qua những vùng hiểm trở, làng mạc thưa thớt. Chiếc xe con đi đầu, chiếc xe tải chở công nhân và dụng cụ theo sau. Trên đường, xe cộ và người qua lại rất đông. Những người nhà quê bận quần áo chêm may bằng vải len dày màu đen, qua lại liên tiếp, họ đi bộ, cưỡi ngựa hoặc ngồi bám đằng sau những chiếc xe tải. Viên tướng chăm chú quan sát địa hình. Ông cố hình dung chiến thuật của các đạo quân giao tranh chắc đã phải áp dụng trong những cuộc chiến tranh đã xảy ra trên đất nước này, và đặc biệt, chiến thuật riêng của nhân dân ở đây.

Tại một cái quán không xa trung tâm một thị trấn nhỏ bao nhiêu, thấy có bán báo. Rất đông người chen chúc nhau xung quanh cửa quầy. Một số người đứng lại đọc, một số người khác vừa đọc báo vừa đi ra.

- Người Albania ham đọc báo quá, thốt nhiên viên tướng nói.

Ông linh mục ngồi trong một góc xe chọt như tỉnh giấc.

- Cái đó rất dễ hiểu, ông đáp lại, vì họ bị cô lập quá. Xung quanh toàn là những cường quốc thù địch bao vây.

- Một nước nhỏ xíu mà lại bị phong tỏa... Kỳ quặc thật.

- Đúng thế, trong hoàn cảnh như vậy họ sẽ khó mà đứng vững được.

- Một dân tộc gớm thực, viên tướng nói. Rõ ràng là không thể khuất phục họ bằng sức mạnh được. Họa may trước cái đẹp họ có cúi đầu chăng.

Ông linh mục cười.

- Tại sao ông lại cười?

- Vì câu ông vừa nói không phải là của một vị tướng mà là của một triết gia.

Viên tướng ngắm nhìn cảnh vật u ám chìm trong sương mù, những sườn núi trơ trụi và vô số những tảng đá nhỏ đủ các cỡ, nằm rải rác đầy mặt đất. Ông cảm thấy một nỗi buồn tê tái tràn ngập trong lòng. Đã một tuần nay, họ chỉ trông thấy toàn những sườn núi đá lởm chởm như vậy. Ông



tưởng như đằng sau cái vẻ trơ trụi hoang dã ấy, những sườn núi kia còn giấu kín một bí mật rừng rợn bi thảm.

- Một đất nước thật bi thảm, ông nói. Quần áo họ mặc cũng có một cái gì bi thảm. Ông hãy nhìn cái áo khoác đen và cái váy mà những người phụ nữ kia mà xem.

- Vâng.

- Ông thấy rõ có phải là bi thảm không?

- Ông mà nghe họ hát thì không biết ông sẽ nói thế nào. Còn thể thảm gấp bội. Cái đó là do số phận nước này vốn phải chịu. Trải qua bao thế kỷ, không có một dân tộc nào đã phải chịu một số phận buồn thảm hơn. Chính vì thế mà họ có cái tính thô bạo, dữ tợn ấy.

- Thế họ không có những bài hát vui à?

- Không. Rất ít.

Ô tô lao xuống theo một con đường núi. Trời lạnh. Thỉnh thoảng có những chiếc xe tải leo lên, máy rú rầm rầm. Trên một sườn núi, sừng sững một nhà máy lớn đang xây dở. Phong cảnh trơ trụi khiến cho toàn cảnh công trường quy mô đồ sộ nổi bật lên trên nền sương mù.

- Đây là một nhà máy đúc đồng, ông linh mục nói.

Ở các ngã tư, từng quãng một lại xuất hiện những lô cốt vuông, tròn hoặc lục giác, có trống những lỗ châu mai nhìn xuống mặt đường. Cứ đến mỗi chỗ ngoặt, chiếc xe lại đi vào tầm bắn của những lô cốt ấy, và viên tướng lại nhìn chăm chăm vào những cái khe hẹp bỏ không đó, phía trước chỉ có nước chảy nhỏ giọt.

«Thế là thoát!» ông nghĩ bụng mỗi khi chiếc xe đi ra khỏi tầm bắn, nhưng đến chỗ rẽ sau, một lô cốt khác lại như từ dưới đất đột ngột mọc lên, và chiếc xe lại như nằm trong tầm hỏa lực của nó. Viên tướng ngăm nhìn nước chảy ròng ròng trên mặt kính xe và đôi khi vừa chột thiu thiu ngủ, ông lại có cảm giác kính xe bị đạn bắn vỡ vụn, và giật mình thức giấc. Nhưng cái lô cốt vẫn im lìm, hoang vắng. Nếu nhìn kỹ những lô cốt ấy từ đằng xa, ta sẽ nghĩ đến những công trình điêu khắc của Ai Cập, bề ngoài nom lúc thì lạnh lùng đầy vẻ khinh thị, lúc thì bí hiểm khó hiểu, theo cách sắp đặt các lỗ châu

mai. Nếu lỗ châu mai đục thẳng đứng, các lỗ cốt nom có vẻ hung dữ nạt nộ, khiến người ta nhớ tới một con quỷ nào đó, trái lại, khi các lỗ đục nằm ngang thì bề ngoài kỳ quặc của chúng lại có vẻ lạnh lùng, khinh thị.

Khoảng giữa trưa, họ xuống tới đồng bằng và cuối cùng, đến một làng có nhà cửa rải rác hai bên vệ đường. Mưa đã tạnh. Theo thói quen, lũ trẻ bâu lại xung quanh chiếc ô tô. Chúng gọi nhau từ đường cái. Chiếc xe tải đỗ sau chiếc xe con, cách vài thước. Mấy người thợ lần lượt nhảy xuống đất và vung chân, vung tay tại chỗ cho đỡ tê cóng.

Dân làng đi qua đều dừng lại nhìn đám người lạ. Hình như không phải họ không biết mục đích của những người này đến đây để làm gì. Điều đó có thể thấy rõ trên gương mặt họ, nhất là những phụ nữ. Cái vẻ bí hiểm khó hiểu trong con mắt người dân Albania, giờ đây, viên tướng đã biết rõ.

«Chúng ta làm cho họ nhớ lại cuộc xâm lược trước đây», ông nghĩ bụng, «và từ vùng này qua vùng khác cuộc chiến đấu trước kia càng ác liệt bao nhiêu thì gương mặt người dân ở đây càng bí hiểm khó hiểu bấy nhiêu.»

Đến chỗ ranh giới địa phận làng này, trên một mảnh đất bỏ hoang, có rất nhiều ngôi mộ xếp thành hàng. Khu nghĩa địa có một bức tường nhỏ, bị đổ vỡ mấy chỗ bao quanh. «Tất cả những người yên nghỉ ở đây đều là người của ta cả», viên tướng nghĩ thầm. Ông co ro khép kín chiếc áo đi mưa dài. Cách xa đấy một chút, ông linh mục đứng im bất động, trông như một cây thánh giá đen sì kiểu Mexico. «Rất dễ hiểu họ đã bị bao vây như thế nào», viên tướng ngẫm nghĩ. «Hẳn họ đã định tháo chạy qua chiếc cầu bắc qua con sông và chính ở nơi đó họ đã bị quét gục hết. Không biết thằng sĩ quan ngu ngốc nào đã đem nhét cả bọn vào trong tổ ong vò vẽ này? Trên các tấm bảng con không thấy ghi gì về chuyện này cả».

Anh cán bộ chuyên môn Albania bắt đầu làm những thủ tục thường lệ. Đàng xa còn thấy có những ngôi mộ khác. Những ngôi này ở sát ngay bên cạnh làng, cái nào cũng có một ngôi sao đỏ cắm trên đầu. Viên tướng nhận ra ngay đâu là «nghĩa trang liệt sĩ», như người dân ở đây vẫn quen gọi những nơi chôn các chiến sĩ du kích của họ. Nơi đây, có bảy đồng bào của ông được chôn cất bên cạnh những chiến sĩ Albania. Trên những tấm bảng nhỏ bằng tôn, cái nào cũng có một ngôi sao đỏ, người ta có thể đọc thấy mấy

dòng chữ viết đầy lỗi chính tả, ghi tên các quân nhân đó, quốc tịch của họ và ngày tháng họ chết, tất cả mấy người này đều chết cùng một ngày. Trên một phiến đá có ghi mấy câu sau đây: «Những người lính nước ngoài này đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu bên cạnh du kích Albania chống lại lực lượng của Tiểu đoàn Xanh, ngày 17 tháng ba năm 1943».

- Vẫn lại cái tiểu đoàn Xanh, viên tướng vừa nói vừa bước trên những lối đi nghĩa địa. Đây là lần thứ hai ta tìm thấy dấu vết của đại tá Z. Theo các bản danh sách của ta thì phải có hai người lính thuộc tiểu đoàn ông ta chôn ở làng này.

- Phải hỏi những người ở đây xem họ có biết gì về ông đại tá không, ông linh mục nói, mặc dầu vào tháng ba năm 1943 ông ta vẫn còn sống.

- Đúng thế, nhưng chúng ta vẫn cứ phải hỏi xem.

Trong khi những người khách còn đang bận điền vào những bản mẫu in sẵn ghi các khoản chi phí, thì dân làng đã lẳng lặng đến tụ tập dọc nghĩ địa. Rồi đến lượt mấy người đàn bà, ăn vận những quần áo đặc biệt của họ, cũng tiến ra. Bọn trẻ con sán lại gần hơn nữa, đứng trước mặt tất cả mọi người, ghé vào tai nhau thì thầm, đầu chúng vàng hoe lắc lắc theo. Tất cả đều nhìn theo nhóm người đi đi lại lại bên trong nghĩa địa.

Một bà cụ già lưng đeo một cái thùng nhỏ lại gần, khẽ hỏi:

- Họ đem chúng đi đấy chứ?

- Vâng, họ đem chúng đi đấy, có mấy người thì thầm trả lời.

Bà cụ, vai vẫn đeo cái thùng, đứng nhìn cảnh tượng trước mắt như mọi người khác. Được một lúc, bà cụ tiến lên mấy bước, bảo mấy người công nhân:

- Các anh dặn kỹ họ đừng để lẫn các anh ấy với bọn kia nhé. Các anh ấy, dân chúng tôi ở đây đã thương khóc theo tục lệ địa phương như người của chúng tôi đấy.

Viên tướng và ông linh mục quay lại phía bà cụ, nhưng bà cụ đã đi xa. Hai người còn trông thấy chiếc thùng nhỏ bà cụ đeo lắt lư một lúc, rồi bà cụ khuất sau một chỗ đường ngoặt.

Dân làng đứng rải rác dọc nghĩa địa vẫn im lặng đến nỗi tưởng đâu như không có họ ở đấy. Họ chăm chú theo dõi mỗi cử động của đám người kia, người nào cũng cố áo khoác ngoài bẻ cao lên vì rét, đi đi lại lại, có vẻ như tìm kiếm một vật gì mà không thấy.

- Công việc ở hai nghĩa địa sẽ bắt đầu vào ngày mai, viên tướng nói. Hôm nay ta hãy đi tìm hai người lính của «Tiểu đoàn Xanh» và người phi công bị hạ ở đây.

Cả làng ai cũng biết chuyện tên phi công. Mảnh máy bay của hắn rơi rải rác khắp khu rừng nhỏ ở phía bên kia làng. Xác tên phi công đã được chính dân làng ở đây chôn ngay cạnh xác máy bay của nó. Người ta không còn thấy dấu vết của ngôi mộ ngoài tảng đá to, hắn là để đánh dấu phía đầu. Chiếc máy bay thì bây giờ chỉ còn lại một đồng sắt vụn gì. Một người dân làng kể lại cho mọi người biết là người ta đã tháo dần tất cả những bộ phận có thể dùng được, từ những mảnh cao su, mảnh lốp, để đốt thay nển hồi còn chiến tranh, cho đến những bộ phận nặng bằng kim loại dùng được rất nhiều việc.

Hai công nhân bắt tay vào đào ngay. Số người còn lại đi vào trong làng.

Mưa tạnh đã từ lâu, nhưng các vết bánh xe bò, bánh máy kéo trên mặt đường hãy còn đầy nước. Thịnh thoảng, từng chỗ lại có những đồng rơm dùng đã hết một nửa, vẫn còn ướt sũng. Giữa những cây trắc, xa xa in hình gáo chuông của ngôi nhà thờ cổ và từ một cánh đồng nào đó ở phía bên kia, vẳng lại tiếng gầm rú âm âm của một chiếc máy kéo.

Họ ăn bữa trưa trên xe, rồi đến các câu lạc bộ hợp tác xã uống cà phê. Gian phòng của câu lạc bộ mù mịt khói thuốc lá và lúc đó, hầu như không còn một chiếc bàn nào trống. Một chiếc đài thu thanh mở hết nấc đang gào lên.

Dân làng chuyện trò oang oang. Cứ nhìn tóc họ nhạt màu vì nắng, da họ nhăn nheo, cũng đủ rõ họ là người dân đồng bằng. Âm thanh tiếng của họ nghe khác với người miền núi, dịu dàng hơn, êm tai hơn.

Viên tướng vừa nhắm nháp tách cà phê vừa đưa mắt đọc những khẩu hiệu viết bằng chữ đỏ trên tường. Ông chỉ biết lồm bồm được mấy chữ «chủ

nghĩa đế quốc», «chủ nghĩa xét lại», «Phiên họp toàn thể» và «Enver Hoxha» dưới một câu trích dẫn ngắn.

Một lát sau, anh cán bộ chuyên môn Albania đến với họ. Đi theo anh là một thanh niên mặc áo ngoài bằng nhung kẻ dày. Cả hai lại gần ba viên tướng đang ngồi, anh cán bộ chuyên môn giới thiệu:

- Đây là ông chủ nhiệm hợp tác xã. Đây là tướng...

Anh thanh niên nhìn người khách lạ với cặp mắt xám, vẻ hơi ngờ ngàng, rồi lại nhìn anh cán bộ chuyên môn.

Anh cán bộ nói:

- Sự việc là thế này. Tuần này chúng tôi định bóc mấy ngôi mộ trong hai khu nghĩa địa ở cạnh làng của đồng chí. Chúng tôi đã có công nhân riêng, nhưng để cho công việc chóng xong, chúng tôi muốn, nếu có thể được đồng chí giúp đỡ chúng tôi một tay thì càng tốt.

- Các ông cần thêm người chứ gì? Ông chủ nhiệm hợp tác xã hỏi.

- Vâng, đúng thế.

Người thanh niên có vẻ bối rối mất một lúc rồi mới nói:

- Sự thật là người của chúng tôi hiện giờ đang bận. Chả đang giữa mùa cày bừa, hơn nữa, năm nay thuốc lá và bông không tốt lắm. Nên...

- Nhưng công việc đây chỉ cần trong mấy ngày thôi, anh cán bộ chuyên môn ngắt lời, vả lại, xin nói để đồng chí biết là các xã viên sẽ được trả công đúng đắn. Các ông này (anh cán bộ đưa mắt chỉ viên tướng và ông linh mục) sẵn sàng trả công mỗi ngôi mộ ba mươi *lek*<sup>2</sup> mới, và nếu mộ có hài cốt người của họ, họ sẽ trả năm mươi *lek*.

- Chúng tôi sẽ trả hậu, viên tướng nói xen vào.

- Vấn đề không phải ở chỗ đó, ông chủ nhiệm hợp tác xã nói. Điều tôi muốn biết là việc này có được chính phủ cho phép không... tôi muốn nói...

- Cái đó đồng chí không phải lo, anh cán bộ chuyên môn nói. Tôi đã có giấy phép của Thủ tướng. Đây...

Ông chủ nhiệm đọc tờ giấy phép rồi suy nghĩ một lát.

- Dù sao, các ông cũng phải nói qua với Ủy ban huyện ở đây.

- Đồng ý! Anh cán bộ chuyên môn nói. Ngay ngày mai chúng tôi sẽ ra tỉnh.

- Về phần tôi, tôi có thể cung cấp cho các ông mười người trong ba hoặc bốn ngày.

- Vâng, thế là đủ.

Viên tướng cảm ơn và khách đứng dậy ra về.

Trong đoàn không ai biết gì về hai tên lính của Tiểu đoàn Xanh bị giết và chôn ở đây. Còn về viên đại tá Z, thì các cụ già nhớ rõ lắm. Hẳn qua đây hai lần cùng với tiểu đoàn của hắn, lần nào chúng cũng đốt làng. Đám trẻ thì chỉ nhớ là hồi ấy, chúng phải trèo lên đỉnh đồi, dân làng phải bỏ cả của cải và gia súc trốn lên đấy, và từ trên cao đứng nhìn nhà cửa bị đốt cháy.

Không ai nghe nói gì về hai tên lính. Có thể chúng đã được bạn đồng ngũ tự tay chôn lấp, sau khi dân làng đã bỏ đi hết...

- Cái đó không sao, chúng ta sẽ tìm thấy, viên tướng nói. Địa điểm chôn họ đã được đánh dấu chính xác trên bản đồ, tôi muốn hỏi dân làng ở đây chỉ là để nếu họ biết gì thêm, họ mách cho thì công việc dễ dàng hơn thôi.

Ông cùng anh cán bộ chuyên môn ngồi loay hoay hơn một tiếng đồng hồ xác định địa điểm chính xác chôn hai người lính, căn cứ vào những chỉ dẫn ghi trên bản đồ. Cuối cùng, họ tìm ra được. Địa điểm rơi đúng vào cái chuồng nuôi bê của hợp tác xã. Hai người đi cùng với mấy xã viên đến đó, và sau khi đã lừa đàn bê đi chỗ khác, mấy người công nhân bắt đầu đào. Mấy con bê với cặp mắt xinh đẹp, bình tĩnh nhìn đám người bỗng đứng ở đâu đến quấy rầy; trong chuồng bê, phảng phất mùi thơm của rơm rạ.

Trước khi trời đổ tối, họ đã tìm thấy hài cốt tên phi công và hai tên lính. Hài cốt tên phi công tìm không khó khăn lắm. Còn để tìm hai tên lính kia, họ đã phải đào hết hố này sang hố khác, và khi đám người đi khỏi, nền đất chuồng bê bị đào bới tung tóe như vừa qua một trận bom nặng.

Mấy người thợ thông thả lấp lại các hố. Họ sẽ ngủ trong làng. Viên tướng và ông linh mục đã định riêng họ và anh cán bộ chuyên môn sẽ lên ngủ trên tỉnh, cách đây ba mươi cây số. Sớm hôm sau, họ sẽ trở lại đây sớm.

Khi họ lên đường, trời đã tối hẳn. Xe của họ chạy từ từ trên con đường nhỏ hẹp, đèn pha khi thì chiếu vào những cây phong hai bên vệ đường, khi thì rọi sáng một chiếc xe bò từ ngoài đồng về, hoặc mảnh sân của một trại ấp có hàng rào bằng sậy cao vây kín.

- Dừng lại! Thốt nhiên ông linh mục gọi giật giọng, khi xe đi qua khu nghĩa địa chôn mấy người lính của họ.

Người lái xe hãm xe lại.

- Cái gì vậy? Anh cán bộ chuyên môn hỏi.

Ông linh mục lấy tay chỉ cho viên tướng thấy mấy chữ viết trên tường nghĩa địa.

- Chiếc xe dừng lại, ông ta xuống xe. Viên tướng xuống theo, sập mạnh cánh cửa xe lại. Anh cán bộ chuyên môn cũng bước xuống.

- Thế này nghĩa là thế nào? Viên tướng kêu lên, tay chỉ vào bức tường nhỏ. Trên tường có hàng chữ to, nguệch ngoạc bằng than, theo lối viết hoa: «Số phận kẻ thù của chúng ta là như vậy đấy!»

Anh cán bộ chuyên môn nhún vai, nói:

- Câu này họ mới viết chiều hôm nay. Sáng đã có gì đâu.

- Chúng tôi biết, viên tướng nói, nhưng điều chúng tôi muốn hiểu là chính phủ các ông đã xúi giục người làm những chuyện khiêu khích xấu xa như vậy là có dụng ý gì.

- Tôi thấy chẳng có gì là xấu xa hết, anh cán bộ bình tĩnh nói.

Ông linh mục rút cuốn sổ tay trong túi ra, hẳn là để ghi lại câu viết trên tường.

- Thế lại còn không xấu à? Viên tướng kêu to lên. Một câu như vậy viết trên tường nghĩa địa chôn người chết của chúng tôi! Tôi sẽ nêu vấn đề này lên. Đây là một sự khiêu khích nghiêm trọng, một hành động bỉ ổi.

Anh cán bộ bực tức quay lại:

- Cách đây hai mươi năm, các ông đã viết những khẩu hiệu phát xít lên ngực các đồng chí của chúng tôi và đem treo cổ họ thì được, thế mà bây giờ chỉ có một câu bình thường như vậy, chắc do một em học sinh nào đó viết, các ông đã nổi xung lên.



- Chúng ta không nói chuyện về những cái đã xảy ra cách đây hai mươi năm, viên tướng ngắt lời anh cán bộ.

- Thực ra đây chỉ là một chân lý chung.

- Đây không phải là chuyện xảy ra cách đây hai mươi năm.

- Các ông vẫn thường nhắc đến người Hy Lạp, người Troa ngày xưa cơ mà. Vậy sao lại bảo không nên nói đến những chuyện xảy ra cách đây hai mươi năm.

- Tranh cãi như vậy không đi đến đâu hết, viên tướng nói. Ở đây gió quá.

Cả ba người bước vội về phía ô tô. Cánh cửa xe lần lượt theo nhau đập dũ dội như súng nổ và người lái xe mở máy. Nhưng xe chạy chưa được năm phút đã phải dừng lại.

Ra khỏi làng, qua cái cầu gỗ thì có một cái xe bò long mất một bánh năm chẵn ngang đường. Hai người nông dân vùng đồng bằng đang loay hoay cạnh chiếc xe.

- Xin lỗi các ông, một người nói với anh cán bộ lúc đó vừa xuống xe.

- Không sao, các ông cứ làm.

Vừa hì hục lắp lại cánh bánh xe, người nông dân vừa hỏi anh cán bộ:

- Anh ở đâu đến?

Anh cán bộ cho người ấy biết. Người kia nói:

- Sáng nay chúng tôi được tin các anh tới. Tất cả các bà các chị làng này chỉ bàn tán về các anh. Bắt đầu từ khi trông thấy ô tô các anh đến.

- Đẩy mạnh vào chứ, con khếch! Bác nông dân vừa kêu vừa hì hục lắp lại cái bánh xe.

- Các bà ấy bảo, người ta sẽ bốc mộ bọn lính nước ngoài mang về nước chúng nó, bác nông dân điềm tỉnh nói. Và đồng thời bốc cả xác bọn ngụy mang sang nước ngoài, ở đâu xa lắm, đằng sau chỗ mặt trời lặn, có đúng không?

Anh cán bộ cười. Bác nông dân lại nói tiếp:

- Ấy người ta đồn thế. Họ đồn rằng chúng nó chết đi vẫn đồng hành với kẻ địch như lúc chúng còn sống. Trước là đồng minh, bây giờ vẫn là

đồng minh. Ấy, ở làng người ta nói vậy đấy.

Anh cán bộ lại cười.

- Không phải thế đâu, anh trả lời. Chẳng ai rồi hơi mà nghĩ đến bọn ngụy đã chết.

«Ồ kìa, đẩy đi chứ, con khi!» bác nông dân kia lại gắt. Cái bánh xe lắp không vào.

Xa xa có tiếng chó sủa. Có ai từ ngoài cánh đồng đi vào, tay xách chiếc đèn kính. Ánh đèn rung rinh như sợ sệt.

- Chào các ông!

- Chào ông!

- Bánh xe của các ông giờ què à? Người mới đến hỏi, bác ta giơ cao chiếc đèn lên, ngạc nhiên khi nhìn thấy chiếc ô tô và mấy người nước ngoài.

Mọi người im lặng.

Không khí im lặng.

- Bác ở chỗ lán bò về đây ư? Người kia hỏi.

- Phải.

Người mới đến đứng đấy nhìn mấy người một lúc rồi chào mọi người và bỏ đi. Ánh đèn bác ta chiếu những vệt sáng lên những đồng rơm lạng lẽ xếp hàng bên vệ đường.

Chó vẫn sủa.

- Thế anh xưa nay vẫn làm công tác này à? Bác nông dân lại hỏi anh cán bộ chuyên môn.

Anh ta gật đầu.

- Vâng, đã được một thời gian rồi, một lát sau anh ta nói thêm cho chính xác.

Bác nông dân thở dài.

- Công việc như vậy thì buồn lắm nhỉ?

Anh lái xe huýt sáo một điệu nhạc mới.

«Nào, đẩy đi!»

Cuối cùng bánh xe đã lắp vào được.

«Chào các ông», đó là mấy bác nông dân vai vác cuốc từ ngoài đồng đi vào.

«Chào các bác!»

Cuối cùng chiếc xe bò được dẹp sang một bên, ô tô mở máy phóng nhanh trên đường cái.

Đêm tháng mười trùn lên cánh đồng. Mặt trăng, sau một lúc cố nhoai ra khỏi bóng tối không được, giờ đây đổ ánh sáng qua những lớp mây và sương mù xấp như bọt biển, thấm đầy và thông thả, dịu dàng, đều đặn, nhỏ từng giọt ánh sáng xuống chân trời và cánh đồng mênh mông bao la. Bầu trời giờ đây mượt mà, và cả chân trời lẫn cánh đồng và con đường cái, đều như phủ đầy những vệt sữa.

*Có những đêm thu bầu trời nom kỳ dị, chìm ngập trong một thứ ánh sáng hững hờ, sâu thẳm và da diết của mặt trăng. Nằm giữa mặt nhìn trời, chắc hẳn mỗi thằng trong chúng tôi đều nghĩ bụng: «Trời ơi! Bầu trời quá quý gì thế này!»*

Con đường nhỏ, đây đó có những ổ gà hiện rõ lên to lù lù, đen sì, khi ánh đèn pha rọi xuống lôi chúng ra khỏi đêm tối.

Xe chạy khoảng một tiếng đồng hồ thì ánh đèn thành phố hiện ra trước mắt họ.

## CHƯƠNG VI

CHIẾC xe con đỗ trước cửa khách sạn «Albtourist»<sup>3</sup>. Ngoài đường phố ướt sũng, trước tủ kính các quầy hàng đèn neon sáng trưng, chỉ thấy vài người qua lại thưa thớt. Gió lạnh ban đêm quất vào mặt buốt như cắt, khách du lịch vội vã vào cả trong phòng công cộng của khách sạn. Mùa nghỉ đã vẫn nên không thiếu gì phòng.

- Các ngài muốn lấy những phòng nhìn ra sông phải không? Người quản lý khách sạn hỏi bằng một thứ tiếng Anh tồi.

- Vâng, nếu có thể được, ông linh mục đáp lại. Cảm ơn ông.

Một nhân viên phục vụ khách sạn giúp họ đưa vali lên gác.

Khi hai người đã nhận phòng xong, ông linh mục nói:

- Từ đây nhìn ra, phong cảnh rất đẹp.

- Trước kia ông đã từng đến thành phố này rồi à?

- Vâng

- Ông đã đến Albania mấy lần?

- Năm ba tám, ba chín thì nhiều, lần cuối cùng tôi đến vào giữa năm bốn mươi hai. Nhưng mỗi lần tôi đến đây, tình hình lại khác hẳn.

Viên tướng lại gần cửa sổ, kéo rèm sang một bên. Xa xa, trên cánh đồng, vẫn cái ánh trăng làm xao xuyến lòng người ấy. Ông buông rèm xuống và châm một điếu thuốc lá.

- Ta đi xuống quán ăn đi, ông linh mục nói.

- Vâng.

Trong hành lang, hai người gặp anh cán bộ chuyên môn lúc ấy ở trong phòng của anh ta đi ra, chiếc khăn tắm vắt trên tay.

- Ông có xuống ăn tối không? Ông linh mục hỏi.

- Tôi sẽ xuống ngay bây giờ, anh cán bộ trả lời.

- Ông trung tướng mà chúng ta gặp cách đây mười lăm hôm trên núi cũng đang ở dưới quán ăn đấy.

- Thế à?

- Hình như họ cũng đang bốc mộ ở trong thành phố này thì phải, anh cán bộ nói.

Cách đây nửa tháng, trong lúc xe của họ đang chạy trên con đường cái ven một cao nguyên rộng thì viên tướng, vốn vẫn ngồi yên lặng trong góc xe những lúc không thiu thiu ngủ, thốt nhiên nhìn thấy một cảnh tượng kỳ quặc.

Trên sườn núi, những người thợ đấu của sở Thị chính mặc quần áo lao động bằng chéo go xanh, đang đào xới ở bốn năm chỗ. Đắng xa, trên đường cái là một chiếc xe con và quá đó một chút là một chiếc xe tải của bọn họ. Một người mặc quân phục có áo mưa trùm kín đang đứng bên cạnh chiếc xe con sơn màu xanh lá cây. Trên vệ đường, một người khác mặc đồ đen đứng quay lưng ra mặt đường.

«Ma quỷ gì hiện hình kia vậy? Viên tướng nghĩ thầm, đầu óc còn đang ngái ngủ. Ta mê chãng?» Ông có cảm giác những người ông trông thấy đắng xa kia chính là ông và ông linh mục và những người công nhân của họ. Ông trở mắt nhìn và lấy tay lau chỗ hơi nước làm mờ kính xe. Không phải ma quỷ gì hết, mà là người thực.

- Ông thử nhìn đằng kia một chút mà xem, ông khẽ bảo ông linh mục.

Ông này quay lại nhìn về phía viên tướng trở và giật mình sững sốt.

- Anh làm ơn đỡ lại, viên tướng nói với người lái xe.

Anh tài xế hãm xe dừng lại. Viên tướng hạ tấm kính cửa phía ông ngồi xuống và giơ cánh tay trở về phía bên phải.

- Ông nhìn những người trên kia xem, ông bảo anh cán bộ chuyên môn. Họ làm gì vậy?

- Họ đang bốc mộ những quân nhân.

- Sao lại thế được? Họ không có quyền được khai quật mà không báo trước cho chúng tôi biết.

- Đây là họ tìm người của họ, anh cán bộ nói.

- Ồ, thế à?

- Cách đây một năm, chính phủ chúng tôi đã ký hiệp định với chính phủ họ, nhưng vì họ chuẩn bị chậm quá, do đó mãi đến mùa hè vừa qua họ mới bắt tay vào việc.

- À, tôi hiểu. Vậy ông ta cũng là cấp tướng?

- Vâng, một trung tướng. Còn người kia là thị trưởng một thành phố bên họ.

Viên tướng mỉm cười nói:

- Thế ra ở đây chỉ còn thiếu một ông tướng đi với một hodja<sup>4</sup> nữa thôi.

- Nếu có thể thì cũng chẳng lấy gì làm lạ. Người Thổ Nhĩ Kỳ cũng rất có thể một ngày nào đó, sẽ đến đây tìm người của họ.

Trong lúc viên tướng đang nói chuyện với anh cán bộ như vậy, thì hai người lạ đứng bên vệ đường cái đàng kia cũng quay lại tò mò nhìn họ.

- Ta xuống đi, viên tướng vừa mở cửa xe vừa nói. Đây là những bạn đồng nghiệp của chúng ta. Ta đến làm quen với họ cũng chẳng hại gì.

- Để làm gì mới được chứ? Ông linh mục hỏi.

- Hai bên có thể trao đổi với nhau những kinh nghiệm đã thu lượm được trong công việc này, viên tướng vừa cười vừa nói.

Lúc lại gần, ông nhận thấy viên tướng kia cụt tay phải. Với bàn tay duy nhất còn lại, bàn tay trái, ông ta cầm một cái tẩu to đen nhánh. Người mặc quần áo dân thường là một người to béo, đầu hói.

Tự giới thiệu xong, họ nói chuyện với nhau một lúc lâu bằng thứ tiếng Anh sai văn phạm, trong khi hai người lái xe tải nhờ nhau vài việc vặt. Họ mở nắp máy xe ra rồi đóng lại, rồi lại mở ra đóng lại đến mấy lần, và cuối cùng có vẻ đã thỏa thuận với nhau ổn thỏa.

Mười lăm phút sau, sau khi chào mấy người bạn mới, viên tướng và ông linh mục lại lên đường.

Từ hôm đó đến nay, đây là lần đầu tiên họ gặp lại những người ấy.

- Họ kia kìa, viên tướng nói, lúc cùng ông linh mục bước vào quán ăn của khách sạn. Hai bên gật đầu chào nhau. Hai người kia đã ăn xong và đang thanh toán tiền.

Đến lượt ông linh mục, viên tướng và anh cán bộ yên lặng ngồi ăn. Anh cán bộ chỉ thỉnh thoảng mới trao đổi với ông linh mục một vài câu, còn viên tướng thì cau có như có điều gì phật ý. Ăn xong, anh cán bộ lên ngay phòng mình.

Viên tướng và ông linh mục đứng dậy ra ngoài phòng công cộng yên tĩnh của khách sạn để tìm viên tướng kia và ông thị trưởng; hai người họ đang ngồi hút thuốc.

- Tối nào, chúng tôi cũng ngồi đây, viên thị trưởng nói. Chúng tôi đến thành phố này đã hơn một tuần rồi, và tối nào chúng tôi cũng ngồi như thế này. Biết đi đâu? Người ta bảo với chúng tôi là mùa hè ở đây vui lắm, có mở vài tiệm giải trí, nhưng về mùa này, ngay đến khách du lịch nước ngoài cũng không có, lại thêm gió lạnh từ ngoài sông thổi vào suốt ngày suốt đêm.

- Đáng lẽ chúng tôi có thể đến đây trước nữa, viên tướng cụt tay nói, nhưng vì cuộc đấu tranh giải vô địch bóng đá chưa kết thúc, nên người ta chưa cho phép chúng tôi đào trong khu vực sân vận động, phải đợi khi xong giải vô địch này.

Ông thử tưởng tượng lại xem, còn có trở ngại nào kỳ khôi hơn nữa không? Viên thị trưởng nói.

- Kể ra thì cái đó cũng phải thôi, viên tướng cụt tay lại nói. Tôi cũng biết rõ là lẽ ra, chúng tôi có thể bắt đầu công việc bằng cách đào ở chỗ ven lề, không đụng đến bãi vùi, nhưng dù sao, trong lúc tôi đang tìm hài cốt mà lại nghe thấy khán giả vỗ tay hoan hô một bàn thắng thì quả là không thú vị chút nào.

- Tôi nghĩ khán giả họ cũng chẳng thích ngồi xem đá bóng mà lại phải nhìn người ta bốc mộ, viên tướng nói.

- Tôi thì không nghĩ như vậy, mà trái lại, tôi thấy họ sẽ rất thích, viên thị trưởng nói.

- Cũng có thể thế, viên tướng cụt tay nói, song tôi cũng không nhúng tay vào lửa<sup>5</sup> mà đoán chắc như vậy.

Viên tướng đưa mắt nhìn bàn tay độc nhất của ông ta dùng để cầm tẩu, rồi lại nhìn ống tay rộng của chiếc áo ca pô, đầu ống tay nhét vào trong

túi bên phải.

«Cánh tay chắc bị cứa đến ngang khuỷu», ông nghĩ bụng.

- Tôi không hiểu tại sao người ta lại có thể xây dựng sân vận động ngay trên khu vực chôn người như vậy được, ông linh mục nói. Cái đó là trái với quy phạm của luật quốc tế. Các ông lẽ ra phải phản kháng chứ.

- Chúng tôi đã phản kháng rồi, viên trung tướng nói, nhưng về sau, té ra là xác binh sĩ của chúng tôi không phải do dân ở đây chôn cất, mà là do chính quân đội của chúng tôi chôn; tệ hơn nữa là lại chôn vào ban đêm, nên chẳng ai biết gì hết về việc này.

- Tôi không tin lắm vào cái lối giải thích như vậy, viên thị trưởng nói.

- Nó cũng không thuyết phục được tôi, nhưng tôi cũng không nhúng tay vào lửa, viên trung tướng nói.

Viên tướng lại nhìn vào cánh tay cụt.

- Về phần chúng tôi, chúng tôi chưa bao giờ gặp một trường hợp nào như vậy, ông nói.

- Thế hiện giờ các ông đang tìm kiếm ở đâu? Viên thị trưởng hỏi.

Viên tướng nói nơi mình đang tìm kiếm.

- Chúng tôi còn phải làm việc ở đây nhiều ngày, ông linh mục nói. Chúng tôi đang đào tìm ở hai nghĩa trang, một cái rộng, một cái thì nhỏ hơn.

- Hình như các ông có những bản danh sách ghi chính xác thì phải.

- Vâng, có thể.

- Còn danh sách của bọn tôi dựa trên những bằng chứng nói miệng thôi.

- Có thể là chúng tôi mò mẫm như xăm, viên thị trưởng nhấn mạnh thêm.

- Thế thì công việc của các ông sẽ khó khăn đấy.

- Vâng, rất khó khăn, viên trung tướng nói. Có lẽ chúng tôi sẽ chỉ tìm ra được vài trăm bộ hài cốt thôi, mà phần lớn lại không tài nào phân biệt được đích xác từng người một.



- Việc nhận dạng không phải chuyện dễ dàng nếu không có những bản danh sách thật chính xác.

- Chắc các ông có những chỉ dẫn về tầm vóc và đặc điểm hàm răng của từng người chứ?

- Vâng, ông linh mục trả lời.

- Và người của ông ai cũng đeo một hình trái tim, phải không?

- Ồ vâng, cái vật nhỏ bé ấy rất được việc cho chúng tôi đấy, vì nó không bị rửa nát.

- Trong khi đó thì trên các bản danh sách của chúng tôi, thậm chí chiều cao những người chúng tôi tìm cũng không ghi rõ, thực chẳng giúp được cho công việc của chúng tôi dễ dàng thêm chút nào.

- Cũng may là còn cái khóa sắt ở thắt lưng, cái đó giúp chúng tôi rất nhiều, viên thị trưởng nói.

Có hai anh thanh niên bước vào phòng, đến ngòai gần chiếc cửa ra vào có lắp kính trông ra vườn, có lẽ là về phía sông.

- Về thuốc sát trùng hài cốt, các ông dùng nhãn hiệu nào? Viên thị trưởng hỏi.

- Loại «Universal 62».

- Cái thứ đó công hiệu lắm.

- Chẳng có gì công hiệu bằng đất!

- Đúng. Nhưng, có những trường hợp ngay đến đất cũng không có khả năng làm tròn được một nhiệm vụ như vậy.

- Có trường hợp nào các ông tìm thấy những xác còn nguyên vẹn không?

- Có quá đi ấy chứ!

- Chúng tôi cũng vậy.

- Cái đó rất nguy hiểm.

- Vâng, luôn luôn có nguy cơ nhiễm trùng. Có những trường hợp vi trùng sống dai dẳng hàng bao nhiêu năm không bị tiêu diệt, đến lúc bốc mộ, nó lại hoạt động rất mạnh ngay.

- Các ông đã gặp tai nạn đáng tiếc bao giờ chưa?

- Cho đến bây giờ thì chưa.
- Chúng tôi cũng vậy.
- Dù sao ta cũng phải cẩn thận, không nên coi nhẹ một biện pháp đề phòng nào hết.
- Theo tôi nghĩ thì những người thợ đấu này làm giỏi lắm.
- Tôi cũng nghĩ như vậy.
- Các ông uống cà phê nhé? Viên trung tướng hỏi.
- Không, xin cảm ơn ông. Tôi sắp lên đi ngủ rồi.
- Tôi cũng xin phép lên buồng thôi, viên thị trưởng nói. Tôi còn phải viết một bức thư.

Hai người chúc hai viên tướng ngủ ngon rồi theo cầu thang trải thảm bằng nhung đỏ lên gác. Phòng công cộng yên tĩnh. Chỉ còn hai anh thanh niên vẫn ngồi nói chuyện với nhau ở góc đối diện, thỉnh thoảng lại thoáng nghe thấy lời họ nói.

Viên tướng đưa mắt nhìn cái cửa kính lớn, bên ngoài là đêm tối mênh mông.

- Chúng ta đã mệt lử cả rồi, chẳng biết rồi đây còn mệt đến thế nào nữa.
- Địa thế ở đây hiểm trở lắm.
- Vâng, rất hiểm trở. Nhân chuyến đi này, tôi có để tâm nghiên cứu vài điểm về chiến thuật trong chiến tranh hiện đại ở vùng núi, nhưng vấp phải những trở ngại không tài nào vượt được. Ông tính, với một địa thế như thế này!

Viên tướng cụt tay không tỏ ra có vẻ gì là quan tâm đến vấn đề đó, khiến viên tướng nọ có phần nào ngạc nhiên.

- Kể cũng lạ, viên trung tướng nói, trong cái sân vận động mà hiện nay chúng tôi đang làm công việc tìm kiếm, tôi thấy hầu như ngày nào cũng có một cô con gái đến đợi người yêu trong lúc anh này luyện tập. Gặp hôm trời mưa, cô ta mặc một chiếc áo đi mưa màu lam và cứ lặng lẽ đứng trong một xó, giữa mấy cái cột ở khán đài, nhìn các cầu thủ chạy trên sân cỏ. Sân vận động trống không với những bậc ngồi bằng xi măng bóng loáng dưới

trời mưa và những cái hố xẻ nát xung quanh bãi, nom thật âm đạm, thể lượng là đẳng khác. Chỉ có cô bé với cái áo đi mưa màu lam của cô ta là đẹp thôi. Chừng nào cô ta còn đứng đấy là tôi chỉ ngắm cô ta để giết thì giờ, trong lúc những người thợ đấu của tôi làm việc cách xa đó một chút, và đấy là cách giải trí duy nhất tôi có được ở thành phố này.

- Nhưng thấy người ta bốc mộ như thế, cô bé đó có sợ không?

- Cô ta chẳng sợ tí nào, viên tướng kia trả lời. Cô ta chỉ ngoảnh mặt về phía bãi để theo dõi người yêu đang chạy theo quả bóng.

- Kỳ quặc thật!

Hai người ngồi sâu trong những chiếc ghế bành rộng, yên lặng hút thuốc lá một lúc lâu, không trao đổi với nhau một lời.

Cuối cùng, viên tướng gần như vừa cười vừa nói:

- Chúng ta quả là những tên phu đào mồ khéo nhất thế giới. Những người chết kia, chôn vùi ở đâu chúng ta cũng tìm ra được. Họ không thể nào thoát khỏi tay bọn chúng ta.

Viên trung tướng vừa nhìn ông bạn vừa nói:

- Ông có biết không, bao nhiêu đêm nay, có một cơn ác mộng mà đêm nào tôi cũng nằm mơ thấy.

- Tôi cũng vẫn thường mơ thấy ác mộng.

- Tôi mơ thấy mình ở trong sân vận động, chính nơi chúng tôi đang tìm kiếm, viên trung tướng nói. Duy có điều cái sân này hình như rộng hơn, và các bậc khán đài đều chật ních người trong lúc chúng tôi đào trên bãi. Trong đám đông có cả cô gái mặc áo mưa màu lam nọ. Cứ mỗi lần mở một ngôi mộ là cái đám khán giả đông nghịt ấy lại vỗ tay hoan nghênh rầm trời, và tất cả đều đứng dậy cùng hô to tên người lính. Tôi giống tai nghe với hy vọng nhận ra được người chết là ai, nhưng tiếng hò hét của đám đông nghe như bị cái gì bóp nghẹt, và tiếng ồn ào khiến tôi không còn nghe rõ ra là tên người nào nữa. Và ông thử tưởng tượng xem, hầu như đêm nào tôi cũng mơ thấy như vậy.

- Cái đó dễ hiểu thôi, ông bị cái việc nhận dạng người chết của ông nó ám ảnh đấy.

- Vâng, chắc thế. Một công việc thực hết sức nghiêm trọng.

Viên tướng nhớ lại một giấc mơ tương tự mà chính ông vẫn thường thấy. Ông mơ thấy mình đã già, làm chân gác một nghĩa địa quân nhân ở nước ông, đúng cái nghĩa địa chôn những hài cốt do ông mang từ Albania về. Nghĩa địa ấy rộng mênh mông, trên những lối đi giữa các ngôi mộ, hàng nghìn hàng vạn người tay cầm những bức điện, đi đi lại lại, tìm người nhà của họ. Nhưng hẳn không tìm thấy, nên tất cả, đông lắm, hàng ngàn hàng vạn con người, đều lắc đầu, vẻ mặt hăm hăm, khiến ông hoảng sợ lạnh toát cả người. Nhưng vừa lúc đó thì ông linh mục rung chuông, mọi người bèn giải tán. Và ông sức tỉnh dậy.

Ông đã định kể lại giấc mơ của mình, nhưng sau lại thôi.

- Công việc đang chờ chúng ta không dễ dàng gì, ông nói.

- Vâng, có thể, viên trung tướng đáp lại. Đây đúng như là một thứ sao lục lại cuộc chiến tranh.

- Có thể còn kinh khủng hơn cả bản chính.

Hai người nín lặng một lúc.

- Các ông có bị khiêu khích bao giờ không? Viên tướng hỏi.

- Không, trừ có một lần.

- Câu chuyện xảy ra thế nào?

- Có mấy đứa trẻ con ném đá vào chúng tôi.

- Ném đá!

- Vâng.

- Chuyện lắng nhục như thế mà các ông chịu nhịn à?

- Ai bảo các ông là chúng tôi nhịn?

- Tôi rất ngạc nhiên, viên tướng nói, đây là một hành động man rợ.

- Việc đó cũng phức tạp, viên trung tướng nói. Chúng tôi đào nhầm mất mấy ngôi mộ của người Albania, chúng tôi cứ tưởng là mộ của người mình.

- Ồ, thế à?

- Vâng, một chuyện rất phiền. Tôi không muốn nghĩ đến nữa. Ta làm cốc cà phê sữa chứ?

- Uống nữa thì đêm nay đến không chợp mắt được mất.

- Thì đã sao! Càng đỡ phải thấy những giấc mơ như thế. Vì thực ra, cũng như tất cả những cái gì nhắc đi nhắc lại nhiều lần, cứ mơ thế mãi cũng chán ngấy.

- Vâng, đúng thế.

Hai người gọi lấy hai cốc cà phê.

## CHƯƠNG VII

«CÂU chuyện ấy xảy ra vào hồi đầu chiến tranh», bác chủ quán cà phê bắt đầu bằng một thứ tiếng Anh tồi. Trước kia, bác đã làm công mấy năm tại một tiệm cà phê ở New York và nói tiếng Anh với một giọng Mỹ rất nặng. Viên tướng thiết tha muốn được một người dân của cái thành phố cổ có những ngôi nhà bằng đá này kể lại cho nghe câu chuyện về cô gái điếm. Người ta đã mách ông là không ai rõ chi tiết chuyện này hơn bác chủ quán cà phê, nhưng phải cái bác ta hơi nói lắp và nói tiếng Anh không thạo.

«Hắn có nói lắp, có giết chết một ít tiếng Anh cũng chẳng sao, viên tướng nghĩ bụng, tất cả câu chuyện này đều chẳng biểu hiện sự giết chóc đó sao?»

Sáng nay, viên tướng và ông linh mục vừa đọc thấy tên cô gái điếm tại nghĩa địa quân nhân ở ngoại vi thành phố. Trong số tất cả những hài cốt tìm thấy cho đến giờ, đây là người đàn bà duy nhất, và khi nghe nói đến, viên tướng ngạc nhiên muốn biết rõ chuyện. Nếu sáng hôm đó mà không trông thấy trên tấm bia bằng đá hoa ở đầu ngôi mộ, có mang dòng chữ quen thuộc: «Đã hy sinh vì tổ quốc» thì, có lẽ ông cũng đã không để ý gì đến ngôi mộ người đàn bà ấy.

Từ xa, viên tướng nhìn thấy rõ phiến đá trắng, nổi bật lên trong đám những cây thập ác bằng gỗ cong queo, đen xỉn, mục nát và những chiếc mũ sắt gỉ treo ở đầu các ngôi mộ.

- Một tấm bia bằng đá hoa; viên tướng thốt lên. Một sĩ quan cao cấp chăng? Có thể là ông đại tá Z?

Hai người liền lại gần ngôi mộ để đọc dòng chữ khắc trên bia. Bia có ghi tên họ và nơi sinh của một người đàn bà. Người này quê cùng tỉnh với viên tướng, nhưng ông không nói ra điều đó với ai hết.

- Câu chuyện xảy ra ngay từ hồi mới đầu, bác chủ quán cà phê nói tiếp. Tôi là một trong số những người đầu tiên được biết tin này. Không phải vì tôi là người thích thú những chuyện như thế, mà chính do tôi làm ở tiệm cà phê, nên bất kỳ chuyện gì có liên quan đến thành phố này tôi cũng được

biết đầu tiên. Và hôm đó, tôi cũng lại được biết trước nhất. Tin đó truyền đi vào giữa lúc tiệm đang đông nghịt khách, không rõ là ai đã tung ra. Có người nói tin này do một quân nhân nói ra; trước khi lên đường sang mặt trận Hy Lạp, anh ta đã ngủ lại một đêm ở khách sạn của thành phố, sau một bữa rượu say khướt. Một số người khác lại cho là tin này do một gã tên là Lame Spiri tung ra, gã vốn lúc nào cũng chỉ nghĩ đến những chuyện như vậy. Nhưng cái đó không quan trọng. Chúng tôi ngạc nhiên và sửng sốt quá nên cũng không cần biết thực sự tin đó là do ai tung ra, người lính kia hay cái thằng vô lại Lame Spiri.

Phải nói rằng hồi đó không dễ có gì làm được chúng tôi ngạc nhiên. Đang thời buổi chiến tranh, hàng ngày có khối chuyện không thể ngờ là có được, những chuyện thực phi thường. Và chúng tôi đã tưởng không còn có gì có thể làm chúng tôi ngạc nhiên được, kể từ cái ngày chúng tôi nhìn thấy những khẩu đại bác, những khẩu cao xạ nòng dài nghêu lằn đầu tiên đi qua đường phố chúng tôi, tiếng rầm rầm thật kinh khủng, tưởng chừng cả thành phố sắp đổ ụp xuống. Và từ bữa xảy ra một trận không chiến ngay trên đầu, thì lại càng khó có gì làm chúng tôi ngạc nhiên được, ấy là chưa nói đến biết bao nhiêu sự việc xảy ra sau đó.

Một hồi, có tin đồn có một anh nông dân đã gặp ông già Ali tay cầm gậy, đang đi trong hẻm núi gần thành phố, và ông già đã phán bảo những lời tiên tri hết sức khủng khiếp. Lại thêm khi bói xương gà sống, người ta chỉ thấy toàn những điềm chiến tranh và máu. Thực thế, những miếng thịt gà cứ đỏ đòng đòng, mọi người lo lắng chờ đợi những tai họa ghê gớm xảy ra.

Rồi lại có một hồi, đâu cũng chỉ thấy bàn tán về thằng phi công Anh bị hạ ở ngay ngoài thành phố. Chính mắt tôi đã nhìn thấy cái bàn tay hẵn; cả người hẵn chỉ còn lại có thế. Bàn tay ấy, tôi đã được trông thấy khi người ta đem trưng bày cùng với một mảnh áo lót cháy dở của hẵn, ở quảng trường tòa thị chính cho nhân dân xem. Bàn tay nom như một mảnh gỗ vàng khè, thấy rõ cả ngón tay thứ tư đeo chiếc nhẫn mà người ta vẫn để nguyên. Chiếc máy bay của hẵn, như tôi đã nói với ông, bị súng cao xạ bắn rơi lúc hẵn vừa ném bom thành phố xong, định bay đi. Một quả bom rơi trúng nhà «teqe», nên ai cũng nói đúng là hẵn bị thần thánh trừng phạt.

Chúng tôi đã được nghe kể không biết bao nhiêu là chuyện đại loại như thế, nên những sự việc hết sức bất ngờ cũng không còn làm chúng tôi xao xuyến được. Ấy thế mà khi nghe tin sắp mở một nhà thổ, chúng tôi ai nấy đều sửng sốt. Gì thì cũng có thể xảy ra được, trừ mỗi cái chuyện đó. Tin ấy kỳ lạ quá khiến lúc đầu phần lớn không ai tin. Thành phố của chúng tôi là một thành phố rất cổ. Nó đã trải qua nhiều thời đại, đã từng biết đủ thứ tập quán, nhưng quả chưa bao giờ lại có thể ngờ có một chuyện như vậy. Thành phố này từ xưa đến nay vốn vẫn sống trong danh dự, nay về già nó chịu làm sao được một điều sỉ nhục như thế? Làm gì bây giờ? Câu hỏi đó làm mọi người hoang mang. Có một cái gì lạ lắm, mới mẻ, khủng khiếp, lớn vồn trong cuộc sống của chúng tôi, tưởng chừng như tình trạng bị chiếm đóng, những trại lính đầy ắp quân đội nước ngoài, những trận oanh tạc và nạn đói đang đè xuống chúng tôi, còn chưa đủ nặng. Lúc đó, chúng tôi cũng chưa hiểu rằng đây cũng chỉ là một bộ phận của chiến tranh như mọi bộ phận khác, cũng như những trận oanh tạc, trại lính và nạn đói, không hơn không kém.

Ngày hôm sau, một đoàn đại biểu các phụ lão kéo nhau lên tòa thị chính, và ngay đêm hôm ấy, một đám khác họp nhau ở quán cà phê để làm một bản kiến nghị gửi lên viên trung tướng của ông vua phát xít đóng ở Tirana. Suốt mấy tiếng đồng hồ, họ ngồi viết hết trang này đến trang khác, chính ở ngay cái bàn đằng kia kìa, trong khi đó, một số người khác đứng quây xung quanh, uống cà phê, hút thuốc, hết vào lại đi ra làm công việc riêng của mình, rồi lại vào hỏi xem đơn đã viết đến đâu. Nhiều bà lo lắng sai con đến xem các ông chồng có quá chén không, và tôi còn nhớ rõ hình ảnh những đứa bé đó, chúng ngơ ngác đứng ngoài cửa kính nhìn vào, cặp mắt ngái ngủ cứ díp lại, rồi sau đó chúng ra về, run rẩy trong đêm tối ẩm ướt lạnh lẽo.

Chưa bao giờ tôi đóng cửa quán muộn như đêm hôm đó. Cuối cùng, đơn đã thảo xong, một người đọc to lên. Tôi không còn nhớ rõ lắm tất cả lời lẽ viết trong đơn. Tôi chỉ biết là những người công dân bình thường của thành phố (nêu lên vô số lý do) khẩn khoản xin viên trung tướng của nhà vua hủy bỏ quyết định mở nhà thổ, vì danh dự và sự thịnh vượng của cái



thành phố cổ kính của chúng tôi, vốn có những truyền thống hết sức cao quý và một lịch sử lâu đời rất xa xưa.

Hôm sau lá đơn được gửi đi.

Sự thực thì cũng có những người không thích làm kiến nghị như vậy; nói chung, họ phản đối mọi thứ đơn từ gửi cho bọn chiếm đóng. Nhưng chúng tôi không nghe họ. Chúng tôi tin chắc người ta sẽ làm một cái gì đó cho chúng tôi. Lúc bấy giờ chiến tranh mới bắt đầu, còn lắm điều chúng tôi không hiểu rõ, hoặc hiểu sai đi, và lại, hầu hết mọi việc thời ấy cũng đều như vậy cả.

Phải nói là người ta chẳng đếm xỉa gì đến đơn thỉnh nguyện của chúng tôi. Mấy hôm sau, có bức điện đánh về: «Nhà chứa sẽ mở vì những lý do chiến lược. Chấm.» Ông nhân viên già ở sở dây thép là người đầu tiên đọc bức điện và thoát đầu, không hiểu ý nghĩa ra sao. Một số người nói, đây là một thứ mật mã thời đó thường được dùng đến luôn, và bao giờ cũng có vẻ kỳ quặc như vậy. Thậm chí, có người còn đoán già rằng, đây là nói về việc mở mặt trận thứ hai, các từ ngữ quân sự vốn thường dùng tiếng nói lóng. Nhưng tất cả những cách giải thích ấy chẳng cách nào đúng cả và những người tối nào cũng nghe đài đều hiểu rất rõ thành ngữ «lý do chiến lược» nghĩa là gì. Sau đó, mọi sự đều sáng tỏ: đúng là người ta sắp mở một cái nhà thổ thực sự, chứ không phải mặt trận thứ hai nào hết.

Vài hôm sau, người ta được biết chi tiết hơn. Quân đội chiếm đóng sắp mở một nhà thổ và cái *bọn ấy* được đem từ nước ngoài đến.

Hồi ấy, trong khắp thành phố chúng tôi, đó là đề tài duy nhất cho mọi câu chuyện. Có thể là ở nhà riêng, người ta còn nói những chuyện khác nữa, nhưng ở các quán cà phê, thì suốt ngày cho mãi tới khuya, chỉ thấy bàn có mỗi chuyện đó mà thôi. Ai cũng tò mò muốn biết cái sự lạ ấy là thế nào, và nhất là cái *bọn ấy* coi bộ sẽ ra sao. Một số rất ít người từng sống một thời gian ở nước ngoài, đã làm thỏa mãn trí tò mò của người khác bằng cách kể cho đám ngồi quanh bàn đang chăm chú nghe, vô số chuyện về vấn đề này. Người ta thấy rõ là bên cạnh những chi tiết có thật, họ thường thêm thắt những chi tiết bịa đặt và họ thi nhau tỏ ra mình nghe họ nói chuyện về những nhà mại dâm ở Nhật Bản, ở Bồ Đào Nha, thì tưởng đâu như họ thông

thạo những xứ ấy như ở nhà họ và họ biết hết tên tất cả các gái điếm trên khắp thế giới.

Những người nghe họ kể, nhất là những người có con trai đã lớn, ai nấy đều lo lắng, lắc đầu tỏ vẻ sững sốt. Và các bà ở nhà lại càng lo không biết các bà lo cho chồng hơn hay lo cho con trai hơn. Các ông già bà cả thì coi việc này là điềm xấu nhất về thời thế; buồn phiền, đau khổ vì những dự cảm đen tối nhất, các cụ chờ đợi một sự trừng phạt của Chúa còn ghê gớm hơn nữa. Dĩ nhiên là cũng có những người khắp khởi mừng rơn, vì ở trên đời này, hạng người nào mà chẳng có, nhưng không ai dám cả gan công khai tỏ ra mừng rỡ. Trong số ấy, có những anh chồng vốn đã bất hòa với vợ, nhưng cũng có những kẻ bản tính hay lảng nhãng, và nhất là đám thanh niên chưa vợ, suốt ngày chỉ đọc ngón chuyện tình, tối đến không còn biết làm gì cho hết thời giờ. Một số định tự an ủi mình và làm cho người khác cũng yên tâm, họ nói: như thế càng hay, từ nay bọn lính nước ngoài không còn quấy rầy con gái chúng ta nữa vì chúng đã có người của chúng. Nhưng mọi người không phải dễ mà an tâm được.

Ngay trước khi chúng mở cái nhà thổ ấy, chúng tôi cũng đã gặp nhiều tai họa rồi. Có hai người bị bắt vì lẽ đã nói rằng biện pháp này nhằm đưa lối sống ngoại lai vào để làm bồi bản những thuần phong mỹ tục của Albania, nó nằm trong một chương trình rộng lớn nhằm làm mất dân tộc tính và phát xít hóa nước này. Từ đó, người ta chỉ thì thầm nói chuyện với nhau, và khi nhắc đến cái nhà thổ tương lai, thì chỉ có các cụ già là dám công nhiên nguyên rủa, không sợ sệt gì cả.

Cuối cùng cái *bọn ấy* đến. Một chiếc ô tô nhà binh màu xanh lá cây chở họ tới. Tôi còn nhớ rõ cảnh tượng hôm ấy như thể câu chuyện chỉ vừa mới xảy ra hôm nay. Trời vừa xẩm tối, quán cà phê của tôi đông nghịt khách. Thoạt đầu, tôi không hiểu tại sao khách hàng đang ngồi quây quanh các bàn lại đứng cả dậy, đến gần các cửa kính lớn, nhìn ra ngoài về phía quảng trường trước tòa thị chính. Sau đó, có vài người đổ xô ra phố, những người khác nhao nhao hỏi có chuyện gì thế. Nhiều bàn, khách đứng dậy đi hết. Đây là lần đầu tiên, số khách đứng dậy đi ra mà không trả tiền nhiều đến như vậy. Tôi không kìm nổi tò mò nữa, cũng chạy ra. Nhiều người khác

cũng rời khỏi quán cà phê phía trước mặt và câu lạc bộ những người đi săn, ra đứng tùm tùm trên quảng trường, trên vỉa hè để nhìn sự việc xảy ra. Chiếc xe tải đỗ đúng ngay trước đài liệt sĩ của thành phố, đối diện với tòa thị chính, và cái *bọn ấy*, vừa bước chân xuống khỏi xe, là đưa mắt nhìn quanh, tỏ vẻ ngạc nhiên. Bọn chúng có sáu đứa, đứa nào cũng có vẻ mệt mỏi, người còn ê ẩm sau chuyến đi xa. Những người tò mò đứng xem xung quanh trở mắt ra nhìn, như thể đây là những loài thú hiếm có, còn *bọn ấy*, chúng vừa trò chuyện với nhau vừa bình tĩnh nhìn lại với một nụ cười thản nhiên. Có lẽ bọn chúng ngạc nhiên khi thấy bất thành linh bị rơi vào cái thành phố kỳ dị này, toàn bằng đá, vì thành phố chúng tới vào lúc hoàng hôn, nom có phần nào quái dị thực, với những bức tường thành, những ngọn tháp lạng lẽ của giáo đường Hồi giáo nóc nhọn, hoặc lợp tôn cao vút, lấp lánh dưới ánh chiều tà.

Trong lúc đó, khu quảng trường đã đông nghịt người, phần lớn là trẻ con; chúng ê gọi và nói với bọn gái điếm mấy câu học lỏm được của tụi lính. Người lớn xua lũ trẻ đi và lạng lẽ đứng nhìn bọn gái điếm, không nói một lời... Chúng tôi thật tình cũng không hiểu lúc đó trong lòng mình cảm xúc ra sao. Điều duy nhất chúng tôi hiểu rõ buổi tối hôm ấy, là tất cả những gì người ta kể cho chúng tôi nghe về các nhà thổ ở Tokyo hoặc ở Honolulu, đều khác xa với cái cảnh đang diễn ra trước mắt; đây là một cái gì khác hẳn những câu chuyện chúng tôi đã được nghe kể lại, một cái gì thắm thía hơn, đáng buồn và thảm hại hơn.

Bọn gái điếm ngoan ngoãn như đàn cừu đi theo mấy người nước ngoài và một nhân viên tòa thị chính về phía khách sạn, một lũ trẻ ùa theo sau. Đêm hôm đó, những «*bà khách kỳ dị*» của thành phố chúng tôi ngủ tạm tại đây.

Hôm sau, người ta đưa họ đến ở một ngôi nhà ba tầng, xung quanh có một mảnh vườn nhỏ, ở ngay chính giữa thành phố. Ngoài cửa có treo một tấm bảng ghi ngày giờ ấn định việc tiếp khách dân thường và khách quân nhân. Cái bảng này cũng mãi về sau chúng tôi mới trông thấy, chứ thời gian đầu, không ai lai vãng đến phố này, như thể ở đây đang có bệnh dịch hạch hoành hành. Phố vắng tanh, không còn ai qua lại. Ngay mãi về sau, khi đã

có người qua lại rồi, chúng tôi vẫn thấy cái phố ấy là phố xấu nhất, quái dị nhất, nhớp nhúa nhất thành phố. Chúng tôi coi nó như một cái gì xa lạ, ô uế, tàn tạ, như một đứa con gái hư đốn vậy! Rồi, người ta đặt một tên cảnh sát đứng gác để rình xem những ai tránh đường không muốn qua đó, và dần dần, ít ngày sau, bắt đầu lại có người đi qua; thoát tiên, chỉ có mấy đứa trẻ con, sau đến người lớn, vì dù sao thì cũng phải lo làm ăn, làm gì có thì giờ đi vòng mấy phố nhỏ bên cạnh cho thêm dài đường. Duy chỉ có mấy cụ già là thề, muốn ra sao thì ra, nhất định không bao giờ các cụ đi qua cái phố ấy nữa.

Thực là những ngày đen tối đây rầy lo âu đối với tất cả mọi người. Thành phố chúng tôi xưa nay không hề biết đến dĩ điểm là gì, và cũng rất hiếm khi có những vụ tai tiếng âm ỉ trong gia đình vì ghen tuông hay phụ bạc. Thế mà giờ đây, bất thành linh, có cái vết như đó ở ngay chính giữa thành phố. Nỗi hoang mang lo lắng lúc đầu của mọi người khi biết tin này thực không thấm vào đâu so với nỗi hoảng hốt của họ khi thấy cái nhà thổ giờ đây thực sự mở cửa. Đàn ông, ai nấy đều về nhà thật sớm và tối đến, các quán cà phê cũng hết khách rất sớm. Hễ thấy chồng hoặc con trai về muộn là các bà mẹ và các bà vợ lo lắng đến phát cuồng. Bọn gái điểm họ chẳng khác gì một cái u độc ở ngay giữa thành phố. Không ai còn giữ được bình tĩnh nữa. Nhưng nhiều ông và nhiều thanh niên, không phải lúc nào cũng che giấu được cái vẻ bối rối trong con mắt.

Thoạt đầu, tất nhiên là không có ai đi lại nơi đó. Bọn gái điểm hẳn ngạc nhiên, và cho người dân ở đây phải kỳ quặc lắm nên mới ít hám đàn bà đến thế. Cũng có thể chúng cũng hiểu rằng vì chúng là người nước ngoài nên người dân ở đây coi chúng cũng như đám quân chiếm đóng, kẻ thù của mọi người.

Kẻ đầu tiên đến cái nhà thổ ấy là thằng vô lại Lame Spiri: Ngay chiều hôm nó đến đây lần đầu tiên, đã có tin loan truyền ngay đi, đến nỗi lúc nó ra, cửa sổ các nhà gần đấy đã đầy những người, trở mắt nhìn nó như thể nhìn thấy Chúa sống lại.

Thằng Lame Spiri vênh vác đi ngoài phố, chẳng hề tỏ ra ngượng nghịu chút nào. Thậm chí, nó còn giơ tay vẫy một con gái điểm đang đứng tì

tay lên bậu cửa sổ nhìn theo nó. Vừa lúc đó, một bà cụ từ trên cửa sổ hắt cả một chậu nước xuống, nhưng không trúng người nó. Các bà già tự bấu má mình, nguyên rửa bọn gái điếm bằng cách dang thẳng cánh tay, bàn tay giơ lên, năm ngón tay xò ra chĩa về phía kẻ bị nguyên rửa, đó là cái lối nguyên rửa đặc biệt của các bà phụ nữ nước chúng tôi. Nhưng bọn gái điếm chắc không hiểu cử chỉ ấy, nên phá ra cười.

Sự thế lúc đầu là như vậy. Về sau, người ta cũng quen dần với tình hình mới. Thậm chí, có những kẻ, nhân một buổi tối trời nào đó, đã lên đến cái nhà đã gây ra bao nhiêu nỗi khổ tâm cho chúng tôi ấy. Có thể nói là bọn gái điếm đã nhập dần vào cuộc sống của chúng tôi.

Nhiều khi, vào buổi tối, chúng ra đứng ở ban công. Chúng hút thuốc lá, lơ đãng nhìn những ngọn núi xung quanh, trong lòng hẳn nhớ tới quê hương xa vắng. Chúng đứng như vậy rất lâu, trong bóng tối, cho đến khi tí trên đỉnh tháp giáo đường, ông tu sĩ Hồi giáo cất tiếng đều đều tụng kinh và tất cả mọi người đã ai về nhà nấy.

Ít lâu sau, thái độ hằn học của chúng tôi đối với chúng không còn nữa. Thậm chí, có những người còn thương hại chúng. Họ bênh chúng, nói rằng thực ra chúng cũng chỉ là bị động viên, hoàn toàn không khác gì bọn lính và được quân đội của chúng đài thọ. Đôi khi vì chúng mà xảy ra một vài tai họa, chẳng hạn, một em học sinh bị bắt vì đã nói câu «quân sự hóa bọn đi». Nhưng những con người khốn khổ ấy, chúng làm thế nào được, đâu phải lỗi tại chúng?

Vậy là hình như người ta cũng quen dần với sự có mặt của lũ gái điếm. Người ta không còn cảm thấy sỉ nhục những khi bất chợt gặp chúng trong một cửa hàng, hay ở nhà thờ vào hôm chủ nhật; chỉ trừ có các bà cụ già là ngày đêm còn cầu nguyện cho một quả bom «của người Anglo», như các cụ vẫn gọi, giáng xuống cái nhà ma quỷ ấy.

Ai nấy đều bận công việc, trong cuộc sống có biết bao nhiêu điều phiền muộn, chuyện này cũng chỉ là một phiền muộn cộng vào con số bao nhiêu những phiền muộn khác mà thôi.

Mà bọn chúng nào có sung sướng gì cho cam!

Mặt trận Ý-Hy không xa lắm, đêm đêm ở đây nghe rõ tiếng đại bác rền. Thành phố chúng tôi là chỗ dừng chân cho những đội quân mới đi ra mặt trận thay thế những đơn vị đã mệt mỏi, và cho bọn ở ngoài mặt trận trở về.

Nhiều khi, trước cửa nhà thổ có treo tấm bảng đề chữ: «Ngày mai không tiếp khách dân thường»; mọi người đều hiểu rằng ngày hôm sau sẽ có chuyển quân, mặc dầu lời yết thị ấy hoàn toàn vô ích, vì không có một người thường dân nào lui tới nơi đó ban ngày, nhất là khi có mặt tụi lính thì lại càng không có một ai, tất nhiên, trừ tên vô lại Lame Spiri, vốn vẫn ra vào tự do nơi đấy, bất cứ lúc nào.

Hồi ấy, đôi khi chúng tôi cũng tạt qua đấy để xem bọn lính ở ngoài mặt trận về, đứa nào đứa nấy nom bần thiêu, đầu tóc xồm xoàm, chúng đứng nối đuôi nhau trước cửa nhà thổ. Ngay khi trời mưa, chúng cũng mặc, nhất định không bỏ hàng và quả thật, đánh bật chúng khỏi chiến hào còn dễ hơn là đuổi chúng rời khỏi hàng nối đuôi nhau ngoằn ngoèo, thiếu não, dài vô tận này. Để khỏi sốt ruột trong lúc chờ đợi dưới mưa, bọn chúng bông đùa tục tĩu, gãi ngứa, bắt rận, văng ra những lời thô lỗ, cãi cọ nhau về thời gian mấy phút của chúng trong kia. Hẳn lũ gái điếm nọ cũng chẳng vui gì, nhưng đành là phải chịu, vì nói cho cùng, chúng cũng là bị động viên cả.

Về xế chiều, hàng người nối đuôi nhau cũng ngắn dần. Cuối cùng, tên lính sau chót ra đi, phố xá trở lại yên tĩnh. Thường thường, cứ sau những ngày vất vả đó, bọn gái điếm, coi bộ đứa nào cũng mệt lử, nước da vàng ệch, vẻ mặt nom bơ phờ hơn bao giờ hết. Tưởng như bọn lính ở ngoài mặt trận về đã trút lên những đứa con gái đau khổ ấy, tất cả những nỗi phiền muộn, ử rũ của chúng, cùng với mưa gió, bùn lầy, và những thất bại ngoài chiến hào, để rồi sau đó, ra đi nhẹ nhõm, thỏa mãn, như đã trút được một gánh nặng; còn bọn gái điếm thì cứ phải ở lại đây, trong thành phố chúng tôi, cách mặt trận không bao xa, để đợi những tên lính khác, để nuốt cho kỳ hết mọi nỗi đắng cay của đạo quân rút lui.

Có lẽ tình hình đó sẽ còn kéo dài một thời gian lâu, và sẽ chẳng có gì khác thường xảy ra vì dẫu sao thì cuộc sống vẫn cứ phải tiếp tục. Có thể suốt thời gian chiến tranh, bọn gái điếm đó cứ ở trong thành phố chúng tôi để

nhìn những ngày tẻ ngắt của chúng trôi đi với tiếng cầu kinh kéo dài của mấy vị *hodja*, và để tiếp những đoàn lính dài dằng dặc mà sau đó số phận sẽ tung đi không biết đến những nơi đâu. Phải, mọi sự rất có thể sẽ qua đi như vậy, nếu không có chuyện đưa con trai ông Ramiz Kurti bằng một hôm đòi bỏ lời hứa hôn với cô vợ chưa cưới.

Thành phố chúng tôi không to nên những sự việc như vậy gây dư luận rất lớn. Vì phải nói rằng trong khắp nước, hiếm có thành phố hoặc làng mạc nào có ít đám vợ chồng ly dị nhau hơn ở chúng tôi. Việc đưa con trai ông Ramiz từ hôn người vợ chưa cưới đã gây tai tiếng âm ỉ. Mấy hôm liền, toàn thể họ hàng nhà ông Ramiz họp mặt đông đủ ở nhà ông ta để bàn bạc về việc này, và bằng đủ mọi thứ dọa nạt, họ bắt con trai ông Ramiz phải đính hôn lại với cô vợ chưa cưới. Nhưng anh con trai khăng khăng không chịu, mặc cho gia đình dọa nạt nài nỉ. Nhưng, có cái tệ nhất là nó không chịu nói tại sao nó muốn cắt đứt, gia đình đã gắng công dò hỏi mà vẫn không tìm ra nguyên nhân. Cả ngày nó cứ ngồi rũ ra đây, lặng lẽ đăm chiêu, người cứ mỗi ngày một gầy rạc, nước da tái xám đi trông thấy, như phải bùa phải bả.

Trong lúc đó, gia đình người con gái đến thúc ép đòi biết lý do. Họ hàng bên cô gái cũng đông như bên nhà trai, họ cũng họp nhau lại để bàn về việc này. Hai lần họ cho người sang nhà ông Ramiz hỏi lý do về chuyện cắt đứt, nhưng đều không được trả lời; người bên nhà gái bực bội ra về, ngỏ ý họ sẽ không chịu để ai giày xéo lên danh dự của họ. Thế có nghĩa là vũ khí sẽ thay thế cho lời nói. Mà quả thực, đã có tiếng súng nổ, nhưng khác hẳn với tiếng súng mà người ta vẫn e ngại.

Đúng vào hồi đó, khi đại diện hai gia đình đang bàn cãi lần cuối cùng, và khi cả hai bên đều cảm thấy tình thân thiết cũ được cuộc đính hôn giữa hai trẻ ngay từ lúc chúng còn ở trong nôi thắt chặt thêm, giờ sắp biến thành mối hận thù, thì người ta được rõ nguyên nhân thực sự của sự tan vỡ này. Kể thì cũng đơn giản thôi, nhưng thực xấu hổ. Thằng con trai ông Ramiz phải lòng một con gái điếm.

Về sau, chúng tôi vắt óc suy nghĩ để đoán ra thực chất mối quan hệ giữa thằng ấy với con gái điếm nước ngoài kia. Có thực nó yêu con ấy



không? Hay con ấy mê nó? Có trời biết được mối quan hệ giữa hai đứa là thế nào. Không bao giờ người ta biết được sự thực ra sao.

Ngay hôm cái tin đó lan ra thì vào lúc xẩm tối, ông Ramiz Kurti, mặt tái nhợt, đầu trần, tay chống gậy từ phố trên đi xuống chỗ nhà thổ. Ông ta bước đi, con mắt trôn trôn như cục băng, lúc đó ông cụ chắc không còn tỉnh táo lắm. Các ông thử tưởng tượng xem, bọn gái điếm ngạc nhiên biết mấy khi chúng thấy một ông cụ già gương mặt tái nhợt, cầm gậy đẩy cánh cửa chắn song sắt của mảnh vườn nhỏ để vào nhà. Chúng đang ngồi cả trên hiên, và khi ông cụ trèo lên bậc tam cấp, thì một đứa bật lên cười, nhưng không hiểu sao, những ý nghĩ đùa giỡn của những đứa khác đã ngừng lại trên môi chúng và chúng nín lặng, im phăng phắc. Ông cụ lấy gậy chỉ vào con bé đã đan dúi với con trai mình (chắc hẳn nhìn mái tóc nó, ông đã nhận ra), con bé ngoan ngoãn đi vào trong phòng, chắc nó tưởng ông cụ cũng là một khách làng chơi bình thường nào đó. Ông cụ vào theo. Rồi lúc con bé bắt đầu cởi quần áo, nó ngẩng đầu lên nhìn thấy gương mặt khác thường của ông cụ nom như mặt nạ hình nhân thì nó kinh hoàng hét lên. Giá con bé không hét lên như vậy thì có thể ông cụ cũng không rút súng ra bắn. Tiếng nó hét đã làm ông Ramiz như tỉnh lại. Ông cụ bắn ba phát rồi quăng súng xuống đất, quay ra, lảo đảo như người say rượu, giữa tiếng la hét của lũ gái điếm.

Ba ngày sau, ông già Ramiz bị treo cổ, đứa con trai biến mất.

Hồi ấy đang độ tháng mười, giá lạnh từ các hẻm núi xung quanh thành phố thổi về suốt ngày đêm. Tuy nhiên, đám ma của đứa gái điếm vẫn có đủ cả hoa, vòng hoa, âm nhạc và súng bắn chào. Bọn phát xít đã lùng ngoài phố và trong các tiệm cà phê, lừa được một số người, ép phải tham gia vào đám đưa ma cho thêm đông. Chúng tôi bước đi lặng lẽ, gió quất vào mặt buốt như cắt. Xác con bé được đặt trên một chiếc xe nhà binh, trong một chiếc quan tài đẹp màu đỏ. Quân nhạc cử một bản nhạc tang hành, và đám gái điếm, bạn của nạn nhân, khóc rưng rức. Chưa bao giờ nhân dân thành phố chúng tôi đi theo linh cữu một người đàn bà nước ngoài, mà lại là cái hạng đàn bà ấy. Chúng tôi cảm thấy như choáng váng và trong lòng trống rỗng. Tôi nhìn những đám mây bay cao trên trời và vừa đi vừa nghĩ đến số phận của con bé. Ai biết được số phận ác nghiệt nào đã xô đẩy con bé khốn



khổ ấy từ một nơi xa xôi theo bọn lính mũ sắt kia và, sau khi lang bạt hết thị trấn này đến thị trấn khác ở hậu phương, nó đã tới thành phố chúng tôi, nơi số phận đã định cho nó sẽ phải kết thúc cuộc đời của nó và kéo theo thêm mấy mạng khác. Có lẽ cũng như nhiều đứa khác, nó lầm tưởng có thể tô điểm thêm một chút cho cuộc sống của nó, vì con người ta, dầu sao thì cũng vẫn hy vọng cải thiện được số phận của mình, dù cho cái số phận ấy có buồn thảm đến đâu đi nữa.

Người ta chôn nó ở nghĩa trang quân nhân, «nghĩa trang những người anh em», như người ta vẫn thường gọi, và đặt trên mộ nó tấm bia bằng đá hoa mà ông nhìn thấy sáng nay. Trên bia, người ta có ghi cái câu đã trở thành công thức: «Đã hy sinh cho tổ quốc», như người ta vẫn thường đọc thấy ở đầu mộ mọi người lính.

Mấy hôm sau, có lệnh từ thủ đô xuống và cái nhà thổ bị đóng cửa. Tôi còn nhớ rõ như mới hôm nay cái buổi sáng lạnh giá đó, bọn gái điếm, tay xách vali, đến quảng trường tòa thị chính đợi chiếc xe nhà binh đến chở đi. Khách qua đường ai cũng đứng lại nhìn. Chúng đứng sát vào nhau, cổ áo khoác ngoài bẻ cao vì trời lạnh, nom chúng tiêu tụy, ngơ ngác hơn bao giờ hết.

Chúng trèo lên chiếc xe tải và khi xe chuyển bánh, có mấy người rụt rè khẽ vẫy tay chào tiễn. Chúng vẫy tay chào lại, nhưng cử chỉ của chúng không phải là cử chỉ thường thấy ở hạng đàn bà làm nghề đó, đây là một cái gì rất khác, khiến người ta cảm thấy nó ngậm ngùi một vẻ cay đắng, mệt mỏi. Chúng tôi đứng đấy nhìn theo lòng vẫn không thấy vì thế mà nhẹ nhõm đi chút nào. Trước kia, quả tình chúng tôi đã có lúc nghĩ rằng chúng nó mà đi, chúng tôi sẽ mở tiệc ăn mừng. Nhưng giờ đây, sự tình lại diễn ra khác hẳn. Chúng nó ra đi nhưng chúng tôi sẽ được lợi gì. Chiến tranh vẫn hoành hành khắp nơi, bọn phát xít vẫn đứng gác ngay trước cửa nhà chúng tôi, và chúng tôi chẳng hy vọng sẽ được gì hơn dưới ách bọn chiếm đóng.

Có trời biết được những người con gái xấu số ấy bị đưa đi đâu, chắc hẳn là đến một thành phố nào khác, ở gần mặt trận, nơi nghỉ tạm một đêm của bọn lính đi ra mặt trận, hoặc từ ngoài mặt trận rút về. Và cuộc sống của chúng sẽ lại đầy rẫy những hàng lính tráng dài dằng dặc; những tên lính mệt

lử, bản thiú ấy sẽ lại trút xuống đầu chúng, tất cả những nỗi đắng cay và sự  
âm ước mang từ ngoài mặt trận về.

## CHƯƠNG VIII

VIÊN tướng ở cửa lều vải, ngắm nhìn chân trời xám xịt. Sương mù lớp lớp bốc lên, sà xuống trên những sườn núi dốc thẳng đứng, khi thì phủ kín một vùng này, khi thì để lộ ra cả một vùng khác. Chốc chốc, những đám mây đen lại sà xuống sát đỉnh lều. Viên tướng, cổ áo cao pốt bẻ cao, lắng nghe tiếng vải lều sau lưng mình xào xạc như rùng mình trong gió.

Cách đây mấy bước là chiếc xe con, và xa hơn chút nữa, sau túp lều của mấy người công nhân, là chiếc xe tải. Khu nghĩa trang này không có địa giới rõ rệt. Những con suối ngoằn ngoèo uốn khúc xung quanh đã thi nhau xói mòn hai bờ, cuốn đất xuống thung lũng bên dưới.

Nghe rõ tiếng cuốc chim bố đều nhịp xuống đất rần. Thịnh thoảng thấy có một nhóm túm tụm vào một chỗ nào đó, viên tướng kết luận là họ đã lại đào thấy một bộ hài cốt. Lúc này, ông đoán là người ta đang tẩy uế chỗ xương vừa tìm được và anh cán bộ chuyên môn đang cúi xuống đo chiều dài bộ xương, còn ông linh mục thì đánh dấu chữ thập vào cạnh tên một người và nếu chiều dài bộ xương không đúng với con số ghi trên danh sách thì ông lại đánh thêm một dấu hỏi.

Viên tướng có thể hình dung được sự việc đang xảy ra đằng kia, giữa cái nhóm mấy người ấy, đến từng chi tiết nhỏ nhất: từ gương mặt lạnh lùng của ông linh mục đến những cử chỉ của anh cán bộ chuyên môn hai tay cuộn vào tháo ra chiếc thước dây. Khi nhóm người lâu không thấy tản ra, viên tướng biết ngay «Họ đo lại lần thứ hai, hẳn lại có một dấu hỏi mới trên bản danh sách.»

Rồi một công nhân vội vã đi lại phía lều của viên tướng lấy cái túi nylon mang đi, cái túi rất đẹp màu xanh lam viền đen, hai sọc trắng, mang nhãn hiệu «Olympia», loại túi thừa. Anh cán bộ chuyên môn, ngón tay thon dài, cầm kim cặp lấy hình trái tim, ném vào một cái hộp sắt.

*Một hôm, người tập hợp chúng tôi lại để kiểm tra chi tiết xem tất cả chúng tôi có đeo hình trái tim không. Có đứa nào đã báo với cặp trên là bạn tôi ném hình trái tim của anh ta đi, - Hình trái tim của mày đâu? Viên trung*

úy vừa bắt bạn tôi cởi áo vừa hỏi - Tôi không rõ, có lẽ tôi đánh mất rồi - Đánh mất? Tao thừa biết là mày đã vứt đi rồi. Đồ khốn nạn: Mày sẽ chết như một con chó và sau này không ai còn nhận ra được xác mày nữa. Rồi người ta lại cứ nhè chúng tao mà khiển trách. Đi! Vào nhà giam! Tên trung úy hét lên. Hai hôm sau, người ta lại giao cho anh bạn tôi một hình trái tim khác.

Trái lại, khi đám người tản ra thì có nghĩa là hài cốt đã được bỏ vào túi nylon, và người ta đã dán lên túi một cái nhãn ghi số lính của người chết và số ghi trong bản danh sách. Rồi cũng người công nhân lúc này lại xách cái túi nylon trở về lều, và tiếng cuốc chim cuốc vào đất âm lại thành thịch, nhịp nhàng. «Cái xác vừa đào được không biết là của ai vậy?» viên tướng tự hỏi, mắt nhìn đám người đã lại túm tụm ở giữa nghĩa địa. Và cứ mỗi lần đào được một cái xác, trong óc ông lại hình dung thấy những gương mặt lạng lẽ, lăm lăm trong phòng khách nhà ông, ở rất xa đây, vào những buổi xấu trời, hồi ông vừa mới ở bãi biển về. Tất cả những người đến gặp ông, người nào cũng nói về người thân của họ, có người kể lẽ dài dòng, có người vắn tắt ít lời hơn, lại có những người mang theo một mớ ảnh, hàng bó thư; sau hết, cũng có những người chẳng có gì cả, trừ một bức điện vắn tắt của Bộ chiến tranh.

Viên tướng lo xo khép kín chiếc áo ca pốt và đưa mắt nhìn về hướng đông bắc. Ông nghĩ thầm:

- Phía đằng kia có cái đài kỷ niệm, chỗ ngã tư, nơi cái ngói của một chiếc cối xay cũ, bỏ hoang, vẫn ì oạp vỗ nước vào bờ. Vào lúc quang trời, đứng đây hẳn cũng nhìn thấy, còn bây giờ thì nó lấp trong sương mù mất rồi.

Khi những lớp sương mù đã trôi qua, ông chờ đợi chỉ trong chốc lát là sẽ nhìn thấy cái đài nọ hiện ra, rất cao, cao ngất, mảnh dẻ, lát bằng đá trắng, rồi đằng sau là những cổng vòm đã đổ nát của một ngôi nhà cổ, những đồng gạch vỡ vỡ, những đồng đá cháy đen thui và xa hơn nữa, ở ngoài cổng làng là cái cối xay bị cháy, bỏ hoang, với nước ngói vỗ ì oạp, vật duy nhất không thể đốt cháy hoặc phá hủy được. Trên mặt bia, có khắc mấy câu theo lối chữ hoa, nguệch ngoạc: «Nơi đây, Tiểu đoàn Xanh khốn kiếp đã đi qua, đã đốt cháy, tàn sát làng này, đã giết phụ nữ, trẻ con chúng ta, đã treo cổ đàn ông lên những cột này. Để tưởng nhớ những người đã chết nhân dân dựng

đài kỷ niệm này». Làng đã đi xuống phía dưới kia, trong thung lũng, chỉ có những cột dây điện thoại, chân cột quét hắc ín, đây đó có thêm cột chống nghiêng cho vững - chính những cột này, theo người ta kể lại, tên đại tá Z đã dùng để tự tay treo cổ những người dân ở đây - chỉ có những cột ấy là còn nguyên tại chỗ, cái thấp cái cao, tùy theo hình thể mặt đất, trên vẫn còn căng dây thép.

Nhưng ngay những cột ấy lúc này cũng lấp trong sương mù, đứng đây viên tướng không nhìn thấy gì hết. Tưởng chừng như đằng kia, trèo lên trên cái đài kỷ niệm, trên các cột dây điện thoại, trên cái cối xay và trên những công hình vòm đã đổ nát gần hết, là một tấm khăn trắng rộng mông mênh, như trước một buổi lễ khánh thành trọng thể nào đó.

- Khéo không ông bị cảm lạnh đấy, ông linh mục bước vào lều, bảo viên tướng. Trời rất ẩm thấp mà lại gió to.

Viên tướng theo vào. Đã đến giờ ăn bữa trưa.

- Thế nào, công việc ra sao?

- Tốt lắm, ông linh mục nói. Nếu ngày mai xã viên trong làng ra giúp ở bờ ngòi bên kia thì bốn ngày nữa chúng ta có thể nhổ lều được.

- Tôi cho là chỉ có xã viên đàn ông đến làm thôi, còn đàn bà và các cụ già thì có lẽ không, vì những người này, họ cho đào mồ cuốc mả là làm việc thất đức.

- Có thể sẽ có cả đàn bà và cụ già. Công việc này không chắc là không đem lại cho họ một sự thích thú ngầm.

- Nếu thế thì đáng lấy làm lạ đấy, viên tướng nói. Sao người ta lại có thể thích thú với cái việc quật mả này được?

- Đối với họ, đây cũng là một thứ trả thù muộn về sau.

Viên tướng nhún vai.

- Và lại, làm việc này kiếm được nhiều tiền, ông linh mục nói tiếp. Chúng ta trả hậu nên dân ở đây họ cũng thích làm cho chúng ta. Với tiền công vài ngày họ có thể sắm được một cái đài thu thanh nhỏ. Họ thích cái món này lắm.

Tôi cũng thấy thế, viên tướng nói. Lúc nào họ cũng mở đài to hết nấc. Giá ta mang theo một cái đài bán dẫn thì cũng hay.

- Chúng ta đã không nghĩ ra.

Tôi bắt đầu ngấy cái lều này rồi, viên tướng nói.

Mà thời tiết thì cứ mỗi ngày một giá lạnh thêm. Tôi hy vọng đây là lần cuối cùng ta cắm lều ở vùng này.

- Tôi nghĩ là còn phải tìm ở một chỗ nữa, đâu trên núi cao, gần con đường chiến lược nay đã bỏ không dùng đến.

- Ồ?

- Phải, đấy là những người chịu trách nhiệm kiểm soát một quãng đường hoặc một cái cầu gì đó, tôi cũng không rõ.

- Vậy thì họ phải đông.

- Vâng, đông lắm, tôi nghĩ hãy cứ để đấy, đợi sang năm, chứ thời tiết này mà leo lên cao trên đó thì hăn chẳng vui thú gì.

Viên tướng lấy mấy cái phích ra. Hai người lặng lẽ ăn qua loa một ít thức ăn khô. Sau đó, viên tướng ngả lưng trên tấm giường vải. Ông linh mục thì cầm sách đọc.

«Tay này đã làm gì với mẹ vợ góa viên đại tá?» viên tướng nghĩ thầm và ngắm nhìn nét mặt trông nghiêng của ông linh mục, mái tóc đen láy, mượt như tơ chưa điểm một sợi bạc nào.

«Mẹ ta đẹp thật!» ông nhớ lại, hai tay chắp sau gáy, mắt đăm đăm nhìn tấm vải đang khẽ rung rinh ở trên đầu. Trời lại bắt đầu mưa.

«Trời xanh, xanh ngắt, ông nghĩ thầm, mắt nhìn tấm vải màu tím căng nghiêng bên trên đầu. Và người đàn bà dưới bầu trời ấy, thực xinh đẹp quá, tưởng trên đời không còn gì duyên dáng hơn.»

Ông có cảm giác là hình ảnh ấy ở vào một quá khứ xa xôi hơn nhiều, chứ không phải chỉ mới hồi tháng tám vừa qua, vào một buổi chiều rục rịch, mặt trời đỏ như một con mắt to lớn, một mồi và những vệt đen đầu tiên còn mơ hồ của chiều tối khế lung linh đây đó phía chân trời. Bãi dạo chơi ngoài bờ biển khi ấy đông nghịt những người. Gia đình ông cùng cả bạn bè quen biết ngồi trên sân thượng khách sạn để ngắm cảnh mặt trời lặn, thuyền và

chim hải âu ngoài biển. Ngày nào họ cũng đến đây để ngắm cảnh chiều tà, và chỉ khi mặt trời ngụp sâu xuống biển, những tấm bảng lớn của khách sạn và những tấm bảng nhỏ hơn, treo theo chiều thẳng đứng, của những tiệm cơm rượu, đã thấp sáng dọc bờ biển, thì họ mới đứng dậy, cùng mấy đứa trẻ đi dạo trên bãi cát.

Buổi chiều hôm ấy, sân thượng đông nghịt người, tia nắng chiếu lên kính những ánh đỏ rực. Người ta nói những chuyện gì? Thật khó mà nhớ lại được. Chỉ là những câu chuyện nhạt nhẽo cùng chấm dứt với ánh mặt trời, chẳng để lại vết tích gì khác ngoài những chiếc vỏ chai rỗng để lỏng chỏng trên bàn, những vỏ chai nước trái cây, dán nhãn hiệu sặc sỡ.

Bỗng, ông có cảm giác từ một cái bàn gần đó có người nhìn mình chăm chặp. Ông thong thả quay đầu lại, và mắt ông lần đầu tiên gặp cặp mắt của người đàn bà ấy, rồi cặp mắt một bà có tuổi, sau đến, mắt một người đàn ông, rồi mắt một người đàn ông nữa. Rõ ràng mấy người đó đang nói chuyện về ông. Sau khi trao đổi với nhau mấy cái gật đầu, họ lại nhìn ông chăm chặp, người thiếu phụ trẻ khẽ mỉm cười. Một lát sau, một trong hai người đàn ông bỗng đứng dậy, đi lại chỗ ông, có vẻ hơi ngượng nghịu:

- Thưa ngài!

Ông đã làm quen với gia đình viên đại tá Z đầu đuôi là như vậy. Tất cả những người ấy: người thiếu phụ xinh đẹp, vợ góa còn trẻ của viên đại tá, bà cụ già, mẹ y, và hai người anh em con chú con bác của y, họ đến bãi biển đây với mục đích duy nhất được gặp ông.

- Chúng tôi được biết trên giao cho ngài cái sứ mệnh thiêng liêng cao cả này, bà cụ nói, và chúng tôi rất lấy làm sung sướng được biết ngài.

- Mà cũng chính vì thế mà chúng tôi đến đây.

- Chúng tôi đã không ngừng thuê người tìm kiếm anh nó cho đến tận lúc chiến tranh kết thúc, bà cụ lại nói. Đã ba lần tôi nhờ người đi tìm anh nó, cả ba lần họ đều trở về không. Người thứ tư đã lừa chúng tôi, lấy tiền rồi đi mất. Khi nghe tin ngài sắp đi đến xứ đó, chúng tôi lại hy vọng. Vâng, đúng thế, thưa ngài; giờ đây chúng tôi đặt tất cả hy vọng, những hy vọng lớn lao của chúng tôi vào ngài đấy.

- Thưa cụ, chúng tôi sẽ làm hết sức mình, không quản một khó khăn nào hết.

- Anh nó còn trẻ lắm, được trời phú cho đủ thứ đức tính tốt! Bà cụ tiếp tục nói, nước mắt rưng rưng. Ai cũng cho là anh có năng khiếu của một thiên tài quân sự. Chính ông bộ trưởng chiến tranh lúc đến chia buồn với chúng tôi cũng nói như vậy. Đây là một tổn thất lớn, một tổn thất rất đau xót cho tất cả mọi người. Nhưng anh nó là con trai tôi nên tất nhiên, tôi đau xót nhất. À quên, cả con nữa, Betty, tất nhiên cả con nữa, mẹ xin lỗi. Con có còn nhớ lần cuối cùng anh nó từ Albania về nghỉ phép mười lăm ngày không? Chỉ có mười lăm ngày thôi, và bà mẹ đã phải lo làm lễ cưới vội cưới vàng cho các con, vì thì giờ gấp quá. Anh nó lại đảm đương nhiều chức vụ hết sức quan trọng, nên không thể vắng mặt lâu ở cái xứ khốn kiếp ấy. Betty, con còn nhớ chứ?

- Vâng, thưa mẹ, con quên làm sao được ạ?

- Con có còn nhớ con đã khóc sụt sùi ở trên đầu cầu thang, trong khi chồng con đang mặc bộ quân phục, mẹ đã cố dỗ cho con yên tâm và cũng là để tự an ủi mẹ nữa, thì bỗng có điện thoại gọi. Trên bộ chiến tranh cho biết nửa giờ nữa máy bay sẽ cất cánh, chồng con bước vội xuống cầu thang, nhảy bốn bậc một, ôm hôn cả mẹ lẫn con rồi ra đi. Ồ, xin ngài thứ lỗi cho, bà cụ nói, xin lỗi ngài, tôi đã quá dài dòng thổ lộ nỗi lòng như vậy, tôi vốn dễ bị xúc động, xưa nay tôi vẫn thế.

Những ngày sau đó, họ càng thân nhau hơn, gia đình viên đại tá nhập bọn với gia đình ông. Họ cùng chơi quần vợt, cùng tắm, cùng thuê thuyền dạo chơi và tối tối, cùng nhau đến khiêu vũ tại các tiệm nhảy ở bờ biển. Vợ viên tướng không ưa gì cái tình thân mật của những người bạn mới này, nhưng tính bà ta vốn vẫn thế, không hề để lộ ra. Bà rất bứt rứt khi thấy chồng đi dạo chơi luôn luôn với Betty bên bờ biển. Bóng dáng tuyệt vời, mái tóc màu vàng hoe thơm ngậy ngát và tất cả mọi vẻ hấp dẫn của người thiếu phụ ấy không thể không khiến bà ta nổi ghen.

- Tôi lấy làm lạ, không hiểu các người nói với nhau những chuyện gì mà lâu thế, một hôm bà hỏi chồng.



- Nói chuyện về ông đại tá chứ còn nói gì nữa, chỉ có nói chuyện ông đại tá thôi, ông trả lời vợ.

- Ủ, thì mẹ ông ta nói suốt ngày suốt buổi về ông ta, cái ấy còn đi một nhẽ, chứ cô ta mà chỉ nói chuyện ấy thôi, thì...

- Bà nói thế thật là dở, ông ngắt lời vợ. Gia đình nhà ấy đang gặp khó khăn, họ nhờ tôi, chí ít thì cũng phải giúp họ chứ.

- Ồ, tôi thì tôi thừa biết mối quan tâm duy nhất của bà vợ góa ông đại tá là gì rồi. Bà ta rêu rao với tất cả mọi người ở bãi biển này là bà ta âu sầu chờ đợi hài cốt đức ông chồng được hồi hương; bất kỳ ở đâu và bất kỳ lúc nào, người ta cũng chỉ nghe thấy bà ta nói đến ông chồng. Tại sao bà ta lại thiết tha một cách quá đáng đến một người chồng đã chết cách đây hai mươi năm, con người mà bà ta chỉ chung sống có mười lăm ngày, điều đó chỉ có mỗi một lý do để giải thích mà thôi.

- Bà định nói gì?

- Đây ông ạ, rất đơn giản, bà ta muốn bịp bà mẹ chồng đã già hóa lẫn lẫn đây thôi. Bà cụ tội nghiệp cứ tưởng cô con dâu thật sự ngày đêm chỉ có nghĩ đến người chồng đã khuất và tất nhiên, bà cụ lấy thế làm một nguồn an ủi lớn.

- Thế thì sao? Ông hỏi lại, vờ như không hiểu.

- Còn thì sao gì nữa! Bà bá tước già chẳng giàu nứt đổ đổ vách ra đây ư, mà lại không có người thừa tự. Một ngày kia bà cụ sẽ chết, ngày đó cũng không còn xa xôi gì, và bà ta sẽ để di chúc lại.

- Tôi không muốn nghe những chuyện như vậy. Tôi phải mang hài cốt của ông đại tá về. Nhiệm vụ của tôi là như vậy, có thể thôi.

- Nhiệm vụ chó chết! Vợ ông nói.

Rồi đột nhiên, Betty biến mất trong hai ngày. Lúc bà ta trở về, viên tướng để ý thấy trong cặp mắt người thiếu phụ có một vẻ lạnh lùng pha lẫn mệt mỏi.

- Máy ngày vừa qua bà đi đâu? Ông hỏi, khi hai người gặp nhau ở trước cửa khách sạn. Bà ta mặc áo tắm, đeo kính râm hình mặt nạ. Nhưng

ông vẫn trông thấy rõ nước da rám nắng của bà ta đỏ ửng lên khi nói đến tên ông linh mục.

Người thiếu phụ kể lại rằng bà mẹ chồng đã thúc giục bà đi tìm ông linh mục để nói là bà cụ nhờ ông ta quan tâm gắng tìm cho được con trai bà cụ; cuối cùng, bà đã gặp được ông ta và bà đã yên tâm.

Nhưng ông đâu có nghe bà ta nói. Ông còn ngây ngất ngắm nhìn thân hình hờ hang của bà ta, và chính khi ấy, lần đầu tiên, ông tự hỏi không biết tính chất mối quan hệ giữa bà ta và ông linh mục là thế nào?

Rồi, ngày này tiếp ngày khác trôi qua, tràn đầy ánh nắng. Bà mẹ già viên đại tá vẫn không ngừng khoe khoang các thứ đức tính tốt đẹp của người con trai, con cưng của bộ chiến tranh, theo lời bà cụ, và khoe gia đình bà thuộc dòng dõi lâu đời. Còn Betty thì thỉnh thoảng lại thấy vắng mặt ở bãi biển và mỗi lần bà ta trở lại, nhìn nét mặt có cái vẻ mệt mỏi, xa cách ấy, viên tướng lại tự đặt ra câu hỏi cũ.

Nhóm của họ cứ chiều chiều lại ngồi trên sân thượng lớn của khách sạn. Một nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng, người bạn mới quen gần đây nhất của họ, một hôm bảo viên tướng:

- Ông ạ, trên bãi biển này không có ai kỳ lạ hơn ông. Quanh ông là cả một tấm màn huyền bí bao phủ, và cứ mỗi khi tôi nghĩ sau những ngày tuyệt diệu như thế này, ông sẽ ra đi để đem những xác người chết ở tận bên Albania về, thì tôi lại rùng mình ghê sợ. Ông làm tôi nhớ đến nhân vật chính trong khúc hát của một nhà thơ Đức mà tôi quên mất tên. Vâng đúng thế, nhân vật đó từ dưới mộ bước ra, cưỡi ngựa phóng đi dưới ánh trăng. Đôi khi, tôi cứ thấy hình như một đêm nào đó, ông sẽ đến đập cửa sổ phòng tôi. Ôi chao! Ghê sợ quá!

Ông bật cười, đầu óc lơ đãng, trong khi các bạn ông say sưa ngắm cảnh mặt trời lặn. Bà mẹ viên đại tá thì luôn mồm nói về con trai mình, bà cụ cứ nhắc đi nhắc lại mãi: «Anh nó rất nhạy cảm với tất cả những cái gì đẹp ở trên đời này», rồi bà cụ lấy khăn tay lau mắt.

Còn Betty thì vẫn đẹp một cách quyến rũ, vẫn khó hiểu như vậy, bầu trời vẫn một màu xanh ngắt, chỉ thỉnh thoảng phía chân trời mới điểm đây

đó mây đám mây đen, nặng trĩu hơi mưa, lừ lừ trôi về phương Đông, về phía Albania...

Viên tướng đứng dậy. Không có một ai trong lều. Không còn nghe thấy tiếng mưa rơi lộp độp trên vải lều nữa. Hẳn mọi người đã lại bắt tay vào việc. Ông ra đứng nước cửa lều. Bên ngoài, sương mù vẫn đặc sệt, xóa nhòa mọi hình thể mặt đất, viên tướng đưa mắt nhìn về hướng Đông nam, phía có cái đài kỷ niệm và những cột điện thoại, với những sợi dây thép căng trên không.

## CHƯƠNG IX

ÔNG linh mục thắp chiếc đèn dầu lửa và đặt lên cái bàn nhỏ. Bóng ông và bóng ông bạn đồng hành chao đi chao lại, gầy gập khúc trên mặt vải lều căng nghiêng.

- Chà, rét ghê! Viên tướng nói. Cái không khí ẩm thấp chó chết này buốt thấu tận xương.

Ông linh mục mở một hộp đồ ăn.

- Chúng ta còn cầm cự được đến mai.

- Tôi thì tôi muốn đã là ngày mai rồi để cuốn xéo ngay khỏi nơi đây. Tôi đã chán ngấy cái lối sống kiểu người rừng thế này, vả lại, cũng cần tắm tấp một bữa.

- Giá như trời đừng lạnh quá thế này.

- Công việc này đáng lẽ làm vào mùa hạ mới phải, viên tướng nói. «Nhưng làm sao được, ông thăm nghĩ, hiệp định vừa ký kết là ta chuẩn bị ngay công việc vừa xong thì bắt đầu mùa mưa.»

- Thời tiết quả là không thuận lợi chút nào cho một công việc như thế này, nhưng cũng phải thấy rằng không thể bắt đầu sớm hơn được. Hai chính phủ cũng có những lý do của họ...

- Ông cứ nói toạc ra là khi ma quỷ mà đã dính vào thì...

Viên tướng mở tấm bản đồ chi tiết của khu nghĩa địa đặt lên bàn và vạch lên bản đồ mấy dấu bút chì.

- Thế còn hai tay kia họ đi đâu?

- Ai?

- Viên tướng kia và tay thị trưởng ấy mà.

- Ai biết được! Ông linh mục nói.

- Có khi họ vẫn còn đang đào xới ở cái sân vận động ấy không biết chừng; khi chúng ta đi họ vẫn còn đấy.

- Công việc của họ không dễ dàng đâu. Mà xem ra họ có vẻ tổ chức kém lắm.

- Bên ta thì công việc rất trôi chảy. Chúng ta quả là những tay đào mồ tận tiến nhất thế giới.

Ông linh mục không trả lời.

- Đúng, nhưng chúng ta cũng bận thiu quá, viên tướng nói thêm.

Bên ngoài, trong đêm tối vắng nghe có tiếng hát. Thoạt đầu, tiếng hát còn khe khẽ, giọng âm âm, trầm trầm, sau đó cao dần lên, mỗi lúc một to, vọng tới đập vào lều như những cơn mưa, những trận gió đã đổ xuống lều vào những đêm mùa thu này. Tường đầu như tấm vải lều bị một sức nặng đè trĩu xuống, rung rinh.

- Đám công nhân họ hát đấy, viên tướng đang nhìn tấm bản đồ ngẩng đầu lên nói.

Hai người lắng tai nghe một lát. Sau đó, ông linh mục nói:

- Đây là một tập quán rất phổ biến ở một số vùng của Albania. Hễ họ có độ ba bốn người quây lại với nhau là họ đồng ca liền. Một tập quán đã lâu đời.

- Có lẽ tại là chiều thứ bảy nên họ hát chẳng?

- Cũng rất có thể thế. Lại thêm họ mới lĩnh tiền công hôm nay, và chắc chắn là họ đã mua một chai raki<sup>6</sup> của mấy người nông dân đi qua đây.

- Tôi để ý thấy họ cũng thích thỉnh thoảng làm một cốc rượu, viên tướng nói. Có thể là công việc này làm cho họ cũng thấy buồn bã chẳng. Họ lại phải xa nhà lâu quá!

- Uống rượu vào thường là họ kể chuyện cho nhau nghe, ông linh mục nói. Người cao tuổi nhất trong bọn kể lại những chuyện trong chiến tranh.

- Lão ta trước là du kích à?

- Tôi nghĩ có nhẽ thế.

- Vậy thì công việc này hẳn làm lão ta nhớ lại những năm chiến tranh.

- Hẳn thế, ông linh mục nói. Và lại, đối với họ, hát vào những lúc như thế này cần thiết như một nhu cầu tinh thần. Đối với một cựu chiến

binh, còn có thích thú nào hơn là được lôi những kẻ thù cũ của mình từ dưới mồ lên? Như thế kéo dài thêm cuộc chiến tranh vậy.

Giai điệu câu hát kéo dài, nã nê, tiếng đồng ca đệm theo bao trùm lấy nó như một tấm áo choàng lông thú, ấm áp, êm ái, muốn che chở nó chống lại đêm tối và ẩm ướt. Rồi tiếng hát đồng ca ngừng lặng và một giọng đơn ca vút lên.

- Hẳn ta đây, viên tướng nói. Ông nghe thấy chứ?

- Có.

- Hẳn có giọng tốt lắm. Nhưng hẳn hát gì vậy?

- Đây là một bài ca chiến đấu cổ, ông linh mục đáp lại.

- Nghe trầm hùng thật.

- Có thể.

- Ông có hiểu rõ lời họ hát không?

- Có chứ. Bài hát nói về một người lính Albania bị chết ở châu Phi. Hồi nước họ còn bị Thổ Nhĩ Kỳ đô hộ, người Albania phải đi quân dịch đến những vùng hẻo lánh nhất của đế quốc Thổ.

- Ừ phải, ông đã nói với tôi chuyện đó.

- Nếu ông muốn, tôi có thể dịch tạm để ông nghe.

- Vâng, rất vui lòng.

Ông linh mục chăm chú lắng nghe một lát, rồi nói:

- Cũng khó mà dịch thật trung thành được, nhưng nghĩa của nó đại khái thế này: «Tôi bị tử thương, các bạn ơi, tôi ngã xuống bên kia cầu của thành Mecca.»

- Vậy là một bài hát mà nền là sa mạc, viên tướng nói, như trong một giấc mơ. Và trong đầu óc ông, một vùng sa mạc, như một tấm thảm, trải ra mênh mông vô tận. Ông muốn đi trên tấm thảm ấy như ông đã làm cách đây một phần tư thế kỷ, trong bộ quân phục trung úy.

Ông linh mục tiếp tục dịch:

«Bạn hãy về gặp mẹ tôi và bảo với mẹ tôi đem bán con bò lông đen đi».

Bên ngoài, bài ca kéo dài, kéo dài mãi ra như sắp đứt, lồi lại dồn dập, cuốn vào trong tiếng đồng ca dày đặc của đám người hát đệm theo, và cuối cùng đập vào mặt vải căng nghiêm của túp lều.

«Nếu mẹ tôi có hỏi bạn về tôi...»

- Thì chúng sẽ nói với bà mẹ hẳn ra sao?

Ông linh mục lại lắng nghe một lát.

- Ý đại khái như sau, ông linh mục nói tiếp: «Nếu mẹ tôi có hỏi bạn tin tức về tôi thì bạn hãy nói là con trai bà đã lấy ba vợ và có rất nhiều khách đến dự lễ cưới», có nghĩa là nó đã bị trúng ba viên đạn và điều hâu, quạ đã xâu xác nó.

- Ô, kinh khủng quá! Viên tướng nói.

- Thì tôi chẳng đã nói trước với ông rồi sao?

Bên ngoài, tiếng hát như một dây lò xo bị căng ra, căng đến tột độ, rồi cuối cùng gãy khúc.

- Thế nào lát nữa họ cũng sẽ hát lại cho mà xem, ông linh mục nói. Họ mà đã bắt đầu hát thì không phải họ dễ dàng thôi ngay đâu.

Quả vậy, tiếng hát lại nổi lên, trong lều bên cạnh. Thoạt đầu, chỉ nghe vút lên cái giọng cao, thống thiết của người công nhân già, rồi có tiếng người khác hát đáp lại, cuối cùng, tiếng đồng ca trù lên tiếng đờn ca, như một chiếc áo choàng, nhịp nhàng và uy nghi cất cao lên trong đêm tối.

Hai người lắng tai nghe hồi lâu, không ai nói gì. Cuối cùng, viên tướng hỏi:

- Thế bài hát này nói về cái gì?

- Về cuộc chiến tranh vừa qua, ông linh mục nói.

- Về chiến tranh nói chung ư?

- Theo như tôi nghe được thì đây nói về một người cộng sản hy sinh sau khi bị quân đội ta vây chặt. Bài hát là để tặng hương hồn anh ta.

- Có thể ngẫu nhiên mà lại đúng là cái anh chàng đã lao mình vào xe tăng mà chúng ta thấy có dựng tượng ở đôi ba chỗ, phải không?

- Có lẽ không phải. Hãy lắng nghe bài hát sẽ rõ.

- Ông không nhớ chuyện cái anh chàng họ nói là đã lao vào một chiếc xe tăng như một con hổ chực để mở nắp xe ư?

- Không, ông linh mục nói, chúng ta đã nhìn thấy biết bao nhiêu là tượng như vậy.

- Tôi thì tôi nhớ rõ lắm, viên tướng nói. Người ta kể cho tôi nghe rằng, đâu trong lúc anh ta định mở nắp chiếc xe tăng đi đâu thì bị chiếc xe khác theo sau bắn chết.

- À phải, tôi cũng nhớ mang máng như thế.

Ở lều bên kia lại có tiếng hát.

- Có một cái gì đau xót trong những bài hát cứ tắt dần, tắt dần đi ấy, viên tướng nói.

- Vâng, nghe thực là đau xót. Đây là tiếng nói nguyên thủy, chất phác của những thế hệ đã qua.

- Tôi nghe họ hát mà rùng mình, hay nói cho đúng hơn, những bài hát đó gây ra trong lòng tôi một cảm giác kinh hãi.

- Cái tính chất của toàn bộ anh hùng ca dân gian của họ là như vậy, ông linh mục nói.

- Có họa quỷ mới biết được các dân tộc muốn nói lên cái gì qua những bài hát của họ, viên tướng nói. Người ta có thể đào bới, xâm nhập đất đai của họ rất dễ dàng, còn muốn đi sâu vào tâm hồn họ thì thực là, không bao giờ có thể làm được.

Ông linh mục nín lặng và trong lều im ắng một hồi lâu. Bên ngoài, tiếng hát vẫn tiếp tục mở rộng như những bài hát trước, viên tướng có cảm giác những âm thanh ấy đang vây kín lấy ông.

- Họ còn tiếp tục hát lâu nữa không? Viên tướng hỏi.

- Nào tôi biết được. Có thể đến tận sáng mai không biết chừng.

- Ông hãy lắng nghe cho kỹ, viên tướng nói, xem trong lời hát, họ có nói bóng gió gì đến chúng ta không, nếu có, ông ghi lấy.

- Tất nhiên rồi, ông linh mục nói và đưa mắt nhìn đồng hồ. Thôi khuya rồi.



- Tôi không thấy buồn ngủ. Chúng ta uống rượu đi. Biết đâu cả chúng ta nữa, chúng ta lại chẳng cao hứng muốn hát.

- Tôi không thể uống được, ông linh mục nói.

Viên tướng lắc đầu có vẻ tiếc.

- Không còn dịp nào tốt hơn để tập uống đâu. Mùa đông... một túp lều trên núi... cô đơn...

Bên ngoài, tiếng hát lúc vút lên, lúc trầm xuống, để rồi lại vút lên cao. Viên tướng lấy trong chiếc xa cốt to của ông ra một cái chai.

- Tôi lấy làm tiếc là phải uống một mình, và trong lúc rót rượu vào cốc, bóng ông ta phóng to, chuyển động trên mặt trong chiếc lều vải.

Ông linh mục đã đi nằm.

Viên tướng uống liên tiếp hai hụm rồi đốt bếp dầu hỏa, đặt ấm pha cà phê. Đã từ lâu, ông quen pha lấy cà phê, những khi có một mình. Cà phê tự pha lấy, ông thấy như đắng ngắt.

Ông ngồi đấy một lúc, hai tay khoanh trước ngực, đầu óc lơ đãng; rồi ông đi ra ngoài lều, đứng sững ở trước cửa. Trời vẫn tiếp tục mưa phùn, đêm vắng lặng và tối mò khiến ông có cảm giác lâng lâng như không biết mình ở đâu nữa. Tiếng hát ở lều bên cạnh đã ngừng từ lúc nãy. «Có lẽ họ nghỉ hơi một chút chẳng. Chắc thế nào rồi họ cũng lại hát».

Thực vậy, chỉ một lát sau, tiếng hát lại như một mũi tên vút lên trong đêm tối. Giọng người thợ đấu già nổi bật giữa giọng hát của những người khác, cao dần, cao dần lên mãi, rồi cuối cùng ngừng lại, lơ lửng một lúc, rồi bỗng như vỡ tan ra, rơi xuống, hòa lẫn vào những giọng hát khác, như một đốm lửa rơi xuống đồng than hồng của bếp lò.

Đâu đó, phía xa xa, một tia chớp lóe lên, trong khoảnh khắc chiếu sáng chiếc lều trắng đằng kia, và ở bên cạnh, trên cái bãi dốc, chiếc xe tải đổ chên vênh, có vẻ như sắp lao xuống phía dưới. Rồi tất cả lại chìm vào trong đêm tối.

Viên tướng lắng nghe bài hát cố gắng đoán xem ý nghĩa nó nói gì. Cũng như những bài hát khác, bài hát này nghe cũng buồn bã và nghiêm trang.

«Có thể bài hát nhắc đến những người bạn của họ đã hy sinh», viên tướng nghĩ bụng. Trước khi ông đi Albania, một trong số những người khách đến gặp đã nói với ông rằng người Albania thường hay làm bài hát để tưởng nhớ hương hồn những người bạn đã hy sinh. «Nào ai biết được lão công nhân già kia đang nghiền ngẫm cái gì trong đầu, ông thầm nghĩ. Lão đi đây đi đó bốc mộ, thu thập những kỷ niệm về chiến tranh. Chắc chắn lão ghét mình lắm. Cứ nhìn con mắt lão cũng đủ rõ. Mình với lão ta là hai kẻ tử thù của nhau, nhưng về phía mình, mình chỉ thấy khinh bỉ lão. Dù sao thì lão ta cũng chỉ là một ông thợ đấu. Hạng phu phen đi bốc mộ suốt sáu ngày trong một tuần, còn ngày thứ bảy thì ngồi hát. Giả thử mình có hát một bài loại này về những người chết mình đang đi lượm xác đây, thì biết đâu lại chẳng thở ra một cái gì kinh khủng».

Những người thợ đấu hát rất lâu. Các bài hát nối tiếp nhau như những mắt xích của một sợi dây chuyền. Viên tướng đứng đấy lắng nghe mãi, đến lúc thấy thấm lạnh tận xương ông mới trở vào lều.

## CHƯƠNG X

CÒN mấy giờ nữa thì sáng, viên tướng trần trọc ngủ. Tiếng nói léo nhéo của những người thợ đang nhổ cọc lều đánh thức ông dậy. Họ quăng chiếc lều còn ướt nguyên lên xe tải, phủ lên những chiếc hòm to, bên cạnh đồng xẻng cuốc.

Từ này, hai người lái xe đã cho nổ máy cho nóng động cơ. Ông linh mục dậy đầu tiên và chuẩn bị pha cà phê. Ông lắng nghe tiếng reo êm tai của chiếc bếp dầu và ngọn lửa chập chờn chốc chốc lại soi sáng gương mặt ông. Ánh sáng mờ nhạt buổi bình minh chiếu vào qua cửa lều.

Viên tướng cảm thấy man mác nhớ nhà.

Ông chúc ông linh mục một ngày tốt lành.

- Chào ông, ông linh mục đáp lại. Ông ngủ có ngon giấc không?

- Không, tôi cứ trần trọc mãi. Trời lạnh quá, nhất là từ quá nửa đêm về sáng.

- Tôi cũng lạnh run lên. Ông uống cà phê chứ?

- Vâng, xin cảm ơn.

Ông linh mục rót cà phê ra mấy cái tách, viên tướng đứng dậy mặc áo.

Mười lăm phút sau, hai người bước ra ngoài để công nhân dỡ lều. Mưa đã tạnh, nhưng đất còn ướt sũng, các hố đào ở nghĩa địa ngập nước đến lưng chừng.

- Có lẽ trời sẽ thôi không mưa nữa, ông linh mục nói, khi hai người đã lên ngồi trên xe.

Đằng đông, sau đám mây cao ngất, mặt trời đã lộ ra nơi chân trời như một cái vệt, lúc mờ nhạt, lúc sáng chói.

Viên tướng bắt đầu gà gà ngủ.

Xe họ đi được hơn hai tiếng đồng hồ thì đột nhiên người lái xe hãm phanh lại.

Viên tướng lau chỗ hơi nước đọng trên mặt kính và trông ra thấy một chú bé nông dân đứng giữa đường, mình mặc bộ quần áo đen bó chặt lấy người, đang giơ cánh tay chỉ về phía họ. Chiếc xe tải dừng lại sau chiếc xe con mấy thước, bánh rít ken két.

Anh lái xe thò đầu ra ngoài buồng lái, kêu to:

- Hết chỗ rồi, ông ranh ơi!

Nhưng chú bé nói nhanh với anh ta mấy câu gì đó, tay chỉ sang vệ đường.

- Ai thế? Ông linh mục hỏi.

Viên tướng hạ kính xe xuống để nhìn cho rõ hơn. Bên vệ đường, một ông cụ nhà quê, vai khoác chiếc áo lông cừu đang ngồi trên một tảng đá to. Một chiếc khăn mùi xoa to trải ra trên đầu gối, ông cụ đang ăn điểm tâm bánh ngô, phó mát và hành. Trong lúc chú bé nói chuyện với anh lái xe, ông già tò mò nhìn hai chiếc ô tô. Trước mặt ông cụ, bên vệ đường là một cỗ áo quan. Cách đây mấy bước, một con lừa mình vấy bùn bê bết, đứng im bên lề đường.

- Có chuyện gì vậy? Viên tướng hỏi.

- Nào tôi biết! Đợi một lát khắc rõ, ông linh mục đáp lại.

Anh cán bộ chuyên môn ở trên xe tải nhảy xuống, bàn cãi gì đó với hai người nông dân. Ông già rũ chỏ vụn trên cái khăn, rồi nặng nề đứng dậy. Anh cán bộ lại gần cửa xe:

- Gì thế? Viên tướng hỏi.

- Đây là hài cốt của một người lính.

- Một người của chúng tôi à?

- Vâng, anh cán bộ nói, tay chỉ vào chiếc áo quan. Hắn ta bị giết chết lúc đang ở làm công cho ông già này.

Viên tướng mở cửa xe bước xuống. Ông linh mục cũng xuống theo.

- Tôi chưa hiểu ra sao cả, ông linh mục nói và lại gần ông cụ nông dân.

- Hắn trước ở làm công cho ông cụ này, ở chỗ cối xay, anh cán bộ nói. Hắn bị giết ở đó.

- À! Ông linh mục nói. Chắc là một tên đào ngũ hay một trường hợp tương tự vẫn thường xảy ra sau khi chúng tôi rút lui chứ gì?

Sau khi hỏi ông cụ nông dân, anh cán bộ quay lại nói:

- Hẳn đào ngũ.

Viên tướng không nghe thấy mấy câu trao đổi sau cùng, thong thả bước lại gần mấy người, vẻ mặt nghiêm trọng. Cứ mỗi lần đứng trước người nông dân Albania ăn mặc bằng thứ vải thô và chân đi *opinga*<sup>Z</sup> là ông lại cố làm ra vẻ như vậy.

- Chuyện gì thế? Ông hỏi. Giờ đây, những ngày giá lạnh chán ngắt, cái lều cắm trên núi đã thuộc về quá khứ, và đã mặc bộ quân phục mới, ông lại cảm thấy mình hết sức quan trọng.

Ông già nông dân có gương mặt gầy hốc hác và cặp mắt màu xám mệt mỏi. Ông cụ bình tĩnh rút túi thuốc lá ra, nhồi thuốc vào tẩu, bật lửa châm thuốc hút. Viên tướng đưa mắt nhìn những ngón tay vàng khè, khô đét, và đôi bàn tay còn gân guốc, khỏe mạnh của ông cụ. Còn chú bé thì đứng đấy trở mặt vì lạ lùng, nhìn viên tướng.

- Chúng tôi ngồi ở đây đã ba tiếng đồng hồ rồi, ông già nông dân nói. Ông cháu tôi đi từ lúc chưa sáng. Hôm qua, có người mách chúng tôi là ô tô các ông sẽ đi qua đường cái, nên tôi đã quyết định hai ông cháu ra đợi ở đây. Từ này, chúng tôi đã vẫy nhiều xe đỗ lại, nhưng họ đều nói xe họ không chở người chết. Thậm chí, có hai anh lái xe còn cho tôi là điên.

- Thế chính cụ đã chôn hẳn đấy ư? Viên tướng hỏi ông già.

- Phải, ông cụ đáp. Còn ai vào đấy nữa? Anh ta ở nhà chúng tôi mà.

- A, vậy ra hẳn ở nhà cụ. Nếu có thể được, xin cụ cho biết giữa cụ và hẳn đã thỏa thuận với nhau như thế nào? Người lính của một đội quân chính quy lớn thì còn có việc gì dính líu với cụ nữa, ý tôi muốn nói, làm thế nào mà hẳn lại có thể tự nguyện vui vẻ đến ở với cụ được. Cụ ở nông thôn phải không?

Anh cán bộ chuyên môn dùng những chữ đơn giản hơn dịch lại lời nói của viên tướng.

Ông cụ bỏ cái tẩu ở miệng ra, rồi nhìn thẳng vào mặt viên tướng.

- Hãn làm đầy tớ cho tôi. Điều này, tất cả mọi người đều biết.

Viên tướng cau mày và đỏ mặt vì sỉ nhục. Mãi đến bây giờ, ông mới hiểu đầu đuôi câu chuyện từ nãy. Ông liếc nhìn ông già như muốn bảo: «Này lão già nhà quê kia, bây giờ mày nói gì chả được», và ông bực bội, châm một điếu thuốc lá, đánh gậy đến hai ba que diêm mới châm nổi.

- Đây là một tên lính đào ngũ, ông linh mục giải thích cho viên tướng nghe, và đi ở cho người Albania.

Viên tướng nhăn mặt khi nghe tiếng «đào ngũ». Ông bực lắm.

- Tên hãn là gì? Anh cán bộ chuyên môn hỏi ông cụ.

- Tôi không rõ, ông cụ đáp. Chúng tôi cứ gọi cộc lốc là «anh lính» và hãn mang cái tên đó cho đến khi chết.

- Thế cụ bốc mộ hãn hôm nào? Anh cán bộ hỏi.

- Hôm kia, ông cụ đáp lại. Tôi nghe tin có người đến thu lượm hài cốt họ, nên tôi quyết định đào lên để giao lại cho các ông. Tôi cứ nghĩ để cho kẻ xấu số được yên nghỉ ở quê hương hãn thì hơn.

- Thế cụ có thấy trên người hãn có đeo một hình trái tim như cái mẽ đay không?

- Mẽ đay à? Ông cụ ngạc nhiên hỏi lại. Hãn không phải hạng người được thưởng mẽ đay đâu. Lao động thì hãn ta nhất đấy, chứ còn đánh nhau thì không phải sở trường của hãn, phải, cái đó thì không!

- Không, bố già ơi, không phải mẽ đay, anh cán bộ mỉm cười ngắt lời ông cụ, mà nó giống cái mẽ đay thôi. Nó giông giống một đồng tiền, trên mặt có in hình Đức mẹ ấy mà.

Ông cụ nhún vai nói.

- Thế thì không, tôi không thấy. Tôi nhặt từng chiếc xương một, nhưng không thấy cái gì giống như thế.

- Cụ làm thế là rất tốt, ông linh mục nói. Cụ đã làm tròn bổn phận của cụ như một tín đồ Chúa.

- Chẳng tôi thì còn ai mó tay vào đấy? Ông cụ nói. Hãn là phải tôi làm chứ còn ai nữa.

- Thay mặt bà mẹ người lính đó, chúng tôi xin cảm ơn cụ, ông linh mục nói.

Thấy ông linh mục có vẻ nhã nhặn, niềm nở hơn, ông cụ lại gần ông ta, vừa nói, thỉnh thoảng lại vừa lấy tay chỉ vào chiếc áo quan bằng gỗ sồi tươi để ghép qua loa:

- Cái áo quan này, tôi mới để làm hôm qua. Sáng nay, mờ sáng tôi với thằng cháu bé đây đã ra đi. Quãng đường từ cối xay ra đường cái thực vất vả quá. Bùn lên tận đầu gối. Con lừa kia đã ngã hai lần. Ông cứ nhìn nó mà xem, vức được nó đứng lên không phải chuyện dễ.

Ông linh mục chăm chú nghe ông cụ nói. Thốt lên, ông hỏi:

- Thế có phải cụ giết nó không? Giọng ông bình thản, mắt nhìn chăm chập vào ông cụ.

Ông cụ sững sốt, cất chiếc tẩu ra khỏi miệng. Rồi ông cụ cười nói:

- Đầu óc ông bình thường đấy chứ? Tôi giết hẳn để làm gì?

Ông linh mục cũng mỉm cười, vẻ như muốn nói: «Chuyện đó thường vẫn xảy ra».

Ông cụ nói qua về trường hợp tên lính bị đơn vị thanh trừng của «Tiểu đoàn Xanh» giết như thế nào, hồi tháng chín năm 1943. Sau đó, hãnh lại câu hỏi của ông linh mục, cặp mắt ông cụ trở nên đăm chiêu suy nghĩ.

- Họ nói như vậy nghĩa là thế nào hở anh? Ông cụ khẽ hỏi anh cán bộ.

- Họ là người nước ngoài, phong tục của họ khác ta.

- Mình vất vả khó nhọc bao nhiêu, đi bấy nhiêu đường đất, thế mà...

- Bố già ơi, không việc gì mà bực mình, một anh công nhân bảo ông cụ; anh ta từ trên xe tải nhảy xuống, để đưa chiếc quan tài lên xe. Bây giờ thì xin chào bố, chúng con còn phải đi.

Trong khi ông cụ nói chuyện với anh cán bộ, và mấy người công nhân sở thị chính khiêng quan tài đưa lên xe tải, thì viên tướng lúc đang sắp bước lên chiếc xe con bỗng quay ngoắt lại hỏi anh cán bộ:

- Ông cụ có đòi tiền bồi thường không?

Anh cán bộ đỏ mặt trả lời:

- Không!

- Ông cụ có quyền đòi lắm chứ. Chúng tôi sẵn sàng, ông cụ đòi bao nhiêu chúng tôi cũng trả.

- Nhưng ông cụ có đòi gì đâu.

Viên tướng đã tìm ra cách trả thù được ít nhiều ông cụ nông dân về sự sỉ nhục lúc nãy, cố nài:

- Ông cứ bảo với ông cụ là chúng tôi muốn trả công cho ông ấy.

Anh cán bộ lưỡng lự. Ông linh mục ngọt ngào bảo ông cụ:

- Chúng tôi muốn đền bù công lao khó nhọc của cụ. Cụ muốn lấy bao nhiêu?

Ông cụ nông dân cau mày ngẩng đầu lên, sáng giọng nói:

- Tôi không muốn lấy gì hết.

- Dù sao thì cụ cũng đã vất vả, đã mất nhiều thì giờ vào công việc này, đã tốn phí một số vật liệu.

- Không có gì hết, ông cụ nhắc lại.

- Chúng tôi trả rất hậu, viên tướng nói xen vào.

- Ông Chúa, tôi không đến nỗi túng thiếu gì, ông cụ nói.

- Nhưng cụ đã nuôi người lính kia trong một thời gian khá lâu, có lẽ chúng ta có thể tính ra được chứ.

Ông cụ lắc lắc cái đầu.

- Chính tôi cũng mắc nợ anh ta, ông cụ nói. Tiền công những ngày cuối cùng của anh ta tôi chưa trả được. Hay các ông muốn tôi trao lại các ông nhận giúp cho chăng.

Rồi ông cụ quay lưng đi lại phía đang buộc con lừa.

Lúc chiếc xe con mở máy, chú bé ghé tai ông cụ thầm thì cái gì đó, và thấy ông cụ vội giơ tay vẫy vẫy về phía chiếc xe.

- Khoan đã, lũ quỷ kia, suýt nữa thì lão quên mất, lão có cái này của anh ta để đưa trả các người, vừa nói ông lão vừa thọc tay vào túi áo khoác.

- Ông cụ đòi tiền kìa, viên tướng nói khi nhìn thấy ông lão vẫy tay gọi. Các ông thấy không! Tôi đã bảo mà!



- Cái gì vậy, hở cụ! Anh cán bộ chuyên môn xuống xe hỏi ông già nông dân.

- Một cuốn vở, ông cụ nói. Anh ta vẫn thỉnh thoảng viết gì vào vở này đây. Các ông cầm lấy!

Anh cán bộ chìa tay đón lấy cuốn vở. Một cuốn vở học sinh chữ viết rất sít.

- Ý hẳn đây là những lời trăng trối cuối cùng của anh ta, ông cụ nói, nếu không, tôi đã chẳng hoài hơi đưa lại cho các ông làm gì. Ai biết được con người xấu số ấy đã viết lách những gì trong đó. Có thể anh ta viết di chúc để lại di cừu của mình cho một người nào đó chẳng? Tôi cũng chẳng muốn hỏi anh ta. Nhưng dù anh ta có ít nhiều gia súc đi nữa, thì chắc chắn chó sói cũng đã vồ hết rồi.

- Xin cảm ơn cụ, anh cán bộ nói. Chắc thế nào chúng tôi cũng tìm ra được tên anh ta.

- Chúng tôi ai cũng gọi anh ta là «anh lính», ông cụ nói. Chẳng ai nghĩ đến chuyện hỏi xem tên anh ta là gì.

- Thôi, chúc các ông đi may mắn! Ông cụ bảo anh cán bộ. Và chúc anh khỏe mạnh.

- Lại một tập nhật ký, viên tướng nói, và lật giở cuốn vở anh cán bộ vừa đưa cho ông. Đã tìm được tất cả mấy cuốn rồi nhỉ?

- Cuốn này là cuốn thứ sáu, ông linh mục nói.

Xe lần lượt mở máy, viên tướng quay lại nhìn thấy ông cụ nông dân đứng im nhìn theo họ một lúc rồi mới quay đi, thúc con lừa đi trước, hai ông cháu đi cạnh nhau theo sau.

## CHƯƠNG XI

VIÊN tướng ngồi thụt sâu vào trong xe và chẳng còn biết làm gì khác, mở cuốn vở ra đọc.

*12 tháng Hai năm 1943*

Tôi không bao giờ muốn ghi nhật ký kể từ ngày còn ở trường trung học, lần đầu tiên tôi say mê một thiếu nữ, các bạn tôi tìm thấy cuốn nhật ký của tôi viết thời đó, tôi trở thành trò cười của họ. Tôi nhớ lại buổi ra chơi ấy, giữa giờ sử và giờ toán bỗng có kẻ từ trên cửa sổ ngoài hành lang tầng ba tung xuống những trang giấy trong cuốn sổ của tôi, chúng bay lượn như lá rụng, rải rác khắp sân, mọi người xúm vào nhặt lên đọc. Tôi phát khùng chạy từ đầu sân đến cuối sân để giăng lại trong tay họ nhưng tôi chẳng sao đuổi kịp được tất cả mọi người, tôi chỉ làm cho họ giễu cợt tôi thêm, còn cô gái nọ thì vừa khóc vừa chạy đi mách ban giám hiệu.

Thế là tôi thề từ đó nhất quyết không bao giờ ghi nhật ký nữa.

Nhưng giờ đây, những ngày ấy đối với tôi hình như đã bị vùi sâu trong quá khứ. Những kỷ niệm đó không khác gì những cuốn sách cũ vàng khè và bụi bặm mà ông tôi thường đọc vào buổi xế trưa. Phải chăng chính tôi là cậu bé vẫn hay đạp xe chạy khắp phố phường xung quanh và bao giờ cũng là người đầu tiên lấy vé đi xem bộ phim mới ở rạp trong khu phố? Tôi chẳng thể nào tin được.

Lúc này đây là một buổi tối mùa đông, tôi đang ngồi xồm trước bếp lò, lòng phân vân không thể nào hiểu nổi làm sao một người lính như tôi thuộc Sư đoàn Sắt lại phải chịu cái nông nổi đi làm đầy tớ cho một lão chủ cối xay người Albania và chụp lên đầu mình một cái mũ trắng không vành mà người nông dân ở đây vẫn thường đội.

- Anh viết cái gì đó? Lão chủ nhà vừa hỏi tôi vừa rít chiếc tẩu màu đen bằng gỗ hoàng dương.

Ai ở đây cũng gọi tôi là «anh lính» và chẳng người nào nghĩ đến việc hỏi tên tôi. Vợ lão chủ gọi tôi như thế và cô con gái duy nhất của họ, cô Christine cũng gọi tôi như vậy. Tôi còn nhớ chính cô ta là người đầu tiên gọi tôi bằng cái tên đó. Sự việc xảy ra đúng vào cái ngày mà tiểu đoàn tôi bị quân du kích đánh chạy dài và sau khi vứt súng vào bụi rậm, tôi vắt giò lên cổ chạy qua khu rừng, cố men theo con kênh, vì tôi biết là bao giờ kênh đào cũng dẫn tới nơi có người. Tôi đã không lầm. Đúng là con ngòi đưa nước vào cối xay, nơi tôi ở hiện nay, và khi tôi gõ lên cánh cửa cũ kỹ, người thiếu nữ Albania mở cửa cho tôi đã kinh ngạc kêu lên:

- Cha ơi! Một «anh lính».

Vào cái ngày tháng giêng ấy, cuộc đời đi ở kỳ lạ của tôi ở đất nước người đã bắt đầu như vậy đó.

- Nếu mày có thể giúp việc được cho tao, lão chủ cối xay bột nói, mày sẽ có nơi ăn chốn ở, hơn nữa, mày còn được tao che chở. Tao đã già, chân tay không còn sức làm được bao lăm. Đứa con trai độc nhất của tao đã vào chiến khu. Nhưng tao bảo trước cho mày biết, đừng có làm bậy mà rồi oan gia đấy.

Chắc lão muốn ám chỉ đến cô con gái, và tôi hứa hết sức thành thật là nếu lão đồng ý, tôi sẵn sàng giúp việc lão cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Nhưng bỗng nhiên lão trừng trừng nhìn tôi, cái nhìn nghiêm nghị, sắc sảo:

- Nghe đây, tên kia, phải chăng mày là gián điệp?

- Tôi là gián điệp ư? Tôi sừng sốt trả lời.

- Tao mà biết thì mày bỏ đời đấy, tao sẽ treo cổ mày lên xà kho thóc!

Đó là bản giao kèo giữa hai chúng tôi.

Cho đến nay hơn một tháng đã trôi qua và bây giờ tôi làm vô số công việc: đốn củi ở rừng, nạo ngòi dẫn nước vào cối xay, đẽo cối, đảo ngói trên mái, lau chùi và cho dầu mỡ vào các bánh xe, đổ bột vào túi và dốc bột ở túi ra.

Các bạn tôi ở tiểu đoàn và những người thân thích của tôi chắc hẳn tưởng tôi đã chết rồi. Nếu họ thấy tôi trong tình cảnh này, tôi, một cựu binh «Sư đoàn Sắt», lem luốc, bột trắng toát từ đầu đến chân, với cái mũ này trên đầu, hẳn họ sẽ kinh ngạc vô cùng và chắc sẽ phải cười phá lên.

*25 tháng Hai năm 1943*

Trời rất lạnh. Gió thổi suốt ngày rờn rã, dữ dội đến nỗi tường chường cối xay sẽ bật khỏi nền. Mọi người làm việc rất ít. Mùa đông rét quá, hiếm có người trong làng dám ra cối xay để xay một túi ngô hoặc mì. Năm nay, đồng áng vắng tanh. Nhiều làng xung quanh đã bị đốt cháy hoặc bỏ hoang. Vài người nông dân ra cối xay kể lại những chuyện rùng rợn.

Đôi khi tôi dừng lại lắng nghe tiếng gió gầm rít át cả tiếng nước ào ào trong ngòi và có cảm tưởng như gió gào thét trên toàn trái đất.

*28 tháng Hai năm 1943*

Đêm qua tuyết rơi. Tôi chưa bao giờ thấy tuyết đẹp như vậy. Gió đã ngừng rít và giờ đây, mọi vật đều trắng toát, yên lặng. Thật khó mà tin được rằng người ta đang đánh nhau trên khắp thế giới mặc dầu chiến tranh diễn ra ngay kề bên.

Biết bao giờ chiến tranh mới kết thúc!

*9 tháng Ba năm 1943*

Lão chủ cối xay đối xử với tôi khá tốt. Cũng phải nói rằng về phần tôi, tôi làm cho lão đủ mọi việc, mà là làm một cách vui vẻ. Hôm qua tôi đã sửa lại một bên mái bị gió làm hư. Lão rất hài lòng về tôi, lão bảo:

- Này, anh lính, mày khéo chân khéo tay đấy. Rồi nhìn tôi chòng chọc từ đầu đến chân, lão nói tiếp, giọng giễu cợt:

- Tao thấy có lẽ chỉ có chiến tranh là mày không thạo thôi.

Tôi đỏ bừng mặt. Đó là lần đầu tiên người ta ám chỉ đến việc đào ngũ của tôi.

- Không đúng đâu ông ạ, tôi phật ý trả lời. - Tôi không muốn chiến đấu là vì tôi không tán thành cuộc chiến tranh này, có thể thôi!

Lão liền vỗ vai tôi:

- Tao không muốn làm mày méch lòng đâu, lão vừa nói vừa mỉm cười. Tao nói thế thôi. Thực ra, mày từ bỏ bọn phát xít là rất đúng.

Những lời nói ấy ám ảnh tôi suốt ngày. Tại sao lão chủ cối xay lại nói với tôi như vậy? Chính bản thân lão ủng hộ du kích và ghét bọn phát xít.

Nhưng tôi nhận thấy là người Albania rất kính phục lòng dũng cảm, dù là lòng dũng cảm của kẻ thù. Họ khinh miệt bọn nhát gan, và hẳn là tôi đã gây cho lão có ấn tượng tôi là một thằng hèn. Một gã to lớn như tôi, cao một mét tám mươi hai, mà lại là một thằng hèn!

Nếu quả thật họ cho tôi là một thằng hèn, tôi sẽ hối tiếc vô cùng. Nhất là trước mặt Christine, tôi sẽ rất hổ thẹn. Christine trẻ và đẹp biết bao! Cô ta chưa đến mười bảy tuổi và mỗi lần gặp cô, tôi cảm thấy tim mình xẹp xuống như chiếc lốp xe đạp bồng xì hơi. Như thế đấy.

*20 tháng Ba năm 1943*

Hôm nay xảy ra một sự việc kỳ lạ. Tôi vào rừng đốn củi, lúc trở về, bỗng thấy một người ngồi trên ngưỡng cửa trước cối xay. Tôi ngừng bước và nghe ngóng, sững sốt. Anh ta khẽ huýt sáo một điệu của quê hương tôi. Tôi liền tới gần và qua bộ quần áo rách mướp, tôi nhận ra dấu vết bộ quân phục của anh ta. Tôi kêu lên:

- A! Anh bạn! Chào anh!

Anh ta ngừng huýt sáo, đứng phắt dậy. Chúng tôi chưa hề gặp nhau bao giờ nhưng chúng tôi đã ôm chầm lấy nhau như những người bạn cố tri rồi cùng ngồi xuống bậc cửa.

Tôi hỏi:

- Cậu ở trung đoàn nào đấy?

- Trung đoàn «Vinh quang».  
- Tớ ở «Sư đoàn Sắt»  
- Đây là chuyện cũ, anh ta nói. Còn hiện nay chúng ta là gì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi phá lên cười.

- Cậu xoay xử thế nào? - Tôi hỏi. - Chuồn lâu chưa?

- Bốn tháng rồi? Còn cậu?

- Hơn hai tháng một chút.

- Cậu làm việc ở đây ư?

- Ừ.

- Chỗ này đẹp đấy, cứ như là Thụy Sĩ ấy.

- Cậu đến đây với ai thế?

Anh ta cười vui vẻ.

- Với ông chủ mình. Bọn này đem hai túi ngô lại xay.

- Có gì mới không? Tôi hỏi. Tớ hoàn toàn trợ trợ, chẳng biết chuyện gì xảy ra trên đời nữa. Chiến tranh đến đâu rồi? Bao giờ thì kết thúc?

- Theo người ta nói thì cũng chẳng còn mấy nổi nữa. Quân ta chắc chắn chẳng còn cầm cự được bao lâu.

- Còn bọn mình? Rồi thì ra sao đây?

- Chiến tranh kết thúc, ta sẽ trở về quê hương bản quán chứ gì nữa.

- Liệu chuồn như thế này chúng ta có bị lôi thôi gì không nhỉ?

- Cậu điên à? Nghĩ gì mà lạ vậy? Ai lôi thôi với mình mới được chứ? Chính bọn đưa ta đến đây mới bị lôi thôi, họ sẽ phải trang trải món nợ này với chúng ta.

Những lời nói đó làm tôi phần nào yên tâm và chúng tôi châm thuốc hút.

- Có khối lính như chúng ta trong vùng này, anh nói tiếp. Vô số! Nhân dân Albania rất cần người giúp việc, vì con cái họ phần lớn đều vào chiến khu. Dân làng rất thích mượn bọn ta. Tớ đã thấy anh em ta làm đủ mọi việc, từ cày cấy, chăn gia súc đến trông trẻ. Thật đấy, họ làm cả vú em!

- Cậu thấy thế à? Tôi vừa hỏi vừa cười.

- Thì có sao! Cậu không thấy người ta cho chúng mình sống được chẳng phải đã là một điều kỳ diệu rồi ư? Nếu không thì cánh ta đã chết thối ra dưới một cái hố nào đấy, chẳng ma nào biết là xác cánh ta rải rác ở đâu nữa kia!

- Đúng thế đấy.

- Còn vấn đề phụ nữ, cậu làm thế nào? Anh hỏi tôi.

- Chẳng làm gì cả.

- Về khoản này đành siết chặt thắt lưng lại mà nhịn thôi, chẳng thấy đâu có cả. Một thằng trong bọn ta tán tỉnh một cô bé ở địa phương quá sát sạt nên đã bị tổng khứ ra khỏi cửa sau một trận đòn ra trò.

Tôi nín lặng.

- Nhưng cậu này, tớ tưởng cậu sống ở đây thoải mái lắm đấy chứ, hẳn nhìn tôi, đôi mắt xám và tinh ranh ánh lên vẻ vui đùa. Lúc này tớ trông thấy con gái ông chủ cậu, kháu quá!

- Cậu điên à? Nghĩ đến tớ cũng chẳng dám nữa là. Cậu chẳng vừa nói ra là nguy hiểm thế nào đấy ư?

- Đúng, đúng, tớ có nói thế nhưng tớ có cảm giác là ở đây thì khác. Phong cảnh đẹp, thanh bình, tớ xin nhắc lại, cứ như ở Thụy Sĩ ấy.

- Thế còn quả đấm của ông chủ cối xay, cậu chưa trông thấy ư?

Anh ta văng ra một lời tục tĩu và cả hai chúng tôi phá lên cười.

Từ trong cối xay, tiếng cối nghiền thóc vù vù đều đều văng đến tai chúng tôi.

Anh ta lấy túi thuốc lá ra, cuộn một điếu y như nông dân vùng này, rồi cuộn cho tôi một điếu khác, tôi chưa tập cuộn lấy được.

- Đây cậu ạ, anh nói, mắt lim dim, tư lự. Cậu có nghe thấy nói gì đến «Tiểu đoàn Xanh» không?

Tôi giật mình.

- Không, tôi khe khẽ trả lời. Thế sao?

- Người ta đồn là chúng đang càn đâu đấy ở miền Trung Albania.

- Xa đây lắm phải không?

- Đúng, khá xa, anh ta trả lời, nhưng có quý biết được tình hình chuyển biến ra sao, và anh ta gãi gãi gáy.

- Liệu chúng có thể tới tận vùng này không?

- Biết đâu đấy? Mọi chuyện đều có thể xảy ra được.

Anh yên lặng hút thuốc một lát.

- Có thể chúng sẽ chẳng qua đây, tôi nói tiếp, hoặc có thể du kích sẽ diệt chúng.

- Cũng có thể, nhưng tuy giao chiến với du kích cũng nhiều và bị thiệt hại cũng nặng, lần nào chúng cũng được bổ sung thêm.

- Chúng có bao nhiêu quân?

- Chín trăm, toàn bọn phát xít điên cuồng. Đâu chúng đặt chân tới là chỉ có tàn sát và khủng bố. Còn đối với chúng ta, những kẻ đào ngũ...

- Sao? Tôi hỏi và cảm thấy tim tôi đập chậm lại.

- Nhất định là bắn ngay tại chỗ rồi.

- Ôi lạy Chúa! Tôi lẩm bẩm nói.

Chúng tôi còn ngồi đó một lúc nữa trên bậc cửa, chuyện này chuyện khác. Lão chủ tôi và người dân làng còn đang dài dòng bàn tán bên trong. Ngô xay xong, hai người khách lên đường, mỗi người vác một túi trên vai, người dân làng đi trước, người lính theo sau. Chúng tôi chúc họ đi đường bình an.

*2 tháng Tư năm 1943*

Giờ đây đã là mùa xuân. Chúng tôi rất bận. Từ khắp các vùng xung quanh, nông dân mang thóc đến xay, người đi bộ, người cưỡi ngựa hoặc cưỡi lừa. Mỗi lần nghe thấy tiếng nhạc ngựa loong coong, tôi lại vui mừng thấy có người đến vì cảnh cô đơn đối với tôi nặng nề quá.

Lão chủ cối xay là một người tốt và công bằng, chỉ phải cái tội là dè xèn lời nói quá. Tôi nhận thấy người Albania, nói chung, rất ít nói, nhất là nam giới. Ròng rã suốt ngày, lão chỉ rít cái tẩu thuốc và có trời biết được lão nghiền ngẫm những ý nghĩ gì sau làn khói thuốc lá. Tôi chuyện trò với vợ



lão nhiều hơn - «bác Frosa» như tôi thường gọi. Bà cụ hỏi tôi đủ mọi chuyện, về cha mẹ tôi, về những người thân của tôi, về nhà tôi. Khi tôi tâm sự là tôi khao khát được gặp lại gia đình, bà cụ nhìn tôi lắc đầu ái ngại:

- Tội nghiệp cho cháu, bà cụ khe khẽ nói rồi bỏ đi nhào bột hoặc rửa bát đĩa.

- Thế giờ đây, cháu vắng nhà, có ngày bà cụ hỏi tôi, thì ai trông nom gia súc?

Tôi cười.

- Nhưng nhà chúng cháu làm gì có.

- Bò cái cũng không à?

- Vâng, bò cái cũng không. Nhà cháu sống ở thành phố.

- Vả lại, dù nhà cháu có bò cái đi chẳng nữa thì nay cháu đi vắng, chó sói nó cũng ăn thịt mất rồi. A, cháu ạ, thời buổi bây giờ, người với người, họ cũng cắn xé nhau như thú dữ, chứ đừng nói đến chó sói.

Tôi chẳng biết nói gì để đáp lại lời bà cụ.

Một hôm khác, bà cụ hỏi tôi về chiếc hình trái tim đeo ở cổ.

- Cháu đeo cái gì ở cổ thế? Trông như một đồng xu Thổ Nhĩ Kỳ lớn ấy nhỉ.

Tôi cười.

- Đây là một dấu hiệu mà bọn lính chúng cháu đều đeo để khi tử trận người ta có thể nhận được ra là ai. Đây ngay bên dưới hình Đức bà Đồng trinh có một con số, bà thấy không?

Bác Frosa đeo kính vào, cặp kính rất kỳ cục, một bên mắt rạn vỡ.

- Thế ai cho cháu cái đó?

- Cấp trên của chúng cháu.

- Sét đánh chết chúng đi! Bà cụ nói và vừa bỏ đi vừa làu bà.

Những chuyện tôi thường nói với bác Frosa là như thế đấy. Còn Christine thì ít khi tôi gặp mặt, được nói chuyện với nàng lại còn ít hơn nữa. Dĩ nhiên chính nàng là người tôi mong muốn được chuyện trò hơn cả, nhất là bây giờ tôi đã nói được tiếng Albania khá thạo. Nhưng không thấy nàng ra cối xay. Cả ngày nàng bận công việc nội trợ, thời giờ còn lại nàng đan len.

Ngay cả khi nàng tới báo cho chúng tôi là bữa ăn đã sẵn sàng, nàng cũng chỉ dừng lại chốc lát tại cửa. Nàng liếc mắt lén nhìn tôi, đôi mắt dịu dàng thăm kín, rồi quay ngoắt đi, tôi còn nhìn thấy mái tóc nâu của nàng một lúc lâu trước khi nàng đi khuất.

Đôi khi nàng cũng chẳng xuống dưới nhà, chỉ đứng ở cửa sổ trên gác gọi xuống:

- Cha ơi! Bữa ăn dọn rồi đây!

Khi bất chợt thấy tôi ở ngoài sân, nàng gọi to bảo tôi:

- Này anh lính, bảo hộ cha tôi là bữa ăn đã dọn rồi đây!

Khi mọi người ngồi vào xung quanh chiếc bàn rộng và thấp, không bao giờ nàng ngược mắt nhìn lên. Tôi cũng vậy, tôi cứ cúi gằm xuống đĩa.

Rồi tôi nghĩ đến nàng suốt cả buổi tối, đôi khi tôi ra đứng trước cửa, mắt băng khuâng nhìn vào đêm tối, nghe tiếng suối róc rách mà thả hồn trôi vào mơ mộng.

*17 tháng Tư năm 1943*

Nông dân tiếp tục đổ đến xay thóc. Họ nói có nhiều chuyện kỳ lạ xảy ra trong các vùng đã được quân du kích giải phóng. Người ta đang thành lập những loại «Ủy ban» chưa từng thấy từ trước tới giờ; người ta chia thóc của bọn nhà giàu; có cái gì mới lạ mà tôi không thể hiểu được đang hình thành.

*25 tháng Tư năm 1943*

Hôm nay Christine đã mỉm cười với tôi.

Đêm qua bọn trộm định làm một窩 ở ngoài cối xay.

Mọi người đang ngủ cả thì Djouvi, con chó gộc, sủa vang. Tôi giật mình tỉnh dậy.

Tôi phân vân không biết có chuyện gì xảy ra và thấy rợn cả người. Lúc đó đã khuya, vào khoảng nửa đêm, và vào giờ này còn ai dám thò ra khỏi nhà nữa.

Giờ đây con Djouvi lại càng sửa dữ và tôi nghe thấy có tiếng rảng rắc nhè nhẹ ở cầu thang gỗ. Có người từ tầng trên đi xuống, vào phòng bên ngoài, phòng tôi nằm. Đó là lão chủ cối xay. Một tay lão ra hiệu cho tôi theo lão, tay kia tôi thấy lão cầm một khẩu súng trường. Tôi cũng vớ một chiếc gậy lớn đi theo lão. Tim tôi đập mạnh tưởng vỡ được. Ngộ bọn chúng đến thì sao? Tôi nghĩ thầm. Biết đâu có kẻ tố giác mình?

Lão chủ cối xay dừng lại sau cửa, lắng tai nghe. Không còn thấy tiếng động nào ở bên ngoài nữa, không nghe thấy tiếng nói hay tiếng chân đi. Tôi nghĩ thầm: «Nếu là bọn chúng, chúng chẳng thận trọng quá như vậy!»

Bỗng có tiếng kèn kẹt nhè nhẹ, rồi một vật gì gãy rảng rắc.

- Trộm! Lão chủ cối xay lẩm bẩm và mở cửa. Lão bước hai bước ra ngoài đêm tối, đưa súng lên vai và bắn. Trời ơi! Tôi chưa hề nghe thấy tiếng súng nào nổ to như vậy, khạc ra ngọn lửa lớn như thế! Ai biết được nhãn hiệu cổ lỗ sĩ của khẩu súng đó. Lão chủ cối xay lại đưa súng lên vai và bắn về phía cối xay. Tiếng súng vang ra xa rồi từ hẻm núi bên cạnh dội lại.

Có tiếng chân người từ phía cối xay vọng tới! Lão chủ cứ lom khom lao đi, tôi chạy theo, tay cầm chiếc gậy.

Chúng tôi chạy một lúc lâu, hết cả hơi phải ngừng lại.

- Chúng chạy mất rồi, lão chủ cối xay nói, ta đi về thôi.

Chúng tôi quay lại, không ai nói một lời.

- Thế nào? Bác Frosa hỏi khi chúng tôi trở về.

Hai mẹ con bà cụ đang đứng ở phòng ngoài tối om, nhưng tôi cũng nhận ra là bà cụ cầm một chiếc gậy lớn.

- Trộm đấy! Lão chủ cối xay nói.

- Trộm, tôi nghe thấy tôi nhắc lại và tôi phát hiện ra trong tận đáy lòng mình ngấm ngấm một niềm vui sướng và tự hào. Xưa nay tôi chưa bao giờ tưởng tượng được rằng cú lom khom đuổi trộm trong đêm tối mà lại có thể thấy vui thích được.

- Ôn dịch bắt chúng đi! Bác Frosa nói, lo nghĩ thế này còn chưa đủ hay sao!

- Tất nhiên, hiện nay đang thời chiến, lão chủ cối xay nói, Christine, con có sợ không?

- Có ạ, nàng thú thật và tôi cảm thấy chưa bao giờ được nghe giọng nói êm dịu, âu yếm bằng. Tôi cố nhìn đôi mắt nàng trong đêm tối nhưng không được.

- Thôi chúc anh ngủ ngon, «anh lính» nhé, lão chủ cối xay nói và bước lên thang gác trước tiên. Hai người đàn bà theo sau. Bậc thang cuối cùng rền rĩ rồi ngôi nhà trở lại tĩnh mịch, im ắng.

Sáng hôm sau, nhìn cánh cửa cối xay, chúng tôi thấy ổ khóa đã bị phá và không hiểu sao, tôi cảm thấy trong lòng trống trải.

*25 tháng Năm 1943*

Tôi mơ tưởng đến nhiều chuyện nhưng nghĩ nhiều nhất đến Christine. Rất nhiều ý nghĩ ngông cuồng luẩn quẩn trong đầu óc tôi, tôi biết rõ đó là những chuyện vô lý nhưng dù sao tôi cũng cứ thích nghiền ngẫm trong đầu.

Hôm qua vào khoảng giữa trưa, tôi nằm dài bên ngòi và chẳng biết làm gì, tôi ném cuội xuống nước. Những cây ngô đồng xào xạc xung quanh và tôi ru mình theo tiếng nước róc rách.

Đột nhiên tôi nghe thấy âm âm, tiếng chân người bước, tiếng nói, tiếng còi, tiếng vó ngựa. Tôi đứng phắt dậy và tôi nhìn thấy gì? Một đoàn quân ta dài dằng dặc hầu như đã tới gần cối xay. Tôi muốn chạy trốn nhưng không hiểu tại sao, chân tôi không chịu nhúc nhích. Tôi đứng đó như đóng đinh tại chỗ. Họ tiến về phía tôi, vây chặt lấy tôi. Một tên vừa hỏi tôi vừa lén lút làm hiệu cho tôi.

- Cối xay đây hở?

Tôi kinh hoàng trả lời:

- Phải.

- Nào! Đốt cái này ra tro cho tao! Hấn vừa hét lên vừa lao đi trước. Những tên khác chạy theo. Tôi cũng nhập vào bọn họ. Tôi không hiểu tại

sao chân tôi như được cởi trói và tôi cảm thấy hăng hái nhanh nhẹn tựa hồ cơ thể tôi đã được giải mê. Cái hăng say và cái tàn bạo của tôi trong khi chúng tôi đốt cháy sáu làng liền trong chiến dịch mùa đông năm ngoái, nay lại xâm chiếm con người tôi.

Chúng tôi vừa xông vào vừa la hét như điên cuồng. Hai tên châm lửa đốt cối xay. Vài tên khác túm lấy lão chủ cối xay và lôi lão ra ngoài, bắn chết ngay ở ngưỡng cửa.

Tôi nghĩ đến Christine. Tôi leo lên thang gác, nhảy bốn bước một. Một tên lính khiêng bác Frosa xuống, chân tay bị trói chặt. Nhìn thấy tôi, bà cụ nhổ vào mặt tôi, thét lên:

- Đồ chó! Đồ gián điệp!

Nhưng mặc, tôi chỉ nghĩ đến Christine. Tôi chạy vào buồng nàng và lao lên giường nàng. Toàn thân nàng run bắn!

- Không! Không! Anh lính ơi!

Nhưng máu đã bốc lên đầu tôi bừng bừng, tôi phải hành động cho nhanh nhanh, thời gian gấp lắm rồi.

Tôi lật tung chăn, xé phăng chiếc áo lót mỏng và đè lên nàng:

- Anh lính! Anh lính!

Tôi giật mình tỉnh dậy. Có tiếng Christine gọi tôi. Bên cạnh tôi cũng như lúc nãy, dòng nước vẫn lặng lẽ róc rách và mùi thơm rạ vẫn thơm phức. Tôi đã chớp mắt đi mất một lúc.

- Anh lính! Anh lính!

Tôi nặng nề bước quay về nhà. Christine hiện ở cửa sổ giữa.

- Mẹ tôi gọi anh đấy, nàng nói:

Tôi lại dụi mắt một lần nữa.

Nếu nàng biết được giấc mơ của tôi hồi nãy!

*24 tháng Sáu 1943*

Dân Gjirokastër rời khỏi thành phố và tản về các vùng xung quanh. Họ bước đi mệt mỏi, tay nải khoác trên vai, đàn bà ẵm con, người già lê

bước một cách khó nhọc. Cả một sự hốt hoảng. Họ nói rằng người ta sắp châm lửa đốt thành phố. Có người lại quả quyết là người ta sẽ phá bằng mìn. Tóm lại, người ta chờ đợi những sự việc ghê gớm.

Những người chạy trốn ẩn náu tại nông thôn. Người thì đi sang các khu giải phóng, người thì ở lại các vùng không bên nào kiểm soát, như ngôi làng gần cối xay của chúng tôi.

Thành phố Gjirokastër ngày nào cũng bị ném bom. Đôi khi tôi leo lên cây ngô đồng cao ngất, sừng sững bên kia suối và nhìn về thành phố. Thành phố nom như đang leo lên núi, bám chặt vào đó, nhất định không chịu rời. Tôi đã đóng ở đấy với trung đoàn tôi hơn một năm và tôi thuộc hết tất cả các phố phường ngõ ngách, tất cả các quán rượu và hàng bán *gofté*. Tôi còn biết cả hai ả gái điếm ở khu phố Varosh.

Thành phố thường thường bị bom vào buổi sáng hồi chín giờ rưỡi và buổi chiều vào hồi bốn giờ. Khi không có việc gì làm, tôi leo lên ngọn cây này trước khi máy bay tới và tôi chờ chúng, mắt đăm đăm sục sạo khắp chân trời. Bên phải là làng Grihoti, nơi sư đoàn tôi đóng với những doanh trại mới, rộng rãi, có ngọn đồi cao nhìn xuống làng, và trên đỉnh đồi có một *teqe* trơ trọi xung quanh trồng trắc bá; ở chân đồi, về phía lòng sông đầy cuội, là nhà thờ và nghĩa địa công giáo, có chiếc cầu tôi đã đứng canh gác không biết bao nhiêu đêm ròng, sân bay quân sự, rồi giữa dòng sông và ngọn đồi Thánh Ba Ngôi là các khu phố bậc thang trên sườn núi, các ngọn núi đã khơi sâu dòng nước chảy và những chiếc cầu nối liền các khu vực khác nhau của thành phố.

Máy bay đến rất đúng giờ. Từ phía Bắc lại, chúng thường lao tới qua đèo Tepelene. Súng phòng không ở Grihoti phát hỏa trước nhất. Tiếng súng không tới được chỗ chúng tôi, chỉ trông thấy những đám khói trắng của đạn trái phá nổ. Rồi đến súng phòng không đặt trên đồi có cái *teqe* hoạt động nhưng cũng chẳng làm đường bay của chúng rối loạn gì mấy. Chúng cứ bình tĩnh bay về thành phố và tôi hình dung lúc này tiếng còi báo động rú lên ở Gjirokastër, mọi người vội vã rút xuống hầm. Thật lạ lùng, chỉ có ba cái vật nhỏ bé kia lấp lánh bay dưới ánh nắng nom như những đồng tiền bằng bạc tung cao lên bầu trời, mà cả thành phố phải khiếp đảm, kinh hoàng.

Những khẩu súng phòng không bắn sau rốt là những khẩu đặt trên các tháp cao của tòa thành. Đứng đây thấy rất rõ hoạt động của bọn phi công, trước hết chúng hạ thấp dần rồi lao xuống sát mặt đất, bay là là trên sân bay quân sự rồi vọt lên và lại lao xuống, mỗi lần như vậy lại thả những trái bom nặng.

Đứng đây trông thấy những cột khói đen từ các ngôi nhà bị tàn phá bốc lên rồi máy bay lại rút đi theo đường chúng tới, bình tĩnh và bóng loáng, như không hề có việc gì xảy ra vậy.

Tất cả những hình ảnh đó chỉ nhìn thấy được vào ban ngày còn ban đêm thành phố tối om trong cảnh tắt đèn phòng không. Cùng với mặt trời lặn, cảnh vật chìm dần vào đêm tối. Trước hết bóng đêm nuốt các ngõ hẻm, các ngôi nhà thấp, chiếc cầu vắt qua sông, rồi lần lượt nuốt hết các tầng gác, từng tầng một bắt đầu từ dưới lên, các khu phố, các cầu trên các dòng suối và sau cùng là tòa thánh, các gác chuông, các tháp giáo đường với những tổ cò sùm sụp trên ngọn.

Chiều hôm qua, tôi đang ngắm nhìn thành phố tràn ngập vào trong đêm tối và biến đi như thể chưa bao giờ thấy ánh sáng mặt trời, tôi nghĩ đến nỗi bất hạnh chúng ta phải sống trong cảnh tối tăm, phải trốn tránh chính bản thân ta. Và tôi nhớ đến một đêm tương tự, cách đây gần ba tháng, khi đại đội tôi tiến về phía Nam, lần đầu đi qua thành phố Gjirokastër.

Chuyện xảy ra vào một đêm nóng bức, trời muốn đổ mưa. Vừa tới doanh trại Grihoti, mặc dù mệt lử, nhớp nhúa, chán ngán, chúng tôi vẫn cứ yêu cầu được dẫn đến nhà chứa. Ban chỉ huy đồng ý. Tức thì như có phép thần thông biến hóa, chúng tôi lập tức thấy tinh tảo khỏe khoắn và trong tình trạng đó, với bộ râu bao ngày chưa cạo, bùn vấy đầy người, thậm chí súng không kịp rời khỏi vai, chúng tôi lại hàng ngũ chỉnh tề bước ra khỏi trại qua cổng lớn. Nhà chứa ở vào trung tâm thành phố và chúng tôi phải đi hơn một cây số nữa mới tới. Nhưng giờ đây, chân chúng tôi không còn nặng nhọc nữa, chúng tôi xếp thành hàng đi trên lòng đường tối om, trao đổi những câu bông đùa tục tĩu hoặc chọc ghẹo nhau; chúng tôi chẳng đòi hỏi gì hơn, chỉ cần thể thôi đã lấy làm sung sướng lắm rồi. Chúng tôi không được phép hát ban đêm, nếu không có trời biết được sẽ ồn ào ầm ĩ như thế nào. Đúng là

những giờ phút sung sướng của cuộc đời người lính khi đi thành cơ ngũ trên một quãng đường yên ổn vô sự vào một đêm hè, súng đóng chốt an toàn. Tôi còn nhớ rõ như chuyện mới xảy ra hôm nay. Một người trong chúng tôi khe khẽ huýt sáo một giai điệu cổ và trên đường đi, tôi nhìn thấy hình bóng ngọn núi Lunxhëria ghê rợn lù lù ở bên trái, nom như sát ngay cạnh, tưởng chừng chỉ giơ tay ra là với tới, còn ở bên phải sừng sững đen ngòm ngọn Mali Gjerë, nơi thành phố tựa lưng vào đó.

Đi đến chỗ cầu bắc qua sông, lính của trạm kiểm soát hỏi giấy tờ chúng tôi, rồi để đi cho nhanh, chúng tôi rời khỏi đường cái đi theo đường tắt.

Tới khu phố Varosh mé dưới thành phố chúng tôi leo lên các đường phố dốc thoải thoải. Thành phố im lìm như chết. Phần lớn các cửa sổ đều đóng kín mít chỉ có vài cái là để ngỏ, cắt lên tường những hình chữ nhật mờ tối. Chúng tôi gõ giày đinh to kèch sù rầm rập trên hè, và sau những cánh cửa chớp, sau những cánh cửa ra vào to nặng, dân thành phố chắc hẳn đang run sợ kinh hãi khi nghĩ đến một cuộc tàn sát mới có thể xảy ra. Nếu họ biết chúng tôi đang đi tới đâu!

Cuối cùng chúng tôi tới «ngôi nhà» như chúng tôi gọi tắt với nhau. Đêm tối như mực và thời tiết nặng trĩu, ngọt ngọt. Chúng tôi dừng lại trước cửa. Viên sĩ quan dẫn chúng tôi đẩy cửa bước vào.

Ngôi nhà yên lặng, tối mò. Có vẻ chẳng có người khách nào bên trong.

- Hay là các cô nàng ngủ, một người trong bọn chúng tôi lo ngại nói.

Chúng tôi đều bồn chồn vì mãi vẫn chưa thấy viên sĩ quan trở ra.

- Dù các nàng có ngủ đi chăng nữa thì cũng phải dậy, mà dậy cho nhanh lên, một người nói.

- Đúng, một người khác tiếp. Chúng ta mặc quân phục, họ phải tôn trọng ta. Nhất là chúng ta lại chỉ đi qua đây thôi.

- Hôm qua ta ở đây, chắc gì ngày mai còn ở đây nữa, một giọng nhỏ nhẹ khàn khàn thốt lên.



Nhưng rồi mở cửa, viên sĩ quan trở ra, chúng tôi ùa cả lại vây quanh lấy hắn.

- Thế nào? Một tiếng nói trong bóng tối.

- Nghe đây, viên sĩ quan lên tiếng. Các anh được vào ngay lập tức. Nhưng không được làm ồn, nếu không các anh sẽ phải về ngay. Nào! Xếp hàng vào!

Mọi người xếp hàng quấy quá cho xong, có trời biết được ra cái hàng lối gì. Ai nấy đều nóng lòng muốn vào ngay.

- Chú ý! Viên sĩ quan nói. Trong đó tối lắm, cửa sổ phải để ngỏ, vì rất ngột ngạt và cấm không được thắp đèn. Ai bật lửa hoặc đánh diêm thì rồi thiệt đến thân đừng có trách. Ngay gần đây có một đồn kiểm soát với một ổ liên thanh đấy.

- Rõ, hai ba tiếng đáp lại. Không cần ánh sáng, chẳng có ánh sáng cũng vẫn ổn thôi.

- Đúng, chúng ta cần gì ánh sáng, cần là...

- Câm mồm đi, đồ khốn! Viên sĩ quan càu nhàu. Im lặng! Năm sáu tên đầu! Vào!

Họ xô đẩy nhau rồi lao vào bóng tối trong sân.

- Đừng để lẫn súng ống đấy, viên sĩ quan hét lên. Rồi quay về phía chúng tôi, hắn nói: «Sáu tên khác theo tao».

Tôi thuộc vào số đó. Chúng tôi bước đi và có người khép cửa lại sau lưng chúng tôi. Chúng tôi đi qua cái sân lát gạch, như lữ say rượu, rồi leo lên thang gác, tới đầu thang là một hành lang dài. Trong nhà tối như bưng và ngột ngạt khó thở mặc dù cửa ra vào, cửa sổ các phòng đều mở toang.

- Im đi, một giọng đàn bà nổi lên, chắc là giọng mục chủ.

Chúng tôi đứng sát vào nhau như hạt lúa cùng một bông, thở hỗn hển, chẳng biết rúc vào đâu, và trong bóng tối tôi nghe thấy viên sĩ quan khe khẽ thì thào với mục chủ. Mục dẫn hắn đi, chắc là đến phòng cô gái điếm đẹp nhất. Rồi lại có tiếng chân đi trên sàn, các bạn tôi biến vào đâu tôi cũng chẳng rõ, mất hút trong đêm tối, vài giây sau chỉ còn trơ lại một mình tôi ở ngoài hành lang. Tôi mò mẫm trong bóng tối, tôi nghe tiếng rên rĩ, rồi lại

một tiếng rên rỉ nữa, đầu óc tôi bốc lửa, tôi xô vào căn buồng đầu tiên để ngỏ cửa nhưng nghe tiếng thở hỗn hển, tôi trở ra ngay tức khắc và thấy mình đứng trước một khung cửa khác. Trong đêm tối, tôi trông thấy lơ mờ một hình dáng trắng trắng trong góc buồng. Rồi đi vào, bước hai bước và dừng lại.

- Lại đây, một giọng dịu dàng gọi tôi.

Tôi rụt rè bước tới, dang tay ra và chạm vào cô gái. Cô ta trần như nhộng. Tay tôi lướt trên người cô gái nhớp nháp mồ hôi. Mắt tôi hoa lên và tôi không tìm thấy giường đâu cả.

- Bỏ súng ra, cô ta khẽ bảo tôi.

Tôi gỡ súng và dựng nó bên tường. Cô ta bèn nằm xuống.

Trong đêm tối, tôi không nhìn rõ mặt cô ta, nhưng bằng vài tiếng nói và bộ ngực thì chắc là cô còn rất trẻ.

- Xin lỗi cô nhé, vài phút sau tôi nói khi nằm nghỉ trong tay cô, xin lỗi cô, tôi bắn quá.

- Ồ không sao, cô ta trả lời, giọng chán chường như muốn nói cô đã quen với mồ hôi lính từ lâu rồi.

- Anh đi đâu? Cô ta hỏi.

- Về phương Nam, ra mặt trận.

Cô ta im bật. Đó là những lời duy nhất chúng tôi trao đổi với nhau. Tôi cố gắng nhận rõ nét mặt cô ta, nhưng không được, nét mặt cô cứ rối lên, mờ đi như những hình ảnh phim bị nhòe khi máy quay trực trực. Tôi thông thả đứng dậy, cầm lấy súng, khoác lên vai và quay lại nhìn lần nữa cái hình dáng mờ mờ trắng trắng nằm dài trong góc buồng.

- Chào cô, tôi nói.

- Chào anh, một giọng hờ hững đáp lại. Tôi bước ra, dò dẫm lần ra cầu thang đi xuống. Máy người đã xong trước ngồi đợi ở ngoài lạng lẽ hút thuốc trên ghế đá bên cạnh cửa, đầu gối cặp lấy khẩu súng.

Một giờ sau chúng tôi đã bước đi trên đường cái, nhưng giờ đây chẳng ai bông đùa nữa, chúng tôi chỉ lắng nghe tiếng chân chúng tôi bước

không đều vang trên nền đường, người lại rã rời mệt lử, vấy bùn đến phát khiếp lên được.

- Mẹ kiếp, sao mà tối thế! Một người nói như trong giấc mơ, nhưng chẳng ai đáp lại, và chúng tôi cứ lặng lẽ đi về Grihoti.

Mãi về sau chúng tôi lại có dịp đi qua Gjirokastër và lẽ dĩ nhiên chúng tôi lại xin phép đến ngôi nhà ấy. Người ta bảo chúng tôi là ngôi nhà đã bị đóng cửa. Tôi không nhớ rõ lý do vì sao nhưng hình như đã có chuyện lôi thôi rắc rối gì đó. Một cô gái điếm đã bị giết chết và sau đấy người ta đã phải chuyển các cô kia đi. Tôi lại nhớ đến cô gái đã cùng tôi sống chốc lát trong bóng tối vào một đêm oi ả và tôi thầm nghĩ có thể là chính cô ta đã bị giết cũng không biết chừng. Nhưng cũng rất có thể là một cô khác. Hình như có năm sáu cô thì phải. Bảy cô là cùng.

*29 tháng Sáu 1943*

Thời gian gần đây, Christine lại càng đẹp ra, mỗi lần thấy nàng, lòng tôi lại se lại. Hôm kia nàng rửa chân ở dưới ngòi. Đôi chân xinh đẹp làm sao! Và lại, bất cứ cái gì ở nàng tôi cũng thấy đẹp cả. Nhất là đôi mắt. Đôi mắt âm thầm, mượt như nhung gợi cho tôi cảnh êm đềm của chiều hôm. Tôi không thể nào tả được. Nhưng tôi không sao hiểu được đôi mắt nàng, tuyệt nhiên không. Tôi có cảm giác là nói chung, không thể nào hiểu được có gì trong đôi mắt các cô gái Albania. Tưởng chừng như đó là những cái gì bí hiểm vậy. Những vật bí hiểm sợ sệt, rất sợ sệt. Hoặc giả có lẽ các cô chỉ gây ra ấn tượng như vậy đối với chúng tôi thôi, những người lính nước ngoài.

Có trời biết!

*13 tháng Bảy 1943*

Đêm qua có đơn vị hành quân trên đường đi Gjirokastër, họ tiến lên phía Bắc. Đứng đây nhìn thấy ánh đèn pha. Có vẻ là một trung đoàn đang chuyển quân.

21 tháng Bảy năm 1943

Làng bên chật ních bọn *ballistes*<sup>8</sup>. Dân làng đến xay bột ở cối xay chúng tôi kể lại đã một tuần nay, bọn chúng đến đóng ở làng như ở nhà chúng. Suốt ngày chúng chỉ ngốn cho đầy ruột rồi tối đến ca hát om sòm. Chúng đã lột hết của dân làng tội nghiệp này. May mà cối xay của chúng tôi ở vào một nơi hẻo lánh một chút nếu không chúng đã đến đây rồi.

Để đề phòng mọi sự bất trắc, lão chủ cối xay cho tôi biết là nếu trông thấy mũ trắng của chúng có dính hình con phượng hoàng lớn ở phía trước thì tôi phải đi trốn ngay lập tức. Lão cũng khuyên Christine như vậy.

Đôi khi tôi tưởng tượng: «Nếu bọn *ballistes* đến và Christine cùng tôi trốn ở đâu đấy, cùng một chỗ, nàng sẽ sợ hãi, tôi sẽ nắm chặt tay nàng để nàng yên tâm, tôi sẽ cảm thấy nàng ở bên tôi và sẽ chỉ có hai chúng tôi ngồi sát bên nhau...»

Nhưng đâu có chuyện như vậy. Trong phim thì thường thấy như thế đấy, nhưng chắc là giữa phim và cuộc đời có khác nhau.

Nhưng tôi vẫn ao ước được đi xem chiếu bóng.

3 tháng Tám 1943

Hôm qua tiếng súng máy nổ lẹt đẹt không ngừng từ xế trưa. Buổi tối bọn ngụy đã xéo khỏi làng. Du kích đã trở về và «Ủy ban» đã được thành lập lại. Đó là tin của hai người làng đến cối xay từ tang tảng sáng nói lại. Hôm nay Christine dịu dàng nhìn tôi. Thời gian gần đây nàng có một cái gì đó khó hiểu, xao xuyến, làm nàng càng thêm duyên dáng.

Không đêm nào tôi không mơ đến nàng. Tôi yêu nàng, chắc chắn là như vậy rồi. Về vấn đề đó chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Và mối tình của tôi là mối tình vô vọng, không một chút hy vọng nào, vì xét cho cùng tôi chỉ là một tên lính của một đạo quân chiến bại, một thằng đầy tớ, một gã ngoại quốc, một kẻ bại trận, tóm lại một kẻ chẳng ra gì. Đấy Hoàng đế và chủ nghĩa phát xít đã biến tôi thành một con người như vậy đó.

6 tháng Tám 1943

Một tuần nữa, Christine sẽ lấy chồng. Thật hoàn toàn tình cờ mà tôi biết tin đó. Tôi không biết là nàng đã đính hôn từ lâu, và hôm qua khi bác Frosa đi lấy nước ở ngòi về tôi nói với bác cốt chỉ là cho có chuyện:

- Ít lâu nay, bà cứ ngồi lì ở khung cửi, tại sao thế?

- Ồ, sắp tới ngày rồi, sắp tới ngày rồi, cháu ạ.

- Ngày gì ạ?

- Thế nào, ngày gì ấy à? Tuần sau, chúng tôi gả chồng cho con Christine, cháu không biết sao?

- Không ạ, tôi đáp, cháu không biết.

Nhưng giọng nói của tôi nhỏ đi đến nỗi bác Frosa ngược mắt nhìn tôi chăm chăm một lúc. Trước hết tôi cố gắng trấn tĩnh lại nhưng rồi tôi nghĩ thầm: «Quý bắt nó đi, việc gì phải giấu giếm nỗi buồn của ta?»

Tôi không thể nói được là bác Frosa có nhận thấy sự xúc động choáng váng của tôi hay không nhưng một lần nữa, bác lại nhìn tôi chăm chăm và bảo:

Đúng đấy, cháu ạ. Thời gian trôi qua và các cô gái đã đến tuổi lấy chồng. Cháu cũng vậy, khi trở về nhà, ngay sau khi chiến tranh kết thúc, mẹ cháu sẽ lấy vợ cho cháu, một cô gái đẹp như tranh.

Nghe đến đấy, tôi suýt nữa thì giơ hai tay lên ôm lấy đầu vì tôi có cảm giác như bác muốn an ủi tôi và nỗi đau đớn của tôi lại càng thêm gay gắt.

Tôi ra ngòi bên bờ suối và tôi nói một mình: «Christine, em sắp lấy chồng!», tôi chỉ nói được có thế thôi.

20 tháng Tám 1943

Ngày lại ngày nối tiếp nhau, đơn điệu đến chán ngấy. Mùa thu sắp tới rồi và có trời biết cơ sự sẽ ra sao.

Christine đã đi lấy chồng. Chủ nhật trước, những người thân thích của chú rể đã đến đón nàng. Sáu người cưỡi ngựa, tất cả đều mang vũ khí.

Đường sá rất nguy hiểm và người Albania ngay thời bình đi đâu cũng đeo súng trên vai, thì thời buổi này, họ không một lúc nào rời khẩu súng nữa. Không có cỗ bàn linh đình gì. Đàn ông quay quần xung quanh chiếc bàn thấp, ngồi nhấm nháp ít rượu raki. Họ không thể uống nhiều được theo như tục lệ của họ vào dịp này vì đường về còn xa. Tôi cũng được mời dự nhưng khách khứa chẳng ai nói với tôi một lời, tựa hồ như không có tôi ở đó.

Cách đây hai hôm, tôi muốn tặng Christine một món quà nhỏ. Nhưng cho nàng cái gì được? Tôi chẳng có gì cả! Tôi đã định đẽo một con dao bằng gỗ như người nông dân Albania thường làm nhưng tôi đã phí công vô ích. Tôi liền nghĩ đến tặng nàng hình trái tim của tôi. Nàng đã hai ba lần tò mò liếc nhìn nó.

- Đây, cô cầm lấy cái này làm kỷ niệm của tôi.

Nàng cầm và vui thích ngắm nghía:

- Hình Đức bà Đồng trinh!

- Vâng.

- Ai cho anh đây? Mẹ anh ư?

- Không phải, cấp trên của tôi đây.

- Để làm gì?

- Để người ta có thể nhận ra được tôi khi tôi chết.

Nàng bật cười.

- Nhưng làm thế nào mà anh biết được là anh sẽ bị giết chết?

- À, nếu một ngày kia tôi bị chết!

- Christine? Từ ngoài sân bác Frosa gọi.

Christine cảm ơn tôi rồi thoăn thoắt chạy đi.

Tôi đã cho cô ta vật duy nhất tôi có. Và lại cái vật đó đối với tôi còn dùng được việc gì nữa? Dầu sao thì tôi cũng đã mất tích. Tôi còn sống nhưng đã mất tích, còn như khi đã chết thì tìm thấy phòng có ích gì?

Vào khoảng giữa trưa, những người phù rể đứng dậy, khoác súng lên vai và nhảy lên ngựa. Một con ngựa trắng, trang điểm rất tráng lệ nhân dịp này, được dành cho Christine. Christine khóc. Bác Frosa cũng khóc và lão chủ cối xay lặng lẽ hút tẩu, không nói một lời. Rồi cha mẹ nàng ôm hôn

nàng, còn tôi, tôi đứng tách ra một bên, im lặng, hy vọng ít ra giờ đây nàng cũng đưa mắt nhìn tôi một lần, vào giờ phút cuối cùng. Nhưng mắt nàng mọng nước mắt, vai nàng rung lên. Nàng đẹp quá! Tôi cũng muốn ra chào nàng nhưng không hiểu tại sao tôi không có can đảm lại gần bày ngựa, có lẽ tại thái độ lạnh nhạt của những người phù rể hoặc cũng có thể vì tôi bối rối quá, tôi cũng không rõ nữa. Tôi chỉ biết rằng tôi đứng riêng ra một nơi, như sừng sốt ngây ngất; không một ai chú ý đến tôi và tôi tự cảm thấy mình xa lạ và thừa hơn bao giờ hết giữa những con người tập hợp ở đây.

Những người cưỡi ngựa bắt đầu lên đường. Một lần nữa, Christine ngoái cổ lại nhìn chúng tôi, rồi bày ngựa biến mất, rồi đến nửa mình trên của những người cưỡi ngựa và sau cùng là những nòng súng đen ngòm của họ. Chúng tôi quay về không ai nói một lời. Lão chủ cối xay và bà vợ trở về nhà. Còn tôi, tôi đứng lại bên bờ ngòi, nằm sấp xuống đất, lòng trĩu buồn và đột nhiên òa lên nước mắt.

Tôi khóc mà cũng chẳng hiểu tại sao. Tôi khóc vì Christine đã ra đi thì ít, mà vì số phận tôi thì nhiều, và tôi chẳng có thể nói được tại sao lại như vậy.

*24 tháng Tám 1943*

Từ mấy đêm nay, quân lính đi lại không ngừng trên đường đi Gjirokastër. Chắc không bao lâu nữa sẽ có chuyện gì quan trọng xảy ra. Nông dân đến cối xay kể rằng những người ở thành phố lại chạy về nông thôn đầy khắp các làng, đâu đâu cũng có những người tị nạn và người ta có cảm giác như họ đem theo một hương vị tro tàn. Người ta tiên đoán những điều khủng khiếp.

Cũng có tin đồn là «Tiểu đoàn Xanh» đã xuất hiện ở địa phương. Có người lại quả quyết là chúng đang hoành hành ở bên kia Lunxhëria, người khác lại nói rằng chúng còn hoạt động gần hơn nữa. Đêm hôm trở nên sâu thẳm ghê rợn. Tôi thao thức không ngủ được và thường dậy để nghe ngóng.

Lòng mong muốn gặp Christine ám ảnh tôi.

1 tháng Chín 1943

Gió thu nổi lên. Một nỗi buồn sâu sắc nặng trĩu trong lòng tôi và tôi rất sợ không bao giờ thoát khỏi nơi đây nữa. Tôi mới có hai mươi hai tuổi đầu mà thấy hình như từ nay mình sẽ mãi mãi mất hút trong sa mạc.

Đôi khi tôi đến ngồi bên bờ ngòi. Đó là nơi tôi ưa thích nhất.

Tôi nhìn dòng nước lặng lẽ trôi, cuốn theo chiếc lá, cọng rơm, cũng có khi chỉ cuốn đi vài ánh nước long lanh.

Tôi nhớ lại những ngày sư đoàn tôi hành quân ở các vùng nông thôn Albania. Tôi nhớ đến những con kênh đào chúng tôi đã gặp trên đường. Tôi không hiểu tại sao những con kênh lặng lẽ đó ở các làng Albania, do nông dân Albania đào bằng cuộc với sức lao động của họ, lại làm tôi xúc động đến thế. Không có gì gợi lên trong đầu óc tôi những ngày của thời thanh bình một cách rõ ràng và cô đọng như vậy bằng những con kênh đó. Tôi dạo chơi trên bờ kênh, súng trên vai, với một cảm giác khó chịu. Những con kênh đó khuấy lên một cái gì mơ hồ trong thâm tâm tôi. Tôi cảm thấy chúng gợi lên trong lòng tôi một bản năng truyền kiếp, thúc đẩy tôi phải làm một cái gì đó.

Tôi nhớ đến một cuốn sách tôi đã học khi còn ở trường trung học. Tôi không nhớ tên tác giả. Cuốn sách đó nói về những bản năng của giống chó lai đã bị vùi sâu từ lâu, thỉnh thoảng lại xuất hiện. Tôi cảm thấy một cái gì tương tự như vậy khi dạo chơi bên những dòng nước đó. Chúng khơi lại trong tâm hồn tôi, vào cái thời tàn bạo này, những tình cảm cũ đã bị lãng quên. Chúng kêu gọi tôi. Tôi cảm thấy xào xạc trong lòng tôi tiếng rì rầm bất diệt của những tình cảm đó và chắc chắn là chính trong khi đi theo dọc một con kênh, tôi đã nảy ra ý nghĩ đào ngũ, mới đầu còn rất lờ mờ, rồi mỗi ngày một rõ nét hơn.

Và giờ đây, tôi thường đến ngồi bên bờ kênh này và tôi trầm nghĩ, đối với chúng tôi - những kẻ không còn biết mình là ai nữa, không biết số phận sẽ dẫn mình đi tới đâu - có lẽ vẫn sẽ còn có những ngày tốt đẹp hơn, êm đềm hơn.



5 tháng Chín 1943

Yên tĩnh. Lá đã bắt đầu ngả màu vàng. Sáng nay, trên đầu chúng tôi, títt trên cao, hàng mấy trăm máy bay, bay về hướng Đông Bắc.

Ai biết được chúng từ vùng nào trên trái đất bay đến và chúng sẽ tới ném bom vùng nào. Bầu trời mở rộng thông thoáng tứ bề.

Thế giới của chúng ta thật là kỳ quặc!

## CHƯƠNG XII

NHẬT ký ngừng lại ở đó. Người ta còn đọc thấy dòng chữ đề ngày 7 tháng Chín 1943 nhưng sau lại bị xóa đi, không biết tại sao. Có lẽ hẳn không muốn viết tiếp nữa. Có thể là hẳn chẳng có chuyện gì đặc biệt để ghi hoặc có thể chỉ vì hẳn đã chán viết.

Viên tướng quăng cuốn vở xuống ghế, vẻ ghê tởm.

Ông linh mục hỏi:

- Có gì hay không?

- Những ghi chép của một kẻ vừa đa sầu đa cảm lại vừa mau nước mắt.

Ông linh mục cầm lấy cuốn vở và mở trang đầu:

- Chẳng thấy tên tuổi hẳn đâu cả, viên tướng nói. Chỉ thấy có chiều cao của hẳn, một mét tám mươi hai.

- Ồ, đúng chiều cao của đại tá Z, ông linh mục đáp.

Hai người nhìn nhau chăm chăm một lát rồi nhìn lảng ra chỗ khác.

- Có thấy ghi số hiệu trung đoàn và tiểu đoàn của hẳn ở chỗ nào không?

- Không, chỉ thấy ghi tên sư đoàn thôi, «Sư đoàn Sắt».

Không có một chỉ dẫn nào khác.

- Kỳ lạ thật.

- Và vài dòng về «Tiểu đoàn Xanh», nhưng không thấy nói gì về đại tá Z.

Ông linh mục vừa lật các trang vở vừa nói:

- Những trang nhật ký thấy ghi từ 1943. Hẳn viết về, «Tiểu đoàn Xanh» vào tháng nào?

- Ở đầu và ở cuối cuốn nhật ký, nghĩa là vào tháng Hai và tháng Chín.

- Tháng Chín thì ông đại tá đã chết rồi, ông linh mục nói.

- Phải, tất nhiên.

Ông linh mục bắt đầu đọc.

Viên tướng nhớ lại câu chuyện của ông cụ nông dân kể và hình dung cuốn nhật ký có kết thúc như thế nào. «Tiểu đoàn Xanh» đã đi qua vùng này, quân lính cúi kính điên cuồng vì thua trận, một buổi chiều đã kéo đến cối xay, và chắc hẳn có người đã báo cho chúng biết là có một tên đào ngũ đang ẩn náu ở đây. Chúng lùng kiếm tên lính, tìm thấy y, nấp giữa các túi bột mì, người trắng toát từ đầu đến chân dưới lớp bột nom như quần sần trong vải liệm. Chúng gi mũi súng tiểu liên thúc y đi, và cứ như vậy y giật lùi, lùi mãi tới con kênh dẫn nước vào cối xay. Y sắp ngã ngựa xuống nước nhưng còn cách bờ hai bước thì bọn lính đã nổ súng; y ngã gục xuống và chỉ có đầu y là chìm dưới nước. Một xoáy nước nhỏ hình thành quanh đầu y như quanh một hòn đá lớn, làn nước nhẹ nhàng cuốn tóc y xỏa sợi xuôi theo dòng nom như những lá dong kỳ dị đen sì.

«Có lẽ tất cả chỉ có thế», viên tướng trầm nghĩ, ông rít một hơi thuốc lá. Một lát sau, ông lại tự nhủ thầm: «Và đối với một tên đào ngũ thì còn có một kết thúc nào khác được?»

Một giờ sau, ông linh mục gấp cuốn vở lại. Viên tướng hỏi:

- Thế nào?

Ông linh mục nhún vai đáp:

- Một cuốn nhật ký như bao cuốn khác.

- Đúng thế, viên tướng nói, chẳng có gì đặc biệt. Tôi đã nói với ông rồi đấy. Một gã mau nước mắt!

- Có hai cuốn nhật ký khác thú vị hơn, ông linh mục đáp.

Viên tướng giận dữ nói:

- Lẽ dĩ nhiên là với những tên lính như tên này, đem vút súng xuống sông để đi say mê cô gái đầu tiên chúng gặp thì bao giờ mà chúng ta có thể thắng trận được. Nhưng một lát, ông nói tiếp: «Lính gì lính thế!»

- Nhật ký của bọn lính đều có một yếu tố nào đó giống nhau, ông linh mục nói.

- Tự nhiên thôi, vì đây là những người mặc quân phục viết. Tuy vậy cũng có khác nhau về nội dung. Ông có nhớ cuốn nhật ký đầu tiên ta tìm

thấy không? Tinh thần chiến đấu cao chứ! Đọc mỗi dòng đều cảm thấy bàn tay và tâm hồn của người chiến sĩ.

Ông linh mục gật đầu tỏ ý đồng tình.

- Tất nhiên ta cũng thấy ở chỗ này chỗ kia một sự hèn kém nào đấy, nhưng nói chung, tinh thần chiến đấu vẫn là chiếm ưu thế.

- Khi tôi nói các cuốn nhật ký có một cái gì giống nhau là tôi nghĩ đến cách viết, ông linh mục đáp. Lẽ dĩ nhiên là các cuốn nhật ký ta tìm thấy đều khác nhau. Duy có một chỗ tương tự là phần kết thúc tức là cái phần mà những tên viết nhật ký đó đã không viết ra được.

- Đúng thế, chỉ có cái chết của chúng là giống nhau.

Mặc dầu tên lính khốn khổ này, đáng lẽ chết đi một cách vinh dự khi xung phong, thì lại bị bắn vì tội đào ngũ và ngã xuống, đầu chìm dưới suối.

Viên tướng hỏi:

- Ông có đọc đoạn hản viết về các con kênh không?

- Có, ông linh mục trả lời.

- Hẳn hy vọng tìm thấy lối thoát ở đó nhưng chính cái chết lại rình hản ở đó.

- Chẳng ai thoát khỏi sự trừng phạt của Chúa.

Viên tướng châm thuốc hút.

Người lái xe bóp còi inh ỏi. Một đàn cừ dài đi ngang qua đường. Hai người chặn cừ tay cầm gậy dài cố ngăn đàn cừ làm đôi để lấy lối cho xe đi.

- Cừ xuống tránh lạnh mùa đông đấy, ông linh mục nói.

Viên tướng nhìn những dân miền núi, cao lớn, quàng chiếc áo khoác rộng bằng lông cừ đen, mũ trùm kín đầu.

- Ông còn nhớ hai gã trung úy đã đến nước phải đi chặn cừ ở một làng Albania không? Họ thuộc sư đoàn nào nhỉ? Hình như lính sơn chiến thì phải.

- Tôi không nhớ nữa.

- Một hiện tượng kỳ lạ đã xuất hiện trong quân đội ta khi ở Albania, viên tướng nói tiếp. Thực là kỳ lạ! Hay nói cho đúng hơn thật là nhục nhã.

- Ông muốn nói đến những quân nhân của ta đã đi làm đầy tớ ở nhà nông dân Albania để sinh sống phải không?

- Phải, nhất là sau khi ta đầu hàng, cái thói này ngày càng phát triển mạnh. Tôi đã có dịp đọc một bản báo cáo về vấn đề đó ở Đại bản doanh. Thật không thể tưởng được.

- Đúng đấy, ông linh mục đáp. Đã xảy ra những sự việc thật lố lăng.

- Mà ngay chúng ta đây cũng đã vấp phải nhiều trường hợp như thế. Biết bao lần chúng ta chẳng đã phải đỏ mặt lên vì xấu hổ khi nghe thấy nói quân nhân của ta đã đến nước phải đi giặt giũ hoặc trông gà cho nông dân Albania đấy ư? Cách đây hai giờ, cái lão chăn cừu hoặc chủ cối xay quai quý gì đấy, đã làm tôi nóng cả đầu.

Ông linh mục lại gật đầu đồng ý.

- Ông nói là đã xảy ra những sự việc thực lố lăng, nhưng những sự việc này không hẳn là lố lăng mà trước hết là đáng buồn.

- Trong chiến tranh thực khó mà phân biệt được cái bi thảm với cái kệt cớm, cái anh hùng với cái đáng buồn.

- Có người đã cố gắng giải thích những sự việc đó, viên tướng nói. Họ tìm cách thanh minh cho thái độ của các sư đoàn của ta bị chặn lại ở đây sau khi đầu hàng. Họ nói: «Không có tàu bè gì, mặt biển lại bị phong tỏa. Họ làm gì được, những kẻ khốn khổ ấy? Nói cho cùng, dù sao họ cũng phải sống chứ?» Ừ thì sống, nhưng đừng chôn vùi danh dự của đất nước xuống bùn đen, viên tướng giậm dũ thốt lên. Sĩ quan của một đại quân, dù là bại trận, mà lại nhận đi trông gà! Có ai thấy thế bao giờ không?

- Lúc đầu nhiều kẻ đã bán vũ khí, ông linh mục nói. Họ đã bán hoặc đã đổi súng ống lấy một *qese* ngô hoặc một túi đồ.

- Thời gian đó ông có ở đây không?

- Không, ông linh mục đáp. Nhưng người ta có kể lại cho tôi nghe. Hình như súng ngắn đổi được mẩu bánh mì và một ít rượu vang, vì cần phải biết rằng người Albania không quý súng ngắn bằng súng trường. Súng trường bán được giá cao nhất, có thể lên tới một túi bánh. Còn súng liên

thanh, tiểu liên và lựu đạn thì hầu như cho không, đổi lấy một quả trứng, một đôi *opinga* rách, hai củ hành hoặc nhiều nhất là nửa cân sữa loãng.

- Thật là đê tiện, viên tướng nói.

Ông linh mục sắp nói tiếp thì viên tướng lại ngắt lời:

- Chính vì thế mà người Albania có khuynh hướng chế nhạo chúng ta. Ông đã thấy cái lão chần cừ hoặc chủ cối xay gì đó làm nhục tôi như thế nào đấy.

- Họ rất quý súng. Họ không thể quan niệm được sao người ta lại đem bán súng đi và lại là để lấy một mẩu bánh.

- Còn những súng lớn?

- Thực tế súng lớn không có giá trên thị trường vì tất cả súng lớn đều rơi vào tay du kích. Cũng có thể đổi súng cối lấy một con gà.

- Thật là nhục nhã! Viên tướng đáp, nói một cách khác trong những ngày đầu sau khi ta đầu hàng, ở Albania đã mở ra một chợ bán vũ khí thực sự!

- Đúng như thế, ông linh mục nói, thực sự là một cái chợ. Bất cứ thời nào, người Albania cũng say mê vũ khí một cách háo hức, và sự say mê đó lẽ tất nhiên đã tăng lên trong thời kỳ chiến tranh. Tôi cho là ông cha họ đã mơ tưởng đến một cái chợ như vậy từ nhiều thế kỷ nay.

- Người ta đồn là có trên một vạn khẩu súng đã được đem bán đi hoặc đổi lấy thực phẩm.

- Có lẽ còn nhiều hơn nữa, ông linh mục nói.

- Đó thực sự là một trong những khía cạnh kỳ quặc nhất của cuộc chiến tranh này, viên tướng đáp.

- Ông nghĩ xem, trong cái năm đó, người ta phàn nàn là ở Albania chưa bao giờ lại xảy ra nhiều tai nạn như vậy, ông linh mục nói tiếp. Trẻ con lấy súng ống thật làm đồ chơi và có khi, sau một cuộc cãi lộn, chúng ném lựu đạn làm tan sọ nhau.

- Hừ! Viên tướng thốt lên.

- Đôi khi ban ngày, đàn bà trong một khu phố, từ nhà này chỗ sang nhà kia đấu khẩu nhau như vẫn thường xảy ra, thế rồi đến đêm, từ các cửa sổ

hoặc các cửa sổ ở mái nhà, các ông chồng nã liên thanh như pháo ran, thế là xảy ra một cuộc bắn giết nhau ghê gớm.

- Ông không nói quá đấy chứ.

- Tuyệt nhiên không. Tất cả mọi người ở đây đều mắc bệnh tinh thần trầm trọng. Người Albania như đang say rượu, tất cả những bản năng di truyền cổ xưa của họ mặc sức hoành hành và họ trở thành đáng sợ hơn bao giờ hết.

- Có lẽ vì họ đang trong cơn khốc lửa của chiến tranh và hơn nữa lại bị thương, viên tướng nói. Giống sư tử khi bị viên đạn đầu tiên bắn trúng cũng thế. Tôi biết cái đó rõ lắm. Tôi đã tận mắt trông thấy ở châu Phi.

Ông linh mục sắp sửa đáp lại lời nhưng viên tướng đã nói tiếp:

- Và lại, thời đó, có vẻ người Albania đã dè chừng trước những nguy cơ mới có thể xảy ra. Các nước láng giềng bất cứ lúc nào cũng có thể xông vào xâm lược nước họ.

- Người Albania bao giờ cũng thổi phồng những nguy cơ đe dọa họ, ông linh mục nói.

- Nhưng có một vấn đề mà tôi không thể hiểu nổi là tại sao họ đã không hung hăng với ta sau khi ta đầu hàng. Thậm chí, họ còn làm ngược lại. Họ đã bảo vệ quân đội khốn khổ của ta chống lại bọn đồng minh cũ của ta cứ thẳng tay bắn giết quân ta mỗi khi chúng bắt được. Ông còn nhớ chứ?

- Có, tôi có nhớ, ông linh mục nói.

- Thậm chí có cả một tài liệu về vấn đề đó, viên tướng nói tiếp. Tôi nghĩ đến lời kêu gọi của du kích gửi toàn thể nhân dân Albania khi ta đầu hàng. Họ yêu cầu dân họ đừng để quân lính ta chết đói, lúc đó, quân ta hàng mấy vạn con người đang lang thang trên các nẻo đường Albania như ăn mày, quần áo rách bươm. Chính tôi có đọc lời kêu gọi đó và điều ấy đối với tôi đến giờ vẫn còn là một điều bí hiểm. Cái gì đã thúc đẩy họ đối xử như vậy, họ vốn xưa nay vẫn căm ghét ta hết sức. Hay đó chỉ là chính sách mị dân?

- Một thứ mị dân thô bạo, ông linh mục đáp. Chính bản thân tôi cũng lấy làm lạ về thái độ đó.

- Chúng ta là những kẻ thù không đội trời chung của họ, viên tướng nói. Khi còn chiến tranh, họ đánh ta một cách dữ tợn, thế rồi bất chợt họ tung ra một lời kêu gọi như vậy.

- Đúng, đúng, ông linh mục trầm ngâm nói.

- Cảnh kết thúc của quân đội ta ở Albania thật là một kết thúc thảm hại, viên tướng nói tiếp. Tất cả bọn binh lính mặc quân phục này, với vũ khí, phù hiệu và huân chương của chúng, đều biến thành tội tởm, lao công đi ở thuê. Cứ nghĩ đến những công việc họ đã làm mà tội xấu hổ. Ông còn nhớ không? Người ta còn nói đến cả một viên đại tá đi giặt giũ quần áo và đan bít tất trong một gia đình Albania nữa kia.

- Phải, vị linh mục nói. Đôi khi tôi tự hỏi ngay cả đại tá Z, không biết có đi ở cho một gia đình nông dân nào không, và có thể bây giờ ông ta đang chặn một đàn dê nào đó cũng không biết chừng.

Viên tướng vừa cười vừa nói:

- Tôi tự hỏi Betty sẽ xử trí ra sao nếu trông thấy chồng trong cảnh ngộ như vậy.

Ông linh mục không trả lời, chỉ mỉm cười.

Họ còn tiếp tục chuyện trò một lúc nữa nhưng phần lớn trong cuộc hành trình, hai người ngồi im. Lá vàng hoặc úa nát rải rác đầy đường. Lá vàng bay vạt vờ dưới làn gió, còn lá úa chỉ khẽ chuyển động rồi lại nằm im, dán xuống đất, như bị đè dưới lớp nước và bùn nặng trĩu, chúng héo nát, tan tác trên mặt đường như đang đợi chờ cái chết.

Đoàn xe phóng nhanh, lăn bánh trên lớp lá úa vàng đó.



## CHƯƠNG XII

NHIỀU ngày sau, hai người lại ngồi đối diện ở một cái bàn trong phòng khách của khách sạn «Dajti». Từ phòng rượu tầng dưới hầm, âm điệu của dàn nhạc vẫn vọng lên, viên tướng cảm thấy cuộc sống ở nước ngoài phảng phất quanh họ. Về mặt ông mệt mỏi, cái nhìn ngơ ngác hơn thường ngày.

- Đêm qua tôi khó ngủ quá, viên tướng nói, tôi đã thấy một giấc mơ kỳ lạ.

- Gì vậy?

- Tôi mơ thấy cô gái điếm ấy, cô gái mà người chủ quán nọ đã kể chuyện lại với ta, ông còn nhớ chứ?

- Có, ông linh mục đáp.

- Chính tôi đã mơ thấy cô ta. Có điều là cô ta không còn sống nữa, cô ta đã chết, nằm dài trong một chiếc áo quan. Trong lúc ấy, ở ngoài, một đám lính, bọn này cũng nằm trong áo quan, đang đợi đến lượt mình ở ngoài cửa ngôi nhà.

- Giấc mơ mới khủng khiếp chứ!

- Thế mà, tôi lại thấy tất cả những cái đó có vẻ rất là tự nhiên. Tôi đi qua đấy, tôi lên tiếng hỏi một người nào đó: «Bọn lính đang đợi kia là ở mặt trận về hay sắp ra mặt trận đấy?» Người ta trả lời tôi là có tên ở mặt trận về và có tên sắp đi. Tôi liền bảo chúng: «Những ai ra mặt trận thì đừng đợi, trước hết phải ra mặt trận đã, sau đó mới có quyền giải trí. Còn những ai ở mặt trận về hãy ở lại, hàng ngũ tử tế.»

- Một ác mộng, ông linh mục thốt lên.

- Một đêm khác, tôi mơ thấy đại tá Z. Ông ta mỉm cười, một nụ cười mỉa mai nói với tôi: «Ngài tưởng tôi cao một mét tám mươi hai ư? Hừ, nhầm đấy ngài ạ, đó không phải là chiều cao của tôi. - Thế ông cao bao nhiêu? Tôi hỏi. Ông ta lại cười rồi nói với giọng hờn rồi: «Tôi không nói cho ngài biết đâu». Viên tướng lấy bao thuốc lá ở trong túi ra và nói tiếp: - Hầu như đêm nào tôi cũng thấy những cơn ác mộng như vậy.

- Đó là một triệu chứng lao lực.

- Đúng thế, chuyển đi vừa rồi mệt như người. Mệt hơn các chuyến đi khác.

- Chẳng làm thế nào được, ông linh mục nói. Mà ta chưa hết vất vả đâu. Còn phải đi nhiều chuyến nữa kia.

- Thế là ta đã trở thành như những kẻ hành hương thời Trung Cổ rồi đấy. Ta cứ đi, đi mãi chẳng bao giờ thấy được con đường chấm dứt.

- Gia đình họ đang đợi họ và đặt tất cả hy vọng vào chúng ta.

Viên tướng nói, giọng cău kính:

- Họ cứ tưởng là ta chỉ cần ấn nút một cái là lôi được người chết từ dưới đất lên. Họ chẳng hiểu được công việc ra sao.

- Chẳng phải lỗi tại họ, ông linh mục nói.

Viên tướng gõ gõ ngón tay lên bàn:

- Hay ta đi dạo một lát? Ông linh mục đề nghị. Chiều nay đẹp trời.

Hai người bước xuống bậc thềm trước cửa và đi về phía tòa nhà của trường đại học. Đường xá nhộn nhịp xe cộ một cách bất thường. Qua cầu, đi tới chỗ đường này gặp đại lộ Marcel Cachin, ánh sáng đèn pha rẽ ra các ngã. Một số xe quay sang trái, chạy về khu phần lớn các sứ quán đóng, một số xe khác chạy thẳng về quảng trường Skanderburg.

Hai người đi tới dinh Thủ tướng rồi quay gót trở lại. Hai bên đường lớn công nhân đang nhổ những cây trình nữ và thế vào đó, trong những hố lớn đào sẵn, là những cây thông.

- Họ chuẩn bị cho ngày hội đấy, ông linh mục nói, vì vậy họ làm việc cả đêm.

- Họ lấy những cây thông này ở đâu về?

- Từ trên núi xuống, chắc thế.

Trước thềm cửa khách sạn, hai người gặp viên thị trưởng, người cùng đi với viên tướng kia.

- Thế nào, ông mạnh khỏe chứ?

- Cảm ơn ông, thế còn ông?

- Cũng khá, ông trung tướng đâu rồi? Ông linh mục hỏi.

- Ông ta hiện đang ở miền trung Albania. Chúng tôi đang tiếp tục tìm kiếm ở miền đồng bằng vùng này. Còn các ông?

- Chúng tôi nghỉ vài ngày.

- Các ông nghỉ là đúng. Còn tôi, ngày mai tôi lên máy bay. Hôm kia, tôi có nhận được điện của gia đình. Vợ tôi ốm. Tôi mong một tuần nữa có thể trở lại được đây. Tôi không thể vắng mặt lâu hơn nữa. Công việc của chúng tôi vẫn mỗi ngày một tồi tệ.

Họ vừa bước lên bậc thềm vừa trò chuyện. Viên thị trưởng cáo lui và đi về phía thang máy. Còn hai người trở về ngồi trong phòng khách.

Viên tướng gọi lấy rượu cognac và châm thuốc hút. Người ta đem đến một chai. Ông rót rượu đầy cốc và uống. Trước mắt ông, hiện ra hình thể của mặt đất và bên trên là những năm mồi đang nhảy nhót, ám ảnh.

*Tôi không hiểu tại sao hài cốt các bạn đồng đội của tôi lại phải đưa về trả cho gia đình họ. Tôi không chắc có phải đó là mong ước cuối cùng của họ không, như có người đã nói. Đối với chúng tôi, những cựu chiến binh, những biểu hiện đó của chủ nghĩa tình cảm thật là ngây thơ. Một người lính, dù sống hay chết, chỉ thấy thoải mái khi chung sống với đồng đội. Vậy thì hãy để họ ở lại với nhau. Đừng chia rẽ họ. Cầu sao cho thấy những năm mồi của họ nằm kề bên nhau duy trì được tinh thần thượng võ xưa kia của ta sống mãi trong lòng chúng ta. Đừng có nghe những kẻ nhát gan lúc nào cũng sẵn sàng kêu la trước một giọt máu đổ ra. Hãy tin chúng tôi về điều đó vì chúng tôi là những cựu chiến binh.*

Viên tướng thấy rượu bốc lên đầu.

«Giờ đây, ta có cả một đạo quân chết trận dưới quyền ta», viên tướng nghĩ thầm. «Nhưng thay thế cho bộ quân phục là một cái túi bằng nylon. Những túi màu lam với hai sọc trắng chạy ngang và viền đen, sản phẩm đặc biệt của hãng «Olympia». Và những túi đó được đút vào trong những áo quan này, những áo quan nhỏ bé kích thước nhất loạt, như đã ghi trong hợp đồng ký kết với các cơ quan thị chính. Mới đầu chỉ có vài tiểu đội áo quan, rồi dần dần, các đại đội và các tiểu đoàn hình thành và giờ đây đang bổ sung cho các trung đoàn và các sư đoàn. Cả một đạo quân bọc trong nylon».

«Ta sẽ làm gì với quân ấy?» Viên tướng lẩm bẫm trong miệng.

- Hình như ông không được khỏe thì phải, ông linh mục nhận xét. Có lẽ ông sốt chằng?

- Không, không sao cả, viên tướng đáp; có lẽ vì quá mệt, ông cảm thấy rượu ngấm nhanh hơn mọi ngày. Không sao cả, ông nhắc lại. Tôi chỉ thêm uống rượu thôi, nhưng ông, ông là linh mục, là đại tá hay là cái quái gì cũng được, ông lại muốn ngăn không cho tôi uống. Ông muốn gì tôi nào?

Đột nhiên viên tướng trở nên gầy gố. Thỉnh thoảng ông vẫn lên cơn như vậy khi uống rượu.

- Tôi không chịu để ai kiểm soát tôi hết. Ông muốn gì tôi nào, ông nói đi, viên tướng nói gần như hét.

Con người mảnh dẻ, đang ngồi viết như thường ngày ở bên bàn gần chiếc đài thu thanh, quay đầu lại.

- Chẳng muốn gì hết, thưa ông. Tôi chẳng ngăn cấm gì ông mà cũng chẳng cầu xin gì ông. Tôi cũng không hề nghĩ đến nữa kia, ông linh mục sáng giọng đáp.

- Thế thì ông cứ việc ngồi đấy mà nhìn tôi uống.

- Không việc gì phải làm om sòm lên, ông linh mục đáp.

Viên tướng lại nâng cốc. Giờ đây ông linh mục sẽ không làm phiền ông nữa. Nói cho cùng, dẫu sao thì ông vẫn là trưởng đoàn kia mà.

Ông lại nghĩ đến đạo quân của ông. Đạo quân màu lam với hai sọc trắng và một đường viền đen. «Ta sẽ làm gì với quân lính của ta bây giờ?», ông nghĩ thầm. «Chúng đông quá, rất đông, và chắc chắn là chúng thấy lạnh trong chiếc áo khoác ngoài bằng nylon. Bọn tướng tá ngu ngốc của chúng đã bỏ mặc chúng ở lại trận địa và quăng cho ta phải bê lấy. Vậy mà giá có chúng xưa kia, ta có thể thắng được biết bao trận».

Ông cố nhớ lại những trận đánh ông đã học qua ở trường quân sự để chọn ra những trận ông có thể thắng được với những lực lượng hiện ông đang có dưới quyền mình. Ông vạch ra các kế hoạch trên bao thuốc lá, định ra các vị trí của quân lính, các tuyến tấn công, những điểm xung phong quyết chiến. Ông linh mục ngồi lặng thinh, uống sôcôla nhìn viên tướng nguệch ngoạc. Viên tướng bắt đầu từ những thời cổ xưa. Trước hết ông vây

hãm Caesar, rồi cắt đường tiến quân của Charlemagne, rồi đột nhiên tiến đánh Napoleon phải rút lui. Nhưng ông không hài lòng. Ông bứt rứt vì nỗi ông thắng tất cả các trận thời cổ xưa là do ông có ưu thế về vũ khí hiện đại, chứ không phải vì tài làm tướng. Ông liền tưởng tượng đến các trận đánh của những cuộc chiến tranh vừa qua. Ông đổ bộ lên nhiều bờ biển và vây hãm nhiều thủ đô. Binh sĩ của ông từ bãi biển xứ Normandy vọt đến vĩ tuyến 38 ở Triều Tiên. Ông lừa chúng vào rừng rậm khủng khiếp ở Việt Nam và đưa chúng thoát ra khỏi đấy vô sự. Ông thắng nhiều trận mà lịch sử đã cảm chắc là thất bại. Ông thắng trận chính là vì ông cầm quân giỏi và không bao giờ bỏ mặc binh sĩ của mình. Ông, ông biết chỉ huy. Chính ông đang nghiên cứu về chiến tranh trên địa hình miền núi. Và lại ông có những binh lính hết sức dũng cảm. Chúng dũng cảm, ông thầm nghĩ là vì chính chúng chẳng có gì mà mất và ông lại tiếp tục uống. Bao thuốc lá đã đen ngòm những nét nguệch ngoạc nhưng ông lại nhớ ra một trận đánh mới. Thoạt tiên, ông buộc phải rút lui, nhưng sau đó ông đưa những người tử trận chưa ghi vào danh sách (và bọn này là những kẻ hung hãn nhất trong chiến đấu) tới tiếp viện thì ông đã thắng.

- Và thế đấy, ông hài lòng lắm lắm. Kẻ nào dám đối địch với Đại quân nylon.

«Một thằng loạn óc!» Ông linh mục lắm lắm và đứng lên.

## CHƯƠNG XIV

VIÊN tướng ngủ dậy, mình mẩy đau như dần. Ông đứng lên ra mở cửa sổ. Buổi sáng lạnh lẽo. Mây cao, bất động trên bầu trời xám xịt. Ông tựa vào mặt kính và thấy đầu hơi lảo đảo. «Mình ốm chẳng, ông thầm nghĩ. Hay cái đó lại trở lại đây? Cái đó đã bắt đầu y như vậy ở châu Phi. Lúc đầu, mình cho những cơn rối loạn này là do khí hậu, nhưng khí hậu có liên quan gì tới cái đó đâu».

Ông nhìn ra ngoài. Mùa thu sắp tàn. Cây cối ở vườn hoa, trước cửa khách sạn, đã trụi hết lá. Chắc chắn đã từ lâu không có ai ngồi trên những chiếc ghế dài màu xanh. Trừ những lá rụng. Nhưng chẳng bao lâu lá sẽ rữa nát. Viên tướng biết rõ quân phục của các quân đội trong khối Bắc Đại Tây Dương, nhưng chỉ giờ đây, ông mới nhận thấy màu các loại quân phục đó bắt chước sắc đậm nhạt của lá cây mùa thu. Trước hết lá màu xanh, rồi chuyển sang nâu nhạt sau đó ngả màu vàng ối, và cuối cùng, khi thối nát thì trở nên đen sì.

Những bộ quân phục đen, ta không tin là có, viên tướng thì thầm. Hay nói đúng hơn, không còn có quân phục màu đó nữa vì thời xưa đó là quân phục của bọn phát xít».

Ở giữa vườn hoa, gần sân khiêu vũ hình tròn, ghế tựa ướt đẫm được xếp thành đồng, chiếc nọ chồng lên chiếc kia. Sân khiêu vũ giờ đây đã được dọn hết bàn ghế và văng tanh, nom có vẻ rộng thênh thang và buồn tênh. Lá úa rải đầy trên bục của dàn nhạc và trên mặt đất, những người quét đường đã vun lại thành từng đồng lớn.

- Mình thấy trong người không khỏe, viên tướng thầm nghĩ; ông xuống tầng dưới để đi ăn sáng.

- Ông có vẻ mệt, ông linh mục nói khi hai người ngồi vào bàn. Có lẽ ông cần nghỉ ngơi một chút.

- Tôi cũng không hiểu tôi làm sao nữa, viên tướng nói nhưng chắc chắn là tôi thực sự thấy trong người không được khỏe. Tôi nhớ hình như tối

qua tôi có xúc phạm đến ông. Tôi xin ông thứ lỗi cho, tôi có hơi quá chén một chút.

- Không sao cả, ông linh mục đáp một cách hòa nhã.

- Thời tiết ở cái đất nước này mới xấu làm sao chứ!

- Có lẽ tốt hơn là ngày mai tôi lên đường một mình. Công việc tìm kiếm ở bờ biển, theo tôi nghĩ, có lẽ đỡ vất vả hơn nhiều so với các vùng miền núi, ông linh mục nói.

- Tôi cũng nghĩ thế

- Ông hãy nghỉ ngơi một chút. Ông nên đi xem hát hoặc ca kịch.

- Tôi khó ngủ, tôi phải uống thuốc ngủ mới được.

Hai người ra đại lộ, đi bách bộ trước khách sạn, trên vỉa hè rộng rãi, có trồng những cây thông lớn. Thanh niên nam nữ từng nhóm nhỏ đi qua, có vẻ là những sinh viên đang vội vã đến trường.

- Cái công việc ghê tởm này mà họ giao cho chúng ta là cái công việc gì, viên tướng nói như thế tiếp tục một cuộc tranh luận dở dang. Đối với tôi, lôi lên mặt đất bọn vua chúa Ai Cập vùi sâu trong các kim tự tháp còn dễ hơn là đào sâu hai mét để bốc hài cốt bọn lính này.

- Cái ý nghĩ đó cứ ám ảnh đầu óc ông mãi. Có lẽ vì thế mà ông thấy trong người khó chịu chẳng?

Viên tướng nói tiếp:

- Cuộc chiến tranh ở đây không như mọi cuộc chiến tranh khác, nó không diễn ra ở các mặt trận. Nó xâm nhập khắp nơi như một con sâu chui vào mọi tế bào của đất nước này và chính vì vậy tính chất nó khác với các cuộc chiến tranh ở các nơi khác.

- Vì người Albania, chính do bản chất họ, rất hiếu chiến. Họ lao vào chiến tranh với ý thức rõ ràng. Có thể nói chiến tranh là một chức năng hữu cơ của dân tộc này, nó nhiễm vào máu họ như rượu ngấm vào máu những người nghiện. Chính vì vậy mà chiến tranh ở đây thật là khủng khiếp. Mà vấn đề không phải chỉ có thế. Giữa các dân tộc vốn luôn luôn có chiến tranh và sẽ có mãi, nhưng có những dân tộc vì những lý do khác nhau, - và trong trường hợp người Albania, hoàn cảnh của quá trình hình thành tâm lý của họ

qua nhiều thế kỷ chắc hẳn đóng vai trò chủ yếu như tôi đã nói, có những dân tộc lao vào chiến tranh với một sự hăng say điên cuồng và chính những dân tộc ấy là những dân tộc nguy hiểm nhất.

- Ông đã nói với tôi về vấn đề đó rồi, viên tướng nói.

- Vâng, tôi có nhớ.

- Hẳn đó là một trong những đề tài thích thú của ông. Có lẽ ông cũng làm một công trình nghiên cứu như tôi chẳng?

- Không, ông linh mục đáp, tôi chỉ thấy đây là một đề tài tranh luận thú vị và chính vì thế mà có lẽ chuyện của tôi thành ra chán ngắt.

- Không đâu, xin ông cứ nói. Tôi rất lấy làm hài lòng được nghe ông. Chúng ta đang nói đến tinh thần hiếu chiến của người Albania.

- Vâng, ông linh mục đáp. Vấn đề này có một hứng thú đặc biệt. Suốt quá trình lịch sử của họ, người Albania đã đi cùng đất nước của họ với vũ khí sắt trên vai. Người dân miền núi Albania sống một cuộc đời tộc trưởng, tuy mới đây thôi sinh hoạt của họ còn như ở thời kỳ đồ đá nhưng không phải vì thế mà họ không có những vũ khí hiện đại nhất. Ông thử nghĩ xem, sự tương phản mới lạ lùng làm sao! Tôi đã nói với ông rồi: không có chiến tranh, không có vũ khí, dân tộc này sẽ căn cõi đi, gốc rễ của họ sẽ khô héo đi và rồi họ sẽ bị diệt vong.

- Thế với vũ khí và chiến tranh họ sẽ sống lại sao?

- Họ tưởng như vậy đấy, trong lúc chính vì vũ khí mà họ sẽ diệt vong nhanh chóng hơn.

- Vậy theo ông, chiến tranh đối với họ là một loại thể dục tập cho gân gân cốt và để giữ sức khỏe ư?

- Cho một thời gian, vâng, ông linh mục nói.

- Nói một cách khác, có hay không có vũ khí, dân tộc này vẫn cứ đi đến chỗ diệt vong.

- Có vẻ thế đấy, ông linh mục nói. Chính phủ họ đã nêu cái thiên hướng ưa chuộng chiến tranh vốn có từ cổ xưa của họ thành nguyên tắc trong chính sách của đất nước và thật may cho các nước láng giềng là dân số Albania không vượt quá hai triệu.



Viên tướng im lặng và châm thuốc hút.

- Ông còn nhớ những bài ca của bọn thợ đấu vào những đêm ta sống dưới lều vải không? Ông linh mục hỏi. Ông còn nhớ nỗi u buồn, rời rã ta cảm thấy khi nghe họ hát không?

- Tôi có nhớ, viên tướng nói, có những điều không dễ gì mà quên được.

- Chủ đề trong những bài hát của họ là tàn phá và chết chóc. Đó là đặc điểm nghệ thuật của họ. Ta còn thấy đặc điểm ấy trong các bài hát, trong phong tục tập quán, trong toàn bộ cuộc sống của họ. Nói chung, đó là một điểm đặc thù chung cho tất cả các dân tộc vùng Balkan, nhưng đối với người Albania, đặc điểm đó đậm nét hơn là ở bất cứ nơi nào khác. Ngay quốc kỳ của họ cũng chỉ tượng trưng cho máu me và tang tóc.

- Ông nói đến những đề tài đó say mê lắm nhỉ, viên tướng nêu lên.

- Tôi quan tâm đến những vấn đề ấy đã từ lâu. Oscar Wilde có nói rằng những người thuộc tầng lớp dưới cảm thấy nhu cầu phải phạm tội ác vì những tội ác ấy gây cho họ những cảm xúc mạnh còn chúng ta thì tìm kiếm nó trong nghệ thuật. Câu nói châm biếm ấy rất có thể áp dụng cho người Albania được lắm, duy chỉ khác có một điều là phải thay chữ «tội ác» bằng chữ «chiến tranh» hay «trả thù». Vì hoàn toàn khách quan mà nói, ta phải công nhận là người Albania không phải là những tội nhân thường phạm. Những vụ giết người của họ bao giờ cũng phù hợp với những tiêu chuẩn do phong tục tập quán cổ xưa đề ra. Sự phục thù của họ giống như một vở kịch được soạn theo đúng những quy tắc của bi kịch, với lời nói đầu, với tính kịch phát triển không ngừng và một kết cục nhất định có chết chóc. Có thể miêu tả sự phục thù này như một con bò mộng hung dữ lao lên các ngọn núi kia và tàn phá hết thảy trên đường nó chạy qua. Tuy nhiên họ đã đeo vào cổ nó vô số đồ trang sức hợp với quan niệm của họ về cái đẹp để khi con vật được thả ra và gieo rắc chết chóc khắp nơi, họ có thể thưởng thức được những khoái cảm về thẩm mỹ cùng với cái chết.

Viên tướng chăm chú nghe.

- Cuộc đời của người Albania, ông linh mục nói tiếp không khác gì một cuộc biểu diễn lớn được sắp đặt theo những cổ tục. Người Albania sống

và chết như đóng một vai trò, duy chỉ khác có một điều là cảnh trí trên sân khấu là đồi núi, nơi họ sinh sống trong một tình trạng thiếu thốn cùng cực. Họ chết thường là do phải tôn trọng một số tục lệ chứ không phải vì những lý do khách quan. Cuộc đời sống giữa biết bao thử thách và chịu đựng trên những ngọn núi đá kia, cuộc đời không loại trừ nỗi đói rét hoặc núi lở, cuộc đời ấy bỗng dừng chấm dứt một cách đột ngột, sau một lời nói hờ hênh, một sự bông đùa quá trớn hoặc một cái nhìn thèm thuồng đối với một người đàn bà. Sự trả thù lắm khi nổ ra không hề có phần nộ căm hờn mà chỉ là để tuân theo luật lệ của phong tục. Và ngay khi kẻ phục thù giết chết nạn nhân của mình, hẳn cũng không làm một việc gì khác là thi hành một điều khoản của tục lệ. Những điều khoản cũ đó quấn vào chân họ suốt cả cuộc đời, cho đến một ngày kia chúng làm họ sẩy chân, ngã xuống để không bao giờ trở dậy nữa. Cho nên người Albania hàng bao thế kỉ rông rã, chỉ là đóng một vở kịch đẫm máu.

Hai người nghe thấy tiếng chân đằng sau và quay lại, đó là anh cán bộ.

- Tôi đến tìm các ông ở khách sạn, anh nói.

- Có chuyện gì thế?

- Mai ta phải xem lại mấy cái biên bản ký với các đại biểu của ban giám đốc các cơ quan thị chính. Họ đợi ta vào hồi mười giờ.

- Được rồi, viên tướng đáp.

Ông linh mục chăm chú nhìn người cán bộ, tìm cách đoán xem anh ta có nghe thấy những lời nói cuối cùng của họ hay không.

- Chúng tôi đang nói chuyện về phong tục tập quán nước ông, ông linh mục nói, giọng bình tĩnh, những phong tục tập quán ấy thật đặc biệt.

Anh cán bộ mỉm cười một mình.

- Ông linh mục nói với tôi về sự trả thù, viên tướng nói, về mặt tâm lý mà nói, rất đáng chú ý.

- Chẳng có gì là đáng chú ý về mặt tâm lý cả, anh cán bộ ngắt lời. Có những người nước ngoài cứ tưởng là sự trả thù và những phong tục độc hại khác ở nước chúng tôi là do tâm lý của người Albania mà ra, nhưng nghĩ

như thế là vô lý. Những phong tục đó chính là do bọn áp bức cũ của chúng tôi và tôn giáo đã buộc chúng tôi phải theo.

- Ra thế! Ông linh mục thốt lên.

- Vâng, nhiều người nước ngoài dành rất nhiều công sức nghiên cứu vấn đề trả thù ở nước chúng tôi, nhưng họ nghiên cứu với một ý đồ nhất định.

- Vì vấn đề đó có một lợi ích khoa học, ông linh mục xen vào.

- Theo tôi không phải thế. Ý muốn thực sự của họ là chuẩn bị dư luận để tiêu diệt dân tộc Albania và truyền bá tư tưởng đó của họ.

- Tôi không tin là như vậy, tôi không tin là như vậy. Ông linh mục nói và mỉm cười gượng gạo.

Anh cán bộ đi với hai người vài bước rồi chào họ và cáo từ.

Viên tướng tiếp tục tranh luận với ông linh mục.

- Ông giải thích vấn đề phong tục, viên tướng nói, mà chỉ căn cứ vào những yếu tố tâm lý, nhưng tôi tưởng dù sao cũng không thể loại trừ được một vài nguyên nhân khách quan, thuộc về mặt lịch sử và quân sự. Ông có biết dân tộc này làm tôi nghĩ đến cái gì không? Tôi nghĩ đến những con thú dữ, trước nguy cơ, khi sắp sửa chồm lên, đứng lặng im trong một tình trạng căng thẳng cao độ, gân cốt căng lên, mọi giác quan đều thức tỉnh sẵn sàng. Tôi thấy hình như đất nước này luôn luôn đứng trước nhiều cảnh hiểm nghèo và tình trạng báo động ấy đối với họ đã trở thành bản chất thứ hai.

- Điều ông vừa nêu lên chính là điều mà họ gọi là cảnh giác đấy, ông linh mục nói.

Ông linh mục tiếp tục nói nhưng viên tướng không nghe nữa.

- Tôi có cảm giác là chúng ta nói về họ nhiều quá, sau cùng ông nói như vậy. Thực ra, công việc của họ chẳng liên quan gì mấy đến ta. Họ cứ việc tiêu diệt lẫn nhau, muốn nhanh bao nhiêu tùy ý họ.

Ông linh mục dang hai bàn tay mở rộng.

- Tốt hơn là ta nên xem xét công việc của ta một chút, viên tướng nói tiếp, cái công việc thảm hại của ta đã làm ta mệt lử và ta đã không làm được đến nơi đến chốn. Ông không thấy là ta giậm chân tại chỗ ư? Thậm chí hầu

như còn có cả vận đen hay một cái gì rùng rợn cứ nhè vào công việc của ta mà quấy phá.

- Không đúng, ông linh mục đáp, tôi không thấy như thế. Nhiệm vụ của chúng ta rất cao cả.

- Tôi có cảm tưởng là ta lang thang ở đất nước này như một cái u di động. Chúng ta cứ quẩn vào chân người dân ở đây, cản trở công việc của họ.

- Có lẽ ông ám chỉ trường hợp vì chúng ta, công việc xây dựng cái ống nước bị chậm lại mấy ngày chẳng?

- Không, viên tướng đáp. Không phải tôi nghĩ đến trường hợp ấy. Trong công việc của chúng ta có một cái gì kỳ quặc và gở.

- Tuyệt đối không có cái gì như thế hết, ông linh mục nói.

- Có bao giờ ông nghĩ rằng những kẻ xấu số mà ta đang tích cực tìm kiếm có thể lại muốn ta để mặc yên họ không?

- Vô lý, ông linh mục đáp. Nhiệm vụ của chúng ta rất cao cả và nhân đạo. Bất cứ ai được giao nhiệm vụ đó cũng phải lấy làm tự hào.

- Thế nhưng trong công việc ấy vẫn có một cái gì không ổn, nó đem một vẻ mỉa mai nào đó, dù là rất thoáng qua.

- Không đúng, ông linh mục nói. Hoàn toàn không hề có như vậy. Có lẽ với tư cách quân nhân, ông có những lý do khác khiến ông xúc động chẳng.

- Thì tôi có những lý do gì mới được chứ?

- Có lẽ tốt hơn hết là không nên đã động đến. Có thể chính ông, ông cũng không muốn thừa nhận những lý do đó kia.

Viên tướng cười gượng.

- Lại những lý do tâm lý chẳng? Viên tướng nói. Ông có vẻ quan tâm đến phân tích tâm lý lắm nhỉ. Tôi đã nghe thấy nói nhiều đến chuyện đó, nhưng thật ra tôi chẳng hiểu gì mấy. Quân nhân chúng tôi không ưa những chuyện tinh vi tế nhị đó lắm.

- Vâng, tôi hiểu, ông linh mục đáp như muốn nói «mỗi người một ý thích».

- Dù sao chẳng nữa, viên tướng nói, ông giải thích thế nào cái khó chịu về tinh thần mà tôi cảm thấy. Tôi thích nghe ông lý luận, nghe ông nói rất thú vị. Và tôi xin hứa là sẽ không méch lòng, dù ông nói gì đi nữa.

- Được thôi, ông đã nài thì tôi xin trình bày ý kiến của tôi, ông linh mục rất bình tĩnh nói. Nếu ông có cái cảm giác bức bối, hậm hực đó là vì trong thâm tâm ông, ông tiếc là trước kia đã không được cầm quân ở Albania. Và ông tự nhủ rằng dưới sự chỉ huy của ông, có lẽ mọi sự sẽ khác, quân ta sẽ không bại trận và tan rã mà có lẽ ông sẽ đưa họ ra khỏi thử thách ấy một cách vinh dự. Chính vì thế mà ông thường hay mở bản đồ ra, cặm cụi hàng giờ hoặc nguệch ngoạc vạch các sơ đồ tác chiến trên bao thuốc lá. Thực ra, ông than phiền về mỗi lần thất bại, ông sống lại từng trận thua và ông tự đặt mình vào địa vị các ước mơ điên rồ nhất là chuyển những thất bại của ta thành chiến thắng...

- Đủ rồi, viên tướng nói. Tôi là một con bệnh tinh thần hay sao mà ông phải soi mói trong đầu óc tôi theo kiểu Dostoyevsky như vậy?

Ông linh mục mỉm cười.

Viên tướng sa sầm nét mặt.

- Không, tôi không có một lý do thầm kín nào, viên tướng chậm rãi nói tiếp. Dù sao tôi cũng không phải là một cô gái ngây thơ để tưởng rằng việc đi tìm hài cốt binh lính tử trận lại có thể giống như cuộc đi dạo chơi tình cảm. Tôi đã lường thấy trước đó là một công việc gay go và buồn thảm. Tôi cũng nhận thấy rằng có lẽ tôi sẽ được tình thương yêu lẫn oán thù ấp ủ trong lòng tôi giúp đỡ tôi làm nhiệm vụ. Thương yêu những người lính tội nghiệp kia và oán thù những kẻ đã giết họ. Khi rời Bộ chiến tranh trở về nhà hôm tôi được giao nhiệm vụ này, tôi thấy vang lên trong lòng tôi những nốt của một bản nhạc. Đó là một bản nhạc bi ai, trang nghiêm. Sau đó khi lật giở từng trang các hồ sơ, tôi cảm thấy từ những bản danh sách dài dằng dặc toát lên một hơi thở oán hận và phục thù. Tôi tới gần quả địa cầu và tìm ra nước Albania. Tôi đã có một thích thú cuồng bạo khi thấy nước này quá nhỏ bé, không lớn hơn một cái chấm. Rồi một lần nữa, tôi cảm thấy nỗi oán thù xâm chiếm lòng tôi. Cái nước ác hại này chỉ gần bằng một cái chấm trên bản đồ đã đánh bại các con em ta, oai hùng và dũng cảm. Tôi ao ước đi thật nhanh

đến cái vùng hoang dã và lạc hậu này để biết rõ cái dân tộc mà tôi hình dung như một dân tộc man rợ. Tôi nghĩ là tôi sẽ kiêu hãnh đi giữa họ, căm hờn và khinh miệt nhìn họ như để nói với họ: «Đấy, sự nghiệp của các người đấy, đồ man rợ!» Tôi hình dung buổi lễ chuyển giao hài cốt trang nghiêm, cái nhìn lơ đãng và ngơ ngác của người Albania, cái nhìn của một kẻ thô lỗ phạm tội sau khi đánh vỡ một chiếc lọ quý tần ngần đứng đó ngắm nhìn bằng con mắt buồn phiền. Chúng ta sẽ cho khiêng áo quan của binh lính ta đi qua giữa đám đông, chứng minh cho họ thấy là ngay cái chết của ta cũng còn đẹp đẽ hơn cả cuộc sống của họ. Đấy là điều mà tôi nghĩ trước đây. Nhưng khi tới đất nước này, sự việc đã diễn ra khác hẳn. Ông còn biết rõ hơn tôi. Trước hết lòng kiêu hãnh của chúng ta biến mất, rồi tất cả chuyện này nhanh chóng chẳng còn gì là trang nghiêm nữa, sau hết những ảo tưởng cuối cùng của tôi tiêu tan và giờ đây, chúng ta đi dạo chơi giữa sự lãnh đạm chung, dưới những cái nhìn bí hiểm, chế giễu như những thẳng hề thảm hại của chiến tranh, còn đáng thương hơn tất cả những kẻ đã chiến đấu và bại trận ở nước này. Chẳng phải đúng như thế sao?

Ông linh mục không đáp lại và viên tướng hồi hận là mình đã nói.

Hai người đi một quãng đường nữa, không ai lên tiếng. Những lá cây cuối cùng tiếp tục rụng xuống vỉa hè. Họ gặp những người qua đường. Viên tướng có một cảm giác khó chịu và đơn độc. Ông ngại nói đến những vấn đề đó. Đáng lẽ nên gọi lại những ngày âm đạm hai người đã sống trên các nẻo đường và dưới lều vải thì hơn, khi mưa làm họ ướt sũng và run rẩy trong gió; những cái nhìn bí hiểm của nông dân mặc những bộ áo quần thô nặng bằng len đen; cái đêm ông linh mục mê sảng thét lên những tiếng kinh hoàng vì một cơn ác mộng nào đó, nào ai biết được; bãi chiến trường giờ đây chìm dưới đáy hồ nhân tạo của một trung tâm thủy điện, khi nghĩa địa ngập dưới làn nước và những ánh phản quang đỏ rực của làn nước trong buổi hoàng hôn; cả đến cái sợ với toàn bộ răng vàng lấp lánh dưới ánh mặt trời khi công nhân đào lên và cái sợ như mím một nụ cười chua cay với tất cả mọi thứ xung quanh.

Hai người uể oải bước tới quảng trường chạy dài trước tòa nhà của trường đại học. Họ rẽ sang phải đi dọc theo nhà hát ca kịch rồi leo lên con

đường dốc hai bên trông bờ đê, lượn ngoằn ngoèo lên tới đỉnh đồi thánh Prokop.

Hai bên đường, các hố đều đầy lá rụng và các bức tượng trong công viên lớn hình như cũng rụng mình dưới những cành cây trơ trụi.

Lên tới đỉnh đồi, hai người nhìn thấy ở bên kia chân đồi, cái hồ nhân tạo có nhiều gò đất bao bọc xung quanh, chạy dài thành nhiều vòng cung hình thể khác nhau. Trên đỉnh đồi tròn xoe, sừng sững một nhà thờ, bên cạnh là một quán cà phê ngoài trời. Xung quanh sân khiêu vũ hình tròn, những cây trắc bá cao vút run rẩy trước làn gió lạnh. Trong một góc, lẩn lóc một đồng hồ, trên hồ ghi những chữ «Birra Korça» sơn đen.

- Chắc hồ này cũng mới đào, ông linh mục nói. Quán cà phê cũng thế, trước kia không có.

- Thật là một phong cảnh đẹp.

- Đúng thế, ở đây nhìn được hầu hết thành phố Tirana.

Hai người quay lưng về phía hồ và đứng ngắm thành phố. Chiếc áo mưa của viên tướng phần phật trước gió.

Họ nhìn xuống đường phố lớn cắt thành phố ra làm đôi. Một cây phong đung đưa, cành lúc thì che lấp dinh Thủ tướng, lúc thì che lấp trụ sở Trung ương Đảng. Khi gió thổi mạnh hơn, cành cây lại che kín cột đồng hồ cao vút nom như gấn vào tháp của giáo đường Hồi giáo, rồi lại che lấp một phần quảng trường Skanderburg lướt trên trụ sở của Ban chấp hành và khẽ chạm vào Ngân hàng quốc gia.

Tôi đọc trong cuốn sách viết về Albania thấy nói toàn bộ kiến trúc của khúc trên của đường phố lớn thể hiện hình chiếc búa của người cảnh lại, viên tướng vừa nói vừa giơ tay trỏ.

- Đúng đấy, ông linh mục đáp.

- Thế mà cách đây vài phút, tôi nhìn mãi không nhận ra sự giống nhau đó.

- Ông hãy chăm chú nhìn kỹ hơn, ông linh mục nói và cũng giơ tay trỏ. Đại lộ này là cán búa, ngôi nhà lớn của Ban giám đốc trường Đại học là

cái đầu cán thò ra ngoài lưới búa, nhà hát ca kịch là sống búa - ông linh mục trở về phía phải - còn sân vận động mô phỏng lưới búa hình cánh cung.

- Lạ nhỉ, viên tướng nói, tôi vẫn không làm thế nào nhận ra được sự giống nhau đó.

- Có lẽ phải đứng ở chỗ cao hơn ngọn đồi này mới nhìn thấy được, ông linh mục nói. Và lại, điều này là chủ yếu, sau chiến tranh người Albania đã tìm cách xóa bỏ sự giống nhau đó.

- Bằng cách phá đi một phần của toàn bộ ư?

- Không, trái lại, ông linh mục nói, họ đã cất những ngôi nhà mới trong toàn bộ khối kiến trúc này, thế là đạt được kết quả mong muốn rồi.

- Tôi tưởng cái xóa nhòa hình dạng chiếc búa là khu nhà đồ sộ, xây dựng ở bên trái kia chứ, viên tướng nói.

- Vâng, đó là cả một khu nhà mới, ông linh mục đáp, và hình như người ta đã đặt tên cho khu nhà đó là khu «Một tháng Năm».

- Nói tóm lại, đấy là một thứ dấu ấn khổng lồ nằm ở ngay trung tâm thủ đô.

- Chính sau chiến tranh, khi bay qua thành phố lần đầu tiên, những người cộng sản đã nhận thấy và họ đã lập tức ra lệnh xóa bỏ hình dạng chiếc búa.

- Thế trước đây họ không biết sao?

- Tôi không thể trả lời ông được.

- Nhưng dĩ nhiên là đứng ở chỗ cao hơn nhìn thấy rõ hơn.

- Chắc thế.

Hai người bước đi trên mặt đường rải nhựa dọc nhà thờ. Trên một chiếc ghế dài đặt bên đường, một thanh niên và một thiếu nữ đang ngồi bên nhau. Mắt mơ màng, cô ta ngả đầu lên vai người yêu đang vuốt ve đầu gối cô.

- Ta đi xuống thôi, viên tướng nói, gió lạnh quá.

Họ quay xuống theo con đường hai bên trồng bồ đề.



## CHƯƠNG XV

ĐOÀN xe rời khỏi mặt đường, rẽ sang phải băng qua cánh đồng, chạy dọc theo các vườn nho của trại. Viên tướng mở bản đồ trắc địa trải ra trên đầu gối, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn ra ngoài. Ông biết rõ là cùng lúc ấy, trong cabin chiếc xe tải theo sau, anh cán bộ cũng đặt trên đầu gối một bản đồ tương tự, và cũng như ông, thỉnh thoảng lại nhìn qua cửa kính xe để tìm ra đúng nơi phải dừng lại.

*Về bên phải là một hàng dương liễu cao và nhìn về phía đó, người ta trông thấy ở phía bên kia có các ngôi nhà trong trại của một tên «Paşa»<sup>10</sup> và xa hơn nữa là một cối xay. Nơi phải đến ở ngay dưới gốc cây. Để có thể dễ dàng tìm ra các ngôi mộ chúng tôi đã đào, chúng tôi đã sắp đặt các ngôi mộ theo hình chữ V, mũi nhọn quay ra biển. Năm ngôi ở bên này, năm ngôi ở bên kia, ở đỉnh là mộ viên thiếu úy.*

- Bảo hẳn rẽ về phía hàng cây dương liễu, viên tướng nói.

Ông linh mục dịch lại cho người lái xe.

Mọi người xuống xe; các ngọn cây cao run rẩy trong gió. Ông linh mục đi trước là người đầu tiên đi về phía các ngôi mộ. Mới đi được một quãng thì bỗng nghe thấy ông ta kêu lên một tiếng kinh ngạc:

- Cái gì thế? Viên tướng vừa theo kịp ông linh mục vừa hỏi.

- Trông kìa, ông linh mục nói, ông nhìn về phía kia mà xem?

Viên tướng đưa mắt về phía ông linh mục tỏ.

- Thế là nghĩa lý gì nhỉ, ông giận dữ thốt lên.

Dưới gốc các cây dương liễu, các ngôi mộ đã khai quật nối tiếp nhau chạy thành hai hàng, gặp nhau ở đỉnh hình chữ V. Các ngôi mộ hình như đã bị đào lên từ một đến hai tuần nay vì qua vụ mưa mới đây, nước ngập tới nửa huyệt.

- Tôi chẳng hiểu gì cả, ông linh mục nói.

- Có người tới quật những ngôi mộ này trước ta, viên tướng nói, giọng run run.

- Anh cán bộ đến kia rồi, ông linh mục đáp. Để xem anh ta nói ra sao.

- Có chuyện gì vậy? Anh cán bộ vừa hỏi vừa tiến lại gần.

Viên tướng không nói không rằng, lấy tay trở các ngôi mộ. Anh cán bộ nhìn một lát rồi nhún vai.

- Lạ thật, anh ta khẽ nói.

- Người ta đã đào những ngôi mộ này không được phép của chúng tôi, không cho chúng tôi biết, ông linh mục nói. Ông nghĩ sao?

Anh cán bộ lại nhún vai.

- Đến bao giờ mới chấm dứt những trò khiêu khích này? Tôi sẽ báo cáo ngay vụ này lên cấp trên.

- Hiện nay tôi không thể có ý kiến gì được, anh cán bộ nói, nhưng tôi hy vọng sẽ sớm làm sáng tỏ vấn đề này. Xin các ông hãy kiên tâm một chút.

- Được, viên tướng giậm dũ đáp.

Những người thợ đào đất và hai người lái xe tới gần và nhìn xuống đất, sững sờ.

- Chúng tôi chưa bao giờ thấy có chuyện như vậy, người lớn tuổi nhất trong nhóm nói.

Anh cán bộ lại đếm số huyết một lần nữa, vừa nói vừa quay lại phía người lái xe.

- Đây, anh lấy xe tải đi tới trại dẫn một người ở đây về đây, bất kỳ ai cũng được. Bảo cho họ biết là chúng ta ở Phủ thủ tướng về, có việc quan trọng.

- Được, người lái xe đáp.

- Ta hãy xem những người ở trại nói ra sao, anh cán bộ lên tiếng.

- Tôi thật không ngờ có chuyện thế này, viên tướng cau có nói. Đây là một sự khiêu khích nghiêm trọng. Luật pháp quốc tế, ai cũng phải tuân theo.

- Tôi không thể có ý kiến gì bây giờ được, anh cán bộ nhắc lại. Tôi chỉ có thể bảo đảm với các ông là ai dám phạm vào một hành động như thế

này với một ý định nhục mạ, người đó sẽ bị luật pháp của chúng tôi trừng trị.

- Dù có ý định gì đi nữa, ông linh mục đáp, thì đó vẫn là một sự sàm báng nghiêm trọng.

- Tôi sẽ không để việc này kết thúc như vậy, viên tướng nhấn mạnh. Tôi đã chờ rằng thế nào cũng có ngày tôi sẽ bị người ta khiêu khích nhưng tôi không ngờ là lại có thể quá quắt đến thế.

- Không ai khiêu khích các ông hết, anh cán bộ nói.

- Thế thì cái gì đây? Viên tướng đưa bàn tay run run trở các huyết.

- Chúng ta sẽ xem xét vụ này ngay tức khắc.

Trong lúc đó những người công nhân đứng trước huyết lấy làm lạ về cách sắp đặt các ngôi mộ.

- Đây là lần đầu tiên chúng tôi thấy một nghĩa địa hình chữ V như thế.

- Lạ thật!

- Chính loài sếu thường bay theo hình này, người công nhân già nói. Các ông chưa bao giờ thấy chúng bay như vậy về mùa thu sao?

Xa xa có tiếng động cơ chiếc xe tải đang trở về. Có người ngồi trong cabin bên cạnh người lái xe.

- Tôi hy vọng rằng mọi việc sẽ được sáng tỏ ngay bây giờ, anh cán bộ nói.

Người lái xe bước xuống và đến mở cửa xe bên phía người lạ ngồi. Người này đặt chân xuống đất chăm chú nhìn kỹ mọi người, lần lượt từng người một.

- Ông làm ở trại này phải không? Anh cán bộ hỏi.

- Phải.

- Từ lâu rồi chứ.

- Đúng, khá lâu rồi.

- Ông có biết gì về những ngôi mộ lính này không?

Người đó đưa mắt nhìn các huyết đã bị khai quật.

- Cũng chỉ biết những điều mọi người ở đây đều biết thôi, ông ta đáp.

- Nghĩa là thế nào?

- Thế nào, đó là những ngôi mộ của binh lính ngoại quốc chôn ở đây đã hơn hai mươi năm nay rồi.

- Thế làm sao...

- Người ta đã đào lên cách đây mười ngày.

- Đây chính là điều chúng tôi muốn biết, anh cán bộ nói. Ai đã đào những ngôi mộ đó cách đây mười ngày?

Người kia lại đưa mắt nhìn những người công nhân, viên tướng, ông linh mục và cái xe hơi.

- Ông có tận mắt trông thấy những người đến đào những ngôi mộ này không? Anh cán bộ hỏi lại.

Người kia có vẻ ngập ngừng rồi đột nhiên bùng ra:

- Các ông định giễu tôi sao?

- Thế nào, ông muốn nói gì?

- Các ông còn biết rõ hơn tôi ấy chứ.

Anh cán bộ tỏ vẻ ngạc nhiên. Mọi người đứng xung quanh đều lặng im sững sốt. Chỉ còn nghe thấy hàng dương liễu xào xạc.

- Tôi chỉ đề nghị ông cho chúng tôi biết là ai đã đến đào những ngôi mộ này cách đây mười ngày.

Người trại viên giận dữ trừng trừng nhìn anh cán bộ.

- Chính các ông đã đào những ngôi mộ đó chứ còn ai nữa, người đó nói, giọng dứt khoát.

Anh cán bộ cảm thấy mồ hôi vã ra trên trán.

- Chính tất cả các ông, người đó nói tiếp rồi chỉ vào những người công nhân Sở thị chính, viên tướng, ông linh mục và những người lái xe.

Ai nấy ngấn người nhìn nhau.

Có tiếng hỏi nhỏ người lái xe tải:

- Cậu tìm ra tay này có khó khăn không?

- Này ông, anh cán bộ nói với người ở trại, ông nói như thế không...

- Thôi đi, chuyện vợ vãi! Người kia ngắt lời anh cán bộ, mắt long lên sòng sọc. Anh tưởng lừa phỉnh được tôi thì anh lầm. Anh cho là anh có

học, anh có thể giấu cọt được người ta hẳn?

Ông ta nhìn anh cán bộ trừng trừng một cách khinh bỉ rồi quay đi, trở về trại.

Người công nhân già gọi:

- Này đồng chí, đợi tí đã!

- Này bác, hãy đứng lại đã, người lái xe tải cũng lên tiếng.

- Các anh phải thấy xấu hổ mới phải, người ở trại vừa quay lại vừa la lên. Các anh cho mọi người là đồ ngu cả hay sao? Các anh tưởng người ta không trông thấy các anh đến cách đây mười ngày đào bới từ sáng tới chiều chắc?

- Chỉ còn thiếu có nước thế nữa! Ông linh mục lẩm bẫm.

- Ai đào? Chúng tôi ư?

- Phải, các anh chứ còn ai nữa? Chính các anh đã đến với cái xe màu xanh này và cái xe tải phủ bạt này.

- A! Hãy đợi một chút, anh cán bộ đột nhiên nói, ông có mặt ở đây khi họ đào không?

- Không, nhưng chúng tôi nhìn thấy các anh từ xa.

Anh cán bộ lắc đầu.

- Giờ thì tôi hiểu ra rồi, anh nói. Đúng rồi, chắc chắn là những người kia rồi. Thật là lung tung quá!

- Chuyện gì thế?

- Viên tướng cụt tay và người bạn đồng hành của ông ta chắc đã qua đây trước ta.

- Và chính họ đã làm việc này?

- Về phần tôi, tôi chắc là thế. Không có cách giải thích nào khác được.

Người ở trại khua chân khua tay, nói với những người công nhân và lái xe:

- Sao lại có thể như thế được? Viên tướng nói.

- Họ không có bản đồ và những chỉ dẫn chính xác. Có thể họ đã nhầm những ngôi mộ này là người của họ!

- Dù sao họ cũng có thể hỏi nhân dân ở đây chứ? Rồi lại còn các hình trái tim đeo ở cổ nữa kia mà, ông linh mục nói:

- Chính cái đó làm tôi ngạc nhiên, anh cán bộ vừa nói vừa căn môi.

- Đây là một sự sàm báng nghiêm trọng, viên tướng nói.

- Đây không phải là lần đầu tiên họ nhầm lẫn, anh cán bộ nói tiếp. Ở Tirana, người ta cho biết là đầu đó ở phía Nam họ đã đào nhầm hai ngôi mộ của bọn *ballistes*, rồi ở một nơi khác, họ lại đi đào bởi một nghĩa địa Hồi giáo đã có từ xưa.

- Thế họ có lấy hài cốt đem đi không?

- Có, tất nhiên.

- Thật là quái lạ, viên tướng nói.

- Không biết những người đó có còn đủ lý trí hay không? Tại sao họ lại hành động như vậy?

- Có lẽ họ có một lý do gì đó, anh cán bộ nói, về nghi ngờ. Tôi có một điều nghi ngờ.

- Gì vậy?

Anh cán bộ ngập ngừng.

- Ông nghi họ gian lận phải không? Ông linh mục hỏi.

Anh cán bộ mỉm cười.

- Xin lỗi ông, tôi không có thể nói gì thêm được

- Có lẽ trong công việc của họ, họ làm ăn lung tung quá đến nỗi không tìm thấy gì nữa, họ cứ đào bừa bất cứ ngôi mộ nào họ thấy trên đường đi của họ.

- Chính họ cũng đã thú nhận với chúng ta như vậy, họ tìm mò tìm mẫm chẳng biết rờ vào đâu cả.

- Nếu họ dám làm như thế, ta không thể nào còn coi họ như những đại diện của một chính phủ đi công cán được nữa, mà chỉ là những kẻ lưu manh mà thôi, viên tướng giận dữ nói.

- Nghiêm trọng nhất là những hài cốt họ đào được, họ chuyển đi ngay lập tức, anh cán bộ nói.

- Ông muốn nói là chúng tôi không thể lấy lại được mười một bộ hài cốt này của họ sao?

- Khó khăn đấy, nếu các hài cốt đó đã được chuyển đi rồi.

- Nghĩa là, những hài cốt của binh lính chúng tôi đáng lẽ được trao trả cho gia đình họ thì lại bị người ta đem chia cho các gia đình người nước khác, viên tướng kêu lên. Thật điên người lên được!

- Chắc họ đã có hứa hẹn gì trước, ông linh mục nói, nên họ mới phải chuyển các hài cốt đào được về nước một cách vội vã đến như thế.

- Và khi không tìm thấy người của họ thì họ đào được bất cứ cái gì họ cũng cứ quơ ráo. Thật là đê tiện!

Viên tướng giận sôi lên.

- Ta đi thôi, đột nhiên ông nói. Ta chẳng còn việc gì ở đây nữa.

Mọi người lên xe, chạy về phía bờ biển theo đúng hướng mũi nhọn của cái nghĩa địa bé nhỏ hình chữ V.

## CHƯƠNG XVI

BỜ biển buồn tẻ và vắng tanh. Những lô cốt bằng bê tông cốt sắt nổi lên trên bãi cát ẩm ướt và xa xa về phía sau, gần sát chân những vách đá, người ta còn thấy những lô cốt khác, đồ sộ hơn.

Công nhân Sở thị chính đang nhổ cọc các lều vải và chiếc lều đầu tiên được dỡ đi, để lại những vết kỳ quặc trên bãi cát đã răn lại vì thấm nước, tưởng đâu như một con vật có móng vuốt khổng lồ đã giẫm lên mặt đất ở đây.

Gập xong chiếc lều đầu tiên, họ ném lên xe tải bên trên những chiếc hòm lớn rồi tiếp tục nhổ nốt cọc của chiếc lều kia.

Một làn gió lạnh từ biển thổi vào.

Viên tướng đưa mắt nhìn về hướng Bắc; phía đó, đằng sau những lô cốt xuất hiện dãy biệt thự đầu tiên của bãi biển, những ga nhỏ của đường xe lửa mùa hè, các nhà nghỉ mát và các khách sạn lớn, phần nhiều đều đóng cửa trong mùa này.

Ông linh mục và viên tướng đến đây để thu nhật hài cốt của binh lính đất nước họ đã tử trận vào ngày đầu tiên của chiến tranh. Ròng rã một tuần, hai người tất tả men theo dọc bờ biển, dừng lại ở những địa điểm đổ bộ, vì mỗi nơi này đều có nghĩa địa riêng.

Viên tướng nhớ rất rõ cái ngày đầu tiên ấy của cuộc chiến tranh, vào mùa xuân năm 1943. Hồi đó ông ở châu Phi. Buổi tối hôm ấy, đài phát thanh báo tin: các đạo quân phát xít đã đổ bộ lên Albania và đã được dân Albania đón tiếp một cách rất hòa bình, thậm chí còn tặng cả hoa cho các sư đoàn oanh liệt đã đem lại cho họ văn minh và hạnh phúc.

Rồi những tờ báo đầu tiên tới, tiếp theo là những tạp chí đăng đầy tranh ảnh và phóng sự về cuộc đổ bộ. Họ đã tả lại mùa xuân lộng lẫy của năm đó, mặt biển và bầu trời chói lọi của Albania, các bãi biển, chân trời trong vắt, tình yêu của các cô gái Albania, y phục và các điệu nhảy dân gian đẹp mắt, duyên dáng của đất nước đó. Không có ngày nào báo chí không nói



đến nước này, và đêm đêm binh lính mơ được điều sang Albania, tới bờ biển xinh đẹp này, xiết bao thanh bình, dưới những cây ô liu muôn thuở.

Viên tướng nhớ lại chính bản thân ông vào thời ấy cũng ao ước được chuyển sang Albania, nhưng rồi ông bị ốm, và khi từ châu Phi về, ông đã phải ở lại trong nước.

- Tuy nhiên ngay cả với ta, ông thâm nghĩ, số phận dù sao cũng đã dành cho ta một phần chiến tranh, nhưng mà là về sau. Chính giờ đây ta phải lĩnh cái phần ấy trên mảnh đất thật khó khăn này, vào một thời gian mà toàn thế giới đang sống trong hòa bình.

Anh em công nhân đã gập xong chiếc lều thứ hai và viên tướng bước lên xe. Ông linh mục lên theo:

- Họ đã làm xong rồi ư? Ông hỏi ông linh mục.

- Hình như xong rồi.

- Vậy thì đi thôi!

Xe từ từ chuyển bánh. Động cơ chiếc xe tải rú lên.

Người lái xe con thò đầu ra ngoài cửa để nhìn về phía sau. Động cơ chiếc xe tải khi nổ to, khi nổ nhỏ rồi đột nhiên im bật.

Người lái xe hãm phanh nói:

- Nó có vẻ không muốn chạy.

Anh đưa mắt nhìn về phía sau, rồi mở cửa xe bước xuống.

- Xe bị «pan» rồi, tôi lại xem có thể giúp gì họ được không.

Viên tướng cũng thò đầu ra ngoài cửa xe và nhìn thấy những người công nhân đang đun chiếc xe tải và người lái chiếc xe con của ông đang chạy tới. Chiếc xe vất vả lắm mới chuyển được bánh, những người công nhân vẫn đẩy, thỉnh thoảng lại thấy họ hô: «Cố lên». Được một lát, chiếc xe tải vượt qua xe ông. Anh em công nhân tiếp tục đẩy, vừa đẩy vừa hò hét động viên nhau. Chân họ trượt trên đất và trong giây phút viên tướng thấy sự cố gắng của họ hiện rõ trên nét mặt đầm mồ hôi và trên bắp thịt cánh tay và vai của họ căng thẳng, ghé sát vào thân xe. Những chiếc hòm to và đóng xẻng cuốc vẫn loảng xoảng ở đằng sau như mọi lần.

- Đây là lần đầu tiên chiếc xe tải này bị hỏng máy, viên tướng nói.

- Đúng thế, có lẽ vì trời lạnh, ông linh mục đáp. Như thế là xe nằm im đã hai ngày đêm nay rồi. Mà gió thì không lúc nào ngừng.

- Thật chẳng có gì xấu bằng một chiếc xe hơi hỏng máy.

Ông linh mục lặng thinh.

Đột nhiên, máy nổ và xe tiếp tục chạy. Người lái xe của họ mồ hôi đầm đìa, chạy trở về.

- Quý bắt nó đi! Anh ta vừa leo lên xe vừa nói, - thật vất vả mới làm cho nó nổ máy được.

Lát sau, họ lại vượt qua chiếc xe tải và viên tướng trông thấy những người công nhân, mồm ngậm thuốc lá, ngồi lác lác trên những chiếc hòm lớn.

Họ chạy qua các biệt thự ở bờ biển, giờ đây trông có vẻ lạnh lẽo và tiêu điều, cửa sổ đóng kín, rồi chạy theo dọc các tòa nhà hiện đại của các khách sạn và các hiệu ăn mùa hè đã đóng cửa từ lâu. Sân ngồi chơi của các nhà nghỉ mát nhô ra biển, bàn ghế xếp lại thành từng chồng cao trong một góc, di tích chông chơ của mùa hè.

- Ở đây vào mùa nghỉ mát chắc phải vui lắm, viên tướng nói.

- Tôi cũng có cảm giác như vậy. Tuy nhiên tôi cho rằng tắm ở đây và dạo chơi bên những lô cốt kia cũng chẳng vui gì, nhất là đối với phụ nữ.

Viên tướng chăm chú nhìn.

- Tôi cho rằng mặc dầu các phương tiện phòng thủ đã được hiện đại hóa, một phần các lô cốt này ngày nay vẫn còn giữ được tầm quan trọng quân sự của nó.

- Người Albania hay thích nhắc lại rằng đất nước họ là một thành lũy trên bờ biển Adriatic, ông linh mục nói.

Viên tướng quay về phía bờ biển:

- Ông có nói với tôi là biển cả đã đem lại tai họa cho người Albania và chính vì thế mà họ không ưa gì biển cả.

- Đúng thế, ông linh mục đáp. Người Albania giống như những con vật sợ nước. Họ thích bám vào đá và núi. Ở đó họ mới cảm thấy an toàn.

Con đường tách xa dần bờ biển và bây giờ những ga bé nhỏ của đường xe lửa mùa hè và các ngôi nhà nghỉ mát thừa thớt màu trắng, đã khuất

khỏi tầm mắt họ.

- Trong số binh lính tử trận ngày đầu tiên của chiến tranh, chỉ còn phải tìm có một tên cuối cùng ở bờ biển này thôi.

- Kỳ lạ thật. Tại sao tên đó lại có một mình, cách xa những tên khác?

- Ai biết được sự việc gì đã xảy ra, viên tướng vừa nói vừa rút ở sà cột ra một tấm bản đồ. Đây là nơi đáng lẽ phải tìm thấy nó và ông chấm một chấm bút chì đỏ lên bản đồ.

- Có lẽ một giờ nữa chúng ta sẽ tới đây.

- Có thể sớm hơn. Sau đó là xong việc.

- Ngoài việc đào vài huyệt riêng lẻ, chúng ta chỉ còn phải đi một chuyến nữa ở vùng này thôi, ông linh mục nói.

- Phải, ở một vùng trung du. Lại một chuyến đi khó khăn nữa.

- Không sao, ông linh mục đáp. Vấn đề quan trọng là làm thế nào cho công việc này kết thúc càng sớm càng tốt.

- Ông mong sớm được về nhà phải không?

- Tất nhiên, thế ông không mong sao?

- Tôi thì tôi chỉ mơ ước có thể, viên tướng đáp. Tôi nóng lòng sốt ruột lắm rồi. Nhưng nói đến chuyện đó còn sớm quá. Chúng ta chưa hoàn thành được một phần tư công việc.

- Đúng thế.

Viên tướng thở dài não ruột.

- Còn sớm, ông nhắc lại, còn sớm quá.

Ông linh mục gật đầu.

«Mi ớn lắm rồi. Người ta đang đợi mi», viên tướng thăm nghĩ.

- Đã lâu ta không thấy họ nữa, ông lớn tiếng nói tiếp.

- Ai kia chứ?

- Viên tướng kia và viên thị trưởng.

- Có trời biết được họ đang tìm kiếm ở đâu bây giờ.

- Chắc là ở một sân vận động nào đấy, nếu không phải là trên một đại lộ. Tôi có cảm tưởng là công việc của họ không chạy lắm.

- Theo cái lối họ làm việc, tôi cho họ hai năm nữa chưa rời khỏi được đất nước này.

- Đó là việc của họ, viên tướng nói. Điều cần thiết đối với ta là họ đừng cuõm của ta một tên nào nữa.

Suốt dọc đường còn lại, hai người lặng lẽ ngồi im.

Tu viện mà hai người tới tìm kiếm mộ tên lính chết lẻ loi, ở trên một ngọn đồi nhỏ nhìn xuống chỗ con đường rẽ ra làm hai ngã, một ngã chạy về hướng Bắc và ngã kia bên trái, chạy theo dọc bờ biển.

Cả đoàn xuống xe và leo lên đồi. Viên tướng dẫn đầu, ông linh mục và anh cán bộ theo sau rồi đến những người công nhân Sở thị chính, dụng cụ trên vai, đi đoạn hậu. Hai người lái xe ở lại bên đường, mỗi người ngồi trên một tảng đá và châm thuốc lá hút.

Phía trước tòa nhà của tu viện lù lù mấy ngôi mộ đồ sộ chôn cất từ xưa, trên có những cây thánh giá lớn ghi chữ La tinh. Chiếc cổng cũ kỹ đóng kín; trên một phiến đá to gắn trên cửa ra vào có khắc mấy chữ: «*Societas Jesus*».

Anh cán bộ người Albania gõ cửa mãi mới thấy tiếng chân người đi ở bên trong. Một tu sĩ, tóc bạc trắng, mặc áo đen, đội mũ trùm đầu hình tam giác hiện ra trên ngưỡng cửa.

- Kính chào cha, anh cán bộ nói.

- Chào ông, vị tu sĩ trả lời.

- Ở đây có một người lính nước ngoài chết năm 1939. Chúng tôi đến xin bốc ngôi mộ đó.

Vị tu sĩ già nhìn chòng chọc hết người này đến người nọ, từ viên tướng, ông linh mục đến các công nhân với cuốc xẻng vác trên vai.

- Chúng tôi có giấy phép của chính phủ và của tòa tổng giám mục, anh cán bộ vừa nói vừa rút các giấy tờ trong ví ra. Đôi mắt xám với mi mắt hum húp của vị tu sĩ nhìn xuống, đọc các giấy tờ, môi mấp má như đang nhai một vật gì.

- Tốt lắm, vị tu sĩ nói, các ông hãy theo tôi. Tôi xin đưa các ông đi ngay tức khắc.

Mọi người theo chân vị tu sĩ, đi theo dọc bên trong bức tường bao quanh tu viện tới phía sau nơi có nhà thờ.

- Đấy, chính ngôi mộ kia, vị tu sĩ nói.

Ngôi mộ rất đơn sơ. Ở đầu ngôi mộ là một cây thập tự bằng đá và một chiếc mũ sắt. Lớp sơn trên mũ đã long lở từ lâu, mũ đã vùi sâu xuống đất và chắc hẳn vào mùa xuân, khi cỏ non mọc lên, chiếc mũ sẽ bị cỏ xanh che lấp.

Một người công nhân lấy xẻng cạy chiếc mũ lên. Hai người khác nhổ cây thập tự trong khi đó hai người nữa chuẩn bị để đào.

- Tại sao ngôi mộ này lại lẻ loi trơ trọi ở đây, xa hẳn các ngôi khác? Viên tướng nói.

- Là vì người lính này đã bị một người tên là Nik Martini giết chết trong những trường hợp lạ lùng, vị tu sĩ già nói, giọng trầm trầm.

Khi nghe thấy ông già nói đến tên Nik Martini, viên tướng đưa mắt nhìn ông linh mục, dò hỏi.

- Một người dân vùng núi không ai rõ, ông linh mục giải thích.

- Chính mắt tôi trông thấy người lính khi anh ta bị bắn trúng. Nik đứng từ trên ngọn đồi kia bắn xuống.

Mọi người quay lại và đưa mắt nhìn lên một mỏm cao sừng sững như một ngọn tháp, bên kia đường cái.

- Có trận đánh nhau nào trong vùng này không? Viên tướng hỏi.

- Không, vị tu sĩ đáp. Vùng này từ đây ra biển không có người ở và không ai ngờ quân địch lại đổ bộ quá gần chúng tôi như vậy.

- Từ đây ra bờ biển bao xa?

- Mười cây số, ông già nói. Chắc hẳn cuộc đổ bộ đã được tiến hành trong sự im lặng tuyệt đối. Không ai có thể ngờ quân địch lại đặt chân lên cái nơi heo hút này. Chỉ có Nik Martini biết tin đó và có trời biết được là qua nguồn nào.

- Nhưng người đó là ai?

- Một người dân miền núi, một người dân miền núi bình thường, vị tu sĩ trả lời, giọng nói đều đều như thể nhắc lại những lời lẽ đã học thuộc

lòng. Hôm đó tôi thấy anh ta trên đường cái từ xa đi tới. Anh ta bước đi, súng khoác trên vai, và vì chúng tôi quen biết nhau tôi đi lại gặp anh: «Anh đi đâu đấy, anh Nik?» Tôi gọi - «Con đi chiến đấu đây», anh đáp. - «Một mình ư?» - «Vâng, một mình». Tôi muốn ngăn anh ta lại và xuống đến đường, tôi đứng chặn trước mặt anh và vừa nói vừa làm dấu. «Bình an cho các con của Chúa!» Anh trừng mắt nhìn tôi, cái nhìn hung dữ và tay như muốn nắm lấy khẩu súng: «Cha hãy tránh ra!» - anh gầm lên. Rồi anh đưa mắt nhìn lên gác chuông, và không một lời, tiến về phía tu viện. Tôi theo chân anh. Cả hai chúng tôi leo lên trên đỉnh gác chuông, từ đó nhìn thấy bờ biển, quân địch đông như kiến. «Chúng đổ bộ rồi, tôi nói với anh, về nhà đi, Nik!» «Không, con không về!» anh đáp và thở hỗn hển như con thú dữ. Anh trở xuống. Tôi thấy anh đi nhanh ra đường cái và leo lên mỏm cao này.

- Thế rồi anh ta chiến đấu một mình ư? Viên tướng hỏi.

- Phải, đơn độc một mình. Anh đã bắn trong hơn một tiếng đồng hồ. Thịnh thoảng anh mới nổ súng, tiếng đạn rít trong không khí cách nhau từng quãng dài. Quãng đường này đen ngòm quân địch, còn anh, anh cứ bắn, bắn mãi. Chúng chẳng có cách nào đánh bật được anh ra khỏi đấy cho đến khi một viên đạn súng cối bắn trúng anh.

- Thế anh ấy chết chứ?

- Không. Trước chúng tôi cũng tưởng như vậy, khi tiếng súng của anh im bặt. Nhưng về sau, có tin anh lại xuất hiện cách xa đây mười cây số trên một mỏm cao khác và anh còn chiến đấu trong một giờ nữa.

- Tôi có thể tin được lắm, viên tướng nói. Một vị trí như thế kia hầu như bất khả xâm phạm. Có thể cầm cự suốt ngày ròng rã được nếu không bị pháo đánh bật đi.

- Quân địch đã cố leo lên, vị tu sĩ nói, và chính trong những đợt xung phong ấy mà người lính này bị bắn chết. Từ các cửa sổ tu viện, chúng tôi theo dõi những cố gắng vô ích của họ để leo lên đồi. Rồi sau khi khiêng đến đây người bạn đồng đội của họ bị bắn chết quẫn trong chiếc áo khoác da, họ chôn người lính rồi quyết định nã súng cối vào vị trí ấy.

- Thế người dân miền núi đó thoát à? Viên tướng hỏi.

- Nik Martini ấy ư? Vị tu sĩ ngược đôi mắt màu xám, mờ đục, nhìn lên các ngọn đồi. Không, Nik đã hy sinh. Ngày hôm ấy, anh đã chiến đấu tại bốn nơi, cho tới khi kiệt sức. Người ta kể lại rằng khi hết đạn và nhìn thấy đoàn xe tải chở đầy lính chạy về phía Tirana, anh gầm lên như những người dân miền núi chúng tôi thường làm khi có người thân thích chết. Bị vây hãm tứ phía, anh đã bị quân địch dùng dao găm đâm nát người.

Trong giây lát mọi người im lặng.

- Nik Martini không có mộ, vị tu sĩ già nói, có lẽ ông tưởng đám khách này cũng tìm kiếm cả nấm mồ của người dân miền núi đó. Không còn một dấu vết nào, một cây thánh giá cũng không, chỉ có một bài ca để tưởng nhớ anh thôi.

Nửa giờ sau, trong khi đoàn xe chạy về Tirana, viên tướng nói:

- Kỳ lạ thật, một người đơn độc mà dám nghĩ đến chuyện chống lại cả một đạo quân.

- Họ coi chiến đấu đơn độc là một vinh dự, ông linh mục đáp. Đó là một truyền thống lâu đời của họ.

Viên tướng châm thuốc hút, thở dài.

«Lại một ngày chiến tranh trôi qua!»

Ông linh mục thì chẳng nói chẳng rằng. Ông nhìn cánh đồng trải ra hai bên đường. Gió mùa đông thổi thông thoáng trên cánh đồng. Cách xa vài cây số, biển Adriatic lại hiện ra trước mắt họ, lần này ở bên tay phải, oai nghiêm trong cảnh mênh mông bao la.

Những ngọn đồi nhỏ tròn xoe sừng sững bên bờ biển; sườn đồi rải rác mộ những người Albania tử trận vào ngày đầu tiên của chiến tranh.

Qua những mẩu chuyện thu lượm được từ nhiều nguồn khác nhau, viên tướng được biết sự việc đã diễn ra trong những ngày đó trên hai bờ biển bao bọc Albania. Người ta đã kể cho ông rõ tin đã lan truyền đi khắp nơi như thế nào, và từ mọi nẻo trong nước, từng nhóm năm mươi, hai mươi người, súng khoác vai, đã lên đường đi chiến đấu ra sao. Họ từ xa tới, chẳng có ai tổ chức họ, họ vượt núi vượt đèo, trong dáng đi của họ có cái gì cổ xưa, rất cổ xưa, có lẽ được truyền lại cho họ như một bản năng từ thế hệ này

qua thế hệ khác, từ thời có những truyền thuyết về Gjergj Elez Alike, khi cái ác như một con quái vật, bao giờ cũng từ biển ngoi lên và cần phải diệt nó ngay từ trên bờ, ngăn không cho nó tiến sâu vào trong đất liền. Đó là tính cảnh giác đã có từ lâu đời đang trỗi dậy trong lòng họ, một sự lo ngại cổ xưa đối với những làn nước xanh biếc, và nói một cách bao quát hơn, đối với mọi đất nước bằng phẳng, nơi cái ác bao giờ cũng xuất hiện, và khi những con người đó từ trên núi đổ xuống nhập vào số tàn quân của binh lực hoàng gia vẫn còn đang cầm cự, họ hít cái không khí của biển cả, phát hiện thấy nó mênh mông bao la trước mặt họ, họ cảm thấy nguy hiểm, và tưởng như nghe thấy trong tiếng sóng gầm thét âm điệu của một bản nhạc chiến đấu.

Hàng chục du kích đã xuống núi như vậy trong ngày hôm đó; trong hàng ngũ họ có những người đội mũ da, đeo kính, xen lẫn với những người miền núi cao lớn, vẫn còn đang sống theo chế độ tộc trưởng, và có lẽ nhiều người cũng không cần biết nước nào đến xâm lược họ, kẻ thù họ sắp chống lại là ai, vì điều đó đối với họ chẳng có gì là quan trọng. Điều chủ yếu là cái ác từ biển tới là phải đánh lui nó xuống biển. Nhiều người suốt đời chưa hề trông thấy biển bao giờ và khi biển Adriatic xuất hiện trước mặt họ, chắc họ đã thốt lên: «Đẹp quá». Có thể họ không tin là cái ác lại có thể từ đó tới. Sau đấy, họ thản nhiên nhìn những chiến hạm đậu san sát ngoài khơi với những nòng pháo khổng lồ chĩa vào bờ, những phi cơ bay thấp là là, những xuồng đổ bộ, và không chần chừ, họ xông vào giao chiến theo như tục lệ đã quy định và ngã xuống, kẻ trước người sau.

Rồi vào buổi chiều tà, từ những miền hẻo lánh, heo hút trong núi, những người đi chậm tới nơi. Rã rời, mệt mỏi sau những chặng đường dài, họ cứ thế mà lao vào trận đánh lúc mặt trời mọc, khi bọn xâm lược đang dùng những máy bơm lớn để rửa sạch máu rục đỏ dưới những tia nắng cuối cùng trên đường phố Durrës.

Những người dân miền núi cứ tiếp tục ùn ùn kéo tới cho đến chập tối. Có những người đến đơn độc một mình và bóng dáng họ, với khẩu súng vươn cao, in hình trên các đỉnh đồi. Khi các ngọn đèn phát hiện thấy họ ở nơi phục kích, họ đã bị súng liên thanh quét ngã gục, và họ cứ nằm úp sấp tại chỗ cho tới sáng, mái tóc ướt đẫm sương đêm.



Ngày hôm sau, người ta chôn cất họ ngay tại nơi họ tử trận và mùa xuân năm ấy, những nấm mộ mọc lên khắp nơi, nom tựa đàn cừu rải rác trên các ngọn đồi nhìn ra biển cả. Chẳng bao giờ người ta biết được họ là ai, từ đâu tới, để có thể ghi lại tên tuổi họ trên mộ. Chỉ có những người dân miền núi là nhận được ra họ qua bộ y phục. Trong số những người ấy, có những người từ rất xa xôi tới, như những người «bayraks» ở miền núi Alps xa xôi phía Bắc; ở vùng đó, khi có tang, toàn thể gia đình đều bận đồ đen, thậm chí còn phủ cả da đen lên tấm bia đá lạnh lẽo và buồn thảm của người đã hy sinh, để rồi sau đấy tặng kẻ xấu số một bài ca. Và những bài ca ấy, lần đó, chắc chắn phải gọi đến biển cả. Biển cả xa vời và nham hiểm.

## PHẦN HAI

MÙA xuân trở lại rồi qua đi. Cỏ mọc trên đất khách quê người, phủ kín các đồi, xanh rì bên sườn các thung lũng và cỏ lan tới các rẻo đất chật hẹp hai bên rìa đường.

Suốt mùa xuân, viên tướng, ông linh mục và nhóm thợ đấu của Sở thị chính vượt núi qua đèo đi hết vùng này đến vùng khác. Mùa hè đã tới, nhưng công cuộc tìm kiếm của họ không được kết quả cho lắm nên họ chỉ nghỉ có mười lăm ngày thôi. Vào những tháng nóng bức nhất, họ đi tìm kiếm trên dãy núi Alps phía Bắc, rồi khi thời tiết dịu đi một chút, họ xuống vùng đồng bằng, và lại tiếp tục tìm kiếm tại một số miền họ đã tới thăm dò trước kia.

Đến tháng mười lại thấy họ xuất hiện trên các nẻo đường Albania. Thời tiết bỗng xấu đi, chân trời và phía cuối các con đường lại vang lên tiếng sấm nổ.

Cuộc hành hương buồn tẻ này kéo dài ngoài dự kiến của họ. Trong một cuộc họp báo viên tướng đã tổ chức trong nước ông vào mùa hè, trước chuyến đi lần thứ hai sang Albania, các nhà báo đã đặt ra vô số câu hỏi hóc hiểm về việc ông cần bao nhiêu thời gian nữa để hoàn thành nhiệm vụ. Ông đã trả lời họ một cách cộc lốc, khi thì lộ rõ vẻ cáu kỉnh, khi thì lại khinh khỉnh, như để nói với họ «các chú mày hãy tới đó mà thử bắt tay vào công việc ta làm xem». Viên tướng ngày càng cảm thấy cuộc đời mình rút lại chỉ còn là một cuộc hành trình ngang dọc liên tiếp không ngừng trên các nẻo đường lầy lội và xa lạ. Trên đường đi, từng mẫu, từng mẫu của những cuộc hội đàm kéo dài và những lời căn dặn chán ngắt cứ trở lại trí nhớ ông mỗi ngày một nhiều. Tất cả những hồi tưởng ấy xâm chiếm đầu óc ông, hình thành một cái gì xiêu vẹo và buồn tẻ, rất buồn tẻ đối với ông không khác gì

một lối chữ viết ngả, chữ như bị xô đẩy về một phía, sắp sửa ngã sắp mặt xuống đất.

## CHƯƠNG XVII

«THƯỜNG thường cả ngày chúng tôi chỉ biết đứng dựa vào lan can cầu hút thuốc hoặc ngồi trong cái quán nhỏ dựng bằng ván, chạy ngang bên trên cửa có những chữ «Cà phê - Nước cam» do người chủ quán viết. Chúng tôi có sáu người canh gác trên cầu. Một con đường chiến lược do người Áo xây dựng từ đại chiến thế giới lần thứ nhất chạy qua cầu này và đã bỏ không dùng đến từ lâu. Chúng tôi đến nơi này chỉ vài ngày sau khi con đường và chiếc cầu được sửa chữa lại. Binh lính sửa chữa cầu đã đồng thời xây dựng cả một lô cốt và một trại lính nhỏ. Khi chúng tôi đến thì mọi việc đã hoàn thành. Chúng tôi đặt một khẩu trung liên trong lô cốt và giữ lại một khẩu trung liên trong trại để đề phòng mọi bất trắc.

Vùng này, xung quanh quanh hiu và vắng ngắt, toàn đất cát hoang vu, lổn nhổn đá cuội, thưa thớt đó đây vài ngọn cây. Làng này thật nhỏ bé, chỉ độ mười nóc nhà là cùng, những căn nhà lạ kỳ, xây bằng đá, trên tường đục những lỗ châu mai nhỏ hẹp thay thế cho cửa sổ, trông giống như lỗ châu mai ở lô cốt chúng tôi.

Thời gian đầu, chúng tôi buồn chết đi được. Xe quân sự rất ít khi qua đây và dân làng đối với chúng tôi tỏ vẻ cừu địch ra mặt. Suốt ngày rờn rã, chúng tôi chỉ có việc đi đi lại lại dọc lan can cầu và nghịch ném cuội xuống dòng suối. Tối đến chúng tôi cắt nhau canh gác.

Nhưng một hôm, chúng tôi thấy một người dắt ba con la chở ván, hòm và những cuộn bìa quét hắc ín theo đường núi đi tới. Đó là một gã thương nhân ở tỉnh bên. Trong hai ngày, hắn hoàn thành một căn nhà ván ngay bên cầu và kẻ những chữ «Cà phê - Nước cam» bằng sơn đen, trên cửa ra vào.

Từ ngày đó, chúng tôi luôn luôn lui tới quán hắn. Tuy hắn chỉ viết bên trên cửa những chữ «Cà phê» và «Nước cam» nhưng thực ra hắn bán cả raki và rượu hạng tồi. Thỉnh thoảng binh lính đi trên xe tải

qua đây lại dừng lại trước quán uống cốc rượu; có thể nói là quán rượu đó đã làm cho cái nỗi buồn tẻ này nhộn nhịp lên đôi chút. Đôi khi dân làng cũng tới đây uống rượu. Nhưng cái đã hấp dẫn họ không phải là rượu raki của gã chủ quán, lại càng không phải cái thứ rượu bã của hẳn. Họ quan tâm đến cái khác, họ đến đây đổi trứng lấy đạn. Tuy việc đó bị cấm rất ngặt nhưng chúng tôi cũng cứ đổi. Đêm đến, khi đứng gác, chúng tôi bắn lên trời một loạt rồi ngày hôm sau khai đã bắn gấp đôi số đạn bắn thực sự. Với những viên đạn dành ra được, chúng tôi đổi lấy trứng.

Những những loạt súng đêm khuya ấy thực là điếm gở. Cứ như là chính chúng tôi đã rước lấy tai họa. Cách đây ít lâu, quả thật du kích đã đến quấy nhiễu chúng tôi. Nếu không có cái lô cốt thì có lẽ chúng tôi đã bị tiêu diệt rồi.

Người đầu tiên trong số chúng tôi bị giết chết trên cầu là trong khi anh ta đang gác đêm. Hình như du kích định phá cầu, nhưng người lính gác đã báo động ngăn họ không thực hiện được việc đó. Sáng hôm sau, người ta thấy người lính gác chết trước lan can cầu, tư thế nằm kỳ lạ, mồm há hốc. Anh có xem phim «Cái chết của người đi xe đạp» không? Còn tôi, khi xem phim suýt nữa tôi đã kêu lên trong rạp. Cái xác đó, trên màn ảnh, giống hình ảnh đã khắc sâu trong tâm trí tôi quá thế.

Được mười lăm ngày thì đến lượt người thứ hai. Trường hợp anh này cũng y hệt anh trước. Chúng tôi nghĩ là chính dân làng đã bắn vào chúng tôi nhưng chẳng có chứng cứ gì cả. Giờ thì chúng tôi không đổi đạn nữa. Nhưng làm thế nào được, chậm quá mất rồi!

Đến người thứ ba của chúng tôi bị giết thì chúng tôi quyết định không gác trên cầu nữa. Cùng với số viện binh đến bổ sung, chúng tôi còn nhận được một đèn chiếu, chiếc đèn đã được đặt trong lô cốt, và chiếc cầu này đã được chiếu sáng từ lúc một. Với hàng trăm tấm sắt đen sì, bắt chéo nhau, chiếc cầu không khác gì một con rết khổng lồ trông thật ghê rợn và đáng sợ. Đôi khi giữa đêm hôm, nhìn chiếc cầu in

*hình lên ánh sáng chói lòa và trắng nhạt, tôi như cảm thấy nó sẽ nuốt chửng cả bọn chúng tôi lần lượt từng người một.*

*Quân du kích không ngừng tiến công chúng tôi.*

*Người thứ tư trong số chúng tôi bị giết chết đúng vào đêm tôi bị thương. Tôi không còn nhớ gì khác nữa vì tôi bị đạn ngay từ phút đầu của đợt tấn công. Khi đã hồi tỉnh, tôi nhận thấy là tôi đã được đặt lên lưng một con la đang lững thững đi trên cầu. Ván cầu kêu rảng rặc dưới móng sắt của con vật. Lúc đó là buổi sáng, một buổi sáng u ám của mùa đông. Con mắt lơ đãng của tôi nhìn xuống vô số bù long chạy thành hàng dãy dài ngay sát mắt và tôi cảm thấy tim tôi bị siết chặt trong một cái gì nặng nề và lạnh lẽo, ghi dấu vết vào lòng tôi suốt đời không thể nào quên được.*

*Khi con la đã qua cầu và lững thững bước vào đường cái, tôi cố gượng ngoái cổ trở lại, nhìn lần cuối cùng cái lô cốt, những căn nhà ảm đạm của dân làng rải rác trên cao nguyên, những nấm mồ của các bạn đồng đội của tôi nằm dưới chân cầu, (nấm mồ cuối cùng vẫn chưa được đào) và cái quán gỗ ngay gần đó với dòng chữ nhớp nhúa «Cà phê - Nước cam».*

Viên tướng ngồi trên một khối bê tông hút thuốc. Ngay dưới chân cầu, công nhân đào ở những quãng trống giữa những khối bê tông đã vỡ, rải rác tứ phía, giữa những mảnh sắt gỉ cong queo. Chiếc cầu mới đã được dựng lên cách đây vài trăm mét về phía dưới, nơi con đường mới rẽ vào, cách một xưởng ép dầu không bao xa. Con đường cũ trên núi bây giờ đầy cây con và những bụi rậm mọc rải rác đây đó.

«Sức nổ chắc phải kinh khủng», viên tướng trầm nghĩ. Chiếc cầu bị gãy làm đôi và những khối bê tông lớn vỡ tan từng mảnh, văng tới tận lô cốt, thậm chí còn văng xa hơn nữa, ra tận con đường đã bị bỏ không dùng đến. Gần cầu, cái quán bằng gỗ xưa kia vẫn còn đứng đấy và bên trên cánh cửa vẫn còn thấy dòng chữ «Cà phê - Nước cam».

Khi họ đến đó cách đây một tuần, cái quán gỗ đã bị hư hỏng gần nửa, cũng như cái cầu, cái lô cốt và một phần đường. Miếng bìa cứng quét hắc ín dùng làm mái rách từng mảnh, nhiều tấm ván đã bị lấy đi mất và phần lớn

chỗ vẫn còn lại đã mục. Nhưng hai ngày sau, một người bán hàng lưu động của công ty NTLUS<sup>11</sup> đã đem đến thuốc lá, rượu cognac và một cái bếp dầu để pha cà phê. Thật là một sự may mắn không ngờ cho mọi người, vì ngoài số năm công nhân cũ, họ đã tạm thời mượn thêm bảy người nữa và tất cả số người đó, không kể người lái xe, anh cán bộ, ông linh mục và viên tướng, còn phải ở lại đây ròng rã hai tuần vất vả nữa. Sau khi đóng mấy tấm ván vào hai, ba chỗ và lấy những hòn đá lớn chặn những mảnh bìa quét hắc ín để mái khỏi bị gió thổi lật, người bán hàng dọn vào ở trong cái quán cũ kỹ đó.

Quán hàng đã đem lại đôi chút nhộn nhịp cho nơi này. Buổi sáng, trước khi bắt tay vào việc, công nhân tới uống cà phê hoặc một ly cognac. Ban ngày dân làng tha thân hàng giờ xung quanh đó xem công nhân đào.

Và đúng lúc này, viên tướng để ý đến hai người có vẻ đang giảng giải điều gì đó cho người công nhân già, tay chỉ trỏ một chỗ đâu đó gần chân cầu.

«Ai biết được tên nào đã bắn những người lính gác?», viên tướng trầm nghĩ, mỗi lần dân làng đến trà trộn vào đám công nhân hoặc mua thuốc lá ở quán. Họ đến đây đã một tuần nay rồi mà ông đã quen mặt vài người.

Công việc tìm kiếm tiếp tục bên này cầu, ngang với mặt đường và cả ở móng cầu. Chỉ có những người lính gác là chôn ở phía dưới cầu còn phần lớn các ngôi mộ đều ở dưới lề đường. Những ngôi mộ này được sắp thành hàng, ngôi nọ nối ngôi kia, trên một khu đất la liệt sắt vụn, những mảnh xe đã bị đốt cháy. Nơi đây có vẻ rất thuận lợi cho những trận phục kích các đoàn quân cơ giới. Và tất cả những sự việc đó đã diễn ra trước khi du kích đánh đổ cầu.

Ông linh mục và anh cán bộ lại leo lên vệ đường. Anh cán bộ vào trong quán, còn ông linh mục thì lại chỗ viên tướng:

- Thế nào? Viên tướng hỏi.
- Mọi việc đều tốt.
- Có khớp với những lời chỉ dẫn không?
- Đúng lắm.
- Ngày kia ta phải bắt đầu tìm kiếm ở bên kia cầu.

Những hẻm núi xung quanh chìm ngập trong sương mù.

- Thời tiết tệ quá, viên tướng nói.

Ông linh mục gật đầu đáp:

- Người Albania có câu phương ngôn: «Ở nhà bạn thì quên cả thời tiết xấu».

- Vậy thì ta chẳng có hy vọng gì, viên tướng đáp, chẳng ma nào mở cửa đón ta ở đất nước này.

Ông linh mục húng hắng ho.

- Tôi đau họng hai ngày nay rồi.

- Không lấy gì làm lạ với thời tiết ẩm ướt này.

- Có lẽ tôi phải uống một viên thuốc mới được.

- Nếu mà rét năm nay cũng như năm ngoái thì lại rắc rối cho mà xem.

- Thời tiết cũng sẽ lại như thế thôi, ông linh mục đáp.

- Ta ở đây cũng chỉ mới hơn một năm mà tưởng như đã sống cả đời.

- Phần lớn công việc của ta nay đã hoàn thành.

- Đúng, nhưng công việc càng kéo dài thì lại càng gay go.

- Mọi người bắt đầu thấy nản rồi đấy.

- Còn khá nhiều thử thách đang đợi chúng ta.

- Dù sao thì phần lớn công việc cũng đã hoàn thành.

- Nếu xong được cái món lính sơn chiến vào mùa hè này thì chúng ta cũng chẳng có gì đáng phàn nàn lắm.

- Không thể được. Làm sao có thể làm hơn được trong vòng ba tháng?

- Thậm chí về thăm nhà cũng chẳng được, chúng ta chẳng về được đâu cả.

- Đúng thế. Mọc rễ ra ở đất nước này rồi.

- Nhưng thời gian đã kéo dài quá mọi dự kiến. Trước đây ta hy vọng kết thúc vào khoảng cuối mùa xuân; chậm nhất là đầu mùa hè.

- Chẳng phải lỗi chúng ta.



- «Chiến tranh chớp nhoáng» thì có, nhưng «tìm kiếm chớp nhoáng» thì hình như không thể có được.

- Chiến tranh càng nhanh thì thời gian tìm kiếm những người tử trận càng dài.

- Chúng ta bị cột vào chiếc cầu này không rút ra được. Tôi không chịu nổi cái cảnh này nữa.

- Tôi không thể nào giải thích được tại sao quân du kích đã cố công sức phá bằng được chiếc cầu này, ông linh mục nói. Đó là một cái bẫy tuyệt vời, vì khi cầu đã bị phá, các đoàn quân phải tìm đường khác và quân ta không còn là một cái mồi ngon nữa.

- Đúng, nhưng nếu chúng không phá cầu thì có lẽ ngày nay số mộ đã tăng gấp đôi, và ta sẽ buộc phải ở lại đây không phải mười lăm ngày mà là một tháng. May mà chúng đã không từ bỏ ý định đánh cầu. Tôi không chịu nổi cái cảnh này với bọn dân làng cứ lượn quanh nhìn ta bốc mộ.

- Quả là chúng có lượn quanh thật, ông linh mục đáp. Có lẽ công việc này đem lại cho chúng một sự thích thú nào đó.

- Những binh lính canh gác cầu, chúng đều biết cả. Hai bên đã là hàng xóm láng giềng với nhau một thời gian dài, dân làng đã đối xứng lấy đạn và chắc chắn có một tên trong số đó đã bắn vào binh lính của ta. Và bây giờ dĩ nhiên là chúng lấy làm thú vị tới xem công việc đào bới tiến hành ra sao.

- Chúng cứ quanh quẩn nơi chúng ta làm như muốn khoe với công nhân và lái xe là chính chúng đã bắn chết những tên lính gác, ông linh mục nói. Ông có để ý, trong số đó, có một lão già râu dài, đeo một khẩu súng ngắn to sụ ở thắt lưng, dáng điệu nghiêm trang, sáng nào cũng đến đây dạo chơi giữa đám công nhân không?

Viên tướng sa sầm nét mặt.

- Có phải cái lão có hai ba huân chương đính trên ngực và đi đứng vênh vác không?

- Đúng đấy.

- Tôi có để ý tới lão ta. Anh cán bộ cho tôi biết là con trai lão đã bị quân ta giết chết.

- Thế à?

- Lão có vẻ già lắm nhỉ. Hình như khi biết chúng ta đến đây, lão liền đeo ngay huân chương vào, giắt khẩu súng ngắn vào thắt lưng và đến đây lượn quanh. Và bây giờ ngày nào lão cũng diễn đi diễn lại cái trò đó.

- Ngay cả các công nhân người Albania cũng không thoát khỏi cái nhìn khinh miệt của lão. Hôm qua lão cũng chẳng thèm trả lời anh cán bộ khi anh này hỏi lão một tin gì đấy.

- Đó là một lão già cuồng tín. Có lẽ lão coi anh cán bộ và công nhân như là đồng minh của ta.

- Không phải chỉ có lão lượn đi lượn lại chỗ ta làm việc, ông linh mục nói.

- Chúng làm tôi khó chịu lắm, viên tướng nói, nhưng không có tên nào gai mắt tôi hơn cái lão già này với khẩu súng ngắn cỡ từ hơn một thế kỷ nay giắt ở thắt lưng.

Ông linh mục húng hắng ho.

- Điều mà tôi rõ, viên tướng nói, giọng tâm sự, là ta phải đề phòng mọi sự bất trắc. Tôi rất ngại cái loại người mắc bệnh tâm thần này. Ai biết được, chúng có thể lên cơn, vớ lấy súng của chúng và bắn ta giữa ban ngày.

- Rất có thể lắm, ông linh mục đáp. Mọi chuyện có thể xảy ra với một tên gàn dở như tên này. Ta phải thận trọng.

Tiếng sấm lại gầm lên trong những hẻm núi xung quanh.

Viên tướng châm một điếu thuốc lá.

- Tôi thấy ít nhiều có thể hiểu được sự quan tâm của dân làng đối với công việc bốc mộ của ta, viên tướng nói. Một người lính đã canh gác cầu này có kể cho tôi nghe, trước khi tôi lên đường, một giai đoạn của thời kỳ chiến tranh. Khi này ngồi ở đằng kia, tôi đã nhớ đến những lời của hắn, có lẽ đến mười lần.

- Chúng ta đã gọi lại những năm chiến tranh trong đầu óc họ.

- Cái đó tất nhiên thôi. Cái xóm nhỏ bé này, trong thời kỳ chiến tranh, đã thấy vận mệnh của nó gắn liền với chiếc cầu. Ở ngay bên cầu đó là một tai họa. Cầu bị phá, các đơn vị của ta đã từng trị ác liệt và đã gây ra một cuộc tàn sát. Không có chiếc cầu, cuộc sống trong cái làng hẻo lánh biệt lập này có lẽ sẽ tiếp tục trôi đi thanh bình và những cơn lốc của chiến tranh sẽ không đụng chạm gì tới họ. Đúng thế, nhưng ở đó lại có chiếc cầu và nó đã là nguyên nhân gây ra mọi chuyện. Vậy mà giờ đây chúng ta bất chợt tới, đi tìm kiếm hài cốt của binh lính ta. Điều đó tất nhiên gợi cho họ vô số kỷ niệm và họ không thể bàng quan với sự việc đang diễn ra trước mắt họ được. Họ lượn đi lượn lại xung quanh nơi ta làm, đến mua thuốc lá ở quán, và có lẽ chính cái quán này, hơn bất cứ cái gì khác, đã tạo lại cho họ cái không khí của những năm đó, vì sau hơn hai mươi năm bỏ hoang, cái quán lại được mở nhân dịp chúng ta đến.

- Lạ thật, vị linh mục nói. Tôi đã không nghĩ đến điều đó.

Đã đến giờ ăn trưa và cánh thợ đấu nghỉ tay. Anh cán bộ chuyện trò một lúc với người công nhân già trước khi đến gặp viên tướng để nói:

- Có hai ngôi mộ bị vùi dưới những khối bê tông lớn.

- Thế ta làm thế nào?

- Phải cho nổ mìn những khối bê tông đó.

- Được, nhưng ta có thuốc nổ không?

- Không, mai ta phải đi mua ở thị trấn gần đây nhất.

Mọi người đi ăn trưa.

Buổi chiều trời mưa. Công nhân tập họp trong căn nhà lạnh lẽo, khói um, nhìn mưa phùn rơi.

## CHƯƠNG XVIII

BUỔI tối, người công nhân già ốm. Ông cụ thấy bắt đầu khó chịu từ lúc xế trưa nhưng đã không để ý lắm. Đến tối mặt tái nhợt, ông cụ muốn đi nằm. Ai cũng cứ tưởng là ông cụ chỉ cảm lạnh. Người ta đưa ông về nhà một người dân làng và để ông ngồi sưởi trước một đống lửa lớn. Nhưng đêm đến, bệnh tình ông cụ trở nên trầm trọng.

Trời chưa sáng rõ đã có tiếng cào cào vào tấm lều vải của viên tướng và ông linh mục. Viên tướng tỉnh dậy trước tiên.

- Có ai ở ngoài lều, ông bảo ông linh mục.

Ông linh mục dậy và vén tấm vải lều. Ra là anh cán bộ.

- Tôi xin lỗi đã làm phiền các ông vào giờ này.

- Không sao. Có gì thế?

- Tôi muốn hỏi các ông xem có thể cho tôi mượn chiếc xe con được không. Tôi nghĩ có lẽ các ông không có ý định ra tỉnh ngày hôm nay.

- Không. Ông cần dùng xe làm gì?

- Người đội trưởng ốm nặng. Phải cấp tốc đưa ông cụ đến thành phố gần đây nhất.

Ông linh mục dịch cho viên tướng nghe lời nói của anh cán bộ.

- Họ cứ việc lấy xe mà đi, viên tướng đáp.

- Cám ơn ông.

Anh cán bộ sắp quay đi thì ông linh mục giữ anh lại.

- Ông già ốm gì thế? Chiều qua, ông ấy đã có vẻ khó chịu rồi.

- Tôi không biết rõ, anh cán bộ đáp.

- Hay là ông cụ bị cảm lạnh?

- Tôi lo ông cụ bị nhiễm trùng. Ông cụ bị một vết xây xát ở tay phải.

- Nhiễm trùng à? Viên tướng ngạc nhiên ngẩng đầu lên hỏi.

- Anh cán bộ đi ra.

- Không biết ông lão mắc bệnh gì nhỉ? Viên tướng hỏi lại.

- Tôi cũng cho là bị nhiễm trùng, ông linh mục nói.

Chiều hôm qua nước da ông lão trông sạm hẳn đi.

- Làm thế nào mà nhiễm trùng được?

- Có lẽ do một chiếc khuy áo khoác gỉ hoặc một mảnh xương gãy.

Hôm qua họ đã bốc nhiều mộ.

- Nhưng ông lão thạo việc lắm cơ mà. Chính ông lão vẫn chỉ bảo cách làm cho những người khác.

- Có lẽ lão không biết, ông linh mục nói. Có lẽ tay lão dính bùn và lão đã không để ý thấy chỗ xây xát.

- Đáng lẽ chuyển ông lão ra tỉnh từ tối hôm qua thì tốt hơn.

- Đường xấu lắm mà lại bỏ hoang từ lâu. Ngay ban ngày đi lại cũng không phải là dễ.

- Nhưng dù sao...

- Ngay hôm nay họ đi cũng vẫn kịp thôi. Tôi cho là cũng chẳng có gì nguy hiểm đâu. Bây giờ có những thuốc rất công hiệu chống nhiễm trùng.

Viên tướng lại rúc vào chiếc chăn len dày sụ.

- Thời tiết ra sao? Ông hỏi.

- Âm u lắm, ông linh mục đáp.

Khi hai người ra khỏi lều thì đã có vài công nhân đang làm việc. Họ khoan lỗ vào những khối bê tông nham nhở để nhét thuốc nổ vào. Những công nhân khác đứng uống cà phê trước quán. Hôm qua là chủ nhật, nhưng ở đây người ta chẳng hề biết đến ngày nghỉ ngày lễ.

- Anh cán bộ đi vắng sẽ làm cản trở công việc của ta đấy, ông linh mục nói. Công nhân họ chẳng biết rõ phải đào ở đâu.

- Có lẽ chiều nay anh ta về thôi, chậm lắm là sáng mai.

- Tốt hơn là thợ đấu cứ nghỉ cho đến khi anh ta về, ông linh mục nói. Tôi sợ lại có chuyện gì xảy ra nữa.

- Liệu có còn những bộ xương khác bị nhiễm trùng không nhỉ?

- Có thể lắm chứ. Có thể nhiều binh lính của đạo quân này đã mắc một bệnh nhiễm trùng nào đó.

- Có lẽ phải rắc vôi vào các huyệt đã đào rồi, viên tướng nói.

- Ta sẽ hỏi anh cán bộ xem. Chính anh ta là người hiểu rõ những vấn đề này.

Hai người đi về quán và mỗi người gọi một cốc cà phê.

- Vi trùng bị chôn vùi dưới đất hai mươi năm, rồi bỗng chốc lại phục hồi được toàn vẹn tính độc của nó. Kỳ lạ thật, viên tướng nói.

- Mà đúng thế đấy, ông linh mục đáp. Hễ gặp không khí và ánh sáng mặt trời là nó sống lại ngay.

- Như một con thú dữ tỉnh dậy sau giấc ngủ mùa đông của nó.

Ông linh mục thong thả nhấp nhấp cốc cà phê.

- Chiều nay khéo mưa mất.

- Ngày hôm nay mới âm u chứ, viên tướng nói.

Và ngày hôm đó quả thật là ảm đạm. Hai người lang thang suốt sáng không biết làm gì. Xế trưa trời lại mưa.

- Nếu ông lão có làm sao, ta sẽ phải trả một số tiền bồi thường cho gia đình lão đấy, viên tướng nói.

- Một món tiền trợ cấp chung thân ư?

- Phải, như hợp đồng đã quy định.

Sáng hôm sau, anh cán bộ trở về. Người lái xe tải là người đầu tiên trông thấy chiếc xe con đang ì ạch leo dốc trên con đường núi.

- Họ kia rồi, anh ta kêu lên, họ trở về rồi.

Viên tướng, ông linh mục và các công nhân đang ngồi chen chúc trong quán để tránh mưa vội chạy cả ra.

Xa xa trên đường, chiếc xe con màu xanh lá cây đang chậm rãi leo lên, tìm cách tránh những tảng đá lớn rải rác trên mặt đường.

- Chắc ông cụ khỏi rồi, có tiếng ai nói.

Chiếc xe tiến lại gần, mọi người nhận thấy xe lấm đầy bùn, và khi xe dừng lại, người lái xe tải kinh ngạc kêu lên:

- Một bên chắn bùn bị bẹp kìa.

Anh cán bộ là người đầu tiên xuống xe. Mặt anh tái nhợt, nét mặt bơ phờ, cặp mắt mệt mỏi và ngơ ngác. Anh đưa một chân ra trước, rồi đến chân sau, và thẩn thờ nhìn quanh như lơ đãng.

- Thế nào, tình hình ra sao? Có tiếng hỏi, phá tan sự im lặng.

Anh cán bộ quay về phía người đó, như thể ngạc nhiên về câu hỏi ấy.

- Ông cụ chết rồi, anh khẽ hỏi.

- Chết rồi à?

- Phải, chết rồi. Sao? Các anh không tin à? Người lái xe càu nhàu, bước xuống sau anh cán bộ. Mắt anh ta đỏ ngầu sau một đêm không ngủ, tay và mặt bê bết bùn.

- Chết khi nào? Có tiếng hỏi.

- Vào khoảng nửa đêm.

- Một bệnh nhiễm trùng ghê gớm, anh cán bộ nói, như nói một mình.

Cái nhóm nhỏ đó lặng lẽ tiến về phía quán hàng.

- Xe không hỏng dọc đường chứ? Người lái xe tải hỏi.

- Không, bạn đồng đội của anh trả lời, chỉ có hai ba lần húc phải những tảng đá lớn rải rác dọc đường. Cả đêm chúng tôi không nhắm mắt được.

- Tôi hiểu.

Họ bước vào quán.

- Pha cho họ cốc cà phê, ông không thấy họ mệt nhoài sao, có người gọi ông chủ quán.

- Làm cả tí cognac nữa cho lại sức.

- Ừ thì một ly cognac!

- Thế nào anh bạn, hãy kể lại cho biết đầu đuôi ra sao.

Người lái xe con nốc cạn một hơi hết cốc rượu.

- Xin cốc nữa đây, anh ta nói với chủ quán. Đêm ấy mới ghê chứ! Suốt cả dọc đường ông lão không mở miệng, khi thì ông lão rét, đánh răng lập cập, khi thì nóng bừng bừng.

Rồi ông lão thấy chóng mặt. Chúng tôi bảo ông nằm xuống và ông đã nằm tạm lên chiếc ghế ở sau xe nhưng cũng chẳng thấy dễ chịu hơn. Còn tôi, tất nhiên là tôi cứ ấn hết ga, không hiểu sao mà chúng tôi không lao xuống vực.

Chúng tôi hỏi ông lão luôn mồm: «Bác thấy thế nào?» nhưng ông lão không hề hé miệng. Ông chỉ nhìn chúng tôi như muốn nói: «Mệt lắm anh em ạ, mệt lắm». Rốt cuộc chúng tôi cũng tới được tỉnh và đưa ngay ông lão vào bệnh viện. Cứ nửa giờ chúng tôi lại đến hỏi bệnh tình ông. Về mặt những người y tá chẳng có gì làm chúng tôi yên lòng được. Một người bảo chúng tôi: «Đáng lẽ các anh phải đưa bác ấy đến đây sớm hơn chứ». Chúng tôi hiểu ngay là hỏng rồi. Chúng tôi yêu cầu được gặp ông lão nhưng người ta không cho phép. Tối đến, chúng tôi đi lang thang hết hiệu cà phê này đến hiệu cà phê khác, chúng tôi bồn chồn quá không thể nào về khách sạn nghỉ được. Vào khoảng mười một giờ, chúng tôi trở lại bệnh viện, hỏi bệnh tình ông lão lần nữa. Các anh cứ tưởng tượng xem chúng tôi ngạc nhiên bao nhiêu khi người ta cho biết chúng tôi có thể vào ngay tức khắc. Chúng tôi hỏi bệnh tình ông lão thế nào. «Xấu lắm, người y tá trả lời, ông già không qua nổi đêm nay đâu». Chính vì thế mà người ta đã cho chúng tôi vào ngay. Ông lão chẳng còn sống được bao lâu nữa thật. Mặt mày nhợt nhạt, có lúc ông lão run lên bần bật rồi lại cứng đờ ra như gỗ. Ông lão ngược mắt nhìn chúng tôi lắc đầu rồi nhìn trừng trừng vào chỗ xây sát trên tay một lúc lâu như muốn nói: «Chính mày đã làm tao mất mạng, đồ khốn!» Vào khoảng nửa đêm, ông lão lên một cơn dữ dội và một lúc sau đã tắt thở sau một cơn đau đớn khủng khiếp. Đấy, sự thế là như thế đấy. Vì chúa, rớt đầy cốc nữa đây! chuyện mới quái ác làm sao! A!

Trong quán im phăng phắc. Trên mái nhà hư nát, một tấm bìa cứng quét hắc ín đập lách phách trong gió.

- Tôi không thể tin được, một người nói. Ông lão mới ở đây với chúng ta, chỉ cách đây có vài giờ đồng hồ, thế mà ta sẽ không bao giờ còn thấy ông cụ nữa.

- Phải, ông Gjoleka tội nghiệp đã rời bỏ chúng ta. Ông đã chết đi mà chúng ta cũng chẳng được biết.

- Ông cụ tốt lắm, một người khác nói, hòa nhã với mọi người và không tự cao tự phụ gì.

- Can đảm.

- Đúng thế đấy!



- Ai sẽ báo tin này cho bà cụ?

- Việc này quả không phải là dễ dàng gì?

- Bà cụ tội nghiệp không ưa gì công việc ông lão làm. Như tuồng bà cụ đã linh cảm thấy một điều bất hạnh. Lần nào bà cụ cũng viết trong thư: «Bao giờ thì ông xong cái chuyện mồ mả ấy!» và ông lão trả lời: «Chỉ còn một chút nữa thôi là sẽ hoàn thành».

- Tội nghiệp bà cụ, người lái xe nói. Một lần tôi đem thư của ông cụ gửi về Tirana, bà cụ đã phàn nàn với tôi. Bà cụ lo lắng héo hon cả người. Bà cụ đã đợi chờ chồng biết bao năm ròng rã trong chiến tranh thế mà giờ đây đối với bà, hình như ông cụ lại lên đường ra đi lần nữa.

- Là vì trong số tất cả các công việc ông cụ đã làm, việc này đáng giá tiếp đến chiến tranh nhất.

- Chính bản thân ông cụ vẫn nói với chúng tôi như thế luôn. «Tôi đã phải bận bịu với bọn phát xít khi chúng còn sống, nay chúng chết rồi, tôi vẫn còn phải bận bịu về chúng».

- Đúng thế. Đã bao năm ròng ông cụ đánh nhau với chúng, ông cụ đã thắng chúng nhưng rồi rốt cuộc, chúng vẫn giết được ông. Đen đui thật!

- Cứ như một sự phục thù sau khi chết ấy.

- Chúng đã đợi hai mươi năm để phục thù. Đúng, nhưng ông lão đã chiến đấu một cách thẳng thắn như trên chiến trường, còn chúng đã giết ông một cách phản trắc lén lút với một chiếc khay bẩn thỉu.

- Kẻ thù ngay khi đã chết, cũng vẫn không thay đổi.

- Đúng thế.

- Hai gã kia đứng đó câm miệng, như hai con quạ, người lái xe vừa nói, giọng khàn khàn vừa đưa mắt hẳn học nhìn viên tướng và ông linh mục khoác những chiếc áo mưa rộng đang đứng gần chiếc cầu đổ. Hừ, bây giờ chúng bây hài lòng rồi chứ!

- Suyt! Có tiếng nói. Đừng nói lung tung, Lilo!

- Ta phải thu xếp để đưa di hài ông cụ vào nghĩa trang liệt sĩ.

- Nhất định rồi. Ta phải điện ngay hôm nay cho Đảng ủy Tirana.

- Nhưng trước hết phải báo tin cho bà cụ đã.

Một sự im lặng nặng nề lại bao trùm lên quán hàng và mọi người nghe thấy tiếng gió lật lên đập xuống mảnh bìa quét hắc ín rách trên mái.

- Chúng đã giết ông cụ, một người nức nở thốt lên, chúng đã cướp mất ông cụ của chúng ta!

Mảnh bìa quét hắc ín vẫn đập lạch phạch trên mái nhà.

## CHƯƠNG KHÔNG ĐÁNH SỐ

- ÔNG không thấy gì cả ư? Ông linh mục hỏi.

- Không, anh cán bộ vừa trả lời, giọng mệt mỏi, vừa bước đi thận trọng trên những tảng đất sét lớn.

- Lạ thật, ông linh mục nói.

- Ta sẽ đào hai chỗ nữa, ở hai bên địa điểm ghi trên bản đồ của ông. Nhất định ở quanh đây thôi.

- Viên tướng tiến lại gần, đôi ủng của ông bê bết bùn và khó khăn lắm ông mới nhắc nổi chân.

- Thế nào? Ông hỏi anh cán bộ.

- Vẫn chẳng thấy gì cả.

- Đến phải bỏ thôi, viên tướng nói. Anh ta cấp bậc gì nhỉ?

- Trung úy.

- Có lẽ sau khi bị thương anh ta bỏ đi xa đây chắc.

- Rất có thể, anh cán bộ nói.

Những giọt mưa lớn thừa thớt rơi xuống lớp bùn đỏ quạch đỏ thành đồng hai bên huyết. Nom như có những rèm đỏ treo lơ lửng ở chân trời, nhuộm mặt đất những ánh đỏ nhờ nhờ, khó chịu.

Đột nhiên có tiếng một người thợ đấu kêu lên từ đằng xa:

- Đây rồi, tìm thấy rồi.

Anh cán bộ dò dẫm bước đi vì sợ trượt chân, tiến về phía huyết mới đào. Ông linh mục theo sau.

Hai người loanh quanh một lúc lâu bên cái huyết vừa quật lên và cuối cùng ông linh mục thất vọng quay trở lại.

- Thật uổng công, ông ta nói, giọng mệt mỏi, không phải người của ta.

- Thế ai vậy? Viên tướng hỏi.

- Theo lời anh cán bộ thì chắc đó là một phi công người Anh.

- Anh cán bộ đi về phía hai người.

- Chúng ta đã bỏ biết bao công sức vào đây mà chẳng được việc gì, anh nói với họ.

- Thế bây giờ làm gì đây? Một người thợ tiến lại gần hỏi.

- Về thôi, chẳng còn việc gì ở đây nữa.

- Còn anh chàng người Anh? Người thợ cao tuổi nhất hỏi.

- Lại vùi hẳn xuống vậy, ông linh mục đáp. Chúng ta chẳng có thể làm gì cho hẳn được.

- Đó không phải là công việc của chúng tôi, viên tướng nói. Lại phải chôn hẳn xuống thôi.

Anh cán bộ quay về phía huyết.

- Chôn xuống đi, anh ra lệnh cho những người thợ đào đất.

Hai người thợ lại ném bộ xương xuống huyết và bắt đầu lấp đất, còn nhóm người kia bỏ đi. Được một lúc, viên tướng quay đầu lại, hai người thợ vẫn tiếp tục làm việc, từ xa trông thấy xẻng của họ giơ lên hạ xuống đều đặn. Một lúc sau, khi viên tướng quay lại nhìn họ lần nữa, chắc họ đã hoàn thành công việc rồi, vì ông thấy họ từ trên đồi đi xuống, dụng cụ vác trên vai, và trên mặt đất, ngôi mộ vừa được lấp cũng không còn thấy nữa.

- Một ngày công toi, viên tướng nói, hoàn toàn công toi.

## CHƯƠNG KHÔNG ĐÁNH SỐ

XUẢ kia có một viên tướng và một ông linh mục đi chu du thiên hạ. Không, họ không đi chu du thiên hạ đâu. Họ đi nhặt hài cốt những binh lính của họ tử trận trong một cuộc chiến tranh lớn. Họ cứ đi, đi mãi, vượt núi băng đồng, tìm kiếm và nhặt nhạnh những nắm xương tàn. Đất nước họ đi qua ác nghiệt và dữ tợn. Mưa gió liên miên không lúc nào ngớt. Nhưng họ không lùi bước mà vẫn cứ tiến về phía trước. Họ nhặt nhạnh thật nhiều xương cốt rồi trở về đếm lại. Họ nhận thấy còn thiếu rất nhiều. Họ bèn xỏ chân vào ủng, khoác áo mưa lên vai và lại lên đường. Họ đi, đi mãi, lại vượt núi băng đồng. Trời lạnh và xấu. Rã rời, mệt nhoài, họ cảm thấy công việc đè nặng lên vai. Gió mưa không chỉ cho họ biết nơi binh lính họ yên nghỉ. Có được bao nhiêu hài cốt họ lại nhặt nhạnh bằng hết rồi lại trở về tính toán. Họ đếm từng bộ xương một và thấy vẫn còn nhiều người chưa tìm ra được. Kiệt sức, mệt lả, họ lại lên đường làm một chuyến đi mới và lâu dài. Họ đi, đi mãi không ngừng. Khi đó là mùa đông và tuyết rơi.

- Thế còn con gấu?

- Khi ấy có một con gấu xuất hiện trước mặt họ.

Câu chuyện mà viên tướng hầu như tối nào cũng tự nhắc lại với mình, câu chuyện ông định kể cho đứa cháu gái nghe khi trở về tới nhà, lần nào cũng kết thúc bằng câu hỏi: «Thế còn con gấu?» Vì cháu gái ông khi nghe kể chuyện cổ tích đến một lúc nào đó, hầu như bao giờ cũng đặt ra câu hỏi ấy.

## CHƯƠNG XIX

SAU cùng, đến ngày thứ mười, họ lại xuống núi. Con đường bây giờ mỗi lúc một xuống thấp, để lại những đỉnh núi ở bên trên.

Họ đã hoàn thành chuyến đi cuối cùng, chuyến đi vất vả nhất. Họ vừa mới tìm kiếm ở những vùng rất hẻo lánh và mười hôm nay, tuyết không ngừng rơi trên núi. Qua cửa kính, viên tướng nhìn nổi chán chường lê thê của con đường kéo dài như vô tận. Đôi chỗ, giữa những sườn núi trơ trụi và hiểm hóc, những làng xóm nhỏ phủ tuyết xuất hiện trước mắt họ rồi lại biến ngay tức khắc.

Bốn bề núi cao sừng sững, chót vót và lạnh lẽo, trông như nền của một khung cảnh bi kịch. Đây đó, trong những hẻm núi và trên các sườn núi trơ trụi, có những đội thanh niên trai gái đang khai hoang đất mới và làm ruộng bậc thang. Các tầng ruộng trải ra thành hình tròn chung quanh sườn núi như những đường hào vô tận. Có chỗ đã hết tuyết, có chỗ tuyết lại hiện ra từng mảng rải rác, tuyết khô cứng, như than nhiên, lạnh đậm. Đêm đến họ ngủ ở một làng nào đó và ban ngày họ lại bắt tay vào việc.

Bọn lính sơn chiến đã ngã xuống hàng loạt ở vùng này trong một trận tác chiến lớn vào mùa đông. Ở đây cũng có nhiều nghĩa trang của người địa phương.

Địa thế vùng này là một trong số những địa thế gay go nhất. Các nghĩa địa đều bị tuyết phủ kín và chỉ trông nhờ vào các bản đồ địa hình thôi thì họ thực khó mà lần ra được phương hướng. Tưởng chừng như tuyết không chịu để ai cướp mất những kẻ nó giấu trong lòng. Nó đã bọc họ vào một lớp tuyết mỏng, trắng tinh và thanh bình, nhưng khi xẻng cuốc bắt đầu làm việc thì mọi thứ đã xấu hẳn đi; thảm tuyết đẹp đẽ đã bị cắt nát tơi tả, đây đó mở ra những lỗ hổng toang hoác, và nó cứ rách bươm như thế mãi cho đến khi lại có tuyết rơi băng bó những vết thương lại.

Con đường ngoằn ngoèo, xoay quanh như thế cứ cuộn khúc ở mãi một chỗ, như một sợi dây thừng rối không sao gỡ ra được hai đầu. Chiếc xe con dẫn đường, chiếc xe tải theo sau, mũi bạt tuyết phủ trắng xóa. Viên

tướng tướng như mình vẫn đi trên con đường hôm qua và không còn lối đi nào khác ngoài con đường núi chật hẹp ác nghiệt này cứ bắt họ quần quanh mãi không sao thoát ra được. Và bây giờ nhiệm vụ sắp hoàn thành, viên tướng bỗng có cảm giác như không bao giờ ra khỏi được những quả núi này.

Ở các khúc quanh ông lại nhìn thấy vẫn những lô cốt ấy có trổ lỗ châu mai, các khe hẹp ấy, cái nằm ngang, cái thẳng đứng, nom như những cái mồm há hốc khi thì tỏ vẻ ngạc nhiên, khi thì có ý mỉa mai giễu cợt. Viên tướng nhìn những bộ điệu câm lặng trăn trăn như đá đó và lại có cảm giác có lẽ không bao giờ thoát khỏi cái vẻ mỉa mai bất động ấy.

Chiếc xe tải, với những chiếc hòm lớn ở trong chõng chất hàng trăm túi nylon đựng đầy xương cốt, vẫn cứ ngoan ngoãn theo sau chiếc xe con. Các công nhân đào đất mặc áo khoác ngoài bằng da ngồi hút thuốc lá trên mặt hòm. Từ khi bác công nhân già mất, không còn nghe thấy họ hát nữa.

Viên tướng hồi tưởng lại hàng trăm, hàng ngàn xe tải nhà binh đã đi qua trước mắt ông suốt cuộc đời quân nhân của ông. Ông nhớ lại những tên lính ngồi thành hàng phía sau xe, cầm tù lên đầu súng, người lắc la lắc lư, lắc lư hoài. Và bây giờ chúng tập hợp hàng mấy trăm tên ở đằng sau ông kia, trong một chiếc xe tải độc nhất, và vẫn cứ lắc lư đều. Duy có điều là không còn nhìn thấy rõ cầm và tay chúng nữa.

Mọi ý nghĩ của viên tướng cứ xoay mãi quanh một điểm, y hệt con đường, như một cái vòng, cứ quần quanh các ngọn núi mãi không thôi.

Từ hôm họ nhìn thấy pho tượng nọ, ông linh mục lại lặng lẽ không nói và lại có vẻ u buồn. Viên tướng lại thấy bộ mặt ông ta thiếu não y như buổi sáng hôm nào bị một cơn ác mộng, ông ta đã khiếp sợ hét lên. Đó là lần thứ hai.

Pho tượng ấy, họ đã thoáng trông thấy nó ba hôm trước, ở một ngã tư. Nó bất thành linh hiện ra như một người đứng bên bờ đường đợi xe tới đón mình đi. Viên tướng đã quay sang phía ông linh mục để chỉ cho ông ta, và thấy ông ta trợn trừng mở to mắt nhìn. Ông chưa bao giờ thấy ông linh mục có vẻ hốt hoảng đến thế. Mắt ông ta nhìn vào pho tượng chăm chặp và mặt ông ta bỗng tái mét.

- Ông làm sao vậy? Viên tướng hỏi.

Ông linh mục không trả lời. Xe quật nhanh và pho tượng trắng xóa tuyết hiện ra rất gần, ngay ngoài cửa kính, lướt mau bên xe rồi biến mất đằng sau họ, ở ngã tư.

Lát sau, viên tướng hỏi ông linh mục có phải pho tượng đã gọi cho ông ta một kỷ niệm gì chẳng, nhưng ông linh mục chỉ nói là ông bị chóng mặt xoàng, mà không chịu giải thích gì thêm.

Hai người im lặng một hồi lâu.

Hôm qua, họ đã khai quật ngôi mộ cuối cùng. Những lưỡi cuốc khó nhọc bổ xuống mặt đất đã rắn chắc lại vì băng giá như muốn ít nhất cũng cố giữ lại người lính cuối cùng. Công nhân cứ xoa hai tay liên hồi và giậm chân lên tuyết lạnh cho đỡ cóng. Viên tướng chấp tay trên bụng nhìn thợ đào và ông tự nhủ rằng những người công nhân nọ đã moi toàn bộ đoàn quân của ông ra khỏi lòng đất. Rồi nhát cuốc cuối cùng được giáng xuống và anh cán bộ Albania, như một tiếng nổ sau chót, đã kêu to lên: «Một thước sáu chẵn!».

Thường trong khi nhìn thợ đào đất, viên tướng hay tưởng tượng xem lúc khởi thủy, cái công việc mà bây giờ họ làm ngược lại kia, đã được tiến hành như thế nào. Khi đôi mi nặng trĩu, mắt ông dúi lại, nhất là thỉnh thoảng vào lúc nhá nhem, khi chỉ còn nhìn thấy hình bóng những người thợ đấu, ông đã tưởng đâu như không phải họ mà là quân lính nước ông đang đào, những người lính vô danh, hai mươi năm trước đây, đã làm ngược lại cái công việc này để chôn cất bạn đồng ngũ của họ. Những lúc ấy, ông nhắm mắt lại và cố hình dung xem việc đó thế tất phải tiến hành ra sao, phần nhiều là giữa lúc đêm khuya, mà tất cả dụng cụ chỉ độc có lưỡi lê hay dao găm mà thôi.

Nhưng hôm ấy là ngày thứ mười của chuyến đi lần này, họ lại xuống núi và ông phải xua đuổi những ý nghĩ ấy đi. Vòng vây của núi non sắp sửa chấm dứt. Tuyết khô đã nhường chỗ cho tuyết ẩm và xuống thấp hơn, dưới thung lũng, mưa đang chờ đợi họ, như một người quen biết cũ.

Không bao lâu nữa ông sẽ trở về nhà. Những người khác sẽ chăm lo chỗ di hài và hoàn thành nốt công việc. Nhiệm vụ của riêng ông sẽ kết thúc với chuyến đi này. Bây giờ đại biểu các sở thị chính và kế toán viên của hai



nước sắp sửa ngồi vào bàn để lập bản tổng kết công việc đã làm. Rồi người ta còn bắt tay vào làm vô số con tính rắc rối, sẽ có cả một mớ hóa đơn và biên lai phải thanh toán, và sau rốt, để kết thúc, người ta sẽ thảo tờ biên bản cuối cùng. Sau đó sẽ có một bữa tiệc nhỏ, người ta sẽ đọc vài bài diễn văn chính thức ngắn gọn và sau bữa tiệc, sẽ cử hành lễ cầu hồn lớn siêu độ vong linh các tử sĩ. Các hãng thông tấn sẽ báo tin rằng nhiệm vụ đã hoàn thành tốt và ông sẽ còn lên tiếng trong những buổi họp báo, trước hàng trăm nhà báo hay làm ông khó chịu.

Trong khi đó một số thợ mộc vô danh sẽ bắt tay vào làm hàng nghìn cỗ săng nhỏ, theo kích thước đã quy định trong hợp đồng, và các nhân viên khác sẽ đặt vào mỗi cỗ săng một túi nylon hài cốt. Các sư đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, đủ các loại đơn vị sẽ trộn lẫn vào với nhau trong cái đồng lớn áo quan. Rồi người ta sẽ chuyển chúng xuống một chiếc tàu biển lớn, chiếc tàu sẽ nặng nề nhờ neo để hồi hương đoàn quân vĩ đại nọ, bây giờ rút cục chỉ còn là vài tấn calci và lân tinh.

Người ta sẽ chất lên tàu, thành hàng dài thật ngắn nấp, tất cả những người chết đó nhặt nhanh được ở khắp các xó xỉnh trong nước Albania và một khi tàu về đến quê hương, người ta sẽ lại phân phát di hài họ về các nơi chôn rau cắt rốn của họ. Người ta sẽ đưa họ xuống tàu rồi lại chuyển hết lên bờ; cả hai tay phi công đã bị hạ bằng súng trường, cả bốn trăm người đã bị đại liên của quân du kích quét ngã gục trong khi uống công cố vượt qua con đường hẻm nọ, cả mười tám tên đã bắn giết lẫn nhau trong một thung lũng, cả năm mươi tên đã bị hạ thủ bằng lưỡi lê ngay giữa doanh trại, cả toàn bộ cái tiểu đoàn nọ bị tiêu diệt với hết thầy lừa ngựa, xác chết ngổn ngang rải rác giữa đồng vũ khí và yên cương, và cả những người lính vô danh bị những người Albania vô danh giết chết, và sau cùng, cả cô gái đi kia nữa đã uống mạng ra đi, người phụ nữ duy nhất giữa đám đàn ông ấy và cũng đã được coi là «một người lính» trong số bao nhiêu binh lính khác, vì rút cuộc, chỉ có các nhà cơ thể học là có thể phân biệt được một bộ xương đàn bà với bộ xương đàn ông.

Còn những kẻ không tìm thấy thì thôi! Họ sẽ ở lại Albania. Có thể sau này một phái đoàn khác với một viên tướng khác, sẽ tới tìm họ và sẽ tiến

hành những cuộc đào bới mới. Còn lại vào khoảng hai trăm người, đứng đầu là đại tá Z. Đến lượt phái đoàn mới sẽ lại đi theo vẫn những lộ trình chán ngán, bất tận này cho đến khi nhật nhạn được tất cả hài cốt của những kẻ khốn khổ đó, từng người một. Ai biết được vị sĩ quan cầm đầu phái đoàn sẽ suy nghĩ gì? (Hắn sẽ không phải là một viên tướng, vì dù sao cũng không thể chỉ vì hai trăm con người mà cử đi một ông tướng được).

Đường vẫn xuống dốc, cuốn khúc ngoằn ngoèo quanh núi y như khi đi lên. Nó vẽ ra những đường vòng, mỗi lúc một rộng và viên tướng có cảm giác là cuối cùng mọi sự sẽ được gỡ ra dần, và tâm hồn ông sẽ trở lại bình tĩnh.

Trong khi xe xuống dốc thỉnh thoảng viên tướng quay nhìn lại. Núi xa dần. Hình thể của chúng mờ dần, bớt vẻ hăm dọa. Viên tướng nhìn chúng như muốn bảo: «Thế là chúng mày hết đề nén nhé. Tao đã thoát được chúng mày rồi, thoát rồi». Rồi thiu thiu ngủ, ông bỗng lờ mờ thấy sợ, ông có ấn tượng núi sắp vươn những cánh tay giá lạnh ra để lôi ông trở về các khe hẻm, có gió hú lên như ở địa ngục.

Nhưng ông sẽ không trở lại trên ấy nữa.

Trời vừa tối thì họ cũng vừa đến một làng. Lần đầu liên từ mười hôm nay, viên tướng rạng rỡ một nụ cười. Thôi thế là xong. Tối này họ sẽ ngủ ở đây và sáng mai sẽ đi Tirana. Vài hôm nữa họ sẽ trở về nhà. Viên tướng trở lại vui vẻ. Một làn khoái cảm ấm áp tuy còn e dè, bắt đầu xâm chiếm con người ông.

Đèn trong làng chưa thắp. Chiếc ô tô có một bầy nhóc con hộ tống, chạy qua phố chính, lầy bùn. Đến trước câu lạc bộ của hợp tác xã, người lái xe cho xe đi chậm nữa, thò đầu ra ngoài cửa xe để hỏi thăm trụ sở ban quản trị hợp tác xã ở đâu. Bọn nhóc nhao nhao lên mách và không cần đợi, vài đứa đã chạy băng băng trước xe để dẫn đường; những đứa khác chạy theo sau và bây giờ chiếc xe đi giữa bọn chúng, giữa tiếng chúng hò hét âm ỉ, giọng lạnh lạnh, the thé. Cảm giác khoan khoái mỗi lúc một tăng thêm.

Viên tướng nhìn qua kính chắn gió thấy những cẳng chân nhỏ bé vung vẩy như chơi chơi phía trước xe, rồi quay lại ông thấy một tụi nhóc khác chạy theo, ông tủm tỉm cười. Xem chừng bọn trẻ thú ông nhất, còn ông

linh mục thì chúng thờ ơ không để ý. Ông không khỏi cảm thấy vui thích, mặc dầu ông biết lũ trẻ thú ông chỉ vì bộ quân phục thôi.

Cái tính hiếu danh vẫn còn phảng phất đâu đó trong đáy lòng ông, đang rụt rè muốn ngóc đầu dậy.

Đám rước ồn ào đó cứ như thể đi qua làng rồi dừng lại trước ngôi nhà của ban quản trị hợp tác xã. Người lái xe và anh cán bộ chuyên môn lanh lẹ bước lên bậc tam cấp. Một phút sau chiếc xe tải đỗ lại đằng sau chiếc xe con, và đám công nhân theo nhau nhảy xuống đất. Nhưng xe tải không được bọn nhóc chú ý đến lắm. Chúng dán mắt lên các tấm kính, cố nhòm vào trong xe để xem hai người đang ngồi im trên những chiếc ghế sẫm màu. Một người đang hút thuốc lá. Từ bên ngoài nhìn vào, bọn trẻ không thấy được gì hơn. Nhưng chỉ có thế thì ít quá nên chúng cứ loay hoay quanh xe, thỉnh thoảng lại áp bẹt vào kính cửa khuôn mặt nhỏ bé, tò mò và ngạc nhiên của chúng.

- Có lẽ đại tá Z đã mất tích ở làng này, ông linh mục nói.

- Có thể là như thế, viên tướng thờ ơ đáp.

- Ta phải tìm hiểu đôi chút về ông ta chứ, ông linh mục nói. Ta phải thử hỏi xem.

Viên tướng rít liền hai ba hơi thuốc lá.

- Thật tình, tôi chẳng thiết tìm cho ra ông ta, ông thông thả nói. Tối nay tôi chẳng thiết tìm ra một người chết nào hết. Về phần tôi, lạy Chúa, tôi lấy làm mừng là cái công việc tội nợ này thế là xong, còn ông thì ông lại muốn đưa tôi vào một chuyện lôi thôi khác.

- Nhưng đây là bốn phận của chúng ta, ông linh mục nói.

- Tôi biết, tôi biết, nhưng lúc này tôi chẳng muốn nghĩ tới làm gì. Tối hôm nay là một buổi tối vĩ đại với chúng ta. Ông không cảm thấy thế, làm tôi ngạc nhiên. Đây là một buổi tối ngày hội. Tôi muốn được yên thân. Tắm một chậu nước nóng! Đây là mối lo chính của tôi tối nay. Tôi bằng lòng đánh đổi một nửa vương quốc để tắm một cái! Ông vừa cười vừa nói thêm.

Viên tướng đương lúc vui vẻ, rất vui vẻ. Sau cùng thôi thế là kết thúc cái cuộc hành hương dài dặc và nặng nề ấy mà ông nhớ lại như một ảo ảnh

khủng khiếp. Song đây không phải là một cuộc hành hương, mà là một cuộc hành quân trong cảnh tối tăm của chết chóc. Như câu hát cổ xưa của quân lính Thụy Sĩ đã nói: «Đời ta là một chuyến đi vào mùa đông, một chuyến đi vào đêm tối!»

Viên tướng xoa hai tay.

Bây giờ thế là ông thoát rồi. Bây giờ ông đã có thể thản nhiên từ đặng xa nhìn về những ngọn núi cheo leo gớm ghiếc kia.

«Như một con chim oai hùng và đơn độc...» Ông không nhớ rõ cái câu trước đây một bà quý tộc đã nói với ông trong khi chúc ông thượng lộ bình an.

Anh cán bộ từ trong nhà ban quản trị trở ra.

- Các ông sẽ ngủ ở nhà kia, và anh chỉ tay cho ông thấy một căn nhà nhỏ có bao lơn.

Mười phút sau, viên tướng ra đứng ngoài cái bao lơn nhỏ, và tì khuỷu tay lên lan can gỗ. Ông linh mục thì ở trong buồng, đương mở vali. Căn nhà này có hai tầng, xung quanh là một khu vườn nhỏ và từ bao lơn có thể nhìn thấy một phần làng. Viên tướng nghe thấy tiếng gấu loảng xoảng và tiếng đàn bà từ một cái giếng gần đó vọng tới, những tiếng rống đơn độc của bò, âm thanh của một cái đài radio vừa mở và vẫn những tiếng kêu của đám trẻ con đang chơi đùa và chạy lung tung ngoài quảng trường. Bây giờ đèn trong làng đã bật sáng và nhà máy điện phát ra tiếng kêu vo vo đơn điệu.

Đêm ấy có thể sẽ qua đi như mọi đêm khác mà không để lại một kỷ niệm gì đặc biệt nếu như cả buổi tối hôm đó nữa, viên tướng cũng hít thở mùi vị đặc biệt của các làng quê Albania, cái hương thơm tế nhị, thoang thoang, nhưng giờ đây đã trở thành quen thuộc đối với ông và ông có thể phân biệt được giữa bao hương vị khác. Ông linh mục đã đi lượm tin tức về đại tá Z, còn viên tướng thì tựa vào lan can bao lơn, nhìn các phụ nữ đang lần lượt kéo nước ở giếng lên. Mọi sự có lẽ sẽ diễn ra bình thường mặc dầu nghe xa xa, từ phía giữa làng, có tiếng trống và tiếng vĩ cầm, đem lại cho đêm tối một bí ẩn mới mẻ, đầy thú vị.

Viên tướng nhận ra tiếng trống đặc biệt của những đám cưới ở nước này. Nếu không phải là cuối thu thì có thể viên tướng đã coi tiếng trống ấy là

một sự tương phản khó chịu. Nhưng bây giờ là mùa thu và ông đã đọc thấy trong cuốn sách viết về Albania có nói rằng dân quê Albania thường làm lễ cưới vào mùa thu khi gặt hái xong. Đây là năm thứ hai ông và ông linh mục đi hết làng này sang làng khác đúng vào hồi này trong năm. Nhưng bây giờ đã bắt đầu sang đông, người ta chỉ còn tổ chức những đám cưới sau chót, những đám cưới phải hoãn lại vì lễ này lễ khác, chứ còn vào hồi đầu chuyển đi, hầu như ngày nào họ cũng gặp đám cưới.

Ban đêm viên tướng nhiều khi nghe thấy, qua tiếng mưa, tiếng trống dồn dập và tiếng vĩ cầm hết vui nhộn lại mơ mộng theo kiểu người ta quen chơi ở các vùng này. Năm nghe những âm thanh ấy, đầu vùi trong chăn, ông nghĩ đến chiếc xe tải bao giờ cũng đỗ ở ngoài trời dưới mưa rơi tầm tã suốt đêm trên chiếc mui vải bạt đen. Ông vẫn vợ nghĩ con người ta biết bao ngỡ ngàng xa lạ khi ở một nước không phải nước mình. «Xa lạ hơn cả cây cối bên bờ đường, ông tự nhủ, mà đó chỉ là cây cối; và chắc chắn là càng xa lạ hơn cả những con cừu, con chó của mục đồng hay những con bê rung nhạc leng keng khi chiều hôm sắp đổ xuống.»

Cả buổi tối hôm nay nữa, dù là một buổi tối đám cưới, có lẽ cũng sẽ qua đi như bao nhiêu buổi tối khác, nếu như viên tướng, sau khi nghiền ngẫm tất cả những ý nghĩ ấy trong đầu, đã chịu nghe ông linh mục nói về đại tá Z, kể cả chuyện ông ta đã đến câu lạc bộ và ngồi vào bàn mấy người dân làng như thế nào, họ đã kể cho ông ta nghe những gì về sự mất tích của ông đại tá và tất cả những điều ngờ vực mà câu chuyện của họ đã làm nảy ra trong óc ông ta. Song buổi tối cuối cùng là một buổi tối đặc biệt, viên tướng không chú ý lắm tới lời ông linh mục. Ông đang cao hứng.

- Thế đủ rồi, ông bảo ông linh mục lần thứ ba. Mọi chuyện như thế đủ rồi. Điều chúng ta cần bây giờ là nghỉ ngơi và giải trí một chút. Có phải không nào?

Ông linh mục không trả lời.

- Đây là một buổi tối đẹp trời. Một chút âm nhạc, một ly rượu cognac...

- Nhưng mà đi đâu chứ? Ông linh mục hỏi, ở đây không có quán cà phê, trừ câu lạc bộ của hợp tác xã. Và ông cũng thừa biết những nơi như thế

rồi.

Nhưng không để ông linh mục nói hết, viên tướng đề nghị một điều làm ông ta sững sốt. Và chẳng ông linh mục nhất định không chịu nghe theo. Đây là lần đầu tiên ông ta có ý phản đối một cách rõ rệt đến thế. Song viên tướng đã sống sượng nhắc cho ông ta biết rằng ông là trưởng đoàn và nếu bị bắt buộc, thì ông sẽ ra lệnh cho ông linh mục phải đi theo.

- Chúng ta hãnh diện vì sứ mệnh của chúng ta, có phải không? Ông đã bao lần nhắc lại với tôi như thế. Và cái sứ mệnh vẻ vang ấy chúng ta đã làm tròn. Tối nay, tôi muốn giải trí, nghe nhạc, xem kịch, gì cũng được. Ông đã từng bảo tôi các đám cưới ở nước này thực sự là cả một cuộc trình diễn, có phải không nào? Hay ông chỉ nói với tôi về các đám ma? Cái đó không sao. Điều đáng kể là tối nay tôi muốn được giải trí. Giả thử có một đám ma, chúng ta cũng sẽ đi. Có phải thế không? Và lại, dù sao tôi cũng chẳng cần phải kiểu cách lôi thôi gì với bọn nhà quê ấy! Chính ông đã bảo với tôi rằng tính hiếu khách của người Albania gần như là một cái tật, thành thử dù thế nào đi nữa cũng không sợ bị tiếp đãi không tốt kia mà.

Không đợi trả lời, viên tướng mặc áo mưa rồi đi ra cửa. Ông linh mục đi theo.

## CHƯƠNG XX

Đám cưới ở một nhà tại giữa làng. Ngay từ xa, viên tướng và ông linh mục đã nhìn thấy ánh đèn sáng trưng khiến mưa trông như rơi càng mau hạt. Mặc dầu mưa gió, cửa nhà mở toang, người đứng lối nhỏ ở cổng. Người đi kẻ lại tấp nập khiến cái phố nhỏ dẫn tới nhà ấy rất náo nhiệt, ồn ào những tiếng nói rì rầm và hàng nghìn âm thanh pha tạp. Hai người lặng lẽ không nói đi tới, trùm kín trong áo mưa đen rộng thùng thình, và cái phố nhỏ vang lên tiếng chân họ bước; những bước dài nặng nề của viên tướng lơ đãng giẫm cả vào các vũng nước và những bước nhẹ nhàng lanh lẹ hơn của ông linh mục.

Họ dừng lại một lát trước cửa mở toang cả hai cánh, dưới cổng có vài thanh niên, mặc quần áo ngày hội, đang hút thuốc và thì thầm trò chuyện, rồi họ bước vào phòng ngoài. Viên tướng vào trước và cái áo mưa của ông, trong khoảnh khắc, loang loáng dưới ánh đèn ở cửa, phản ánh trên lưng ông một hình ảnh lơ mờ gợi lên một bức tranh trừu tượng. Ông linh mục vào theo. Hành lang đầy phụ nữ và trẻ con làm huyên náo âm ỉ. Tiếng trống đã im bật, nghe có tiếng đàn ông từ phòng chính vọng ra. Một số người tụ tập ở hành lang, một người được phái vào trong phòng báo tin, một cụ già vẻ mặt ngạc nhiên, ở trong phòng bước ra, đi đến trước mặt họ. Cụ đặt tay lên trái tim chào họ và giúp họ cởi bỏ áo mưa rồi treo lên bên cạnh những chiếc áo choàng to sụ của người làng. Đó là cụ chủ nhà. Cụ đưa họ vào phòng lớn và thấy họ vào, tất cả những người có mặt bỗng nhón nháo tại chỗ, thì thào với nhau, nghển cổ lên, tựa hồ một khóm cây muôn màu sắc bỗng xáo động dưới một cơn gió nhẹ.

Hẳn là viên tướng không ngờ mình sẽ bối rối đến như vậy trước quang cảnh bày ra trước mắt. Mới đầu ông lúng túng đến nỗi thoát bước vào, ông sững sốt nhìn thấy một đám những vệt màu rực rỡ và chuyển động, tựa hồ ông bị một cái tát mạnh làm nổ đom đóm mắt. Một người nào đó đưa ông lại bàn, một người khác giúp ông cởi áo khoác ngoài. Ông cúi chào lia

lạ và ngơ ngác mím cười với những đốm chuyển động ấy chung quanh ông, miệng lúng búng vài tiếng mẹ đẻ.

Mãi cho đến khi tiếng trống lại nổi lên, chiếc vĩ cầm lại vẳng lên những âm thanh lảnh lót đầu tiên và khách khứa đứng dậy để khiêu vũ, mãi cho đến lúc ấy ông mới trấn tĩnh lại được đôi chút. Qua tiếng chạm cốc lạnh canh, ông nghe thấy một người ngồi cạnh bảo ông bằng tiếng nước ông: «Mời ông nâng cốc chứ?» Ông làm theo người ta bảo. Cũng cái tiếng nói ấy còn nói thêm như để giải thích cho ông một điều gì đó nhưng ông chưa tỉnh trí, chưa có thể hiểu được gì hết, và chính ông cũng ngạc nhiên thấy mình lúng túng đến thế.

Lúc này ông thấy đám cưới chẳng khác gì một cơ thể lớn, mạnh mẽ và không có hình thù nhất định, nó thở, cử động, rì rầm, nhảy múa và phả cái hơi nóng hổi, ngậy ngất và mờ đục của nó ra khắp chung quanh.

Phải mất một lúc lâu viên tướng mới hoàn toàn trấn tĩnh lại được. Ông cảm thấy bọn trẻ con đang chăm chăm nhìn ông, mắt chúng ánh lên một niềm vui thâm lặng. Chụm sát đầu vào nhau, chúng chỉ vào một điểm về phía ông như thể đếm khuy trên bộ quân phục của ông, hay đếm lon, vì sau đó chúng cãi nhau, và rõ ràng là không đồng ý với nhau, những cái đầu nhỏ lắc qua lắc lại.

Người đầu tiên mà viên tướng, có lẽ vì khuynh hướng nghề nghiệp, để ý tới sự có mặt, là một quân nhân, đầu trần, đang niềm nở chào đón các khách khứa. Người ta mách ông rằng đó là anh cô dâu và đám cưới đã hoãn lại chính là để đợi anh ta xin được về phép. Chàng thanh niên, sau khi đã nhiều lần dẫn đầu cuộc khiêu vũ, bây giờ đang trò chuyện cười đùa với các thiếu nữ. Anh ta trẻ lắm, tóc vàng, cặp mắt nhỏ vui nhộn đảo nhìn tứ phía.

Rồi dần dần viên tướng để ý đến mọi cái ở quanh mình. Ông lần lượt nhìn các cụ già rậm ria ngồi xếp bằng tròn trên các minders<sup>12</sup> vừa trịnh trọng nói chuyện vừa hút tẩu chibouk<sup>13</sup> dài; cô dâu mặc áo dài trắng, rất duyên dáng và có vẻ hồi hộp; chú rể, mồ hôi đầm đìa, đi hầu khắp mọi chỗ để tiếp khách; từng cụm thiếu nữ lúc nào cũng cười nói thì thầm trong các góc nhà, tựa hồ các cô xưa nay chỉ biết có thể thôi và chính thái độ của các cô hứa hẹn những niềm vui thâm kín, nhưng hứa hẹn ấy không bao giờ được giữ



trộn vện; bộ mặt chán chường của các thanh niên đang hút thuốc lá, các nhạc sĩ da ngăm đen ướt đẫm mồ hôi; tất cả những bà nọ đi lại từ phòng này sang phòng kia, vẻ rất bận rộn; và sau hết các bà cao tuổi hơn, mặc đồ đen, với những bộ mặt in dấu từng trải của năm tháng, và mắt nhìn nặng xúc động và yêu thương, ngồi sắp hàng như một dãy tượng liệt thánh lờ mờ.

Bây giờ ông theo dõi những động tác nhanh nhẹn của các cặp chân, và tiếng gót giày gõ đều nhịp lên sàn nhà, vâng theo sự chỉ huy giòn giã của tiếng trống, tiếng sột soạt của các váy cộc trắng, kiểu váy cộc có hàng nghìn nếp trắng như tuyết núi Alps mà họ vừa đi qua, những lời chúc rượu dài dòng, lộn xộn nếu dịch ra thì mất hầu hết ý nghĩa, những bài hát khắc khổ của đám đàn ông gọi lên những buổi hoàng hôn ngăn ngui trên núi và những bài hát lả lướt, cảm động của phụ nữ, những bài hát này như vịn vào đôi vai lực lưỡng của những bài hát đàn ông, để thủng thẳng, ngoan ngoãn mãi mãi đi theo bên cạnh.

Viên tướng đưa mắt nhìn khắp xung quanh mà không sao nghĩ được một điều gì rõ rệt. Ông chỉ uống rượu và luôn miệng mỉm cười mà cũng không biết mình mỉm cười với ai nữa.

*«Tao không biết mày thuộc đội quân nào, vì tao chẳng bao giờ nhận ra được các kiểu quân phục, mà bây giờ tao già quá rồi cũng chẳng cần tìm hiểu cái đó làm gì, nhưng mày là một kẻ nước ngoài và mày thuộc một trong những đội quân nọ đã giết các người dân của tao. Cái nghề khốn kiếp của mày là xâm lược và mày ở trong số những kẻ đã làm tan nát đời tao, khiến tao trở thành bà lão khốn khổ như bây giờ, đến cái đám cưới người dưng nước lã này ngồi vào một xó mà lằm nhằm bảo mày những câu này đây. Chẳng ai nghe thấy những điều tao nói với mày vì mọi người ở đây đều vui vẻ và tao không muốn phá đám. Và chính vì chẳng muốn phá rối một cuộc vui của ai hết nên tao mới ngồi ở cái xó này để khẽ lằm bằm nguyên rủa mày, rất khẽ, để khỏi có ai nghe thấy. Tao rất muốn biết cái gì đã khiến mày đến đám cưới này và làm thế nào chân mày lại dẫn cái xác mày đến tận đây được. Mày ngồi đó, ở cái bàn kia, như một thằng ngốc. Phải đứng dậy đi thôi chứ, khoác áo ngoài lên vai mà cút ngay dưới trời mưa, về nơi nào mày*

*ở đây ra đi! Vậy ra mày không hiểu mày là người thừa ở đây hay sao, quân khốn kiếp kia?»*

Đám phụ nữ vẫn hát. Viên tướng cảm thấy một hơi thở ấm áp và một cảm xúc êm dịu tràn ngập lồng ngực mình. Ông có cảm giác được tắm gội lao trong âm thanh và ánh sáng. Và những âm thanh và làn ánh sáng nọ như từ một suối nước ấm giội lên người ông làm cho ông ấm hẳn lên, tẩy rửa cho ông sạch hết bùn của nghĩa địa, cái thứ bùn phả ra một mùi ẩm mốc và chết chóc.

Qua giây phút bàng hoàng, viên tướng cảm thấy vui vui. Ông muốn chuyện trò, muốn nói hoặc nghe những lời đẹp đẽ. Ông đưa mắt tìm ông linh mục. Ông này ngồi cách ông một chút phía trước mặt ông. Ông ta có vẻ như đang ngồi trên than hồng, mắt nhìn đăm đăm vào một điểm.

Viên tướng cúi mình về phía ông ta.

- Ông thấy là rất ổn đấy chứ!

Ông linh mục không trả lời.

Viên tướng quay người lại. Ông cảm thấy cái nhìn của những người chung quanh chĩa vào ông như những mũi tên thâm lặng. Nó chĩa vào túi áo, ngù vai của ông và họa hoãn, rất họa hoãn mới chĩa vào mắt ông, những mũi tên nặng nề u ám của đàn ông, và những mũi tên nhanh nhẹn, lấp lánh và chập chờn của các cô thiếu nữ.

«Như một con chim bị thương, nhưng luôn luôn hiên ngang, anh sẽ bay...»

- Hay đấy chứ nhỉ? Ông lại nói với ông linh mục.

Song ông này cũng chẳng trả lời, chỉ nhìn ông như để bảo «có thể» và ngoảnh mặt đi.

- Họ tỏ ra tôn trọng chúng ta, viên tướng nói. Chúng ta khiến họ phải vị nể, mặc dù trước kia ta là kẻ thù của họ.

- Cái chết ở đâu cũng được tôn trọng.

- Chiến tranh đã kết liễu lâu rồi. Quá khứ đã bị quên lãng. Tôi tin rằng chẳng ai trong đám cưới này còn nghĩ đến những hãn thù cũ. Ông không nhìn thấy niềm vui chung đó à?

Ông linh mục lặng thinh. Viên tướng quyết định không nói gì với ông ta nữa, tuy nhiên trước mắt ông vẫn cứ thấy phấp phới vạt áo dòng đen của người bạn đường.

«Hiển nhiên là ông linh mục cảm thấy mình thừa, viên tướng nghĩ thầm. Nhưng có lẽ mình cũng thừa chẳng? Thật khó nói. Bây giờ việc trót làm rồi. Chúng ta đã tới đây. Thừa hay không thừa, bỏ về cũng khó. Rút lui dưới hỏa lực súng liên thanh còn dễ hơn đứng dậy ra khỏi đây, vạt áo ngoài lên vai, ra về dưới trời mưa».

*«Mày thừa biết mày là người thừa ở đây. Mày cảm thấy rằng trong đám cưới này có một người nguyện rửa mày và lời nguyện rửa của một người mẹ không bao giờ không có hiệu lực. Mặc dầu người ta tỏ ra tôn trọng mày, mày thừa hiểu đáng lẽ mày không bao giờ nên đặt chân tới nơi này. Mày cố tự lừa dối mày điều đó. Tay mày run khi nâng cốc rượu và những bóng tối thoáng qua mắt mày nói lên tất cả nỗi sợ hãi của mày!»*

Trống lại đổ hồi. Kèn bắt đầu rền rĩ, các vĩ cầm cũng hòa theo. Nhiều khách dự tiệc đến muộn vừa tới, áo choàng to sụ của họ ướt đẫm. Nước sông lên to vì lũ, đã chặn họ lại, và họ đã phải đợi hàng giờ mới qua được sông. Họ lần lượt ôm hôn tất cả mọi người có mặt, rồi ngồi vào quanh cái bàn lớn.

«Đối với bọn người này hình như đám cưới là một chuyện gì thiêng liêng, viên tướng nghĩ thầm, nếu không giữa đêm hôm, với thời tiết như thế này, họ đã chẳng chịu mất công đi dự cuộc vui của người khác. Chắc là trời mưa to. Vào một đêm như đêm nay thì có lẽ đào chiến hào cũng không nổi, nước sẽ ngập đến lưng hào».

*«Hình như mày đến để thu nhặt những người chết của nước mày. Có lẽ mày đã thu nhặt được nhiều và sẽ còn tìm tại được vô khối nữa, có lẽ mày sẽ lượm được tất cả bọn chúng, nhưng mày cần phải biết rằng riêng về phần một đứa trong bọn, thì cho đến mãi đời vạn kiếp, mày cũng không bao giờ tìm thấy được, cũng như muốn vạn thuở tao không bao giờ còn tìm thấy con gái tao lẫn chồng tao. Thật tao rất muốn nói với mày về cái thằng mà không bao giờ mày sẽ tìm ra được. Sở dĩ tao không làm thế chỉ là vì tao không muốn đánh thức dậy trong lòng tất cả khách dự tiệc ở đây những kỷ niệm đau thương của chiến tranh. Cái đêm hôm ấy sao mà mưa to thế! To hơn*

*đêm nay. Nước chảy xối xả khắp chỗ. Không làm sao đào huyệt được, vì huyệt sẽ ngập nước đến lưng chừng, một thứ nước đen như nhựa thông, tựa hồ từ đêm tối vọt ra. Ấy vậy mà tao đây, tao đã đào nổi một cái đấy. Nhưng tao sẽ chẳng kể lại tí gì về chuyện ấy cho mày nghe đâu, để khỏi phá rối niềm vui của những người khác, cả niềm vui của mày nữa, ôi quân khốn kiếp!»*

Viên tướng châm một điếu thuốc lá và lấy làm lạ rằng sao mà nó có vẻ bé bỏng, bất lực bên cạnh những chiếc tẩu gỗ hoàng dương, dài và đen trong bàn tay hung hung đỏ của các cụ già, các cụ trò chuyện với nhau thình thoảng lại hút một hơi, như để cầm nhịp cho câu chuyện.

Chủ nhân, ông cụ đã đón tiếp viên tướng ở hành lang lúc mở đầu buổi vui, đến ngồi bên ông, tay cũng nắm tẩu như các cụ già khác, trên chiếc áo ngắn dày bằng len đen, lưng lảng một tấm huân chương dải màu vàng. Viên tướng biết rõ những huân chương ấy vì ông thường vẫn nhìn thấy trên ngực các nông dân, và tưởng chừng như ở mặt sau mỗi cái đều có khuôn mặt mờ nhạt của một tên lính chết trong đoàn quân của ông. Ông mỉm cười với ông cụ có bộ mặt nhăn nheo khiến ông nghĩ tới một khúc cây khô, nứt nẻ, nhưng còn cứng cáp. Một người ngồi bên ông, người lúc đầu đã mời ông nâng cốc, dịch cho ông nghe những câu đầu tiên của ông cụ. Chủ nhân xin lỗi đã không đến tiếp chuyện, vì khách khứa vẫn cứ tiếp tục kéo đến, cụ có bốn phận phải tiếp đón tất cả mọi người.

Viên tướng cuống quýt đáp lại bằng những lời lẽ lịch sự và lễ phép gật đầu. Ông cụ nín lặng, nhè nhẹ rút tẩu thuốc rồi bình thản hỏi viên tướng:

- Ông ở đâu thế?

Viên tướng trả lời.

Ông cụ gật đầu ra chiều nghĩ ngợi, khiến viên tướng hiểu rằng cụ chưa bao giờ nghe nói tới thành phố đó, tuy là một thành phố lớn, rất nhiều người biết.

- Ông có vợ, có con rồi chứ? ông cụ lại hỏi.

- Vâng, tôi đã có vợ và được hai con.

- Chúc cho họ sống lâu!

- Xin cảm ơn cụ!

Ông cụ lại rít một hơi thuốc nữa và trán cụ hằn lên vài nếp nhăn sâu. Ông cụ có vẻ muốn nói và viên tướng có cảm giác ông cụ sắp nói chính cái điều mà ông rất sợ nghe tối nay.

- Tôi biết tại sao ông lại đến nước chúng tôi, ông cụ nói với một giọng hoàn toàn bình tĩnh, và viên tướng cảm thấy như có một mũi dao găm đâm vào tim mình. Từ đầu bữa tiệc cưới, ông đã lo ngại một câu chuyện như thế này có thể xoay ra thành khiêu khích và ông đã cố tìm cách quên lý do sự có mặt của bản thân mình, với ảo tưởng là sự lãng quên của ông sẽ lôi kéo theo sự lãng quên của người khác. Tối nay ông ước ao chỉ là một du khách bình thường quan tâm tới những tập quán đáng mến của một dân tộc có quá khứ lâu đời, để sau này về nói chuyện với bạn hữu ở nước mình. Ấy thế mà rút cuộc đã không tránh được cái đề tài trò chuyện khốn kiếp ấy và viên tướng lấy làm hối hận rằng mình đã đến đây.

- Phải, ông cụ nói, ông nhật hạnh di hài của quân lính nước ông đã bị giết chết là phải. Hết thầy mọi người lính của Chúa đều phải an nghỉ tại nơi mình sinh trưởng.

Viên tướng gật đầu tán thành. Một lát sau chủ nhân trịnh trọng đứng lên và xin lỗi, cụ phải đi tiếp các khách vừa mới đến.

Viên tướng lại quay ra uống rượu, cảm thấy nhẹ nhõm cả mình. Bây giờ ông lại trở lại vui vẻ. Nguy cơ khiêu khích hình như đã qua. Ông có thể theo dõi cuộc vui tiếp diễn và tha hồ uống, không còn phải lo lắng gì nữa.

- Ông thấy không? Ông nhắc bảo ông linh mục; ông nói đã hơi lú lờ. Họ tôn trọng chúng ta. Tôi đã bảo ông mà. Quá khứ đã bị quên đi rồi. Ông nói cái gì cơ?

- Tôi nói rằng trong những dịp như thế này phân định được ranh giới giữa sự tôn trọng tập quán với sự tôn trọng không thôi không phải dễ, ông linh mục đáp.

- Các tướng lĩnh bao giờ cũng khiến người ta phải tôn trọng.

Viên tướng uống thêm một hớp rượu nữa.

- Ông biết không? Tôi mới nảy ra một ý, ông có vẻ láu lỉnh ghé sát mặt lại gần mặt ông linh mục. Tôi muốn đứng lên và ra nhảy với họ.

Ông linh mục sững sốt.

- Ông nói thật đấy à?

- Phải, sao lại không?

Ông linh mục bực bội lắc đầu.

- Tôi không sao hiểu được ông tối nay.

Viên tướng nổi cáu.

- Ông là vú em cho tôi như thế là đủ rồi. Cứ mặc kệ tôi. Tôi không muốn ai kiểm soát tôi hết.

- Khẽ chứ, ông linh mục nói. Người ta nghe mình đấy.

- Bao giờ mới bỏ được cái lệ đáng ghét đặt các viên tướng dưới sự kiểm soát?

Ông linh mục áp bàn tay lên trán như muốn bảo: «Chỉ còn thiếu cái nông nổi này nữa thôi!»

- Tôi đứng dậy đây, có thể thôi!

- Nhưng ông có biết kiểu khiêu vũ này đâu, ông sẽ lộ bịch đấy.

- Không, chẳng lộ gì cả. Đây là những bước nhảy rất đơn giản. Và lại xét cho cùng tôi sẽ lộ bịch trước mắt ai, trước mắt bọn dân quê này ấy à?

Ông linh mục đưa bàn tay lên trán.

*«Hình như tối nay ở câu lạc bộ mà đã hỏi dò tin tức về nó. Hình như đã từ lâu mà uổng công tìm kiếm nó. Nhưng tại sao mà lại cố công tìm nó như thế, cái thằng đại tá hung ác ấy? Nó là bạn thân của mà chẳng? Ừ, hẳn thế, vì mà quan tâm tới nó đến thế kia mà. Chúng mà đã để cả buổi tối dò hỏi tất cả mọi người trong làng. Nhưng tha hồ cho người ta biết nó chết gì đâu đấy ở vùng này, chẳng ai có thể đoán ra nơi chỗ đích xác nó nằm. Mà sẽ ra đi mà không đem được nó đi theo, thằng bạn thân của mà, thằng bạn thân khốn nạn của mà, đã làm cho đời tao tang tóc. Mà hãy rút đi cho mau, vì mà cũng khốn kiếp như nó. Phải, tất nhiên bây giờ thì mà ra vẻ hiền lành như cừ non và, nụ cười trên môi, mà nhìn mọi người khiêu vũ, nhưng tao thì tao thừa biết mà đang ngấm ngấm mưu mô cái gì! Mà*

*đang nghĩ rằng một ngày kia, mà sẽ nhảy xổ vào nước này với đội quân của mà để đốt nhà chúng tao và tàn sát chúng tao như các bạn mà đã làm. Mà đáng lẽ đừng nên đến đám cưới này mới phải. Mà đáng lẽ phải cảm thấy đầu gối run lấy bấy khi mà ra đi. Dù chỉ là vì nể tao, một bà già mất hồn tội nghiệp, số phận đen tối nhường này! Nhưng có chuyện gì thế vậy? Mà sắp bước vào vòng khiêu vũ! Mà dám cả gan đứng dậy ư? Tao còn thấy mà mỉm cười nữa kia? Đúng thật rồi, mà đứng dậy! Và họ đón tiếp mà nhập bọn! Nhưng hãy khoan, các người làm gì thế! Thế này thì quá quái lắm! Đây là một sự sàm báng!»*

Tiếng trống dồn lại nổi ra như tiếng đại bác gầm. Kèn lại than van rền rĩ, vĩ cầm lại hòa theo, tiếng thanh như tiếng phụ nữ. Ở giữa phòng, dần dần hình thành mầm mống cuộc nhảy vòng, với hai rồi ba người, rồi số người khiêu vũ không ngừng tăng lên.

Viên tướng ngăm nhìn vòng nhảy. Rồi ông ngăm nhìn ông linh mục. Rồi lại nhìn vòng nhảy. Rồi lại ông linh mục. Vòng nhảy. Linh mục. Vòng nhảy. Nhưng...

Ông đã đứng dậy. Cái gì phải xảy ra thì bây giờ đã xảy ra. Ông đứng kia lắc lư như một người say, sẵn sàng bước vào vòng người khiêu vũ, nó cho ông cái ấn tượng như một vòng lửa. Ông giơ tay ra hai ba lần nhưng rụt ngay lại tựa hồ tay ông bị bỏng. Vòng tròn quay cuồng trước mặt ông như một con quay và ông già cầm đầu cuộc khiêu vũ gập đầu gối, hầu như ngồi xổm, rồi lại đứng thẳng lên, gõ để giày lên sàn nhà, như muốn bảo: «Thế đấy, và bao giờ cũng cứ thế!», quay tít cái khăn tay trắng, buông tay người bạn nhảy của mình để quay như chong chóng rồi lại gập đầu gối và có vẻ như muốn ngã sòng xoài, hai chân như bị một lưỡi hái cắt cụt, nhưng lại vùng đứng dậy, rồi lại ngã xuống, như bị sét đánh, để rồi lập tức lại vùng dậy đúng lúc tiếng sấm nổ. Trống mỗi lúc một dồn dập, tiếng kèn thốn thức từng đợt từng đợt liên tiếp như tiếng nước nở từ cổ họng một người khổng lồ nào đó thoát ra và dây vĩ cầm rung lên, hối hả, vội vã. Tiếng trống càng ngày càng gấp.

Và bây giờ, qua tiếng nhạc than van, người ta tưởng như có những tảng đá lớn từ núi cao lăn xuống. Viên tướng vẫn đứng nguyên, bỗng thấy



chóng mặt trước những tiếng nhạc dồn dập cuồng loạn và chói lòa ấy. Ông không biết cái đó kéo dài bao lâu. Trong khoảnh khắc vài giây, ông trông thấy, như qua một tấm màn mỏng, những bộ mặt đăm mồ hôi của các nhạc sĩ, loa kèn clarinet nâng lên hạ xuống như nòng súng phòng không chĩa vào một mục tiêu di động, cặp mắt của những người khiêu vũ say sưa ngây ngất nhắm lại. Rồi tiếng trống im bật, các dây đàn chùng ra như có phép màu, cuộc vui hứa hẹn hết sức thành công và sẽ kéo dài rất khuya; nhưng đúng lúc những người khiêu vũ trở về chỗ ngồi, một tiếng rên siết nổi lên qua tiếng ồn ào. Viên tướng cảm thấy như đau nhói ở ngực. Tiếng huyên náo vẫn chưa hết vậy mà, thật kỳ lạ, mọi người đều nghe thấy tiếng kêu đó, thật không ai ngờ bà cụ Nice lại có thể thốt lên một tiếng rên như thế.

Bà cụ vừa nức nở vừa kêu lên những tiếng the thé. Cả gian phòng bỗng lặng ngắt, nghe thấy cả tiếng bà cụ nấc lên điểm vào những tiếng rên rĩ. Nhưng sự im lặng ấy chỉ kéo dài chốc lát. Viên tướng thấy mọi người đổ xô lại xúm xít xung quanh bà cụ, người ta gọi một người nào đó và bà cụ tội nghiệp, - có trời biết tại sao lại khóc rưng rức, - đã nguôi dần đi đôi chút.

Giả thử bà cụ thực đã nguôi rồi, như viên tướng và những người không đứng gần bà cụ tưởng thế, thì mọi sự sẽ ổn và có lẽ viên tướng sẽ ở lại đây lâu, cho đến thật khuya, nhưng bà cụ Nice lại khóc nữa. Rõ ràng là không gì có thể làm bà nguôi được, trái lại, bà lại than van rên rĩ; nhiều tiếng nói ồn lên quanh bà, nhưng tiếng bà cụ rên rĩ át đi hết, như thể đắm vào niềm vui chung, như một lưỡi dao. Nhiều người khác vội xúm quanh bà cụ, và viên tướng có cảm giác người ta càng săn sóc bà cụ thì tiếng rên rĩ của bà cụ càng thêm chói tai. Các nhạc sĩ lại chơi, song bà cụ Nice lại rú lên một tiếng, còn chói tai hơn nữa, các nhạc cụ liền câm bật, như e sợ. Viên tướng thấy đám người vây quanh bà cụ chuyển động như bị xô đẩy mạnh, và bà cụ Nice, vùng thoát khỏi tay những người đang níu bà lại, đâm bổ ra. Lần đầu tiên viên tướng nhìn sát gần bộ mặt hốc hác nhợt nhạt ấy, đôi mắt trợn trạo, sưng húp vì nước mắt, và cái thân hình nhỏ bé còm nhom kia. «Bà cụ làm sao thế? Bà cụ muốn gì? Tại sao bà cụ khóc?» Viên tướng hỏi, chột tình rệu. Song không ai trả lời ông. Người ta chạy theo bà cụ, hai phụ nữ nắm lấy cánh tay bà và định đỡ dành dìu bà trở lại, nhưng bà cụ bỗng hét lên và



đến đứng sừng sững trước mặt viên tướng. Ông thấy mặt bà cụ biến sắc vì căm thù, nhưng không đoán được lý do. Bà cụ kêu lên với ông vài tiếng gì đó, hoa chân hoa tay, gào thét vào mặt ông; ông đứng ngẩn ra trước mặt bà cụ mặt nhợt như sáp. Nhưng chỉ qua vài giây người ta đã nắm lấy bà cụ lôi đi; nhưng bà gỡ tay họ ra, đi nhanh ra cửa và bước ra ngoài.

Viên tướng đứng sững ra đấy; không ai dịch lại cho ông những lời của bà cụ Nice, nhưng họ không biết là ông linh mục biết tiếng Albania. Người ta xúm quanh cô dâu đang khóc sướt mướt và bà chủ nhà, mặt cắt không còn giọt máu, đang làm dấu.

- Tôi đã bảo ông mà, ông linh mục nói, lúc ấy ông ta đứng bên viên tướng. Lẽ ra chúng ta không nên đến đây mới phải.

- Có chuyện gì thế? Viên tướng hỏi.

- Bây giờ không phải lúc nói ông. Tôi sẽ giải thích cho ông sau.

- Ông nói phải, viên tướng nói. Tôi đã đi quá xa.

Đám người này mà lúc đầu cuộc vui, ông có ấn tượng là một khu rừng nhỏ ồn ào muôn màu sắc, bây giờ trước mắt ông đã biến thành một khu rừng âm u mùa đông. Những cái đầu, cánh tay, bàn tay, ngón tay dài nghiêng ngã như những cành cây trụi lá vì gió bão, rồi một nỗi lo âu bao trùm lên trên tất cả quang cảnh ấy, như một tiếng quạ kêu khô khan.

- Họ đến đám cưới của chúng ta làm gì? Một thanh niên nói.

- Suyt! Đó là điều không nên nói.

- Sao lại không nói? Một anh khác chêm vào. Họ lại còn cả gan tham gia khiêu vũ nữa.

- Chẳng lẽ lại đuổi họ ra. Đó là tập quán của ông cha ta.

- Tập quán lạ! Thế bà cụ Nice tội nghiệp, bà cụ nói sao về cái tập quán của ông cha ta ấy?

- Suyt! Không nên để cho họ nghe thấy.

- Không lo, một anh khác nói xen vào, âm ỉ như thế này, giá họ có biết tiếng Albania họ cũng không nghe thấy đâu.

Quả thật viên tướng và ông linh mục chẳng nghe thấy gì hết. Họ lần lượt nhìn từng bộ mặt chung quanh. Con mắt viên tướng lướt nhanh qua

đám đàn ông và thanh niên rồi chăm chú nhìn nhóm phụ nữ chỉ để hở có bộ mặt lộ ra dưới chiếc khăn đen bao quanh đầu họ như một cái khăn tang; họ ngồi rầu rĩ, im lặng, như tiên cảm những tai họa mới.

Viên tướng thấy lòng tràn ngập một niềm sợ hãi. Ông hối hận đã đến đây. Quá khứ không dễ mà quên được và người Albania tính hay thù dai. Tại sao ông lại đến? Cái ý thích nhất thời, rồ dại đó là cái gì vậy? Cho tới bây giờ mọi sự đều ổn thỏa. Đi tới đâu ông cũng có người đi theo, và được pháp luật che chở. Nhưng tối nay thì ông đã quá mạo hiểm. Nảy ra ý đi một mình với ông linh mục đến đám cưới này, thật là ngớ ngẩn! Tại đây ông đứng ra ngoài các quy tắc và pháp luật. Có thể xảy ra bất cứ chuyện gì cho hai người, mà không ai chịu trách nhiệm cả.

- Ta về thôi, ông chợt nói. Ta nên về ngay thôi.

- Phải, phải, ông linh mục đáp. Về đi. Chúng ta đã bị xúc phạm nghiêm trọng. Mụ già ấy đã nói về chúng ta những lời lẽ hết sức lăng nhục.

- Vậy thì lẽ ra ta cần phải trả lời họ trước khi ra về. Nhưng mụ già ấy đã nói gì thế?

Ông linh mục sắp nói thì chủ nhà tới.

- Xin mời các ông ngồi, cụ vừa nói vừa giơ tay chỉ về phía bàn; rồi cụ ra hiệu cho các bà đảm nhiệm việc phục vụ khách khứa, và các bà này đem tới rượu raki với bánh meze là những món nhắm thường đem ra mời khách ở xứ này.

Viên tướng và ông linh mục nhìn nhau rồi quay lại phía chủ nhà.

- Đó là chuyện thường xảy ra, ông cụ nói. Nhưng tôi xin mời các ông ở lại. Mời các ông ngồi.

Bối rối vì cứ đứng đấy, dưới con mắt của cử tọa, họ ngồi xuống. Như vậy, họ có cảm giác đỡ bị người ta để ý hơn.

Lúc này, trong phòng lớn một phần nào đã trở lại trật tự và mọi người lại ngồi vào chung quanh các bàn. Viên tướng thấy người đã cố dịch cho họ hiểu những câu chúc rượu đến ngồi bên cạnh ông.

Người này giải thích rằng Nice là một bà già ngẩn ngơ, ở góa trong chiến tranh vừa qua, chồng bà đã bị treo cổ trong những cuộc thảo phạt của

tiểu đoàn do đại tá Z chỉ huy. Ông còn được biết rằng đại tá Z đã sai người giải con gái của bà cụ khốn khổ đó vào lều của mình. Cô ta mới mười bốn tuổi và khi ở lều ra về vào lúc tờ mờ sáng, gần tới nhà, cô ta đã nhảy xuống giếng. Chính đêm hôm sau thì đại tá Z mất tích. Không biết cái chết của cô gái, hình như y đã đến nhà cô, định gặp lại cô. Y đặt một tên lính đứng gác trước nhà và đã lần lữa ở lại trong nhà khá lâu, lâu quá mức cần thiết, song tên lính gác đã được lệnh cứ đứng đấy cho đến tảng sáng. Sớm hôm sau, người ta không tìm thấy ai ở trong nhà và chẳng ai biết viên đại tá đã ra sao. Có kẻ quả quyết rằng y đã bị triệu về Tirana cấp tốc, những kẻ khác giải thích sự vắng mặt của mỗi người một phách, song chính các sĩ quan trong tiểu đoàn y thì lại không nói gì cả. Sang ngày hôm sau, đơn vị đó rời khỏi vùng này.

Tất cả câu chuyện được kể lại với ông từng mẫu, bằng những câu cắt quãng, lộn xộn đập vào đầu ông như một cái búa.

Trong khi đó, nhạc đã lại nổi lên, nhưng mới đầu không ai ra khiêu vũ cả. Rồi các bà đứng dậy đầu tiên và ai nấy đều có cảm tưởng rằng trừ mình ra mọi người đã quên câu chuyện của bà cụ Nice. Viên tướng ngồi ở bàn, tâm trạng sững sờ, ngẩn ngơ khiến ông không sao tập trung được tư tưởng vào một điều gì hết. Mắt ông lại gặp mắt ông linh mục.

- Tôi muốn biết cụ già đó đã nói gì.

Đôi mắt màu xám của ông linh mục nhìn viên tướng chăm chăm và viên tướng cảm thấy khó chịu.

- Cụ ấy tưởng ông là bạn thân của đại tá Z và chỉ nhìn thấy ông, cụ cũng đã nổi khùng lên rồi.

- Tôi mà là bạn thân của đại tá Z à?

- Phải, cụ ta nói thế đấy.

- Nhưng cái gì khiến cụ tưởng như vậy?

- Nào tôi biết.

- Có lẽ tại chúng ta đã cho tìm đại tá Z suốt buổi tối chẳng, viên tướng nói, vẻ đăm chiêu, như nói một mình.

- Có lẽ thế, ông linh mục xẵng giọng trả lời.

Viên tướng càng sa sầm nét mặt. Ông chẳng còn nhìn, chẳng còn nghe thấy gì xung quanh ông nữa. Bỗng ông nói:

- Tôi sẽ đứng dậy. Tôi sẽ đứng dậy và tuyên bố công khai ở đây rằng tôi không phải là bạn thân của đại tá Z và với tư cách một quân nhân tôi kính tởm hẳn.

- Tại sao ông muốn làm như vậy? Để thỏa mãn bọn dân quê này ư?

- Không. Tôi định làm thế vì thanh danh và danh dự của quân đội ta.

- Thanh danh của quân đội ta phải chẳng sẽ như nhuốc vì đã bị một mù già Albania lãng nhục?

- Tôi muốn giải thích cho họ biết tất cả các sĩ quan của ta không ở một mình trong lều với những con gái nhỏ mười bốn tuổi, mà sao nhãng việc quân để rút cục chết vì tay một người đàn bà.

Ông linh mục nhíu lông mày.

- Chúng ta đến đây không phải để nói lên những nhận định kiểu đó, ông chậm rãi nói. Việc phán xét là thuộc quyền đấng ở trên cao kia.

- Họ có vẻ tin thực rằng tôi là bạn thân của hẳn, viên tướng lại nói. Ông không thấy họ nhìn tôi như thế nào ư? Ông hãy nhìn xung quanh ông một tí. Hãy để ý đến mắt họ.

- Ông sợ à? Linh mục hỏi.

Viên tướng giận dữ nhìn ông ta. Ông toan cục súc trả lời, nhưng ông cảm thấy tiếng trống rung lên như đổ ụp xuống đầu ông, và lời ông định nói ngừng lại trên môi.

Sự thực, viên tướng có sợ. Tối nay, vì tếu ông đã đi quá xa. Bây giờ ông phải rút lui thận trọng. Ông phải lập tức nêu rõ sự phân biệt giữa ông và viên đại tá Z. Ông phải giữ bỏ viên đại tá như giữ bỏ một cục bùn dính vào ủng ông.

Đã đành tình thế xem chừng có vẻ trở lại bình thường nhưng đó chỉ là bề ngoài. Ông cảm thấy bên trong cái cơ thể hình thù bất định nọ có cái gì đang sôi sục, trông thấy rõ ở khóe mắt mọi người, cảm thấy rõ ở những lời thì thầm của họ. Với lại, ở ngoài cửa, trong hành lang, bên cạnh những áo choàng to sụ và áo khoác, còn có những khẩu súng của khách khứa treo trên

đình đóng ở tường, sắp hàng ra đó. Ông linh mục đã có lần bảo ông rằng trong các đám cưới Albania những vụ giết người thường xảy ra.

Họ phải hành động bây giờ, trước khi quá muộn. Nếu họ đột ngột bỏ về, rất có thể một khách dự tiệc đã ngà ngà say sẽ bắn vào lưng họ. Con mồi mà chạy trốn thì chó thường đuổi theo càng dữ, cần phải thu xếp một cuộc rút lui thận trọng.

Viên tướng lại đưa mắt ngơ ngác nhìn đám người đang náo động, nhảy múa, cười đùa chung quanh ông, rồi mắt ông ngừng lại trên dãy bà già vẫn ngồi nguyên tại chỗ từ lúc mở đầu cuộc vui, khuôn mặt lặng lẽ, hơi nghiêng nghiêng, tựa hồ một dãy tượng liệt thánh; ông mệt mỏi cúi đầu và im lặng.

Trống lại đánh dồn âm âm và kèn clarinet lên tiếng khàn khàn, náo nộ như xuyên vào đám cưới. Cánh đàn ông ngồi ở bàn, đã cất giọng hát một bài, và viên tướng lại nhìn thấy những cảnh hoàng hôn từ núi cao đổ xuống; bây giờ ông nghe giọng hát xót xa của phụ nữ, họ ngồi hát đầu cúi xuống; tiếng hát như ảm ức bị những giọng nam giới ngắt quãng, nghe như tiếng hỗn hển của một người đàn bà trong vòng tay ôm siết của người đàn ông mình yêu.

- Tôi nghĩ bây giờ đã đến lúc ta cần phải về thôi, viên tướng nói.

Ông linh mục gật đầu.

- Đây là lúc thích hợp.

- Ta hãy kín đáo đứng lên.

- Phải rồi.

- Điều quan trọng là đừng làm cho người ta để ý đến mình quá.

- Ông đứng lên trước đi. Tôi sẽ theo ông.

- Cần nhất cố đừng để người ta chú ý đến mình.

Đã sắp nửa đêm. Cuộc vui đang náo nhiệt và chẳng ai, hay hầu như vậy, còn nghĩ đến bà cụ Nice nữa, thì, bỗng nhiên, người ta thấy bà cụ xuất hiện. Đúng vào lúc hai người nước ngoài sắp sửa đứng dậy. Có lẽ viên tướng là người đầu tiên nhận ra bà ta trở lại. Ông cảm thấy sự có mặt của bà cụ như người đi săn già đánh hơi thấy hổ đến gần trong rừng rậm. Trông thấy

mọi người ở gần cửa nhón nháo và thì thầm với nhau, ông nghe thấy như trong đáy lòng ông có tiếng kêu lên: «Mụ ấy kia rồi!» và ông cảm thấy mình tái mặt. Lần này thì bà cụ không khóc nữa, người ta không nghe thấy tiếng bà cụ, nhưng ai nấy đều cảm thấy rõ bà cụ đứng đó, ở cửa. Đàn nhạc vẫn chơi, nhưng không ai nghe nhạc nữa. Một nhóm đông đã tụ tập lại trước cửa. Không ai hiểu được tại sao bà cụ Nice trở lại. Không biết có phải vì trông thấy bộ dạng của bà hay vì những lời bà cụ van nài, có điều là mọi người đều giãn ra cho bà đi và bà cụ bước vào phòng, giữa những tiếng thốt lên ngạc nhiên của mọi người. Người bà cụ ướm sưng, đầy bần, mặt nhợt như xác chết, vai vác một cái bao.

Viên tướng đứng dậy như cái máy, đi lại chỗ bà cụ. Ông đoán biết là bà ta tìm ông. Ông tự đi tới trước mặt bà như những con thú nọ, đánh hơi từ xa thấy sự có mặt của kẻ thù, bị tiếng kêu của nó mê hoặc và đáng lẽ trốn đi thì lại chạy bổ đến chỗ nó.

Mọi người xúm cả lại quanh hai người mà không ai biết nên làm gì, cứ đứng ngẩn cả ra đấy. Bà cụ Nice đứng sừng sững trước mặt viên tướng, ngơ ngác nhìn ông chăm chăm, tựa hồ không phải nhìn ông mà là nhìn cái bóng của ông ta, rồi với giọng nhát gừng, thỉnh thoảng lại nổi cơn ho, bà cụ nói với ông ta vài câu.

- Xin dịch cho tôi nghe bà ta nói gì! Viên tướng kêu lên như cầu cứu. Nhưng không ai đáp lại sự mong muốn của ông. Ông đưa mắt nhìn quanh và bắt gặp cặp mắt ông linh mục. Ông này lại gần.

- Bà ấy xác nhận xưa kia đã giết một sĩ quan cao cấp của ta và bà ấy hỏi có phải ông là viên tướng đến thu lượm di hài những người chết trong cuộc chiến tranh vừa qua không, ông linh mục nói.

- Thưa cụ vâng, viên tướng đáp bằng một giọng phờ phạc. Ông lấy hết sức lực nâng cao đầu trước mặt người đàn bà đã làm ông hoảng sợ.

Bà cụ Nice bèn nói thêm vài câu nữa mà ông linh mục không sao dịch được, vì những câu đó bị những tiếng rì rầm ồn ào át đi và chưa ai kịp có một cử chỉ gì để ngăn bà cụ lại, bà đã vứt cái bao vác trên vai xuống sàn nhà ngay dưới chân viên tướng, giữa những tiếng rú khiếp sợ của đám phụ nữ. Ông linh mục bây giờ chẳng còn gì phải dịch nữa; có dịch cũng bằng

thừa, vì lúc này mọi sự đã rõ ràng và quả thật không gì có thể có ý nghĩa hơn và đồng thời ghê sợ hơn cái bao bê bết những tảng lớn bùn đen còn ướt, vừa rơi đánh bịch một cái xuống sàn nhà. Đám phụ nữ kinh hoảng bỗng dạt cả ra, đưa tay lên che mặt, còn các bà già thì vừa làm dấu phép vừa buông những tiếng thờ dài khiếp sợ.

- Bà cụ đã chôn hẳn trước ngưỡng cửa nhà đấy, có người kêu lên.

- Tội nghiệp bà Nice!

Đột nhiên bà cụ già quay lưng lại và bỏ đi cũng như bà đã đến, người ướt sũng, lấm bùn và chẳng ai nghĩ đến việc giữ bà cụ lại cả, vì chuyện gì phải xảy ra thì thế là đã xảy ra rồi.

Viên tướng không rời mắt khỏi sàn nhà. Ông cảm thấy choáng váng vì tiếng huyên náo, tiếng kêu hét và sự khủng khiếp của cảnh tượng này. Bất thần, chính ông cũng không hiểu được tại sao, cả phòng lặng ngắt như tờ. Có lẽ thật ra chẳng có im lặng gì đâu, nhưng viên tướng cũng vẫn có cảm giác như thế. Dưới chân ông, và trước mặt tất cả khách khứa, nổi lên cái vết đen cam lạng nọ, cái bao cũ đã vá nhiều miếng, điều kỳ lạ là những miếng vá ấy đã làm ông chú ý. «Phải có ai lo đến cái bao này chứ!» ông nghĩ vậy, đầu óc mụ mẫm. Thế rồi, trong im lặng, ông thong thả cúi xuống và hai tay run rẩy, ông nắm lấy miệng bao, cứ thế nhấc cái bao đầy bùn lên rồi lại để nó rơi bịch xuống. Rồi ông mặc áo khoác vào và lại nắm lấy cái bao, thong thả đưa nó lên vai rồi bước ra, lom khom nhục nhẽ dưới cái bao, tựa hồ ông khiêng trên vai tất cả nỗi sỉ nhục và sức nặng của trái đất. Ông linh mục ra theo.

Sau lưng ông, một phụ nữ nào đó kêu rú lên những tiếng náo lòng.

## CHƯƠNG XXI

VIÊN tướng đi trước, lội trong các vũng nước. Ông linh mục theo sau. Họ đi ngược cái phố nhỏ, ra đến quảng trường làng, vòng quanh ngôi nhà thờ cổ và bỗng lạc đường trong đêm tối. Họ không nói không rằng, quay trở lại, viên tướng vẫn dẫn đường. Họ đi qua giếng làng, rồi qua cầu lạc bộ và men theo nhà thờ, nhưng không sao tìm ra cái nhà họ trọ. Hai lần chiếu theo cái gác chuông nhà thờ sừng sững trên đầu, họ nhận ra thấy mình vẫn quay trở lại chỗ cũ. Gió thổi mạnh đến mức tưởng chừng mưa gió sắp rung chuông kêu lên đột ngột.

Tay ông nắm cái bao đã tê dại.

*«Sao mà em nhẹ thế, Betty!» anh ấy bảo tôi một buổi tối trong vườn. Chúng tôi ôm ngang lưng nhau đi dạo chơi, hai đêm trước ngày cưới. Đêm ấy là một đêm mùa thu, ấm áp và rạo rức. Ban chiều, trời đã mưa và có những vũng nước nhỏ rải rác ở các lối đi trong vườn. Anh ấy bế tôi trên tay như một đứa bé và luôn miệng bảo tôi: «Có thực em nhẹ thế không, Betty, hay là hạnh phúc anh đang cảm thấy cho anh cái ấn tượng ấy? Anh không giữ gìn đôi ủng quân nhân nặng nề giẫm bùn vào các vũng nước làm bắn tung lên hàng nghìn giọt nước nhỏ long lanh phản chiếu ánh trăng». Anh ước ao cứ được ôm em như thế này mãi suốt đời, trong tay anh, Betty ạ. Phải, cứ thế này mãi. Anh vừa đi vừa hôn tôi lên tóc, luôn miệng bảo tôi: «Sao mà em nhẹ thế, Betty.»*

«Bây giờ đến lượt mày nhẹ. Trên đời chẳng có gì nhẹ hơn mày. Chỉ ba, bốn cân là cùng. Ấy thế mà mày làm tao sụn lưng đấy!»

Họ còn đi lang thang hồi lâu, vòng quanh làng nhiều lượt, lạc đường như hai gã say rượu, vừa cố đi thật xa cái nhà thờ cứ luôn luôn xuất hiện, đen ngòm, trên đầu họ. Họ chỉ dừng bước khi suýt nữa đâm sầm phải mũi xe của họ chỉ trông thấy lờ mờ trong bóng tối.

Họ nhớ lại rằng ô tô đỗ ngay trước cái nhà người ta cho họ ở, và viên tướng đẩy cổng bước vào sân. Hai cánh cổng đóng sầm lại sau lưng ông. Ông đi vài bước, mở cửa trong và, vừa vào tới buồng ngoài, vút ngay cái



bao xuống sàn nhà. Cái bao rơi xuống nghe bịch một cái; viên tướng, bàn tay tê dại, đánh bật lửa.

Dưới ánh sáng nhợt nhạt, ông sầm sầm lên thang gác bước vào phòng mình, quăng cái áo mưa ướt của ông xuống đất và cứ để quần áo y nguyên thế mà nằm vật lên giường. Một lát sau, ông nghe thấy cửa phòng mở rồi lại đóng lại, rồi có ai ngả lưng xuống cái giường kia.

«Ông linh mục!» Ông tự bảo.

Ông muốn ngủ, nhưng không sao ngủ được. Ông bèn cố sắp xếp lại những ý nghĩ của mình nhưng cũng chẳng xong.

«Ta phải ngủ, ông nghĩ. Ngủ. Ngủ. Nằm thật yên như cái xe tải ngoài kia. Ngủ cho kỳ được».

Ông nhắm nghiền mắt lại, nhưng cũng không ăn thua gì. Ông càng nhắm chặt mi mắt, bóng tối càng nhạt đi, vì bóng đêm lỗ chỗ những đốm và vệt ánh sáng, khi thì có một mảng trời cắt ngang, khi thì là dải xanh lam của một bãi biển xa.

«Ta cần có bóng tối, ông nghĩ. Tôi cần đêm tối hoàn toàn, không vết, để ngủ».

Song những dải xanh lam, trắng, tím hoa cà, và những đốm đỏ, vàng vẫn không mất đi. Dù ông quay đầu về phía nào chúng vẫn cứ hiện ra đấy, trước mặt ông, chỉ cách có vài phân, giữa bóng tối dày đặc.

Ông vùng dậy, uống một viên Luminal<sup>14</sup> rồi lại nằm xuống. Nhưng ông vừa chập chờn ngủ, đã giật mình tỉnh dậy. Ngoài kia, phía bên kia quảng trường, tiếng trống lại vang lên từng hồi.

«Cái đám cưới chết tiệt ấy vẫn tiếp tục à? Ông tự nhủ. Không biết có chuyện gì ở đấy?»

Ông vùi đầu vào chăn để khỏi nghe thấy, nhưng vô ích. Ông tưởng như trông thấy một con người nhỏ xíu, bé tí như một nhân vật trong truyện thần tiên ngồi xồm trong óc ông mà đánh một cái trống con, như trống của những người lính băng chì. Tha hồ cho ông trùm đầu và bịt tai, con quý oắt con vẫn cứ ở đấy, ngồi xồm mà đánh trống, đánh liên miên, đều nhịp, bùng bùng, bập bập bùng, bùng bùng.

Ông thấy hình như tiếng trống cầm nhịp cho bước đi của một đoàn quân.

«Đó là đại quân của ta đang tiến bước!» Ông nghĩ. Bỗng ông ngóc đầu dậy và nói to một mình: «Thôi!»

Ông ngã đầu xuống gối, nhưng một phút sau ông lại nhòm dậy và gọi ông linh mục:

- Cha, này cha! Ông đại tá, dậy đi!

Ông linh mục giật mình choàng dậy.

- Có chuyện gì thế?

- Ta phải đi khỏi đây ngay, càng sớm càng tốt, dậy đi!

- Đi à? Đi đâu?

- Đi Tirana.

- Nhưng trời còn tối kia mà.

- Mặc kệ. Ta cứ đi.

- Tại sao thế?

Đôi ủng của viên tướng làm sần nhà kê có cát kết.

- Ông không nghe thấy ư? Ông không nghe thấy tiếng trống ư? Ở đây mọi chuyện vẫn tiếp tục và tôi có những linh cảm bất thường.

- Ông sợ à? Ông linh mục hỏi.

- Vâng, viên tướng nói. Tôi có cảm giác không chừng lúc nào họ sẽ tới tụ tập trước cái nhà này mà đánh trống như tục lệ của một vài dân tộc vẫn làm để xua đuổi ma quỷ.

Viên tướng đánh bật lửa và sắp vali.

- Ông nghĩ thế nào? Ông hỏi.

- Thì đi, ông linh mục nói.

Viên tướng đóng vali lại.

- Một cuộc khiêu vũ, ông lắm bầm. Tôi muốn dự một cuộc khiêu vũ với họ, thế mà suýt nữa thành tai họa. Đất nước gì mà lạ lùng thế chứ, trời!

- Đáng lẽ chúng ta không nên đến đây.

- Chỉ một điệu vũ thôi, nhưng suýt nữa biến thành điệu vũ ma quỷ.

Ông linh mục lăm bằm mấy tiếng không rõ, rồi hai người bước ra khỏi phòng, người nọ theo sau người kia. Đôi ủng của viên tướng kêu cọt kẹt khi mau khi thưa trên các bậc cầu thang bằng gỗ. Ông đi thẳng ra sân, tiến về phía cổng. Ông linh mục nấn ná một chút, viên tướng quay lại và thấy ông ta đi tới, một bọc nặng vác trên vai.

«Cái bao!» ông nghĩ thầm.

Họ ra tới phố. Mưa đã tạnh và bóng tối bớt dày đặc.

- Mấy giờ rồi? Ông linh mục hỏi.

Viên tướng đánh bật lửa.

- Bốn giờ rưỡi.

- Sắp sáng rồi.

Đâu đó, vài con gà trống bắt đầu gáy. Một cơn gió lạnh buốt từ các ngọn núi xung quanh thổi tới. Xa hơn một chút, chiếc xe tải in bóng đen sì.

Họ dừng lại bên chiếc xe con và nhìn về phương đông. Tường chừng như về phía mặt trời mọc, có ai lấy bút lông phết chõng chất mấy lượt sơn trắng hút hết bóng tối của đêm để thay thế dần bằng một màu xám ẩm ướt, lạnh lẽo.

- Họ ngủ ở nhà kia, ông linh mục nói, hất hất đầu chỉ cái nhà trước mặt.

- Ông đánh thức anh lái xe dậy, bảo hẳn là tôi không được khỏe và phải đi Tirana ngay lập tức.

Ông linh mục đẩy cánh cổng của cái sân liền bên. Cổng mở làm kêu một cái chuông con; một con chó sủa ở sân bên cạnh, rồi một con khác họa theo và một lát sau, tất cả chó trong làng cùng sủa vang.

Nhưng đối với viên tướng ngay những tiếng sủa ấy cũng không át được tiếng trống dồn và tiếng ồn ào ở xa xa.

Cánh cổng lại rít lên trên nỏ; ông linh mục lại ra, cái bao vẫn trên vai.

«Mày không rời được cái bao ấy!» viên tướng nghĩ thầm.

- Hẳn đang mặc quần áo, ông linh mục nói, hẳn ra ngay bây giờ.

- Lũ chó! Viên tướng nói.

- Phải, ở làng nào cũng thế. Cứ một con sủa là tất cả những con khác sủa theo.

- Chúng cứ việc sủa, viên tướng nói. Có làm quái gì. Nếu chúng biết trong xe tải của ta có gì, chúng sẽ gào hú như sợ chết thì bây giờ phải biết là khủng khiếp.

Ông linh mục không đáp, chỉ nói:

- Chó chết tiệt!

Lũ chó lần lượt ngừng sủa.

Nghe xa xa có tiếng rống của một con bò cái còn ngái ngủ. Cánh cổng sân lại rít lên và anh lái xe hiện ra trong bóng tối lờ mờ. Họ chào nhau. Anh lái xe ho sặc lên vì đột ngột thở phải khí lạnh ban đêm, mở các cửa xe phía sau và viên tướng lên xe.

- Anh làm ơn mở giúp tôi cánh cửa trước, ông linh mục nói.

Anh lái xe vừa mở vừa hỏi:

- Cái gì thế?

- Một cái bao. Chúng tôi đem nó đi theo.

Anh lái xe lấy chân đẩy cái bao chèn nó cẩn thận bên cạnh mình, ông linh mục ngồi vào phía sau xe.

Họ lên đường.

Ánh đèn pha lướt trên các bờ giậu tối om ở hai bên lề đường, rồi tỏa ra phía trước, trên đường cái. Xe vừa bắt đầu chạy, viên tướng quần chặt cái áo khoác da, thu mình vào một góc và nhắm mắt lại. Bây giờ ông không còn nghe thấy gì hết, trừ tiếng vo vo êm êm của động cơ; và ông chỉ còn có một mong muốn là ngủ. Song ông không ngủ, mà lại cứ nhớ đến tất cả mọi chuyện xảy ra ở đám cưới đến từng chi tiết nhỏ nhất.

«Ta phải ngủ, ông ta nhỉ. Ta không muốn nhớ lại gì hết. Ta không muốn đặt chân tới đó nữa».

Nhưng, trong ý nghĩ, ông lại thấy mình đến đám cưới. Ông đang cởi bỏ áo mưa. Ông ngồi vào bàn.

Ông mở mắt và nhìn ra trước mặt, nhưng chẳng trông thấy gì trừ bóng tối lờ mờ bị một đường hành lang ánh sáng chọc thủng vừa đủ rộng

cho xe đi qua và xe vừa đi khỏi là nó khép kín lại ngay.

Ông linh mục gục đầu xuống ngực, ngủ gà, ngủ gật.

Con đường chợt bị ánh đèn pha đánh thức dậy từ cảnh hỗn mang của đêm tối ló ra trong chốc lát, ngái ngủ và nhột nhột, để rồi lại biến ngay mất. Hai bên đường, cách từng quãng lại xuất hiện những cột cây số trắng xóa một màu trắng gay gắt đến rùng mình. Viên tướng có ấn tượng chúng là những tấm mộ chí.

Anh lái xe đột ngột hãm phanh, ông linh mục bất ngờ đập đầu vào ghế đằng trước.

- Có chuyện gì thế? Ông choáng váng hỏi.

Viên tướng còn mù mẫm cả người, nhìn ra ngoài. Xe đỗ lại trước một cái cầu. Nghe bên dưới có tiếng nước chảy ầm ầm.

- Tại sao anh đỗ xe lại? Ông linh mục hỏi.

Anh lái xe nói máy nổ bị cái gì đó và bước xuống đóng cửa xe đánh sầm.

Đèn pha chiếu những luồng ánh sáng song song giữa các thành cầu. Anh lái xe mở nắp xe và cúi xuống máy nổ. Anh lại lên xe tìm một dụng cụ gì đấy. Anh đẩy cái bao làm vướng anh, rồi lôi nó ra ngoài và nhắc đệm ghế lên.

Viên tướng mở cửa ở phía mình và cũng bước xuống. Ông dài bước đi bách bộ quanh xe. Ông linh mục vẫn không nhúc nhích. Anh lái xe lúng búng một câu chửi và trở lại tìm cái gì đó. Lần thứ hai viên tướng vấp phải cái bao.

«Cái bao này, ông chợt nghĩ. Chính cái bao này đã suýt làm bọn ta nguy. Cho đến bây giờ mọi sự đều trôi lọt, trôi chảy, nhưng bỗng hiện ra cái bao ác hại này, thế là mọi việc đâm ra lúng củng».

- Tại cái bao này làm cho ta xúi quẩy, ông nói to lên.

- Ông bảo sao? Ông linh mục hỏi.

- Tôi bảo cái bao này đem tai họa đến cho ta, viên tướng nhắc lại và, đồng thời, ông lấy chân hất mạnh cái bao. Cái bao lăn xuống phía dưới và rơi bồm một tiếng lớn xuống nước đang chảy dưới sông.

- Ông làm gì thế? Ông linh mục kêu lên và bước vội ra khỏi xe.
- Cái bao này xúi quẩy, viên tướng vừa nói vừa thở một cách khó nhọc.
- Tìm được nó chúng ta đã mừng biết bao. Chúng ta tìm nó đã hai năm nay rồi.
- Phải, nhưng ta đã suýt phải trả giá nó bằng cái đầu của ta đấy, viên tướng nói, giọng mệt mỏi.
- Ông có biết ông đã làm gì không? Ông linh mục kêu lên và bật ngay đèn pin.

Hai người lại gần lề đường ngó xuống bên dưới, nơi có tiếng nước róc rách vọng lên. Đèn của họ chỉ hắt ra được một ánh sáng lờ mờ lên bờ sông cheo leo.

- Chẳng trông thấy gì cả, viên tướng nói.

Ông đến gần anh lái xe. Cả ba người soi mói nhìn vài giây xuống lòng sông.

- Có lẽ nước cuốn đi mất rồi, viên tướng nói. Giọng ông lộ vẻ mệt mỏi và hối hận.

Ông linh mục giận dữ nhìn ông và quay lại ô tô trước.

- Lạnh quá nhỉ! Viên tướng nói với anh lái xe, lại thêm gió như cắt da mặt!

Ông trở lại xe sau ông linh mục.

Xe lại lên đường.

«Bây giờ chắc nó đang quay lộn trong dòng nước tối mò như trong một cơn ác mộng», viên tướng thầm nghĩ. Ông nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy những cột cây số và cổ ngủ. Nhưng ông không sao ngủ được.

## CHƯƠNG XXII

HAI ngày qua đi. Hôm nay là ngày cuối cùng của họ ở Albania. Viên tướng ngủ dậy muộn. Ông mở các cửa sổ. Trời buổi sáng âm u.

«Sắp mười giờ rồi, ông tự nhủ. Ta phải đi lấy vé ở công ty hàng không. Lễ missa sẽ tiến hành vào mười một giờ mười lăm và tiệc vào bốn giờ rưỡi thì phải. Trước mắt là một ngày căng đậy».

Mặt tủ đêm của ông đầy một đồng tướng thư từ, điện tín, báo chí nhận được từ nhà gửi sang.

Thư từ nhiều nhất. Hàng trăm cái, từ mọi miền nước ông. Chúng chứa đựng đủ mọi thứ chuyện, những giai đoạn chiến tranh và đôi khi lại có cả bản phác họa một ngọn đồi, một căn nhà, hay bản đồ đầy đủ của một làng do một cựu chiến binh nào vẽ lại.

Viên tướng ném các phong bì và thư vào sọt giấy và ra khỏi phòng. Ông thong thả bước xuống cầu thang, đi trên tấm thảm mềm của phòng lớn và tới bàn giấy nhờ người gác cửa gọi hộ người phụ trách tiếp tân của khách sạn. Một lát sau, người đó tới.

- Ông đã được báo trước là chúng tôi sẽ có một bữa tiệc nhỏ chiều nay chưa?

- Thưa ông, đã. Tất cả sẽ sẵn sàng vào bốn giờ rưỡi ở phòng khách số 3.

- Cảm ơn.

Viên tướng hỏi có ai thấy ông linh mục không. Người ta trả lời rằng ông ta đã ra phố.

Trong phòng lớn và trước các buồng giấy, rất tập nập nhộn nhịp. Hai máy điện thoại không ngừng réo chuông và, trước các thang máy, nhiều người đứng chờ, vali để dưới chân. Vài người da đen ngồi trong những ghế bành lớn, một nhóm người Trung Quốc có hai thiếu nữ đi theo bước sang phòng ăn, và, trước tổng đài điện thoại, hai thiếu phụ tóc vàng, có vẻ là người nước Áo, đang đợi nói chuyện với Vienna.

Viên tướng bước vào phòng khách, nơi ông thường uống cà phê, nhưng không còn bàn nào trống. Suốt thời gian ông ở khách sạn này, đây là lần đầu ông thấy đông khách nước ngoài đến thế.

Ông quay trở lại, định ra phố và tại phòng lớn, bắt gặp những người Phi châu khác vào qua cửa lớn, tay xách vali. Bên ngoài, dưới những cây thông cao, có nhiều xe đỗ.

«Tại sao tập nập thế này nhỉ?», ông vừa tự hỏi vừa xuống bậc tam cấp. Ông rẽ sang phải và đi ngược đại lộ về phía các Bộ.

Đến quảng trường Skanderburg, ông trông thấy cờ cắm chung quanh cái công viên nhỏ, phấp phới trước gió. Trên các trụ cao, mặt nhà các bộ và các cột của Cung Văn hóa, có treo đèn và những băng khẩu hiệu.

«A, phải rồi! Ngày kia là quốc khánh của họ, mình hầu quên mất».

Các bờ hè chật ních khách đi chơi. Đám đông, như thường lệ, tụ tập trước những áp phích quảng cáo chiếu bóng, dán một dãy dài trước cột đồng hồ. Ông nhìn thoáng qua các áp phích và óc để đâu đâu, mới đi quá hai bước, ông đã quên tên các phim rồi.

Ông nhìn đồng hồ. Đã mười một giờ.

«Sau lễ missa, ta sẽ lấy vé», ông tự nhủ, và rẽ sang trái. Trước ngân hàng, ngay sau tiệm cà phê «Studenti», chỗ bến ô tô buýt, xúm xít một đám đông khách đi xe. Đây là ga chót của các đường phục vụ nhà máy liên hợp dệt, các xưởng phim, ngoại ô Laprakë và ngoại thành thủ đô. Chỗ này bao giờ cũng đông, nhưng hôm ấy người tụ tập còn đông hơn ngày thường, không thể nào đi một bước mà không đụng phải ai. Nhà thờ, nơi sắp làm lễ Siêu độ, ở xa quá một bến xe nữa, và viên tướng quyết định đi bộ nốt quãng đường còn lại. Ông thủng thỉnh trên hè giữa, vừa đi bụng vẫn còn nghĩ đến chuyện hài cốt của viên đại tá.

«Ta đã hành động hấp tấp. Quái thật, ta đã hành động không suy nghĩ».

Ông không nhớ rõ sự việc đã xảy ra như thế nào. Ông chỉ nhớ là ông đang lúc buồn bực và như đãng trí. Ông đã cảm thấy như có một gánh nặng



to lớn đè nặng trĩu tâm hồn. Và bây giờ, nghĩ lại, ông thấy cử chỉ của ông hoàn toàn là điên rồ.

Dù sao đi nữa, cũng phải có cách gì sửa chữa việc này. Ông sẽ bàn với ông linh mục ngay tối nay. Có vô khối tên lính cao một thước tám mươi, chiều cao của viên đại tá. Còn về răng thì thu xếp cũng dễ thôi. Và ai dám ngờ rằng di hài của viên đại tá đã bị đánh tráo? Chẳng có ai.

Rồi ông cố nhớ lại những tên lính khác cùng chiều cao với đại tá Z nhưng không nhớ ra. Mỗi lần, trong khi đào bới, nghe thấy anh cán bộ xướng to lên «một thước tám mươi hai» là ông lại nghĩ ngay: «Như đại tá Z». Nhưng lúc này ông không nhớ ra được một tên nào hết.

Ông chỉ nhớ có tên lái máy bay người Anh nọ mà họ đã tình cờ đào được dưới vết bánh xe một con đường làng, để rồi lại chôn xuống ngay tại chỗ đã tìm thấy.

Rồi ông nhớ đến tên lính viết nhật ký. Hẳn đo đúng một thước tám mươi hai. Ông vẫn mơ nghĩ nếu đem di hài hắn đánh tráo vào di hài viên đại tá thì sự thế sẽ ra sao. Ông hình dung sự đón tiếp của gia đình và tất cả những người thân thích của viên đại tá sẽ dành cho di hài người lính thường ấy, tang lễ lớn lao và đám ma long trọng. Betty, mặc đại tang, vừa khóc vừa đỡ cánh tay bà mẹ già của viên đại tá, và bà lúc nào cũng chỉ nói về con trai mình với tất cả mọi người chung quanh. Rồi hài cốt của anh lính khốn khổ kia sẽ được đem tới ngôi mộ tráng lệ của kẻ đã giết anh ta, chuông nhà thờ sẽ đánh vang lên, một ông tướng sẽ đọc diễn văn và mọi chuyện sẽ là một sự lãng nhục đối với thiên nhiên, mọi chuyện sẽ chỉ là như nhuốc, bịp bợm và sàm báng. Và nếu quả thực có hồn ma và vong linh thì hẳn anh lính kia ngay từ đêm ấy sẽ đứng lên, bước ra khỏi mộ.

«Không!» viên tướng tự nhủ. Nên tìm một người khác thì hơn. Chắc hẳn phải có người. Viên tướng rảo bước. Chỉ còn hai phút nữa là đến giờ làm lễ. Ông đã trông thấy nhà thờ, một công trình kiến trúc đẹp kiểu mới hầu như kê sát đường phố. Trước cái thềm nhỏ, dọc vỉa hè, sắp hàng một dãy xe sang trọng nhãn hiệu khác nhau.

«Các vị trong ngoại giao đoàn!» viên tướng tự bảo; ông bước nhanh lên các bậc đá cẩm thạch. Lễ missa vừa mới bắt đầu khi ông bước vào nhà

thờ. Ông nhúng ngón tay vào bình nước phép ở phía tay phải, làm dấu rồi đến ngồi vào một bên. Ông chăm chú nhìn ông linh mục, nghe ông ta nói nhưng hầu như không hiểu gì hết. Ông chỉ nhìn thấy những bức rèm đen treo tứ phía như thường lệ vào những dịp như thế này, và, trước ban đồng ca, cái áo quan rộng cũng phủ một tấm màn đen. Các bức rèm và quần áo đen của những người có mặt hút hết ánh sáng nhợt nhạt của những cây sáp và, vì các cửa sổ trở rất cao, các ô kính màu chỉ để lọt qua một ánh sáng yếu ớt, nhà thờ nom càng âm u và lạnh lẽo hơn.

Ông linh mục cầu kinh siêu độ linh hồn các tử sĩ. Vì thiếu ngủ, mặt ông càng thêm xanh xao, cặp mắt ông có vẻ mệt mỏi, bứt rứt. Các nhà ngoại giao chăm chú, lắng nghe, nét mặt cứng nhắc, trang nghiêm, và, lẫn vào mùi nến sáp, một hương thơm nhẹ nhàng phảng phất trong nhà thờ.

Trước mặt viên tướng, một người đàn bà lặng lẽ khóc. Viên tướng nhận ra bà ta, tự nhủ: «Vợ một viên chức của sứ quán ta».

Tiếng nói của ông linh mục vọng tới bốn góc nhà thờ, vang vang trịnh trọng.

«*Requiem aeternam donat eis!*»<sup>15</sup>

Người đàn bà càng nức nở, rút mùi xoa trong ví tay ra.

«*Et lux perpetua luceat eis!*»<sup>16</sup> ông linh mục vừa đọc tiếp vừa ngẩng nhìn lên tượng Chúa Jesus trên cây thập tự. Rồi tiếng ông vang lên càng sâu sắc hơn, trịnh trọng hơn:

«*Requiescant in pace!*»<sup>17</sup> và tiếng ông vang lên ở khắp mọi góc nhà thờ.

«*Amen!*» viên trợ tế đáp.

Trong vài giây, viên tướng tưởng như nghe thấy các cây sáp đang cháy khẽ xèo xèo.

«Cầu cho họ được yên nghỉ!» ông nhắc lại, và một xúc động đột ngột xâm nhập lòng ông.

Rồi trước cử tọa đang quỳ, ông linh mục nâng bánh thánh lên trước, rồi đến cốc rượu tế, và sau đó bắt đầu ăn bánh và uống rượu vang để cầu cho linh hồn họ được cứu rỗi. Viên tướng đột nhiên tưởng như trông thấy tất cả

hàng ngàn, hàng vạn những người lính chết, tay cầm gamelle bằng nhôm, đứng nối đuôi nhau đợi lĩnh bữa súp tối, trước cái nồi lớn nấu đậu, vào giờ ánh chiều tà thoi thóp làm những chiếc gamelle và mũ thép loang loáng những ánh đỏ rực, vĩnh cửu.

«Và cầu cho ánh sáng vĩnh cửu hăng soi sáng họ!» ông vừa lầm nhảm nhắc lại sau khi đã quỳ xuống, vừa cúi nhìn nền nhà lát đá hoa, con mắt u sầu, ngỡ ngác.

Chuông rung lên, mọi người đứng dậy.

«*Ite missa est!*»<sup>18</sup> tiếng ông linh mục vang lên.

«*Deo gratias!*»<sup>19</sup> viên phụ tế nói thêm.

Mọi người đi ra cửa. Từ trong nhà thờ đã nghe thấy tiếng máy ô tô phát động vo vo, và khi viên tướng bước qua cửa chính, xe các nhà ngoại giao đã chuyển bánh chiếc nọ nối tiếp chiếc kia. Ông đi ra đợi xe buýt ở bên xe ngay trước nhà thờ. Lên xe rồi, ông đứng ở cuối xe, gằn tấm kính lớn phía sau.

- Đồng bào mua vé, cô bán vé gọi.

Ông hiểu tiếng «vé» và nhớ ra mình phải mua vé. Ông thọc tay vào túi, rút ra một tờ giấy một trăm lek.

- Ông không có tiền lẻ à?

Ông đoán ra câu hỏi thì đúng hơn là hiểu và lắc đầu.

- Hết ba lek, cô bán vé vừa nói vừa ra hiệu cho ông bằng ngón tay.

Ông không có ba lek lẻ à?

Viên tướng lại lắc đầu ra hiệu không có.

- Ông ta là người nước ngoài, đồng chí ạ, một thanh niên giọng từ tốn nói với cô bán vé.

- Tôi đã ngờ ngờ thế, cô này đáp, và cô đếm tiền để trả lại tiền lẻ.

- Chắc là một người Albania ở bên Mỹ về, một ông già ngồi gần cô bán vé nói xen vào. Có những người đã quên mất cả tiếng mẹ đẻ.

- Không, bố ạ, ông ta là người nước ngoài, cháu chắc thế, anh thanh niên nói từ tốn, nhấn thêm.

- Tôi nói thì anh hãy nên nghe, ông già khăng khăng, tôi chỉ thoáng nhìn là nhận ra họ ngay, đây là một người trong bọn ấy đấy.

Viên tướng đoán người ta đang nói về mình và tưởng người ta lầm mình là người Mỹ.

«Họ muốn cho mình là người nước nào cũng được», ông tự nhủ.

Xe buýt đỗ trước Ngân hàng quốc gia và các hành khách đang lục đục xuống thì ông lại bắt gặp cái nhìn của ông già.

«All right!» ông già vừa nói vừa mỉm cười ra vẻ mãn nguyện, trước khi đi khỏi.

Viên tướng lách tìm lối đi giữa những người dân quē đợi ô tô buýt đi Kamëz và Yzberisht, và ra đại lộ. Đến công ty hàng không, ông không phải đợi. Ông lấy vé xong ngay, bỏ vé vào túi và đi ra.

Ở phố Dibër, người rất đông trên các vỉa hè, nhất là trước các cửa hàng hoa quả đầu năm, các cửa hàng ăn sáng và cửa hàng Bách hóa Nhân dân. Đi qua các cửa hàng này, ông nảy ra ý mua một vật kỷ niệm.

Ông dừng chân nhìn các tủ kính, rồi bước vào. Vô số đồ bày chơi được trưng trên các giá hàng, và ông lần lượt nhìn từng cái một không vội vã. Xưa nay ông vẫn ưa thích những vật nho nhỏ đặc biệt ấy.

«Quân lính của ta trước đây rời Albania thường chọn gì làm vật kỷ niệm nhỉ? Ông tự hỏi. Ra nước ngoài, tất cả bọn họ hầu như bao giờ cũng mua thứ đồ bày chơi giống nhau. Các bức điện của họ cũng giống nhau. Đại khái các thư của họ cũng thế».

Bất thành hình, con quỳ nhỏ lại đánh trống trong đầu ông trước còn thông thả, rồi mỗi lúc một nhanh hơn, gấp hơn, dồn dập hơn. Duy có điều bây giờ nó không ngồi xồm trong đầu ông nữa, mà nó đứng thẳng, trắng, đen, và bóng nhảy trong chiếc áo dài đỏ viền đen, đầu đội một cái mũ không vành. Và đồng thời nó cũng đứng trong tủ kính kia mà đánh trống, toàn bằng sứ bóng loáng, và viên tướng nhìn nó chăm chăm, không sao rút ra được.

Ông giơ ngón tay chỉ vào nó.

- Người miền núi đánh trống kia à? Cô bán hàng hỏi.

Viên tướng tuy không hiểu cũng cứ gật đầu.

Cô gái lấy cái tượng nhỏ trong tủ kính ra, gói lại, và đưa cho ông:

- Thưa ông, hết mười tám lek hai mươi.

Ông trả tiền, rồi quay ra, đi về hướng phố Chiến lũy.

## CHƯƠNG XXIII

BÙNG, bùng, bập bập bùng...

- Hello!

Viên tướng ngạc nhiên quay lại.

- Hello! Ông đáp.

Viên trung tướng đứng kia, trên bờ hè, trước khách sạn. Cánh tay trái áo «ca pốt» của ông vẫn nhét vào túi áo rộng, và bàn tay độc nhất của ông cầm tẩu thuốc.

- Ông mạnh khỏe chứ?

- Không khỏe lắm, còn ông?

- Tôi cũng không được dễ chịu.

Viên trung tướng rít một hơi thuốc, rồi cất tẩu ra khỏi miệng, ông đưa mắt nhìn làn khói ông vừa thổi ra.

- Trước hết, và mặc dầu chuyện xảy ra đã rất lâu rồi, tôi cần phải xin lỗi ông về cái việc năm ngoái; người ta đã trao cho chúng tôi bản khiếu nại của ông. Hẳn ông cũng tin cho rằng tôi chẳng can dự gì vào đấy và thực tình tôi rất phiền lòng về chuyện đã xảy ra.

Viên tướng lơ đãng nhìn ông ta.

- Thế ai là người có lỗi? Ông hỏi.

- Ông đoàn phó của tôi. Chính ông ta là nguyên nhân của tất cả việc rắc rối này. Nhưng ta ra ngồi chỗ nào đi; tôi sẽ kể rành rọt ông nghe tất cả câu chuyện.

- Tôi lấy làm tiếc, nhưng lúc này tôi không có thì giờ. Ta có thể đứng nói chuyện một lát được.

- Thế thì ta để đến tối thì hơn. Nhưng trước hết, ông hãy cho tôi biết công việc của ông ra sao?

- Không tốt, tôi đã nói với ông rồi, viên tướng đáp. Đường sá rất khó khăn.

- Phải, phải, tôi biết.

- Và tệ nhất là một công nhân của chúng tôi chết.  
- Chết à? Vì sao? Các ông gặp tai nạn à?  
- Không. Nhiễm trùng.  
- Vì cái gì?  
- Không rõ ràng lắm. Có lẽ vì một khúc xương hay một mảnh kim khí nào đấy.

Viên trung tướng có một cử chỉ ngạc nhiên.

- Hẳn ông định trả một số tiền bồi thường cho gia đình hẳn chứ?

Viên tướng gật đầu và, sau vài giây im lặng:

- Tôi chưa hề thấy nhiều núi đến thế bao giờ! Ông nói.  
- Ông còn phải trông thấy nhiều nữa!  
- Không, chúng tôi xong rồi; đây là chuyến đi cuối cùng của chúng tôi.

- Các ông xong rồi à? Các ông may mắn nhỉ! Ấy, tôi thì còn phải trông thấy núi nhiều.

- Đâu đâu cũng núi, trên núi thanh niên trai gái sửa sang làm ruộng bậc thang. Ông đã nhìn thấy họ chưa?

- Sao lại chưa? Họ chỉ có việc đào, đào hoài.

- Họ khai hoang đất mới để trồng ngũ cốc.

- Tôi thấy có nơi họ gieo cả hai bên đường xe lửa.

- Họ gieo khắp chỗ. Hình như hiện thời họ không đủ đất trồng trọt.

- Hẳn là họ mừng thấy chúng ta bốc quân lính của ta đi.

- Phải. Đất các nghĩa địa bỏ trống lập tức được gieo trồng ngay. Như thế gọi là tước bỏ cái nhân tố anh hùng của đất đi đấy.

Viên tướng bật cười:

- Thế còn công việc của ông ra sao?

- Rất tồi, ông kia đáp. Đã gần mười tháng nay chúng tôi trèo đèo lội suối khắp Albania, nhưng cho đến bây giờ vẫn không kết quả lắm.

- Vương mắc à? Trước đây ông đã nói cho tôi biết thế.

- Phải, hàng đống, viên trung tướng vừa nói vừa thở dài. Và cơ hồ thế chưa đủ, lại thêm một chuyện rất phiền nữa xảy ra cho chúng tôi.

- Gì thế?

- Một chuyện rất tệ. Ông không thấy là tôi trơ có một mình thôi ư? Nhưng chính tôi đang định hỏi ông: bạn đồng sự của ông đâu, đức cha ấy?

- Ở trên kia, trong phòng ông ấy thì phải.

Ông kia bật cười.

- Tôi đã có một ý nghĩ xấu, ông ta nói. Bởi vì ông thị trưởng nhà tôi chắc chắn là đang có chuyện rắc rối.

- Có chuyện gì xảy ra cho ông ấy thế?

- Ông ta đã bị gọi về cấp tốc, viên trung tướng nói. Thế là vì ông ta mà mấy tuần lễ nay chúng tôi phải đình chỉ công việc tìm kiếm.

- Thế ông không biết vì sao người ta gọi ông ấy về à?

- Tôi ngờ ngợ, nhưng có rất nhiều phần chắc là tôi không lầm. Nếu chuyện tai tiếng này vỡ lở trong báo giới thì kết thúc sẽ chẳng hay ho gì.

- Ông ta không biến thủ tiền quỹ dành cho công việc tìm kiếm đấy chứ?

- Còn nặng hơn thế nữa kia.

- Ông làm cho tôi đâm ra tò mò đấy.

- Ông biết rằng chúng tôi không có những bản danh sách rõ ràng, viên trung tướng nói tiếp. Vì thế cho nên hình như có nhiều gia đình, nhất là các gia đình sĩ quan, đã hứa hẹn những món thưởng lớn cho những người phụ trách tìm kiếm di hài. Tất nhiên không phải hứa với tôi, ông ta vừa nói thêm vừa cười. Đối với tôi, chẳng ai dám bạo gan đề nghị như vậy. Song đối với những người phụ tá của tôi thì chắc chắn là có.

- Có thể lắm, viên tướng nói.

- Xem ra thì thực sự chính là như thế. Song tai hại không phải ở chỗ ấy. Vì nói cho cùng, người ta có quyền thưởng công những người giúp việc mình, cái đó không ai có thể ngăn cản được. Có phải không ông?

- Có thể.

- Tai hại là ở chỗ khác, và có lẽ tai hại đó sẽ không xảy ra nếu như chúng tôi đã gom tất cả các di hài lại một lần, như các ông đã làm, chứ không gửi về từng đợt được, đến đâu gửi về đến đấy.



- Chúng tôi quả đã tập hợp lại cả một đội quân, viên tướng nói.

- Nếu chúng tôi đừng lần lượt gửi về từng nhóm một thì cái trò gian lận không đến nỗi bị phát hiện sớm đến thế, vì có lẽ chẳng ai nghĩ đến chuyện đem hài cốt chắp lại thành bộ xương, kiểm tra xem chiều cao có phù hợp với chiều cao của người lính bị giết làm gì.

- Thế ai đã phát hiện ra?

- Nghe đâu một gia đình đã phát hiện ra đầu tiên sự đánh tráo ấy, và ông thừa biết khi một câu chuyện như thế chớm lộ là mọi sự vỡ lở lung tung, và ai nấy đều nghi nghi hoặc hoặc tất cả.

- Bây giờ thì tôi hiểu. Nói cách khác, những người dưới quyền ông đã lầm lẫn trong việc xác nhận tính danh các di hài.

- Đúng ra thì tôi phải nói là họ đã đem tên những binh sĩ người nhà đặc biệt dặn dò họ tìm hộ mà gán cho hài cốt những người lính vô danh. Tóm lại, nếu câu chuyện này quả có thật thì đây là một vụ lừa đảo lớn. Các di hài đã được đưa về các gia đình không phải gia đình họ.

- Và việc đó đã được tiến hành một cách có ý thức rõ ràng và坦然 nhiên?

- Chắc hẳn là như thế, vì tôi không được tin gì về ông thị trưởng nhà tôi nữa.

- Hẳn có đoán biết được lý do hẳn bị gọi về không?

- Không, hẳn đã nhận được một bức điện báo tin vợ hẳn bị ốm lại. Rồi chính tôi cũng nhận được bức thư của một người bạn thân của tôi ở Bộ. Thật là một chuyện quái quỷ!

- Một chuyện bản thủ, viên tướng nói.

- Người ta lại còn nói rằng nhiều cái sọ thiếu hàng đồng răng vàng mà đáng lẽ nhất định là phải có, viên trung tướng nói thêm.

- Nhưng các ông không lập biên bản cho mỗi ngôi mộ mới khai quật ư?

- Không, ông kia đáp. Đối với răng vàng hay nhẫn có giá trị đôi khi chúng tôi tìm thấy, cũng chẳng có biên bản gì cả.

- Thế thì phiền thật đấy.

- Tôi bắt đầu chán lắm rồi. Tôi bây giờ hoàn toàn một thân một mình. Tôi thấy ngày mai các ông đã đi rồi mà thèm.

Viên tướng châm một điếu thuốc lá.

- Nhất là khi trời sắp tối, tôi thấy giờ khắc dài vô hạn. Thật còn chán hơn cả trèo non lội suối và ngủ dưới lều vải.

- Biết làm thế nào được?

- Vậy mà đã một năm rưỡi trời nay, chúng tôi chỉ có leo hết ngọn núi này sang ngọn núi nọ, qua hết thung lũng này sang thung lũng khác, tưởng đâu như chúng tôi là những nhà địa chất. Thế mà bây giờ, rút cục, chúng tôi buồn chán như thế đó.

- Ông nói đúng đấy, như những nhà địa chất.

- Và ông hãy nghĩ xem, ta tìm quặng gì nào, viên trung tướng nói. Một nguyên tố do cái chết tạo ra.

Viên tướng mỉm cười.

- Ông thứ lỗi cho tôi nghe, viên tướng vừa nói vừa nhìn đồng hồ. Ngày hôm nay tôi còn có nhiều việc phải làm.

- Tôi có cảm tưởng hôm nay là một ngày hết sức nhộn nhịp đối với tất cả mọi người.

- Như mọi hôm trước một ngày hội.

- Nghe đâu là ngày hội lớn nhất của họ đấy.

- Phải. Hội mừng ngày giải phóng của họ, họ gọi như thế đấy.

- Tôi không muốn giữ ông lại. Mong rằng buổi tối ta sẽ lại gặp nhau.

- Tôi sẽ quanh quẩn đây thôi; xong việc một cái là tôi trở về khách sạn ngay.

- Vậy, lát nữa nhé.

- Vâng, lát nữa.

Viên tướng vút đầu mẫu thuốc lá vào một cái bình và định ra thang máy, nhưng đến lúc cuối cùng, ông quay trở lại chỗ người bạn đồng nghiệp.

- Có thể làm gì cho mười một anh chàng kia được không? Ông hỏi.

Viên trung tướng nhún vai.

- Khó đấy, rất khó là đằng khác, ông ta nói.

- Tại sao? Tất các ông có địa chỉ các gia đình mà các ông đã gửi họ tới chứ.

Ông kia chua chát mỉm cười:

- Nói thì rất dễ, ông bạn đồng nghiệp ạ, nhưng ông hãy nghĩ kỹ một chút xem đối với các gia đình đó sẽ là một tấn thảm kịch như thế nào nếu ta yêu cầu họ trả lại những hài cốt kia!

- Đó có phải là một lý do đầy đủ không?

- Còn gay hơn thế nữa kia, trung tướng nói, cái đó còn chưa thấm vào đâu so với những rắc rối khác về mặt pháp lý. Dù sao đi nữa, tối nay ta sẽ nói chuyện đó lâu hơn.

- Đồng ý, viên tướng đáp, và ông bước vào thang máy.

## CHƯƠNG XXIV

TIẾP khách xong thì là năm giờ mười lăm. Viên tướng chờ cho khách khứa ra về hết, và khi chỉ còn lại một mình với ông linh mục, ông uống liền hai cốc rượu cognac, rồi ra khỏi phòng mà không chào ông ta.

«Thế là xong một thủ tục nữa, ông tự nhủ và thấy nhẹ nhõm, khi ra tới phố. Bầu không khí có phần không nồng nhiệt lắm, nhưng dù sao thì cũng đã xong!»

Nhân danh nước ông và hàng nghìn các bà mẹ, ông đã cảm ơn các nhà chức trách Albania về mọi sự thuận tiện đã dành cho đoàn ông trong công việc tìm kiếm. Vị nghị sĩ Albania, người đã đón tiếp phái đoàn khi họ ở máy bay xuống, đã trả lời ông rằng các nhà đương cục Albania chỉ làm một bốn phận nhân đạo đối với một dân tộc khác mà họ mong muốn cùng chung sống hòa bình. Rồi người ta chạm cốc nhau, và qua tiếng lanh canh nhẹ nhàng trong suốt của pha lê, dường như nghe thấy tiếng gầm xa xa của đại bác «Cái tiếng động âm vang ấy, chẳng ai trừ bỏ nó đi được, viên tướng tự nhủ, và tất cả những người có mặt ở đây đều nghe thấy cả, nhưng không một ai muốn thừa nhận».

Lúc này ông đi thủng thỉnh qua đám đông chen chúc nhau trên đường phố và tứ phía vang lên bên tai ông cái tiếng nói nước ngoài kia, lẫn với tiếng ồn ào của thành phố.

Trên quảng trường Skanderburg đang có một cuộc hòa nhạc ngoài trời. Một cái bục cao đã được dựng lên trước Cung văn hóa. Phía trên sân khấu những ngọn đèn nhiều màu, mắc trên các cột cẩm thạch nhân dịp này, không ngừng nhấp nháy.

Ông len qua làn sóng người và đứng kiễng chân lên để nhìn cho rõ hơn. Đằng sau ông, từ bao lơn tòa nhà của ủy ban chấp hành, hai ngọn đèn chiếu rọi ánh sáng vào lưng đám đông và từ xa hơn một chút vẳng lại tiếng động cơ vo vo. Hình như người ta quay phim thì phải.

Viên tướng đầu óc để đâu đâu, nhìn những người nhảy múa đang biểu diễn trên sân khấu.

«Tiếng gầm từ đó mà ra, ông tự nhắc lại, từ dưới các cốc pha lê trong suốt, và không phải chỉ có tiếng đại bác gầm mà còn có cả tiếng súng liên thanh nổ ran, tiếng lưỡi lê xoang xoảng và tiếng gamelle lách cách ở nơi phát «súp», khi gần tối. Trong tiếng chạm cốc kia, có tất cả những cái đó, ai ai cũng biết vậy, ai ai cũng nghe thấy, chắc chắn là như thế, không thể nào khác được».

Ông bị chói mắt một lát dưới ánh sáng lòà trắng của đèn chiếu. Hàng ngàn đầu người lúc này in bóng lên quảng trường thành hàng ngàn vết đen, trông thực kỳ lạ. Ông thấy ớn người và chen ra khỏi đám đông. Đèn chiếu không ngừng xê dịch, quét một dải ánh sáng lóa mắt, khi cao khi thấp, khi đúng vào giữa đầu mọi người, khiến họ quay cả lại làm bóng họ lay động.

Viên tướng thoát ra khỏi đám đông và đi dọc công viên theo đại lộ dẫn về khách sạn.

Ông như lại nhìn thấy các đại diện của hai dân tộc và hai quốc gia ngồi đối diện nhau, giữa hai bên chỉ có vài chai rượu các loại và vài đĩa quả:

«Chỉ có thể chia cách chúng ta thôi ư? Viên tướng đã tự hỏi khi họ chạm cốc lần đầu. Chỉ có mấy cái chai sặc sỡ và những trái quả đẹp tươi kia vừa hái ở những vườn quả, vườn nho ven biển thôi ư? Khi ấy ông đã nhớ lại những vườn nho, vườn quả đỏ chìm trong bóng chiều mờ tối ở hai bên đường, rồi nổi bật lên, trắng nhợt dưới ánh trăng, từ đó vọng ra tiếng sủa xa xa và lẻ loi của một con chó, và xa hơn nữa nhấp nháy một ánh lửa mục đồng.

- Ông có một bức điện, người gác cửa khách sạn vừa nói, vừa đưa cho ông chìa khóa buồng.

- Cảm ơn.

Trên tờ giấy màu vàng có ghi hàng chữ nhỏ «Khẩn». Ông mở ra không suy nghĩ và đọc: «Được tin sứ mệnh cao cả của ông kết thúc. Xin cho biết về đại tá. Gia đình Z.».

Ông cảm thấy máu dồn lên đầu. Mạch máu hai bên thái dương đập như muốn vỡ. Tuy nhiên ông cố gắng tự chủ, thông thả đi vào thang máy.

«Ai bảo mày đi ôm lấy cái chuyện này?» Ông vừa tự bảo vừa soi vào gương. Ông thấy mặt mình xanh xao phờ phạc, với mấy nét nhăn không sao tẩy xóa được trên trán, ba nét nhăn hằn sâu, nét giữa dài hơn hai nét kia một chút, làm anh ta nghĩ đến những nét gạch đánh máy ở cuối một tờ trình nào đó.

Ông tự bảo thầm: «Mày mệt lắm rồi, như người rồi...»

Ông trở về buồng, bật đèn lên; vật đầu tiên khiến ông lưu ý nhìn là bức tượng nhỏ người miền núi bằng sứ đang đánh trống trên chõng thưng và điện tín chất đống trên bàn đêm.

Ông đi nằm và cố ngủ.

Bên ngoài, pháo hoa nổ lẹt đẹt. Ánh sáng muôn màu lọt qua cửa chớp chiếu từng vệt dài lên trần và tường của căn buồng. Ông như lại nhìn thấy mình ngồi trong căn phòng lớn nọ, tại sở chỉ huy, hai mươi năm trước đây, bên những sĩ quan khác, trước cái bàn dài của Ban kiểm tra trưng binh. Họ thường phải mở những cuộn phim chụp X quang của tân binh. Họ soi phim về phía ánh sáng và lướt trên đầu mình những bộ xương sườn mờ tối, sau đó người ta chỉ nghe thấy độc một tiếng, giọng mệt mỏi và chán chường: «Tốt!». Thường thì họ nói «tốt», ngay cả khi có một vài vết mờ giữa các xương sườn. Chỉ khi nào vết mờ quá rõ không thể nào nhận thấy được, họ mới lẩm bẩm: «Miễn quân dịch». Và cứ như thế suốt cả ngày, và lính mới, đầu cạo trọc, cứ mỗi ngày lại được đưa thẳng tới các trại lính, rồi từ đây ra mặt trận, nơi chiến tranh vừa mới bắt đầu.

Ánh sáng lọt qua cửa chớp cắt thành những băng dài không ngừng quay tròn trong đầu ông. Ông nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy gì nữa. Nhưng hễ cứ khép mi mắt là ông lại thấy xuất hiện, càng rõ rệt hơn nữa, căn buồng lớn trống trải ở sở chỉ huy và trước cái bàn dài, những tân binh ngơ ngác, trần truồng, như những cây sáo trắng, trắng hếu.

Viên tướng đứng dậy. Đã đến giờ ăn tối. Ông ra hành lang để tìm ông linh mục. Một chị hầu buồng đi qua bảo ông rằng ông ta đã ra phố. Ông quay vào buồng và gọi điện thoại hỏi người gác cửa xem ông trung tướng có mặt ở khách sạn không.

Ra đến hành lang thì ông gặp ông ta đi về một mình.

- Tôi đang định tới tìm ông, viên trung tướng hỏi. Người gác cửa bảo tôi là ông đang ở trong phòng.

- Xin mời ông vào, viên tướng vừa nói vừa quay trở lại.

- Ông định ra phố à?

- Vâng, nhưng không sao cả.

- Hay là ta xuống dưới phòng khách chăng?

- Tùy ý ông.

Họ thong thả xuống cầu thang đá hoa, không nói gì. Ở dưới, phòng lớn vẫn nhộn nhịp như ban sáng, và hai cái máy điện thoại không ngừng réo chuông.

- Có nhiều đoàn đại biểu mới tới, viên trung tướng nói.

Ở phòng khách, họ tìm mãi mới được một chỗ ngồi trong một góc. Qua cửa sổ ở gần họ, trông ra đại lộ, họ có thể nhìn thấy những người đi dạo và, trên trời, những chùm ánh sáng chói lòa của pháo thăng thiên nổ tung ra rồi, như một làn tuyết dày, sặc sỡ muôn màu, rơi xuống đám đông và cây cối đen ngòm của công viên, và một lát sau tắt ngóm, chìm tất cả vào bóng tối bấy giờ hình như lại càng thăm thẳm.

Một trong hai ông tướng gọi rượu raki, ông kia gọi cognac.

Từ quán rượu ở tầng dưới vọng lên những âm thanh của dàn nhạc, và cầu thang gỗ đi xuống đó luôn luôn có tiếng gõ dưới chân khách khứa lên xuống.

Họ chạm cốc và bắt đầu uống. Rồi họ ngồi đó hồi lâu không nói. Viên tướng lại rót đầy vào các cốc. Ông thấy việc đó dễ hơn là mở đầu câu chuyện.

Bên ngoài, pháo hoa nổ lục đục và ánh pháo thỉnh thoảng lóe tới cửa sổ.

- Họ mừng chiến thắng! Viên tướng nói.

- Vâng, đúng thế.

Họ nhìn bầu trời sáng lóe tựa hồ như có một cái mũ sắt khổng lồ và đỏ rực đang rơi xuống, lấp lánh muôn nghìn ánh lửa, rồi đột ngột mờ đi, nguội dần và tắt ngấm trong lòng đêm tối.

- Sứ mệnh của chúng ta mới đẹp làm sao chứ!

- Thật còn khủng khiếp hơn cả chiến tranh, viên trung tướng nói. Tôi đã tham gia chiến tranh, nhưng cái này còn ghê sợ hơn!

Viên tướng nhìn cái ống tay áo rộng nhét vào túi áo dài.

«Ai nhìn chẳng biết mày đã tham gia chiến tranh!» Ông nghĩ thầm.

Cái đó đích thị là chiến tranh, viên tướng cụt tay nói. Những di hài kia chính là cái cốt tử của chiến tranh, là cái gì cuối cùng còn tồn tại lại, như chất kết tủa của một phản ứng hóa học vậy.

Viên tướng mỉm cười chua chát. Ông rút đầy các cốc, vẫn nghe thấy tiếng nhạc từ quán rượu vọng lên.

- Chắc ông biết những người mò hạt trai đôi khi vỡ phổi khi lặn xuống sâu quá. Đây, ta cũng cảm thấy tim ta vỡ ra như thế dưới gánh nặng của công việc chúng ta làm.

- Đúng thế, thật thâm hiểm đến tan nát ruột gan.

- Chúng ta kiệt sức rồi, viên tướng nói.

Ông kia thở dài.

- Chúng ta đã bị bóng ma vũ khí của họ đánh bại. Nếu chúng ta thực sự phải chiến đấu thì không biết cơ sự sẽ ra sao?

- Nếu chúng ta đã chiến đấu thật? Có lẽ như vậy còn hơn!

- Tôi cũng nghĩ vậy.

- Mặc dù chiến tranh ở vùng núi rất gay go, viên tướng lại nói. Nhất là núi non như thế này. Tôi đã làm một công trình nghiên cứu về vấn đề đó, nhưng tôi đã nửa chừng bỏ dở. Vấp phải những khó khăn lớn. Tôi cho rằng chiến tranh ở đây còn gay go hơn cả chiến tranh của người Mỹ tiến hành ở rừng rậm Việt Nam.

Viên trung tướng gật đầu.

- Nếu chúng ta đã thực sự chiến đấu ư? Viên tướng nói tiếp. Thế thì, hai mươi năm nữa, các bạn đồng sự trẻ của ta sẽ tới tìm di hài ta.

«Còn mày, mày sẽ chẳng thể thoát nổi mà chỉ mất có một cánh tay đâu!» Ông thầm nói một mình.

- Ông nghĩ thế à?



- Vâng, và có lẽ chính họ đang vừa uống rượu ở cái bàn kia vừa nói về chúng ta chẳng?

- Có lẽ thế, ông kia đồng ý. Phải chờ đón chuyện gì cũng có thể xảy ra được. Song cũng rất có thể xảy ra điều trái ngược lại.

- Ông biết không? Viên tướng nói. Một hôm tôi có bảo ông linh mục cùng đi với tôi rằng những câu chuyện giữa tôi và ông ta khiến tôi nhớ tới đối thoại của vài vở kịch ngày nay. Nhưng bây giờ tôi nhận thấy lời lẽ của chúng ta cũng giống thế. Tại sao những câu chúng ta nói lại kém tự nhiên đến thế. Có ý chua cay và lòn người như vậy?

- Vì chúng ta là người, và chúng ta có cân não, viên trung tướng xăng giọng.

Viên tướng nhìn ông ta.

- Có lẽ ông nói đúng.

- Có những người chỉ ưa những món ăn thật cay chua, có phải đại khái cũng như thế không?

Viên tướng bật cười.

Vẫn nghe thấy tiếng nhạc ở tầng dưới vọng lên, và thỉnh thoảng cái lọc cà phê lại khẽ phì hơi, nghe như tiếng xả hơi của một đầu máy xe lửa nhỏ.

- Ông có còn nhớ cái sân vận động tôi đã nói chuyện với ông buổi tối hôm chúng ta mới quen nhau không? Viên trung tướng nói, cái hồi chúng tôi đang đào bới ấy.

- Sân vận động mà người ta không cho phép các ông bắt đầu công việc trước khi kết thúc giải vô địch ấy à?

- Vâng, chính thế.

- Tôi có nhớ, vâng, nhớ lơ mờ thôi. Các ông đã đào ở bên lề thì phải, và ông đã tả cho tôi nghe nước chảy xối trên các bậc bê tông khán đài như thế nào.

- Vâng, đúng thế đấy. Các hố đào rải rác vòng quanh rìa bãi đá bóng và bãi bóng rổ như những vết đen sì, và các bậc khán đài dài dằng dặc lênh láng những nước. Rồi chúng tôi đào vào ngay chính bãi, mới đầu ở chỗ anh

thủ thành đứng, rồi trong khu hậu vệ, rồi tiến sâu vào phía trung tâm, tóm lại trên khắp bãi, chẳng bao lâu lỗ chỗ toàn hố là hố. Song đó không phải là chuyện tôi nghĩ tới.

- Vậy ông nghĩ tới chuyện gì?

- Hình như tôi đã có nói chuyện với ông về cô gái chiều nào cũng đến đợi người yêu trong những giờ tập luyện?

- Quả ông có kể chuyện về cô ta thật, nhưng tôi không nhớ rõ lắm.

- Thế này nhé! Chiều nào cô ta cũng đến đây, và khi trời mưa cô ta kéo cái mũ của áo mưa lên đầu và cứ đứng đó, ở một góc bãi, dưới các cột của khán đài, nhìn theo người yêu đang chơi trên sân bóng.

- À phải, bây giờ tôi nhớ ra rồi, viên tướng nói. Cô ta mặc một cái áo mưa xanh da trời, có phải không?

- Vâng, đúng đấy, viên tướng nói. Cô ta mặc một cái áo mưa đẹp, màu xanh da trời, và mắt cô còn xanh trong hơn nữa, tuy hơi lạnh lùng đôi chút, nhưng có lẽ tôi chưa bao giờ thấy đôi mắt nào đẹp hơn. Vậy là ngày nào cô ta cũng đến đây, còn chúng tôi thì cứ đào liên tục, thành thử cuối cùng các hố đã vây kín sân bóng.

- Thế rồi về sau ra sao? Viên tướng hỏi, giọng hờ hững.

- Chẳng có chuyện gì cả, chẳng có gì đặc biệt. Lúc gần tối, bọn họ thôi tập luyện, và bây giờ một cậu trong bọn quàng tay lên vai cô ta và hai người cứ ôm vai nhau như thế mà đi. Lúc ấy, ông ạ, tôi cảm thấy quanh tôi sao mà trống trải, lòng tôi sao mà buồn bã đến nỗi thế giới như có vẻ hoang vắng và vô nghĩa, cũng như sân vận động tối mò và trống rỗng kia. Mà ấy là tôi đã đến cái tuổi như thế này rồi đấy, ông có tin được không?

«A! Anh chàng si tình!», viên tướng trầm nghĩ.

- Đời thường có những chuyện như thế, ông kia nói tiếp. Đúng vào lúc không ngờ nhất, một ước mơ điên dại, vô lý, nảy mầm trong đầu óc ta như một đóa hoa mọc trên bờ vực thẳm! Tôi thì còn có liên quan gì, vâng, tôi, một anh tướng nước ngoài, và thêm nữa lại tàn phế, tuổi đã về chiều, kẻ đến nước này chỉ để nhạt nhòa di hài của đồng bào mình, vâng, tôi còn có liên quan gì với cái cô gái nước ngoài kia chứ?

- Chẳng có liên quan gì thật, tất nhiên là chẳng có liên quan gì cả. Nhưng còn nghĩ đến cô ta, thì cái đó ông được phép lăm chử. Ai mà chẳng có lúc theo đuổi một mơ ước hão huyền, nhất là khi nói về đàn bà. Đây này, mùa hè năm ngoái, ở bãi biển...

- Có lúc, ông cụt tay ngắt lời, tôi cho cái trạng thái ủ rũ ấy của tôi là tại cô ta choán hết cả tâm tư tôi, nhưng có lúc tôi lại không giải thích được nỗi buồn của mình. Không hẳn bản thân cô gái nọ làm tôi bối rối mà là một cái gì khác, không rõ rệt, trừu tượng, lọt vào lòng tôi một cách gián tiếp. Ông hiểu tôi chứ?

- Có lẽ tôi hiểu. Cô ta có cái gì làm ông bối rối: theo tôi, có lẽ đó chính là sự trẻ trung, là biểu hiện tự thân của sự sống. Đã bao lâu chúng ta trèo non lội suối để đánh hơi, như giống hổ lang, cái chết ở nơi nó ẩn nấp, dùng đủ mọi cách để lôi nó ra khỏi sào huyệt của nó. Và lâu dần ta đi đến chỗ hầu như quên mất tất cả những gì là đẹp đẽ trên trái đất này.

- Có lẽ ông nói đúng. Người ta bao giờ cũng cần bầu vú vào một cái gì như kẻ chết đuối bám vào một tấm ván! Còn tôi, tôi đã níu lấy hình ảnh cô gái kia. Ông cụt tay thoáng một nụ cười tắt ngay trên môi ông.

- Một buổi tối, tôi đã đến dự một đám cưới của họ, và tôi đã đứng dậy để nhảy với họ, - viên tướng nói, nhưng ông kia không để cho ông nói tiếp.

- Thế mà tôi, ông ta lại nói, mặc dầu tóc đã hoa râm, lại cụt một cánh tay, ông có biết một tháng sau, khi chúng tôi trở về thành phố ấy, tôi đã làm gì không? Tôi đã đi một mình đến bãi đá bóng vào buổi chiều, đúng giờ tập luyện thường lệ của các cầu thủ. Nhưng sân vận động đóng cửa, ngày hôm đó người ta không tập. Nhưng tôi cũng cứ xin vào, và người gác đã mở cổng sắt lớn ra cho tôi. Sân vận động âm đạm và vắng vẻ hơn bao giờ hết. Các hố đã được lấp, song vẫn còn nhìn rõ dấu vết, như những vết thương đã thành sẹo trên mặt đất. Tôi đã đi một vòng, và đến gần những cột khán đài, chỗ cô gái ấy thường đứng đợi. Lúc ấy tôi cảm thấy lòng mình tràn ngập một nỗi buồn sâu sắc đến nỗi tôi đã nghĩ rằng tất cả cuộc đời tôi rồi sẽ bị đè bẹp dưới các bậc khán đài dài dằng dặc, ẩm ướt, cong cong kia, các bậc ngồi màu

xám, trống không, cứ quay tròn, quay tròn mãi mãi, vô tận. Ông vẫn nghe tôi đấy chứ?

- Có chứ, viên tướng nói. Tôi đang nghe ông đây.

Họ chạm cốc và uống.

Ở bên ngoài, đã từ lâu pháo hoa không còn làm sáng rực bầu trời nữa, và cái công viên lớn trước mặt bây giờ chỉ trông thấy lờ mờ, sừng sững như một bức tường âm u trong đêm tối.

Hai người ngồi đối diện nhau, không nói, khi người gác cửa đem đến bức điện thứ hai.

- Cái gì thế? Viên trung tướng hỏi.

- Một bức điện, như các bức khác.

Viên tướng rút đầy các cốc.

- Họ chỉ có việc gửi hết bức điện này đến bức điện khác, họ tưởng đâu cứ đánh điện là có thể thu xếp xong chuyện được ấy.

Viên trung tướng chăm chú nhìn ông bằng đôi mắt mệt mỏi và đã toan hỏi, song ông ta lại cho là nên châm một điếu thuốc lá thì hơn.

- Ông có biết một bà già nước này đã bảo gì tôi một buổi tối ở một đám cưới không? Viên tướng hỏi. Rằng tôi đã đến đây để xem các bà cưới vợ cho con như thế nào, rồi một ngày kia trở lại đây giết con các bà ấy.

- Đó là những lời tàn nhẫn.

- Những lời tàn nhẫn? À! Ông cho đó là những lời tàn nhẫn ư? Nhưng ông sẽ nói sao nếu ông biết sau đó đã xảy ra chuyện gì?

- Tôi không được biết, ông kia nói.

- Như thế là hơn.

- Mời ông uống đi, ông bạn đồng nghiệp, viên trung tướng nói. Chúc sức khỏe ông! Xin chúc ông hồi hương được bình an. Tôi thêm được như ông biết bao!

- Xin cảm ơn ông bạn.

Viên tướng cảm thấy bắt đầu say.

Phòng khách lúc này vắng dần và cầu thang của quán rượu bên dưới chỉ họa hoằn mới lại có tiếng bước chân, nhưng người ta vẫn nghe thấy tiếng nhạc.

- Thế đức cha của ông bây giờ ra sao? Viên trung tướng chột hỏi.

- Tôi nào có biết. Hẳn ông ta đang quanh quẩn đâu đây, để trả lời các bức điện nọ.

Ông kia ngạc nhiên nhìn ông và định hỏi tại sao, nhưng lại thay đổi ý kiến và nói:

- Ông có biết một lần tôi đã gặp chuyện gì ở một làng kia không? Đất thì rắn, pha cát và mặn. Đào rất khó nhọc. Khi mở các ngôi mộ, chúng tôi thấy các xác chết vẫn nguyên vẹn. Thật là một cảnh tượng xúc động. Chúng tôi đã phải đặt làm những quan tài lớn như cho người chết thực vậy.

- Lạ đấy nhỉ, viên tướng nói. Tôi thì chưa thấy thế bao giờ.

- Song đã hết chuyện đâu, ông kia nói. Tiếng đồn đi khắp vùng, và vài hôm sau một người dân làng làm một bài hát về chuyện ấy.

- Một bài hát à?

- Vâng, một bài hát. Tôi đã chép cả lời bài hát đó. Tôi để ở trên kia, trong phòng tôi. Đại ý như thế này: đất không nhận xác quân xâm lược, hay nó không chịu nhận, đại khái như thế. Xem chừng người Albania thực sự tin như vậy, vì họ chẳng biết gì mấy về hóa học.

- Nhưng chiến tranh thì họ biết lắm!

- À, cái đó thì đã hẳn. Bồi!

- Có lần chúng tôi còn nghe thấy một bài hát mà mới đầu chúng tôi cứ tưởng là một sự khiêu khích kia, viên tướng nói. Song đó là một bài hát cổ, mà lại là một bài tình ca.

- Thế à? Ông kia nói, giọng hờ hững.

- Lời đại khái như thế này: «Hỡi em Hanko xinh đẹp, đẹp như tranh, em đừng đi chơi giữa những năm mồi, vì em sẽ làm cho người chết sống lại.»

- Lạ nhỉ, lạ nhỉ, viên trung tướng nói.

Họ nói hồi lâu hết chuyện này sang chuyện khác, song chiến tranh và các nghĩa địa luôn luôn trở lại trong câu chuyện. «Mỗi ý nghĩ của ta đều mang một tấm bảng con bằng tôn, giống những tấm bảng kia, viên tướng thầm nghĩ. Một cái biển nhỏ, chữ đã mờ và hoen gỉ, khó khăn mới đọc được. Tấm bảng kêu lạch cạch mỗi khi có gió và hầu như lúc nào cũng có gió. Như

trong thung lũng nọ mà biển và thập ác đều nghiêng cả về phía tây. Và khi chúng ta hỏi tại sao đứng ngả tất cả về một phía, thì dân làng cắt nghĩa rằng đó là tại gió bao giờ cũng thổi về một hướng.»

Phòng khách hầu như đã vắng tanh khi bức điện tiếp theo đến nơi. Viên tướng cầm lấy bức điện trong tay người gác cửa và mở ra, không nhìn nơi gửi.

Ông vo viên nó lại như bức điện trước mà không đọc hết, rồi ném nó vào cái gạt tàn thuốc.

- Tối nay ông nhận được những bức điện rất bí mật, ông bận đồng nghiệp ạ.

Viên tướng không đáp.

Ông kia thở dài.

- Tôi rất sợ những bức điện ban đêm.

Vẫn còn nghe thấy tiếng nhạc từ dưới nhà vọng lên, song người đi qua cầu thang gỗ mỗi lúc một thưa dần.

- Máy giờ rồi? Viên tướng hỏi.

- Sắp nửa đêm.

«Ta không nên uống say đấy, ông tự nhủ. Khuya rồi. Nhưng dù sao ta cũng còn có thể uống thêm một hai cốc nữa.»

Họ lại chạm cốc nhau lần nữa, lí do gì thúc đẩy họ uống, viên tướng không sao phân giải rõ được. Ông thầm nghĩ: «Mà cũng chẳng cần biết tại sao chúng ta lại uống, hẳn nghĩ đến thì mặc hẵn.»

- Tôi đã toan hỏi ông, ông vừa nói vừa ghé vào tai bạn, ông đã bao giờ uống rượu với một ông linh mục nào chưa?

- Một ông linh mục à? Không, tôi không nhớ đã có dịp nào uống rượu với một ông linh mục. Tuy vậy tôi cũng không dám đưa tay vào lửa mà đoán chắc được.

Viên tướng không giữ được, lại nhìn ống tay áo rộng, nhét vào túi áo dài.

«Mày chỉ có mỗi một bàn tay mà mày dùng nó hơi bừa quá đấy.»

- Không, tôi chẳng nhớ có lần nào cả, viên trung tướng nhắc lại.

Viên tướng gật gật đầu một hồi lâu.

- Thế đấy, đời là thế, ông mơ màng nói, một hôm người ta đi dưới mưa, hôm sau người ta uống rượu với một ông linh mục. Có phải thế không?

- Ừ, nhất định rồi.

- Ông có thật cùng ý kiến với tôi không?

- Sao ông lại có thể ngờ được điều đó?

- Xin lỗi ông. Tôi xin lỗi đã hỏi lại.

- Không dám.

- Hừ!

Viên tướng, mắt đăm đăm nhìn cái gạt tàn, chợt có một cử chỉ tỏ ý ngạc nhiên.

## CHƯƠNG XXV

- QUÁ nửa đêm rồi đấy, viên tướng nói, họ muốn đóng cửa phòng khách thì phải.

- Tôi cũng nghĩ thế.

- Hay là lên buồng tôi chẳng? Ta sẽ có thể nói chuyện thêm chút nữa. Tôi thực rất vui mừng được ngồi trò chuyện cùng ông, ông bạn đồng nghiệp quý mến ạ.

- Tôi cũng vậy.

- Ông quên cái chai kia!

- Ờ nhỉ! Xin lỗi.

- Nếu ông không thấy có gì phản đối, tôi nghĩ nó có thể còn có ích cho ta.

- Phải, nhất định rồi.

- Chúng ta đang làm tròn sứ mệnh của ta và chẳng ai có quyền can thiệp vào việc của ta cả.

- Đúng thế!

- Với lại nếu hẳn không uống rượu thì đó không phải là một lý do để tôi không cầm cái chai cognac nện cho hẳn một trận.

- Rất chí lý, ông kia nói. Về vấn đề đó ý kiến tôi dứt khoát.

- Ông làm ơn cầm giúp cái chai này một lát.

- Rất vui lòng, xin lỗi ông.

Họ loạng choạng lên cầu thang khách sạn, mỗi người cầm một chai rượu.

- Ta đừng làm ồn, viên tướng nói. Người Albania hay đi ngủ sớm.

- Đưa chìa khóa đây tôi, tôi có cảm giác tay ông run.

- Tốt nhất là đừng có làm ồn.

- Nhưng mà tôi thì lại cần có tiếng động, viên trung tướng nói. Sự im lặng làm tôi ghê sợ. Cuộc chiến tranh chúng ta đang tiến hành đầy im lìm



như một cuốn phim câm. Giá được nghe đại bác gầm lên thì hơn. Nhưng tôi nói năng như một nhân vật bi kịch, có phải không?

- Suyt! Có người ho.

- Đưa chìa khóa của ông cho tôi. Chiến tranh câm lặng đến lạ! Thật cứ như là một cuộc chiến tranh giữa những người chết vậy.

- Xin mời ông vào. Ông ngồi xuống đi. Tôi rất sung sướng được có ông ở đây.

- Tôi cũng rất sung sướng được ngồi với ông.

Họ ngồi vào bàn, trước mặt nhau, và cảm động nhìn nhau.

Viên tướng rót rượu vào cốc.

- Chúng ta chỉ là hai con chim di cư cùng ngồi uống rượu raki và cognac, viên trung tướng bối rối nói.

Ông kia gật đầu. Hai người hồi lâu không nói.

- Chúng tôi đã vạch nhau về chuyện cái bao, sau cùng viên tướng vừa nói vừa cau mày.

Ông quay lại nhìn chăm chăm người bạn đồng nghiệp, có vẻ như muốn nhớ ra cái gì. Rồi, với một giọng tâm sự, ông thì thầm bảo:

- Tôi đã hất nó xuống vực.

- Nhưng ông vừa bảo tôi ông ta ở trong buồng ông ta kia mà.

- Tôi nói cái bao chứ, viên tướng nói.

- À, à, tôi hiểu. Tất nhiên.

- Hẳn muốn ngăn không cho tôi quẳng cái bao xuống nước, viên tướng lại nói, còn tôi thì tôi nhất định vứt cái mớ xương ấy đi.

- Rất đúng. Rút cục, một cái bao thì có quan trọng gì? Viên trung tướng nói, rồi hút một hơi thuốc lá.

- Phải, nhưng ông hãy đi mà thuyết phục hẳn xem.

- Và vì thế mà ông đã đẩy hẳn xuống vực.

- Không, không phải hẳn, cái bao kia.

- À! Xin lỗi ông.

«Ngày xưa có một cái xe con và một cái xe tải đi dưới trời mưa», viên tướng trầm nghĩ. Rồi ông lại nói to:

- Ngày xưa có một chiếc xe con và một cái xe tải đi dưới trời mưa...  
- Ông bảo gì? ông kia hỏi. Ông phụ trách những vấn đề giao thông à?  
- Không, đây là mở đầu câu chuyện cổ tích thứ hai mà tôi sẽ kể cho cháu gái tôi nghe.

- À! Ông sưu tầm chuyện cổ tích à?  
- Hẳn thế rồi.  
- Tôi đã đồ chừng như vậy. Về phần tôi, các chuyện ngụ ngôn, bao giờ tôi cũng rất chú ý.

- Đó là một vấn đề rất quan trọng.  
- Không giải quyết được!  
- Ông công nhận cho như thế thật là quý hóa.  
- Thôi nói đủ rồi, viên trung tướng đột ngột nói với một giọng gay gắt.

Viên tướng ngạc nhiên nhìn ông ta, nhưng tâm trí ông lại lông bông vớ vẩn đi đâu ấy.

- Trong số những người chết của tôi, có bốn ông linh mục, ông nói.  
- Tôi thì chẳng có mống nào, ông kia nói, vẻ buồn bã.  
- Cậu thì đến gái đi cũng chẳng có.  
- Không, gái đi cũng không nốt.  
- Cậu đừng buồn, cậu còn thì giờ tìm thấy gái đi.  
- Có thể thế lắm, viên trung tướng lẩm bẫm. Dưới đất gì mà chả có.

Buồng tắm đâu nhỉ?

- Kia, sau cửa này.

Viên tướng ngồi một mình hồi lâu ở bàn. Mãi mới thấy ông kia trở lại.

- Có một lần chúng tôi tìm thấy trong một thung lũng cả những xương la lẫn vào hài cốt quân lính chúng tôi.

Viên tướng giật mình.

- Mới đầu tôi đã kháng nghị với chính phủ Albania. Tôi tưởng là một hành động khiêu khích.

- Rồi sau ra sao?

- Nhưng không phải thế. Chính quân lính của chúng tôi đã chôn chúng vội vã; một tiểu đoàn thảo phạt của chúng tôi.

Viên trung tướng lè nè một cách khó khăn và, vì say rượu, mặt ông tái mét.

- Hỡi các viên tướng bất tài! Ta đến để thu nhặt tàn tích những cuộc bại trận của các người! viên tướng nói.

- Đừng nên xúc phạm đến họ. Công việc của họ đã chẳng dễ dàng gì.

- Công việc của chúng ta lại càng không dễ dàng.

- Có thể như thế lắm.

Họ ngồi đó một lát, im lặng.

- Giá mà ông trông thấy con mắt hăn nhìn, viên tướng lại nói.

- Mắt ai kia?

- Gã lái xe Albania.

- Tại sao hăn nhìn ông? Tôi có thể hỏi ông được chẳng?

- Ai? Gã lái xe ấy à?

- Chứ còn ai nữa?

- Tôi chẳng rõ, chỉ biết hăn nhìn chúng tôi với một vẻ kỳ lạ trong lúc chúng tôi vặc nhau.

- Xương la rất khác xương người. Cứ nhìn qua cũng nhận ra được ngay.

- Tất nhiên. Bộ xương người gồm có năm trăm linh bảy cái xương thì phải.

- Không đúng đâu, ông bạn đồng nghiệp ạ, - viên trung tướng nói, ông ta lại có vẻ ủ rũ. Không phải bao giờ cũng đúng thế đâu. Đây này, tôi có ít xương hơn.

- Sao lại thế được?

- VẬY mà như thế đó, ông kia nhấn lại, giọng khàn khàn. Tôi thiếu vài cái xương. Tôi là một phế binh, một người tàn tật.

- Thôi nào, thôi nào, viên tướng an ủi. Đừng tự giày vò mình như thế, ông bạn đồng nghiệp ạ.

- Tôi là một người tàn tật, ông kia lại nói. Tôi thấy ông không tin tôi, nhưng tôi sẽ chứng minh cho ông biết ngay.

Ông ta cố cởi bỏ áo dài bằng một tay, song viên tướng nắm lấy vai ông ta.

- Không cần, ông bạn ạ, không cần! Tôi hoàn toàn tin ông. Tôi xin lỗi ông, vô vàn xin lỗi. Tôi cực kỳ có lỗi. Quả là tôi đã sơ suất không thể nào tha thứ được.

- Tôi cần phải cho ông xem, ông và tất cả những ai không tin. Tôi sẽ cho ông xem ngay lập tức.

- Suyt! Viên tướng nói. Có người gõ cửa thì phải.

Họ im bật. Lại nghe thấy tiếng gõ cửa.

- Không biết có chuyện gì vậy, vào giờ này?

- Tôi thì tôi sợ khi nghe thấy tiếng gõ cửa giữa đêm khuya, viên trung tướng nói. Họ cũng gõ cửa nhà tôi như thế đấy, cái đêm tôi bị điều cấp tốc ra mặt trận. Cọc! Cọc! Cọc! Rồi, khi trở về, tôi đã phải chập vật mới mở được cửa. Đó là lần đầu tiên tôi mở cửa bằng một tay, ông nói thêm với một giọng tâm sự.

Viên tướng loạng choạng đi ra mở cửa.

Đó là người gác cổng.

- Tôi xin lỗi đã làm phiền ông vào giờ này, nhưng ông lại có một bức điện nữa.

- Tốt lắm. Cảm ơn bác nhé.

Viên tướng vừa bóc bức điện vừa trở lại giữa buồng.

- Tối nay tôi thấy ông có vẻ rất bí mật, viên trung tướng nói. Tất cả những bức điện đêm nay không phải là dấu hiệu tốt.

- Vẫn là bọn họ, viên tướng nói. Họ có vẻ rất lo lắng.

«Lúc này các máy điện thoại trắng đang réo chuông, ông nghĩ thầm! Alô! Alô! Họ gọi nhau, rồi đâm bổ ra khỏi nhà như những kẻ điên cuồng để chạy đến nhà nhau.»

Ông lờ mờ cố hình dung ra họ đang quây quần ở nhà viên đại tá, tíu tít báo tin cho bạn hữu ở câu lạc bộ của họ biết, bà cụ xuất hiện ở đầu cầu

thang, hai tay bắt chéo, Betty hoảng hốt, bật dậy khỏi giường, và tất cả bọn họ đang lẩm bẩm: «Thằng khốn nạn, nó chưa tìm thấy, thằng khốn nạn!»

«Tôi không phải là một thằng khốn nạn đâu, Betty!», ông trả lời người thiếu phụ trong ý nghĩ, rồi nói to lên:

- Họ sắp thức trắng một đêm đấy!
- Họ muốn gì? Viên trung tướng hỏi.
- Cái bao, viên tướng nói.
- Tôi khuyên ông nên đem trả lại và chấm dứt chuyện này đi.

Nghiêm!

«Cút!» viên tướng nói thăm trong bụng.

Ông vo viên bức điện ném xuống đất.

- Ông biết không? Ông nói. Tôi e rằng ông linh mục là gián điệp.
- Có thể lắm. Song tôi không dám cho tay vào lửa mà đoán chắc như

vậy được.

Họ yên lặng một hồi lâu. Ngoài các cửa chớp, thấy có ánh sáng mờ mờ, trắng đục.

- Ánh rạng đông đấy, viên tướng nói.
- Không, đó là những cột đèn neon ngoài phố.

Nghे có tiếng mưa rơi nhẹ trên bao lơn từ bên ngoài vọng vào.

- Những bức điện làm tôi sợ, viên trung tướng nói với một vẻ nhớn nhác. Bao giờ chúng cũng chứa đựng một cái gì xấu, bí mật, trong khi những cái khác thì lại bị bỏ qua. Tôi nhớ có lần, ngoài mặt trận, một sĩ quan tham mưu nhận được bức điện của một người bạn thân, anh này đã chết từ lâu rồi.

- Ô, chuyện ông kể đó ghê rợn lắm, ông bạn đồng nghiệp ạ.
- Suyt! Ông cụt tay nói. Ông có nghe thấy không?
- Gì chứ!
- Hãy nghe kìa! Ông nghe thấy gì à?

Viên tướng lắng tai.

- Mưa đấy.
- Không, không phải mưa.

Từ xa xa, rất xa, vẳng lại một tiếng động nhịp nhàng và mơ hồ. Rồi vài tiếng nói đanh gọn, và rồi lại chỉ có tiếng mưa rơi.

- Gì thế nhỉ?

- Ta ra bao lơn đi, viên tướng nói, và ông đứng dậy.

Họ vừa mở cửa, gió lạnh và ẩm ban đêm làm mặt họ tê buốt, và tiếng động đều nhịp, xa xa, nghe càng rõ hơn.

Hai người bây giờ đã ra ngoài bao lơn. Mưa phùn lất phất. Dưới ánh sáng lạnh lẽo của đèn neon, ngay đường phố cũng có vẻ nhợt nhạt, và công viên trước mặt khách sạn hiện ra như một khối đen sì đáng sợ.

- Đẳng kia kìa, viên trung tướng lẩm bẫm, mặt tái nhợt. Ông trông kìa!

Viên tướng ngánh mặt lại, giật mình. Cuối đại lộ, về phía trường đại học, hiện ra những khối vuông lớn đen ngòm đang chuyển động về phía họ.

Tiếng chân bước nặng nề lúc này nghe rõ hơn, và các hiệu lệnh đanh gọn, vang lên lạnh lẽo trong bóng đêm.

Hai viên tướng đứng đó, tựa khuỷu tay lên lan can, mắt nhìn về hướng ấy. Các khối đen tiến gần tới cầu, họ nhận rõ được ánh mũ sắt và lưỡi lê ướt lấp loáng, lạnh lẽo, những đoàn quân dài dằng dặc, những sĩ quan gươm tuốt trần, và những khoảng trống giữa các đại đội và tiểu đoàn.

Đất rung chuyển dưới gót ủng nặng và những tiếng hô ngắn vang lên như tiếng xoang xoảng của lưỡi lê.

Các đội quân không ngừng tiến lại gần, khắp đại lộ lúc này lố nhố quân lính, và ánh những cột đèn neon sắp hàng hai bên đường, phản chiếu tới vô cùng tận lên các mũ sắt bóng loáng.

- Một đạo quân, viên trung tướng nói. Có chuyện gì thế?

- Đó là quân đội của họ. Chắc là diễn tập cuộc duyệt binh ngày mai.

- Cho ngày hội?

- Hẳn thế rồi.

Xa xa có tiếng động cơ nổ nghe không rõ.

- Xe tăng! Viên tướng nói.

Chiến xa xuất hiện ở bên kia cầu, lù lù và đen trùi trùi, nòng súng chĩa vào đêm tối...

Đại lộ lúc này chỉ còn là quân đội, kim khí, bước chân đi đều nhịp, tiếng động cơ gầm rú, hiệu lệnh đanh gọn, và tất cả các thứ đó, như một cơ thể duy nhất, chuyển động về phía quảng trường Skanderburg, lấp loáng dưới mưa bay.

Khi đội hình cuối cùng đã khuất sau các Bộ và đại lộ lại vắng tanh, lặng lẽ và nhợt nhạt, dưới các cột đèn neon như sau một đêm không ngủ, họ trở vào phòng.

- Cả một đạo quân.

- Phải, cả một đạo quân đầy đủ, mà lại còn được trang bị đến tận răng nữa.

- Tôi thấy lạnh.

- Chúng ta ướt hết.

- Uống đi, tướng quân, nếu không ông sẽ cảm lạnh đấy.

Mưa đã làm cho cả hai người trở nên tỉnh táo hơn.

Viên tướng ngẩng đầu lên.

- Ông đã trông thấy họ đi điếu rồi chứ?

- Rồi.

- Họ khiến tôi nhớ lại đạo quân của tôi và tôi tự hỏi quân lính của tôi mặc túi xanh da trời viền đen thì sẽ đi điếu như thế nào?

- Về phần tôi lại còn khó khăn hơn, ông cụt tay nói. Dưới quyền tôi chỉ có một bầu lũ tạp nham và mất trật tự. Không còn biết đảng nào mà lần nữa.

- Trời sắp sáng rồi, viên tướng nói.

Lại một lát im lặng.

- Tôi nghe có tiếng động thì phải.

- Có người đi ngoài hành lang.

Họ lắng tai nghe một lát. Tiếng chân đã im.

- Ông có biết tại sao tôi cãi nhau với ông linh mục không?

- Không.

- Vì một bộ xương. Chúng tôi thiếu mất một bộ xương một thước tám mươi hai.

- Mới to chuyện chứ! Ông kia nói. Và ông đột ngột ngẩng đầu lên, ánh mắt bỗng lóe sáng.

- Một thước tám mươi hai à? Ông có muốn tôi bán cho ông một bộ không, đúng cỡ ấy?

- Không.

- Sao lại không? Tôi có hàng đồng. Tôi nhượng lại cho ông một bộ, với giá bạn bè, chỉ một trăm đô la thôi.

- Không!

- Thì ông chẳng vừa bảo tôi là ông cần một bộ xương một thước tám mươi hai ư? Tôi có hàng đồng vào cỡ ấy.

- Tôi còn có những bộ một thước chín mươi hai, nếu ông muốn lấy. Hai thước cũng có. Và cả đến hai thước mười lăm! Quân lính chúng tôi cao lớn hơn quân lính của ông. Ông có muốn lấy không?

- Không, tôi không muốn lấy.

Viên trung tướng nhún vai.

- Đó là việc của ông. Tôi chỉ muốn giúp ông thôi.

Viên tướng đứng lên và nặng nhọc đi tới chiếc vali.

Ông mở vali dốc ra sàn nhà. Các bản danh sách, bản đồ và giấy má đầy ghi chép rơi xuống, lẫn lộn trong đồng khảm mặt và sơ mi. Ông cầm lấy một tập danh sách và loạng choạng bước ra khỏi phòng.

«Hắn làm sao thế?» Viên trung tướng tự hỏi.

Đi được vài bước trong hành lang vắng vẻ, viên tướng dừng lại trước một cánh cửa.

«Đúng đây là buồng ông linh mục», ông tự bảo.

«Cha ơi! Ông vừa khê gọi, vừa cúi gập người nhòm qua lỗ khóa. Cha ơi, cha có nghe thấy tiếng tôi không? Tôi đây! Tôi đến để chúng ta làm lành với nhau. Thực chẳng nên cãi nhau về ông đại tá làm gì. Tại sao ta lại giận nhau vì một cái bao? Chúng ta có thể thu xếp việc này được, đức cha ạ. Ông đại tá của cha, chúng ta sẽ tái tạo lại. Cha đồng ý chứ? Đó là vì lợi ích của cả



hai chúng ta, cha ạ. Cha muốn có thể nói: «Sao mà em nhẹ thế, Betty!» phải không? Thì đấy, cha cứ việc cho biết! Đó là việc của cha. Cha cần có bộ xương à? Tôi có một bộ. Tôi đã mang theo các bản danh sách đây, cha hiểu không? Đây này! Có hàng đồng quân lính một thước tám mươi hai, cha dậy đi, chúng ta sẽ chọn lấy một. Có một tên thuộc đại đội hai đại liên, một tên khác ở đội chiến xa, rồi một tên khác nữa. Cha dậy đi, chúng ta sẽ xem xét tỉ mỉ các bản danh sách. Chỉ có điều tên đó thiếu hai chiếc răng cửa. Không sao cả, ta sẽ có thể bảo gắn lại răng cho hăn ở hiệu chữa răng. Tôi còn phát hiện ra hai ba tên nữa. Cha nghe tôi đấy chứ? Và tất cả họ đều cao một thước tám mươi hai. Thực đấy, cha ạ, tôi không nói dối cha đâu. Một thước tám mươi hai, một thước tám mươi hai... Mà hình như cả tôi nữa, tôi cũng cao một thước tám mươi hai thì phải.»

Viên tướng còn lăm bắm hồi lâu nữa trước cánh cửa, người gập làm đôi để nhòm qua lỗ khóa. Bất thành linh cánh cửa mở toang, và một bà to béo, vẻ mặt giận dữ, hiện ra trước mặt ông. Bà ta khinh bỉ, văng vào mặt ông:

- Ông không biết xấu hổ à, vào tuổi ông...

Viên tướng trở mặt. Cánh cửa đóng lại đánh sầm một cái vào mũi ông, và ông đứng chững hững đó hồi lâu. Rồi ông cúi xuống khó nhọc nhặt các bản danh sách đã tuột khỏi tay, ông lặng lẽ trở về buồng.

## CHƯƠNG ÁP CHÓT

SÁNG tinh mơ, khi người phục vụ đem đến bức điện cuối cùng, thì hai người vẫn còn đang ngồi uống rượu. Viên tướng bóc bức điện nhưng không sao đọc nổi lấy một chữ. Ông cầm nó trong tay một lúc lâu, mắt mở thao láo, trán nhăn lại, mà chẳng hiểu gì cả. Bức điện đối với ông chẳng khác gì một dải sương mù bị một mảng trời trắng xóa, xa lạ cắt ngang. Ông vò nát bức điện và lão đảo đi ra cửa sổ, mở cửa ném mảnh giấy nát nhà ra ngoài.

Bức điện bay phấp phới rơi xuống trong bóng tối lơ mờ, lạnh lẽo của buổi bình minh.

## CHƯƠNG CHÓT

MƯA pha tuyết rơi trên đất khách. Những bông tuyết nặng ngấm nước tan ngay khi vừa chạm vào nền bê tông trước các tòa nhà của sân bay. Trên mặt đất trụi, tuyết bền được lâu hơn một chút, nhưng cũng không hình thành nổi dù chỉ là một lớp trắng mỏng, vì nước mưa hầu như hủy ngay tuyết khi cả hai vừa chạm đất.

Viên tướng mặc quân phục đại lễ, nhìn các bông tuyết hạ xuống nền xi măng ướt, ngấm no nước trong chốc lát, rồi tan biến đi, trong khi những bông tuyết khác vẫn không ngớt từ trên trời rơi xuống.

- Trời lạnh, vị nghị sĩ Albania tới tiễn họ nói.

- Vâng, lạnh lắm, ông linh mục nói. Chúng tôi tới và ra đi đều vào mùa xấu trời cả.

Viên tướng nhìn chiếc máy bay lớn tới gần. Một tiếng nói phụ nữ ở máy phóng thanh yêu cầu hành khách đến chậm hãy nhanh chân lên, và các nhân viên của sân bay đẩy cái thang lăn tới chỗ máy bay sẽ dừng lại.

Gió vẫn thổi không ngừng.

*TIRANA, 1962-1966*

---

**VIÊN TƯỚNG  
CỦA ĐẠO QUÂN CHẾT**

**IXMAIN KADARÉ**

Nhà xuất bản Văn học in lần thứ  
nhất 10.200 cuốn tại Nhà máy in  
Tiến Bộ. Khô 13 × 19 — Số in : 1513  
Số XB: 2 — Xong ngày 15-3-1972  
Gửi lưu chiểu tháng 3 năm 1972

**Bìa : DƯƠNG BÍCH LIÊN**

---

## 1 Diễn viên điện ảnh Pháp nổi tiếng

## 2 Tiên Albania

3 Công ty du lịch Albania

#### 4 Giáo sư giảng kinh Coran ở Thổ Nhĩ Kỳ.



5 Ý nói không đoán chắc là đúng thế. Sở dĩ dịch thế này để giải thích tại sao tiếp đó, viên tướng lại nhìn vào bàn tay viên tướng cụt.

6 Một loại rượu mạnh ở Albania.

7 Dẹp tất bằng cỏ.

8 Nguyễn binh

10 Tỉnh trường Thổ Nhĩ Kỳ

11 Tên viết tắt công ty địa phương phụ trách các quán ăn; tiệm rượu, cửa hàng bánh v.v..

[12](#) Minders trong Pháp văn: đệm.

13 Chibouk: Tẩu thuốc dài ống của người Thổ Nhĩ Kỳ.



14 Thuốc ngủ.

15 Tiếng Latin: cầu cho họ được yên nghỉ muôn đời.

16 Cầu cho ánh sáng vĩnh cửu hắt soi sáng họ.

17 Câu cho họ được yên nghỉ.

18 Lễ tất.

19 Ôn Chúa.

# Table of Contents

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

CHƯƠNG I

CHƯƠNG X

PHẦN HAI